

BEYOND NEWS

HƠN CẢ? TIN TỨC

TƯƠNG LAI CỦA
BÁO CHÍ

MITCHELL STEPHENS

DƯƠNG HIẾU – KIM PHƯƠNG – HIẾU TRUNG dịch



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

HƠN CẢ TIN TỨC

BEYOND NEWS: THE FUTURE OF JOURNALISM

Copyright © 2014 Columbia University Press.

This Vietnamese edition is a complete translation of the U.S. edition, specially authorized by the original publisher, Columbia University Press.

Bản tiếng Việt © Nhà xuất bản Trẻ, 2015

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN DO THƯ VIỆN KHTH TP.HCM THỰC HIỆN
General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

Stephens, Mitchell, 1949-

Hon cả tin tức : tương lai của báo chí / Mitchell Stephens ; Dương Hiếu ... [và nh.ng. khác] dịch. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015.

382 tr. ; 20 cm.

Nguyên bản : Beyond news : the future of journalism.

1. Nghề làm báo -- Lịch sử -- Thế kỷ 21. 2. Nghề làm báo -- Đổi mới công nghệ. 3. Nghề làm báo trực tuyến. 4. Phóng viên và tương thuật. I Dương Hiếu. II. Ts. III. Ts: Beyond news : the future of journalism.

070.4 -- ddc 23

S834

BEYOND NEWS

HƠN CẢ TIN TỨC

TƯƠNG LAI CỦA
BÁO CHÍ

MITCHELL STEPHENS

DƯƠNG HIẾU – KIM PHƯỢNG – HIẾU TRUNG DỊCH

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Tặng cha tôi, Bernard Stephens
– vì công bằng xã hội, vì ngành báo chí

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU

9

1 “NGUYÊN TẮC, Ý KIẾN, CẢM XÚC VÀ LÒNG YÊU MẾN”

37

2 “NHỮNG BIẾN CỐ XẢY RA HÔM QUÁ TRÊN MỌI LỤC ĐỊA”

82

3 “CỔ MÁY TRUYỀN TIN ĐƠN THUẦN”

119

4 TẠM BIỆT CÔNG THỨC KINH ĐIỂN “AI-CÁI GÌ-KHI NÀO-Ở ĐÂU”

161

**5 “DÙ BẠN CÓ NỖ LỰC THOÁT RA KHỎI TÁC PHẨM
BAO NHIÊU ĐI NỮA”**

211

**6 “VÔ SỐ NHỮNG CÂU CHUYỆN
ỒN ÀO TRÊN ĐỜI”**

248

7 “NHỮNG KHỐI TRÍ TUỆ LẤP LÁNH”

287

CHÚ THÍCH

319

LỜI CẢM ƠN

378

LỜI GIỚI THIỆU

Đánh giá lại về báo chí chất lượng

Ngày nay hầu hết người Mỹ đều nghĩ về nhà báo theo đúng cách mà hầu hết nhà báo nghĩ về chính họ: người tường thuật lại thông tin. Thực vậy, nhiều người làm nghề và bảo trợ cho trường phái báo chí truyền thống tại Hoa Kỳ đều chấp nhận tiêu chuẩn chuyên môn mà Bill Keller đã đề ra vào năm 2009: “Theo tôi, báo chí chất lượng liên quan đến công việc của những phóng viên dạn dày kinh nghiệm đi đến nơi này nơi nọ, chứng kiến, đào xới các hồ sơ, phát triển nguồn tin, kiểm tra, rồi tái kiểm tra.”¹ Khi đó, Keller đang là tổng biên tập của tờ *New York Times*.

Trong quyển sách này, chúng tôi cho rằng quan điểm báo chí đó — vốn có từ thế kỷ 19 — đã bị lỗi thời trong thế kỷ 21. Thế kỷ 21 đòi hỏi phải có một cách hiểu khác về chất lượng trong nghề báo. Và, khi làm như thế, nó cũng đưa ra được một giải pháp khác cho cuộc khủng hoảng của báo chí hiện nay.

Đúng vậy, báo chí đang khủng hoảng: mọi thứ đang xấu đi cho ngành báo chí trong vài thập niên gần đây. Mặc dù dân số vẫn tiếp tục tăng, tổng số lượng báo giấy lưu hành tại Hoa

Kỳ đã giảm hơn 25% từ năm 1990 — theo thống kê từ Trung tâm nghiên cứu Pew. Các bản tin buổi tối phát sóng trên ba đài truyền hình truyền thống của Hoa Kỳ — từng một thời thống trị nguồn tin tức ở quốc gia này — đã mất hơn nửa số khán giả kể từ năm 1980. Đồng thời, hai tạp chí hàng đầu của Mỹ không còn phát hành thường xuyên nữa. Tạp chí lớn thứ ba, *Time*, thì bị sụt giảm báo bán quây đến 27% chỉ riêng trong năm 2012.²

Hệ quả là rất nhiều con người tài năng và chăm chỉ đã bị mất công ăn việc làm. Vào năm 2012, các tòa soạn báo ở Hoa Kỳ thuê lượng phóng viên ít hơn khoảng 30% so với hồi đầu thế kỷ 21 — cũng theo báo cáo từ Trung tâm Pew nói trên.³ Các trang tin tức trên mạng và truyền hình cáp tuy thu hút được sự chú ý của khán giả, nhưng vẫn không tạo ra đủ số việc làm bù đắp lại — ít nhất cũng không đủ công việc với mức lương như bên báo chí. Một hệ quả đặc biệt đáng sợ của sự sụt giảm này là sụt giảm số lượng phóng viên chuyên nghiệp túc trực tại các sự kiện thuộc cơ quan công quyền, cùng những nơi đang có chiến sự.⁴

Giữa bối cảnh u ám đó, giới nhà báo cùng những người còn coi trọng nhà báo chỉ biết tìm đến các hội thảo để than vãn và nguyên rủa vận mệnh đáng buồn của họ. Một số người quá thất vọng thì viết ra những dự đoán bi quan và thốt lên những lời tiên đoán đáng sợ về tương lai của báo chí.

Những người bảo vệ ngành nghề này — giữa cơn sợ hãi, thất vọng — đều tuyên bố theo thói quen rằng bản thân tin tức đang bị khủng hoảng.⁵ Tuy nhiên, về khía cạnh này thì họ đã sai: đa phần tin tức vẫn đang rất ổn.

Tin tức có thể được định nghĩa là thông tin mới về một sự việc, một chủ đề mà công chúng quan tâm và được chia sẻ với

một phần công chúng.⁶ Không khó nhận ra rằng lượng thông tin mới mà công chúng quan tâm được chia sẻ cứ tăng dần — ngay cả khi số lượng công việc cho những con người thực hiện điều đó cứ biến mất đi. Thực vậy, sự xuất hiện gần đây của một trong những dạng công nghệ thông tin mang sức mạnh lớn nhất của loài người — như người ta đã kỳ vọng — là một mối lợi lớn đối với thông tin. Tuổi đời của World Wide Web vẫn còn rất trẻ, nhưng nó đã thu vén được một lượng dữ kiện cực kỳ đa dạng từ số nguồn tin cực kỳ đa dạng, truyền tải chúng dưới số định dạng cực kỳ phong phú, lại còn hết sức nhanh chóng và truyền được rất xa. Cực kỳ nhanh: những sự kiện đáng đưa tin ngày nay — thông cáo, sự cố, thảm họa — tất cả đều xuất hiện đầy trên web trước cả khi chúng kết thúc.⁷ Và cũng cực kỳ xa: các thiết bị di-động-kết-nối-mạng của chúng ta, bất chấp những nỗ lực kiểm soát của một số chính phủ, vẫn nén được các tập văn bản cùng hình ảnh gửi đến gửi đi gần như mọi quốc gia trên thế giới. Chưa bao giờ chúng ta được thấy một công cụ trung gian tin tức kiểu thế này cả.

Điều này không có nghĩa là tin tức đến với chúng ta thông qua laptop, điện thoại thông minh, máy tính bảng — hay sắp tới sẽ là thiết bị đeo trên người — luôn luôn mẫu mực, mang tính xây dựng hoặc đủ độ tin cậy. Xét cho cùng, tin tức trên báo in hoặc truyền hình cũng rất thường xuyên không đạt được những chuẩn mực đó. Sức mạnh gấp bội của web dưới vai trò trung gian truyền thông tin không đồng nghĩa với việc tất cả tin tức đều sẽ được nó phục vụ tốt như nhau. Khi những tay nghiệp dư và thuật toán thu thập / phân phối thông tin ngày càng nhiều, các vấn đề về độ chính xác, độ tin cậy, thiên kiến, chiều sâu, độ chuyên nghiệp ngày càng lộ rõ. Chúng ta cần phải cẩn thận như

với bất kỳ dạng trung gian nào khác, cần trọng với các *điểm mù*. Nên nhớ rằng từng có thời những người xét duyệt báo chí dành rất nhiều thời gian để lọc ra vô vàn sơ suất nghiêm trọng của báo chí và bản tin – với quan điểm đôi khi rất hẹp hòi và không kém gì những “kẻ gác cửa” bảo thủ.

Thoạt nhìn, điểm yếu của web dường như rơi vào hai dạng. Một là không tường thuật được thường xuyên những tin tức cùng phát triển, và hẳn là cùng lỗi thời, với hệ thống sẵn tin theo khu vực của báo chí: đặc biệt là các tin tức địa phương đầy đa dạng. Thứ hai là sự e ngại khi triển khai các nhóm phóng viên nhiều kinh nghiệm — cái mà đến nay vẫn rất hiếm có trên web — và việc dành không gian (vốn có rất nhiều trên web) cho các bài phóng sự điều tra độc đáo.

Tuy nhiên, vô số người tiếp cận được Internet hiện giờ đã kết nối với rất nhiều nguồn cung cấp thông tin. Những cánh cổng đã mở toang. Luồng tin tức từ web cùng những người anh em họ hàng của nó dường như ngày càng mở rộng thêm, phát triển sâu thêm, càng lúc càng tăng tốc. Các doanh nhân, tổ chức phi lợi nhuận đã bắt đầu thử chạm tới một số điểm mù. Nói cách khác, tương lai của *tin tức* trước mắt có vẻ khá an toàn.

Chỉ tương lai của ngành báo chí là u ám.



Rất khó để đưa ra định nghĩa chính xác về báo chí.⁸ Thực vậy, ở khía cạnh nào đó, nó là một ngành chuyên môn — thường được thực hiện vì tiền công – nhưng một định nghĩa quá hẹp như vậy có thể sẽ bỏ qua cả vinh quang và trách nhiệm của những người

không phải chuyên gia, những tay nghiệp dư có mặt trong làng báo.⁹ Rõ ràng đây là ngành liên quan đến tin tức, nhưng nếu chỉ tập trung vào việc tường thuật và phân phối thông tin — như Bill Keller vào 2009, ta lại giới hạn đi những tiềm năng của chuyên ngành này. Đây là định nghĩa của tôi: báo chí là hoạt động thu thập, trình bày, diễn giải hoặc bình luận về tin tức cho một bộ phận công chúng.

Trong khoảng một thế kỷ rưỡi gần đây, các nhà báo đã nhấn mạnh vào việc thu thập, trình bày tin tức. Kể từ giữa thế kỷ 19, họ vẫn kiếm sống được — thực tế còn xây dựng được cả những doanh nghiệp đồ sộ — thông qua việc bán tin tức hoặc bán các quảng cáo cạnh bên tin tức. (Chương 2 của quyển sách sẽ bàn tới việc làm sao họ có được sự kết hợp này, còn chương 3 sẽ nói về lý do tại sao kỷ nguyên đó lại chấm dứt.) Trong tương lai, có vẻ như số lượng nhà báo kiếm được đủ sống bằng phương pháp này sẽ chẳng còn như trước nữa.

Nỗ lực kiếm tiền từ lượng độc giả chỉ-đọc-online ngày càng tăng của mình, nhiều tổ chức thông tin đã bắt đầu xây dựng các *paywall* (bức tường phí: một hệ thống thu phí của báo điện tử, theo đó người đọc chỉ có thể đọc nội dung trang web nếu đăng ký và trả phí – ND).¹⁰ Dù sao đi nữa, cơn lũ thông tin về các sự kiện hiện tại cũng đang ngập tràn khắp Internet và mọi người có thể nhấm nháp hay thậm chí ngụp lặn giữa vô vàn trang tin tức, blog, feeds, ứng dụng – hầu hết đều miễn phí. Dễ hiểu là điều này gây áp lực lên biên độ lợi nhuận, làm lung tung các mô hình kinh doanh — bao gồm cả bức tường phí nói trên — tại nhiều trang web tin tức, blog, feeds hay ứng dụng nói trên. Chẳng thể kiếm sống được gì từ việc săn lùng những thứ được cho đi miễn phí. Nói một cách hình ảnh, điều này giống như làm nghề lái

phà sau khi người ta đã xây được cây cầu, đi bán kem khi nhà ai cũng có tủ lạnh. Cứ hỏi người bán sách bách khoa toàn thư hiện nay thì rõ, nếu bạn kiếm ra một anh chàng như vậy!

Các bản tin trên radio và tivi đã vượt qua được vấn đề này bằng quảng cáo. Tuy nhiên, không như số lượng chương trình trên radio hay truyền hình thời hoàng kim ở vai trò truyền thông quảng cáo, số lượng các trang web đầy ắp thông tin trên Internet giờ đây lớn tới mức khó lòng mà đòi giá cao cho các quảng cáo đăng trên các trang đó.¹¹ Ngay cả các bản tin audio và video online — vốn có thể phát các quảng cáo ngắn ở đầu — dường như cũng đều đang tiến theo hướng “miễn phí” khi mà việc ghi âm, ghi hình, rồi biên tập, tải lên mạng và tiếp cận đều đã trở nên dễ dàng hơn bao giờ hết. Vì thế, thành công của mảng tin tức số (digital news) tự nó đã bào mòn nền kinh tế của báo chí số (digital journalism): do nguồn cung quá nhiều, giá trị của chúng trở nên ít đi đối với khán thính giả và nhà quảng cáo. Khi thông tin nhiều như nước, việc cẩn thận thu thập dữ kiện về các sự việc đang diễn ra — chuyện gì đã xảy ra, ai đã nói cái gì, vào lúc nào — đã mất đi rất nhiều giá trị. (Giờ đây vấn đề mà các tổ chức thông tin truyền thống gặp phải là cố gắng bán đi các mục sự kiện công chúng, ngay cả khi họ đã tường thuật chúng ít nhiều chuyên nghiệp hơn, vấn đề này sẽ được thảo luận trong chương 3.)

Hẳn là AP, Reuters, Bloomberg, cùng vài tổ chức thông tin nữa sẽ trang trải được từ việc cung cấp các bài viết hoặc video về các sự kiện như vậy lên website nhanh chóng với số lượng lớn. Tuy nhiên, ta khó lòng thấy được nhiều tổ chức đặt nền tảng kinh doanh dựa trên việc tường thuật thông tin liên-tục-xoay-vòng như vậy — thuần túy nhờ vào thu thập và phân phối

thông tin lặp đi lặp lại. Sau hơn một thế kỷ rưỡi bán tin tức mới, giờ đây giới phóng viên cần phải bán những thứ khác.



Bằng sự tuyệt vọng của những con người mà sự mưu sinh bị đe dọa, những năm gần đây giới phóng viên buộc lòng phải nghĩ lại cách phân phối “báo chí chất lượng”: báo giấy, tạp chí cần nhắc việc loại bỏ phiên bản in; các chương trình tin tức trên radio thì sản xuất podcast (phát thanh qua internet – ND); các kênh tin tức trên tivi bắt đầu xem mình là nhà cung cấp tường thuật dạng hình ảnh. Ngày nay ta khó lòng tìm được tổ chức làm tin tức nào mà không trang bị cho phóng viên một loạt thiết bị ghi âm, ghi hình không có khả năng tung tin tức lên Facebook, Twitter cùng các thứ ứng dụng mới xinh xắn để đăng tải lên thứ mới nhất và khiến mọi người ham mê đến phát cuồng lên của Apple: iDoohickey. Ngày nay giới phóng viên thậm chí còn phải nghĩ lại cách mà “báo chí chất lượng” đi gây quỹ: có thể thông qua các tổ chức phi lợi nhuận, nếu không phải là các bức tường phí (paywall).

Tuy nhiên, ngày nay chẳng mấy ai chịu nghĩ rằng trong thời buổi đổi thay này, “báo chí chất lượng” nghĩa là gì. Các định nghĩa về chất lượng, cũng giống như công nghệ, rất dễ bị lỗi thời. Hãy thử xem xét — trong một lĩnh vực khác, nhiều thế kỷ trước — tình huống của Ernest Meissonier.

Meissonier mất năm 1891, một thời từng là họa sĩ được kính nể nhất Paris, và do đó, nổi tiếng thế giới.¹² “Ông là bậc thầy bất khả chiến bại của kỷ nguyên chúng ta,” một họa sĩ bậc thầy

khác, Eugène Delacroix,* đã thốt lên như vậy, và tuyên bố với Charles Baudelaire† rằng, “trong số tất cả chúng ta, chắc chắn tên tuổi ông ấy có khả năng trường tồn nhất.”¹³

Meissonier rất xuất sắc về độ chính xác và tỉ mỉ: “Tôi vẽ hết như mọi người khác,” ông từng giải thích. “Chỉ là tôi luôn luôn nhìn kỹ.”¹⁴ Nói cách khác, các tác phẩm của Meissonier dựa trên sự quan sát cực kỳ kỹ lưỡng — vị trí chính xác của sự vật, chẳng hạn như một con ngựa đang chạy: “Bao nhiêu nỗ lực, bao nhiêu phác thảo, những khoảng thời gian quý báu và cả những mệt mỏi mà ông ấy đã trải qua” một họa sĩ cùng thời từng nói, “để lột tả lại một cách chân thật con vật sống động đó!”¹⁵ Các nhà phê bình ca ngợi tác phẩm của Meissonier là “tỉ mỉ đến vô cùng.”¹⁶ Các tác phẩm vô cùng chính xác của ông về những sự kiện vĩ đại đã hoàn toàn thống trị những triển lãm quan trọng nhất thời đó, và luôn được niêm yết với giá cao nhất.

Tác phẩm trứ danh của Meissonier — khiến ông mất tới 12 năm mới hoàn thành — là một bức vẽ miêu tả Napoleon cùng đoàn quân của mình tại Friedland năm 1807. Nó được bán cho một người Mỹ với giá 380.000 franc vào năm 1876.¹⁷ *Friedland* hiện giờ đang được trưng bày ở Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan New York, một bức tranh với những con ngựa được thể hiện rất thực và sinh động.

* Ferdinand Victor Eugène Delacroix (1798-1863) là họa sĩ người Pháp theo trường phái lãng mạn, một trong những gương mặt quan trọng của trường phái lãng mạn Pháp, là tác giả của những bức tranh nổi tiếng *Liberty Leading the People* (1830), *Death of Sardanapalus*, (1827-1828), *The Women of Algiers* (1834).

† Charles Pierre Baudelaire (1821-1867) là một trong những nhà thơ có ảnh hưởng lớn nhất ở Pháp thế kỷ 19, thuộc trường phái tượng trưng chủ nghĩa.

Ernest Meissonier tự xem mình là một phần của “truyền thống... trung thực, tận tâm và chân thật.”¹⁸ Tuy nhiên, đến cuối thế kỷ 19, những nỗ lực hết mình để khắc họa lại mọi chi tiết cho thật đúng bắt đầu có vẻ là một sự lãng phí thời gian. Truyền thống mà Meissonier đại diện bắt đầu trở thành thứ gì đó đáng chán. Một công nghệ mới đã khiến người ta thay đổi mọi nhận định từng có về hội họa.

Đó chính là nhiếp ảnh. Trước hết, nhiếp ảnh cho thấy sự “chân thực” trong các bức vẽ của các họa sĩ như Meissonier là có giới hạn — ngay cả đối với những chi tiết nhỏ như dáng đi của ngựa. Nhiếp ảnh gia người Mỹ Eadweard Muybridge (1830-1904) đã sử dụng nhiều máy ảnh và một hệ thống dây để xoay xở chụp được ảnh những con ngựa đang chuyển động. Muybridge hiểu khá nhiều về các tác phẩm của Meissonier và thừa nhận sự mô tả của họa sĩ về bước đi của ngựa, nhưng các bức ảnh của Muybridge đã cho thấy được những vị trí khác nhau trong quá trình ngựa chạy nước kiệu, đặc biệt là khi phi nước đại, so với tranh Meissonier vẽ được chỉ bằng mắt nhìn — dù quan sát rất kỹ.¹⁹ Đơn giản là vì chân ngựa di chuyển quá nhanh so với tốc độ theo dõi của mắt thường — thậm chí cả với cặp mắt “nhà nghề” như mắt của Meissonier! “Giá mà tôi có thể vẽ lại bức *Friedland*,” Muybridge từng nói thế — ông hiểu rất rõ tác phẩm của Meissonier.²⁰ Các tác phẩm về sau của Meissonier chỉ giới hạn trong việc vẽ những chú ngựa đang đi hoặc đang đứng yên.²¹

Và công nghệ mới này không chỉ đánh bại những họa sĩ tả thực trong chính cuộc chơi của họ, mà còn làm điều đó không cần bất kỳ “nỗ lực”, “phác thảo” hay “mệt mỏi” gì, vì tốc độ chụp ảnh ngày càng không ngừng tăng lên. Thoạt tiên, những

khả năng mới của nhiếp ảnh đã góp phần vào “cuộc đua tìm kiếm hình ảnh chân thực”, đem lại lợi ích cho những họa sĩ tả thực như Meissonier. Nhưng chẳng mấy chốc nghệ thuật nhiếp ảnh làm cho những gì mà Meissonier tập trung và làm giỏi nhất trở nên kém giá trị: nó khiến cho việc tạo ra những tác phẩm chính xác đến cực độ về gần như mọi thứ trở nên quá dễ dàng, với chi phí thấp.

Do đó mà thái độ của mọi người cũng thay đổi theo thời gian. Cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, quan niệm rằng chất lượng của nghệ thuật phụ thuộc vào độ chính xác và tính chân thực bắt đầu phai nhạt. Sau khi qua đời, danh tiếng của Meissonier sụt giảm tới mức một bộ sách hai tập về lịch sử nghệ thuật Pháp thế kỷ 19 thậm chí còn chẳng đề cập tới tên ông. Về sau Bảo tàng Louvre đã phải bỏ ra khỏi sảnh một bức tượng Meissonier tạc bằng cẩm thạch.²²

Liệu công nghệ ngày nay, đặc biệt là các công nghệ trong vòng vài thập niên qua, có gây nên những ảnh hưởng tương tự đến việc thu thập thông tin về các sự kiện đang xảy ra? Thông qua blog, email, tweet, độc giả có thể nhận được thông báo trước nhất về những diễn biến đáng chú ý ngay trong lúc chúng còn đang xảy ra. Thông qua video và camera trực tiếp, họ thường có thể tự mình “quan sát” các sự kiện. Do đó, với công nghệ ngày nay, việc đưa tin truyền thống đã bị đánh bại trong chính cuộc chơi của mình. Khi tạo điều kiện hết sức dễ dàng cho khán thính giả tìm hiểu điều đang diễn ra, liệu chúng có làm giảm giá trị của việc kể lại điều vừa xảy ra? Nói cách khác, liệu chúng có làm cho quan niệm về chất lượng trong báo chí mà nhiều phóng viên truyền thống vẫn còn giữ trở nên lỗi thời: sự đề cao đối với việc chứng kiến, đào xới dữ liệu, tìm các nguồn tin, và xác minh?

Bill Keller, tuyệt vọng một cách đơn độc, than thở về “nguồn cung sục giảm” của phiên bản “báo chí chất lượng”²³ mà ông định nghĩa. Nhưng “nguồn cung sục giảm” đôi khi có thể là một dấu hiệu của nhu cầu sục giảm. Internet cho tất cả chúng ta khả năng đào xới dữ liệu, tìm nguồn tin, xác minh — tóm gọn lại trong một từ là *tìm kiếm* (*search*). Đồng thời, nó cũng thường cho chúng ta khả năng chứng kiến. Liệu nguồn cung về dạng báo chí như thế này, giống như nguồn cung về hội họa tả thực sau khi máy ảnh xuất hiện, *nên sục giảm*? Biết đâu chúng ta chẳng cần phải có nhiều “phóng viên kinh nghiệm” của Keller như ngày xưa, trước khi thế giới xuất hiện trước mắt chúng ta qua internet.

Không nói đến cuộc khủng hoảng lớn mà báo chí đang đối diện, ở đây chúng ta có thể nhận thức rõ một cơ hội cho ngành báo chí. Web cho phép những phóng viên giỏi nhất thoát khỏi thứ công việc tầm thường là kể lại với mọi người điều vừa mới xảy ra. Nó cho phép họ để lại những bài phát biểu và thông cáo báo chí cho hệ thống cấp và YouTube, để lại những cuộc phỏng vấn với cảnh sát và những người sống sót sau thảm họa cho giới phóng viên dịch vụ phát tin đầy chăm chỉ, đẩy việc giám sát những ban bộ, hội đồng cho những cá nhân đầy tinh thần công dân luôn háo hức tweet và post bài lên mạng! Có thể đây sẽ là cú đánh mạnh vào cái từng được coi là một quan niệm thực dân về tường thuật, nhưng những phóng viên giỏi nhất của chúng ta thậm chí có thể nhường trách nhiệm đưa tin cho người Mỹ về những điều đang xảy ra tại Ấn Độ, Ai Cập hay Iraq cho các công dân toàn cầu tại những quốc gia này. Việc một phóng viên Mỹ đầy mệt mỏi phải có mặt tại hiện trường với sổ ghi chép trong tay đã không còn cần thiết nữa. Internet cho phép những phóng

viên giỏi nhất của chúng ta — không, tôi phải dùng từ ‘đòi hỏi’ mới đúng — quay lại một quan niệm cũ hơn, cao hơn về trách nhiệm của họ: không phải chỉ là người tường thuật điều đang xảy ra nữa, mà là những cá nhân có khả năng cung cấp một góc nhìn khôn ngoan về điều đang xảy ra.

Chắc chắn là vào những lúc khó khăn, ở những nơi khó tiếp cận thì việc “tận mắt chứng kiến” của nhà báo có thể làm hé mở và tiết lộ nhiều điều. Chắc chắn là thông tin, sự việc phải được xác minh và suy ngẫm. Chắc chắn là nhiều thứ vẫn có thể được khám phá bằng cách “đào xới dữ liệu, hồ sơ” hay “phát triển các nguồn tin”. Những điều tôi nói ở đây không hề có ý rằng phóng viên nên từ bỏ việc đưa tin, tường thuật về nhân quyền, làm phóng sự điều tra, đưa tin nóng hay đưa tin độc quyền.

Tuy nhiên, nếu chỉ đơn thuần ghi chép ai đã nói gì tại một sự kiện công chúng – chỉ đơn thuần tường thuật theo kiểu “tốc ký”, nói theo cách coi thường nhất từng được dành cho loại báo chí này — nghề báo ngày nay đã có cùng những khuyết điểm như hội họa kiểu Meissonier: đôi khi nó còn kém chân thực hơn là việc chúng ta chỉ nhìn hoặc nghe các bản thu âm thu hình về sự kiện đó, và như thế báo in sẽ thua xa về tính thông tin, gợi mở so với các cuộc trao đổi tự do, phóng khoáng hơn về sự kiện đó trên mạng, do những cá nhân có nhiều thông tin và quan điểm để chia sẻ hơn thực hiện.



Tất nhiên, các tác phẩm của Ernest Meissonier được kết nối với một phong trào không chỉ giới hạn trong hội họa, một phong

trào mà văn hào Honoré de Balzac* tuyên bố trong phần lời nói đầu của một quyển sách của ông vào thập niên 1830: “Tác giả tin tưởng vững chắc rằng từ nay trở đi chính những chi tiết sẽ quyết định giá trị của tác phẩm.”²⁴ Các chi tiết thống trị rất nhiều những ngành sáng tác nghệ thuật vào thế kỷ 19 — các chi tiết thực tế, tự nhiên, thậm chí thô ráp, và thường gây rắc rối về khía cạnh đạo đức hoặc chính trị. Dù tác phẩm của Meissonier không thô ráp hay rắc rối như Balzac, nhưng họ đều là những con người coi trọng chi tiết. Một ví dụ tương tự nữa là vị bác sĩ người Anh John Snow, người vào giữa thế kỷ 19 đã xác định vị trí những cái chết vì bệnh tả và những giếng nước trên một bản đồ để chứng minh rằng bệnh này lan truyền thông qua việc uống nước bị nhiễm bẩn.²⁵ Sự theo đuổi những chi tiết (detail), những sự việc thực tế (fact) có vai trò quan trọng đối với tiến bộ của khoa học và y học thế kỷ 19. Trong thời kỳ đó, số lượng phóng viên tôn sùng chi tiết càng lúc càng tăng. (Chương 2 sẽ bàn đến việc tại sao và thế nào mà các phóng viên Mỹ trở nên tin rằng mục tiêu tối thượng của họ là thu thập sự thật, sự kiện – *collecting facts*.)

Bất chấp những thành tựu to lớn mà Balzac đã gọi là xung lực để “tôn sùng sự thật”,²⁶ văn học, hội họa, và ít nhiều cả khoa học vẫn tiếp tục tiến tới trong thế kỷ kế tiếp. Họ sẽ không còn xem thế giới là tập hợp những chi tiết độc lập, kín đáo cần xác minh và có thể được nắm bắt nhờ quan sát cẩn thận, “tận tâm, và chân thực”. Các tiểu thuyết gia, họa sĩ, ít nhiều cả các nhà khoa học đã bỏ chủ nghĩa hiện thực lại đằng sau trong thế kỷ 20.

* Honoré de Balzac (1799-1850) là nhà văn hiện thực Pháp lớn nhất nửa đầu thế kỷ 19, bậc thầy của tiểu thuyết văn học hiện thực. Ông là tác giả của bộ tiểu thuyết đồ sộ *Tấn trò đời* (*La Comédie humaine*).

Nhưng hầu hết phóng viên tại Mỹ thì không như thế. Ngược lại, họ càng xem trọng chủ nghĩa hiện thực hơn vào thế kỷ 20: những sự thực, chi tiết được biện giải một cách tận tâm, chân thực càng trở nên được người ta mê mải theo đuổi hơn bao giờ hết.²⁷

Từ năm 1859, nhà thơ người Pháp Charles Baudelaire (1821-1867) đã chế giễu quan điểm rằng “nghệ thuật là, và phải là, sự phản ánh chính xác Tự nhiên.”²⁸ Sau này, các nghệ sĩ theo trường phái ấn tượng của thế kỷ đó vẫn hướng nhiều về tự nhiên, nhưng không tìm kiếm nó ở những chỗ mà những người như Meissonier đã làm. “Tự nhiên không nằm ở bề mặt,” Paul Cezanne tuyên bố.^{*} “Nó nằm sâu ở bên dưới.”²⁹ Trong những thập niên đầu của thế kỷ 20, hội họa phản ánh các khía cạnh của tự nhiên, đặc biệt là những gương mặt của con người, dưới nhiều góc độ cùng lúc, hoặc phản ánh những nét không dễ dàng nhận ra là tự nhiên. Năm 1919, Virginia Woolf,[†] khi nhắc đến tiểu thuyết, đã tấn công những người theo chủ nghĩa vật chất (materialist), nói rằng cuộc sống thực đã “trốn chạy” khỏi

* Paul Cézanne (1839- 1906) là một họa sĩ người Pháp thuộc trường phái Hậu ấn tượng; ông được cho là cây cầu nối giữa trường phái ấn tượng thế kỷ 19 tới trường phái lập thể thế kỷ 20. Các tác phẩm của Cézanne thể hiện sự sắc sảo trong thiết kế, màu sắc, pha trộn. Những nét vẽ tìm tòi, nhạy cảm của ông mang tính đặc trưng và rất dễ nhận biết.

† Virginia Woolf (1882-1941) là tiểu thuyết gia và nhà văn tiểu luận người Anh, bà được coi là một trong những nhân vật văn học hiện đại lừng danh nhất thế kỷ 20. Những tác phẩm nổi tiếng nhất của bà bao gồm *Đêm và ngày* (*Night and Day*, 1919), *Căn phòng của Jacob* (*Jacob's Room*, 1922), *Bà Dalloway* (*Mrs. Dalloway*, 1925), *Đến ngọn hải đăng* (*To the Lighthouse*, 1927), *Orlando* (1928), *Một căn phòng riêng* (*A Room of One's Own*, 1929), *Những đợt sóng* (*The Waves*, 1931), *Ba đồng tiền vàng* (*Three Guineas*, 1938).

“cỗ máy tráng lệ cố gắng nắm bắt cuộc sống”³⁰ của họ. Hội họa và văn học chuyển từ những nỗ lực chuyên cần nhằm nắm bắt các chi tiết vật chất sang đưa ra những ấn tượng, những góc nhìn, chuyển từ khách quan sang chủ quan. Ngành vật lý, theo những cách thức quan trọng, cũng chuyển từ một vũ trụ gồm những thứ cố định và khả tri sang góc nhìn tương đối và bất định về thế giới vật chất, với một tốc độ đủ nhanh và kích thước đủ nhỏ....

Ngành báo chí đã bỏ lỡ sự chuyển biến đó. Tại Mỹ vào thế kỷ 20, chỉ một số lượng giới hạn các nhà phê bình báo chí³¹ cùng một lượng nhỏ phóng viên đặt câu hỏi về giá trị và quy mô của “sự chính xác đến tỉ mỉ” mà các phóng viên đang ngày càng hăng say theo đuổi.³² Năm 1922, ngay cả Walter Lippmann (1889-1974), một trong những phóng viên và nhà phê bình báo chí thông tuệ nhất, cũng cho rằng “hiện thực” có thể được dễ dàng định vị, mặc dù, chẳng mấy ngạc nhiên là ông gặp một số khó khăn khi nói chính xác là có thể tìm nó ở đâu – ở “bên ngoài” chúng ta, không phải kiểu chủ quan như “các bức tranh trong đầu chúng ta”, hay (như ông viết sau này) ở “bối cảnh bên trong” thay vì “diện mạo” mà chúng ta đưa ra trước thế giới.³³

Bước vào thế kỷ 21, thời gian đầu các phóng viên đã trở nên khiêm tốn hơn một chút. “Ngành báo chí không theo đuổi sự thật theo nghĩa hoàn toàn tuyệt đối hay triết học,” một hội nhóm tiếng tăm là Ủy ban nhà báo dân thân (Committee of Concerned Journalists), do Dự án vì sự xuất sắc trong nghề báo (Project for Excellence in Journalism) quản lý, tuyên bố. Nhưng trong bản “Các Nguyên tắc báo chí”, nhóm này vẫn dứt khoát cho rằng báo chí “có thể — và buộc phải — theo đuổi” sự thật “dưới khía cạnh

thực tế”. Nó xác nhận, với cách viết đôi chút rắc rối, rằng “*sự thật báo chí* – *journalistic truth* này là một quá trình bắt đầu bằng một kỷ luật nghề nghiệp: thu thập và xác minh thông tin.” Ủy ban này cũng không hề khiêm tốn trong góc nhìn đối với tầm quan trọng của những thông tin được xác minh và thu thập như vậy: “Nền dân chủ phụ thuộc vào việc công dân của họ có được những thông tin chính xác, đáng tin cậy, đặt trong bối cảnh có ý nghĩa.”³⁴

Một số từ ngữ được dùng ở đây — *thực tế, quy trình, bối cảnh* — minh chứng cho nhận thức rằng việc chỉ đơn thuần xếp chi tiết này lên chi tiết khác không phải cách phản ánh thế giới. Nhận thức như vậy là đáng hoan nghênh. Nhưng trong quá trình theo đuổi sự “xuất sắc,” các ủy ban nhà báo như thế vẫn có một số khó khăn khi phải bỏ đi quan niệm của thế kỷ 19 và thế kỷ 20 rằng các phóng viên chủ yếu là những người đi thu thập dữ kiện và sự thật.



Việc tiếp tục bám lấy quan niệm này thật kỳ quặc, bởi báo giấy, phim thời sự, và bản tin, dù dĩ ứng với những thứ *hiện đại* và *hậu hiện đại*, lại xếp hạng khá cao trong số các lực lượng thúc đẩy tính hiện đại và hậu hiện đại trong thế kỷ 20. Chúng tạo điều kiện làm lỗi thời những khái niệm đơn giản hơn về hiện thực, thông qua những chất vấn không ngừng, chủ nghĩa yếm thế, sự pha trộn của thượng vàng và hạ cám, sự không đồng nhất không thể tránh khỏi (khi đưa tin, viết báo... – ND), cùng những nhắc nhở không ngừng của chúng về tầm quan trọng của cách truyền đạt.

“Báo chí chỉ là kẻ đưa tin sao?” nhà phê bình người Áo Karl Kraus (1874-1936) từng hỏi vào năm 1914. “Không, bản thân nó chính là sự kiện.” Sự cay đắng đầy cá tính của Kraus sau khi Thế chiến thứ 1 nổ ra đã vượt qua cả tính hài hước đặc trưng trong phong cách của ông. Ông than phiền rằng báo chí là “vũ khí sát nhân hàng đầu” mà sự tiến bộ sử dụng, vì nó hủy diệt tiền đề cho rằng *một biến cố có thể tồn tại độc lập với cách mà chúng ta bàn luận về nó* — thậm chí tiền đề này phải là *biến cố diễn ra theo cách chúng ta nói về nó*: “Hành động mạnh mẽ hơn lời nói,” Kraus viết, “nhưng tiếng vọng thì còn mạnh hơn hành động. Chúng ta sống giữa tiếng vọng, và trong thế giới hỗn loạn này, tiếng vọng làm trở dậy thôi thúc.”³⁵

Báo chí dành rất nhiều thời gian trong thế kỷ 20 để mô phỏng sức mạnh của “tiếng vọng” (echo), thế nhưng nhiều phóng viên vẫn từ chối tiếp nhận bài học đó. Cứng đầu, không chút nao núng, chỉ tập trung vào các sự kiện, say sưa chạy theo những hành động, say sưa bởi những kẻ thực hiện những hành động đó, họ không nhận ra món nợ mà những sự kiện và hành động đó mắc phải đối với văn hóa, ngôn ngữ, và sự lan truyền. Họ tiếp tục tin rằng các sự thật / dữ kiện mà mình đang “thu thập và xác minh” có sự tồn tại hoàn toàn độc lập với cả quy trình họ thu thập, xác minh, điều tra, sắp xếp, và trình bày chúng trong một “bối cảnh có ý nghĩa.”

Walter Cronkite* luôn khép lại chương trình *CBS Evening News*, nguồn tin tức hàng đầu tại Mỹ vào cuối thập niên 1960 và

* Walter Leland Cronkite, Jr. (1916-2009) là nhà báo truyền hình người Mỹ, nổi tiếng với vai trò bình luận viên tin tức của chương trình *CBS Evening News* suốt 19 năm (1962-1981).

1970, bằng câu nói, “Và sự việc chính là như thế.” Ông không hề nói — và tôi cũng chưa hề được thấy bằng chứng nào là ông có nghĩ — rằng “Và đó chính là một góc nhìn về sự việc”. Cronkite chắc chắn không nói — tôi sẽ ngạc nhiên nếu ông, hoặc hầu hết đồng sự báo chí của ông lúc bấy giờ, nghĩ — rằng “và đó chính là cách mà chương trình của chúng tôi phản ánh sự việc.”³⁶

Vào thế kỷ 19, những phóng viên giỏi nhất xem mình như — và thường được chào đón như — người trong giới văn học và triết học.³⁷ Trong thế kỷ 20, nhiều người trong số họ dường như lại chiến đấu với văn học và triết học. Thực vậy, các nhà báo đôi khi bị xem như những kẻ tầm thường, vì họ ủng hộ cho cái kỷ nguyên và cái tư tưởng mà các nghệ sĩ và triết gia đương đại hết mình chống lại: ngành báo chí Hoa Kỳ, ít nhất trừ những tờ báo nghệ thuật, trở thành tiền đồn cuối cùng của chủ nghĩa hiện thực — của sự khẳng khẳng rằng có sự tồn tại của, nếu bạn tìm được đúng dữ kiện, một “sự thật hiển nhiên”. “Tính khách quan” là tôn giáo của báo chí Mỹ. Những người làm nghề báo đã thay đổi chính họ thành những kẻ điên cuồng bảo vệ chủ nghĩa hiện thực đến mức đôi khi họ chế nhạo, giễu cợt cả các ý tưởng nghệ thuật mới, các tác phẩm thử nghiệm và xem các lý thuyết văn học như “thứ vớ vẩn”.³⁸ Thực vậy, Tom Wolfe* — một trong những phóng viên sáng tạo và dấn thân nhất trước khi chuyển sang lĩnh vực tiểu thuyết — từng là một trong những nhà phê bình gay gắt nhất xu hướng xa rời chủ nghĩa hiện thực trong văn học và nghệ thuật.³⁹

* Thomas Kennerly “Tom” Wolfe, Jr. (sinh năm 1931) là tác giả và nhà báo người Mỹ nổi tiếng với sức ảnh hưởng đối với phong trào báo chí mới (New Journalism) trong đó kỹ thuật viết văn được sử dụng khách quan và vô tư.

Tất nhiên là nhiều lẽ lối, phương pháp của chủ nghĩa hiện thực vẫn hữu ích đối với báo chí: đi tới các nơi là tốt, đào xới và kiểm tra dữ kiện / hồ sơ là tốt, cả sự tỉ mỉ, chuyên cần và tính công bằng cũng rất có giá trị. Chúng ta đừng đánh giá thấp những thành tựu của chủ nghĩa hiện thực tồn tại trong ngành báo chí giữa một thế kỷ được đánh dấu bởi những sự kiện và hành động phi thường. Danh sách những vụ phát hiện và vạch trần do các phóng viên Mỹ vào thế kỷ 20 thực hiện — với việc kiên trì theo đuổi sự thật và dữ kiện theo phong cách xưa cũ từ thế kỷ 19 — rất dài và đầy ấn tượng: Lincoln Steffens viết về tham nhũng tại các đô thị, John Hersey viết về hậu quả khủng khiếp của quả bom hạt nhân thả xuống Hiroshima, Rachel Carson viết về sự nguy hại của thuốc trừ sâu, Seymour Hersh về sự tàn bạo của lính Mỹ tại Việt Nam, Bob Woodward cùng Carl Bernstein vạch ra những sai phạm tại Nhà Trắng thời Nixon. Tom Wolfe cũng có lý riêng khi lập luận rằng, với việc nhiều tiểu thuyết gia chuyển sang những mảng đề tài mang tính *chủ quan* hơn, các nhà báo có được cái gọi là *độc quyền* khi đưa tin về các sự kiện gây tranh cãi và đầy màu sắc trong nửa cuối của thế kỷ 20.⁴⁰ “Bộ máy hoành tráng” nhằm thu thập sự thật và dữ kiện, được ngành báo chí truyền thống Mỹ xây dựng, thường vẫn vận hành một cách rất ấn tượng.

Và “bộ máy” này thường lại có vẻ đủ hiệu quả. Rất khó tranh cãi rằng các nhà báo cần tới một nhân vật như Pablo Picasso hay Virginia Woolf, chứ đừng nói tới Werner Heisenberg, để kể với chúng ta về chiến dịch tranh cử tổng thống gần đây nhất. Nhưng phải chăng cách làm đó sẽ hưởng lợi, khi nỗ lực gỡ rối cuộn chỉ thông tin và sự kiện, từ việc có được một góc nhìn gần gũi hơn với tâm trí lãng đãng của con người, cùng việc hiểu

rõ hơn những giới hạn của cái gọi là *sự chắc chắn*? Như người sáng lập, biên tập của website báo chí *Talking Points Memo*, ông Josh Marshall, đã ghi nhận trong thời kỳ đầu cuộc tranh cử tổng thống Mỹ năm 2012: “Các chiến dịch tranh cử vẫn thường không đi theo các nguyên tắc logic hay, nói một cách hình ảnh, không tuân theo các quy tắc vật lý kiểu Newton.”⁴¹ Ngược dòng thời gian, chẳng phải các nghệ sĩ như Woolf đã viết rất hay về Thế chiến thứ 1, và Picasso đã thể hiện tuyệt vời với bức tranh *Guernica* hay sao? Bởi nếu chỉ đơn thuần là các chi tiết — ngay cả khi “đáng tin”, “chính xác”, và đặt trong “ngữ cảnh có ý nghĩa” — thì sẽ có những hạn chế nghiêm trọng ngay cả ở vai trò hướng dẫn thế giới về những sự kiện hiện tại. Có thể khẳng định rằng báo chí theo phong cách này đôi khi đã để sống mất chính trị, cũng như phần lớn “cuộc sống”.



Trong nhật ký của mình, họa sĩ Delacroix, dù là một trong những người ngưỡng mộ Ernest Meissonier nhất, cũng thổ lộ sự nghi ngờ rằng “còn có điều gì đó trong hội họa bên cạnh tính chính xác”.⁴² Với báo chí cũng vậy, hẳn phải còn có thêm điều gì nữa (ngoài việc tường thuật – ND).

Jill Abramson kế thừa Bill Keller ở vai trò tổng biên tập *New York Times* vào năm 2011. Năm 2010, bà đưa ra lời diễn giải về điều mà “báo chí chất lượng” cung cấp, đó là “thông tin đáng tin cậy về thế giới mà chúng ta sống — thông tin được kiểm chứng, điều tra, sắp xếp, kiểm tra lần nữa, phân tích và trình bày một cách thuyết phục.”⁴³ Lời diễn giải thích này hầu như

tương đương với cách hiểu của Keller về “báo chí chất lượng”, trừ một điểm, và đó là một điểm cực kỳ quan trọng: Abramson đưa vào một từ không được người tiền nhiệm dùng đến: *phân tích* (*analyzed*). Đó là từ đánh dấu sự bắt đầu cho một khái niệm hiện đại hơn về báo chí.⁴⁴

Định nghĩa về báo chí được giới thiệu trong quyển sách này thận trọng thừa nhận rằng báo chí có thể vượt hơn việc chỉ “tường thuật nghiêm ngặt và chính xác”. Định nghĩa đó bao gồm việc *diễn giải* hoặc *bình luận* về tin tức — những gì mà các blogger ngày nay và những tờ báo vào thời Cách mạng Mỹ muốn thực hiện, và cũng là những gì mà những người viết xã luận, những phóng viên chuyên mục và phóng viên tạp chí chuyên ngành nghiêm túc mong muốn được gánh vác. Bởi ngay cả vào thời kỳ đỉnh cao của sự tôn sùng mà báo chí Mỹ dành cho chủ nghĩa hiện thực, ngay cả vào giữa thế kỷ 20, người ta vẫn tìm thấy một số diễn giải và bình luận hạng nhất trên báo chí — ở một số trang nhất định, một số ấn phẩm nhất định. (Chương 4 và 6 sẽ dẫn chiếu những ví dụ này.)

Rõ ràng là Ủy ban Nhà báo dân thân quan tâm, Bill Keller, và hầu hết những nhà báo truyền thống, đều ý thức rằng có những triết lý làm báo khác ngoài việc “thu thập và xác minh dữ kiện”. Tôi không tin họ có ý định loại trừ hoàn toàn việc lý giải và bình luận ra khỏi địa hạt của báo chí chất lượng. Tờ *New York Times* của Keller xét cho cùng cũng đã dành hẳn hai trang mỗi ngày chỉ để đăng các quan điểm, ý kiến. (Cả trước và sau khi Keller trở thành tổng biên tập của tờ báo, ông đều có bài trong những trang đó.) Và sự nổi trội của phần “phân tích tin tức” trên các trang khác của báo càng tăng thêm dưới sự trông nom của Keller. Sau khi Abramson thế chỗ Keller, dường như

bà còn tiến xa hơn theo hướng này: *New York Times* nay không tập trung quá nhiều nỗ lực trong việc cập nhật cho độc giả tất cả mọi chi tiết quan trọng về những sự kiện quan trọng nhất của ngày hôm qua nữa...*

Thực ra, việc diễn giải và bình luận đang phát triển khắp trong giới báo chí ngày nay. (Chương 4 sẽ trình bày về sự hồi sinh gần đây của những nội dung này.) Đúng là các bình luận thường có thể chất chứa và dễ đoán — trong các buổi nói chuyện trên radio, trên truyền hình cáp hay nhiều website. (Chương 6 bao gồm một bài bình luận, dựa trên các tiêu chuẩn được nói đến trong chương 1, về sự đa dạng của báo chí nghị luận thường xuất hiện trên các kênh như Fox News Channel và MSNBC.) Nhưng một phần trong số các diễn giải và bình luận này rất độc đáo và mang tính gợi mở — đặc biệt là tại các tạp chí chất lượng, trên các blog và website đầy trí tuệ, đôi khi trên tờ *New York Times* nữa. Những ồn ào, náo nhiệt chất chứa thu hút sự chú ý từ những nhà bình luận báo chí, nhưng chính các thể thức báo chí phân tích độc đáo, mới mẻ đang dẫn lối đến tương lai.

Quyển sách này không kêu gọi sáng tạo ra thứ gì mới cả. Nó chỉ kêu gọi chúng ta khao khát, với nhiều ý thức và thấu hiểu hơn, về một nền báo chí *thường xuyên* làm nhiều hơn là việc chỉ đơn thuần kể lại xem ai nói hay làm gì vào ngày hôm qua. Nó

* Do *New York Times* là cơ quan thông tấn truyền thống và có ảnh hưởng lớn nhất của Mỹ, mọi bình luận liên quan đến tư duy báo chí hiện nay đều cần phải tham chiếu đến cơ quan này. Tôi sẽ bình luận nhiều về những nỗ lực của *New York Times*, cả trên ấn bản giấy lẫn ấn bản điện tử. Rõ ràng tờ báo đã thay đổi theo thời gian. Quan điểm của tôi là, bất kể nhiều điểm mạnh mà nó đang sở hữu, *New York Times* vẫn cần đổi mới nhiều hơn nữa.

kêu gọi xây dựng một nền báo chí rộng lớn hơn, tham vọng hơn. Và nó cũng tranh luận rằng một nền báo chí như thế sẽ không hình thành trọn vẹn mà không có sự thay đổi trong tư duy.⁴⁵



Báo chí đã trải qua những thay đổi lớn lao vào những thời điểm khác nhau. (Chương 2 tập trung vào sự thay đổi của báo chí vào thế kỷ 19.) Khó mà bỏ qua tầm quan trọng của những phát minh khuấy động những thời kỳ thay đổi đó, cũng như những cải tiến mang tính phương pháp luận, đặc biệt là tốc độ in ấn cao hơn do những máy móc mới mang lại. Những biến động mà tiến bộ công nghệ tạo ra với ngành kinh doanh báo chí cũng đã được nhận diện và nắm bắt không chút chần chừ: các doanh nghiệp cũ bắt đầu chao đảo và sụp đổ; các doanh nghiệp mới được dẫn dắt bởi những người cải cách triệt để nhanh chóng nổi lên và thu hút sự chú ý về phía mình. Tuy nhiên, việc nhận ra rằng *những thiếu hiểu, tư duy* về ngành báo chí cũng cần phải thay đổi lại lan truyền chậm hơn — đặc biệt đối với những người đạt được thành công bằng những hiểu biết cũ, những người *chính thống*. Cần có những lối tư duy mới để vận dụng tốt nhất các công nghệ mới và cứu sống một số doanh nghiệp báo chí lâu đời. Nhưng rõ ràng tư duy đi chậm hơn nhiều!

Hãy xem một ví dụ khác về tư duy của một nhà báo chính thống của thế kỷ 21: Martin Baron, người đã chiếm vị trí tổng biên tập của tờ *Washington Post* vào tháng 1 năm 2013. Vài tháng trước đó, ông Baron đã trình bày một bài diễn văn đầy cảm hứng với các biên tập viên, trong đó ủng hộ sự cởi mở với

“cải cách” và mọi dạng thay đổi khác — mọi cải cách và thay đổi, *ngoại trừ* những thứ liên quan đến “mục đích truyền thống và... những giá trị cốt lõi” của tờ báo.⁴⁶

Nhưng “mục đích truyền thống” kia là gì? Câu trả lời của Baron, một tóm tắt điển hình về dạng chính thống trong báo chí (journalistic orthodox), bắt đầu như sau: “Những câu chuyện được tường thuật một cách hấp dẫn. Những câu chuyện được kể lại một cách hấp dẫn. Những câu chuyện đem lại một góc nhìn về cộng đồng chúng ta phục vụ.” Ông nhắc tới từ “thấu hiểu”, nhưng chỉ là dạng có được, theo ngụ ý báo chí quen thuộc, “từ việc nhìn bên dưới bề mặt” — từ việc đào xới thông tin, hay nói cách khác là tường thuật (reporting). “Diễn giải” (interpretation) hay “phân tích” (analysis) không hề xuất hiện trong số 127 từ mà Baron đã dùng để miêu tả điều mà ông tin là nên được duy trì cho nền báo chí.

Baron nhấn mạnh trong bài nói này về tầm quan trọng của “làm tất cả những công việc này — tất cả những công việc báo chí này – một cách thành thật, cao thượng, chính xác, và công tâm.” Trong số những “giá trị cốt lõi” này, ông không hề nhắc đến tầm quan trọng của việc làm báo một cách có *hiểu biết*, *thông minh*, hay *thấu hiểu sâu sắc*. Thực vậy, bài diễn văn hơn 3.000 từ của Baron không hề có ý nào nói rằng các nhà báo ngày nay cần phải đưa ra những cách hiểu sự việc (understandings), chứ không chỉ dữ kiện hay sự việc thực tế (facts).

Marty Baron, giống như những nhà báo khác tôi đã trích lời cho tới giờ, là một con người thông minh, thành công, luôn quan tâm đến công chúng. Bản thân Baron và những nhà báo kia đều ý thức được giá trị của báo chí phân tích. Năm 2005, khi Baron

còn là biên tập viên của tờ *Boston Globe*, một loạt bài của tờ báo này về tính khoa học và tính đạo đức của việc nghiên cứu tế bào gốc đã đoạt giải Pulitzer về “báo chí diễn giải” (explanatory journalism). Nhưng khi Baron, vào lúc rời khỏi *Globe*, được hỏi về những gì khiến ông tự hào tại đây, thì theo lời của một phóng viên tờ *Globe*, ông chỉ nhắc đến “những tường thuật mang tính điều tra, các bài viết về nghệ thuật, những bài tường thuật chiến tranh tại Iraq và Afghanistan, cũng như việc *Boston Globe* mạnh dạn mở rộng sang các phiên bản điện tử và truyền thông đa phương tiện.”⁴⁷ Rõ ràng là thêm một lần nữa, Baron đã phớt lờ, không nhắc tới việc diễn giải hay phân tích. Các nhà báo chính thống đều phớt lờ các yếu tố đó.

Thực vậy, số lượng nhà báo ngày nay tiếp tục phớt lờ tầm quan trọng của việc diễn giải chính là bằng chứng cho việc tái tư duy về báo chí — sự chuyển đổi của tư tưởng báo chí truyền thống — vẫn chỉ mới bắt đầu. Do đó cũng không có gì ngạc nhiên rằng việc tái tạo nền báo chí cũng còn một chặng đường rất dài.

Cuốn sách này đưa ra quan điểm rằng chất lượng báo chí của thế kỷ 21 không chủ yếu nằm ở việc “các nhà báo kinh nghiệm đi đến các nơi,... phát triển các nguồn tin, xác minh và tái xác minh dữ kiện,” như Keller đã miêu tả — mặc dù các hoạt động ấy tất nhiên là cũng hữu ích. Thay vào đó, chất lượng của hoạt động báo chí thực sự nằm trong điều mà tôi gọi là “báo chí trí tuệ” (wisdom journalism) — hoạt động báo chí làm tăng cường hiểu biết của chúng ta về thế giới.

Báo chí trí tuệ là một thứ hỗn hợp. Bước đầu nó bao gồm các thể loại hiếm gặp hơn của tường thuật — tin độc quyền, tin nóng, phóng sự điều tra. Dù các thể loại tường thuật độc

đáo này hiện nay vẫn chưa có nhiều, nhưng giá trị của chúng là không có gì phải bàn cãi. Đa số những điều mà Marty Baron tự hào về tờ *Boston Globe* là minh chứng cho thể loại này. Nhưng báo chí trí tuệ cũng bao gồm và thậm chí nhấn mạnh vào việc đưa tin, diễn giải, giải thích, thậm chí đưa ra quan điểm về các sự kiện đang xảy ra.⁴⁸

Các nội dung báo chí dạng bài viết, audio, video hay web như thế là cần thiết và nên có nhiều hơn nữa. Những thể loại này cần được tiếp tục mở rộng vượt khỏi giới hạn của một số tạp chí nghiêm túc, vài blog sâu sắc, hai trang chuyên mục quan điểm hay mục “phân tích tin tức” trên những tờ báo như *New York Times* đã nói ở trên. Nó phải trở thành xu thế chủ đạo của báo chí. (Chương 4 trình bày chi tiết về việc các phân tích như vậy đã hoặc không xuất hiện trên mặt báo khi đưa tin về một số sự kiện chính trong những năm qua.) Chúng ta cần phải phát triển những tiêu chuẩn để giúp phân biệt cách làm báo chí trí tuệ như vậy khỏi những bài viết mang tính đốp chất, cãi cọ và dễ đoán. (Chương 1 sẽ bàn về công việc này.) Và chúng ta cần phải làm việc đó giỏi hơn nữa.

Điều đó sẽ không chỉ đòi hỏi thay đổi trong cách tư duy, mà cả những thay đổi xa hơn, đáng kể hơn trong cách làm báo hiện nay: nếu việc cung cấp sự thấu hiểu sâu sắc (insight) thay vì chỉ thu thập sự thật / dữ kiện (fact) trở thành nhiệm vụ chính của ngành báo chí — chứ không chỉ một nhiệm vụ phụ trợ — thì các phương thức truyền thống như thuê mướn và quảng bá sẽ không còn hiệu quả nữa. Cơ cấu giao việc cho phóng viên sẽ phải thay đổi (Chương 7 phác họa những thay đổi này.) Tính không thiên vị và không bị cảm xúc lấn át có thể không còn là những giá trị

chủ chốt của phóng viên nữ. (Chương 5 bàn về một số hạn chế của tính khách quan trong làm báo.) Trang nhất của các tờ báo sẽ có thêm nhiều chỗ cho những quan điểm và góc nhìn riêng biệt, độc đáo, dù thuộc bất kỳ nguồn nào. Và chúng ta sẽ cần phải dành nhiều suy nghĩ cho các tiêu chuẩn tranh luận trong báo chí, như chúng ta đã đầu tư cho cách tường thuật về một sự kiện trước đây.

Điều này nghe có vẻ giống như một cách tiếp cận mới cho ngành báo chí. Thực ra, ở khía cạnh nào đó nó là một phong cách cũ, từng xuất hiện từ thời trước khi nền báo chí Mỹ tôn sùng chủ nghĩa hiện thực. Chương đầu tiên của cuốn sách này sẽ đưa các bạn trở về với báo chí xa xưa, thời của Ben Franklin và Thomas Jefferson, rồi sử dụng một số câu chữ từ thời đó để giới thiệu một số tiêu chuẩn nhằm phân biệt báo chí trí tuệ thành công và không thành công.

1

“NGUYÊN TẮC, Ý KIẾN, CẢM XÚC VÀ LÒNG YÊU MẾN”

Loại báo chí đã tạo ra nước Mỹ

Có lẽ do quá tập trung vào những thứ như “ở đây” và “ngay lúc này”, các nhà báo thường ít tận dụng được những bài học từ tiền bối của mình, như các tổng thống hay họa sĩ vẫn thường làm. Thế nhưng, nếu cơn khủng hoảng hiện giờ làm họ nghĩ đến việc tra cứu lịch sử, có lẽ các nhà báo của chúng ta sẽ phát hiện ra rằng “phóng viên có kinh nghiệm đi đến các địa điểm” không phải lúc nào cũng được coi là trọng tâm của báo chí Mỹ.

Bill Keller khẳng định rằng loại “báo chí chất lượng” này sẽ cung cấp “thông tin bạn cần để là một công dân có trách nhiệm.”¹ Những người lập nên nước Mỹ dĩ nhiên đồng ý là mọi công dân đều yêu cầu tự do báo chí. Thomas Jefferson viết trong một bức thư vào năm 1787, và dù thường được trích dẫn nhiều lần nhưng đến nay câu này vẫn còn hết sức nổi tiếng, “Nếu buộc phải chọn giữa việc có chính phủ mà không có báo chí với việc có báo chí mà không có chính phủ, thì tôi sẽ không chút ngần ngại chọn cách sau.”²

Trong bức thư đó Jefferson đã nói về tầm quan trọng của việc trao cho người dân “thông tin đầy đủ về các vấn đề của chính họ thông qua kênh báo chí công (public papers).” Nhưng thật khó để Jefferson cũng như Keller hình dung được làm thế nào mà việc cung cấp những thông tin như vậy lại liên quan đến các phóng viên “chứng kiến, đào xới các hồ sơ, phát triển nguồn tin, kiểm tra, rồi tái kiểm tra”.³ Vì ở nước Mỹ của Jefferson, James Madison cũng như của Benjamin Franklin, hết thảy đều chưa có bất kỳ phóng viên nào.⁴



Nếu lật lại quá khứ đủ lâu, có thể truy nguyên nguồn gốc của mọi tờ báo ngày nay đều từ châu Âu. Và tờ báo in đầu tiên ở châu Âu, đầu như vào những thập niên đầu của thế kỷ 17, hầu như chỉ là tập hợp các mục tin tức ngắn, mỗi tin chỉ dài vắn vẹn một đoạn văn.⁵ Tờ báo lâu đời nhất còn sót lại viết bằng tiếng Anh và được phát hành ở London được in (ở một nơi tự do hơn và phát triển sớm hơn là Amsterdam) vào ngày 2 tháng 12 năm 1620. Bài báo đầu tiên viết về Bethlen Gábor, người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống sự cai trị của vương triều Habsburg ở Hungary — trận khởi đầu của cuộc Chiến tranh 30 năm (cuộc chiến tranh vào giai đoạn 1618-1648 giữa những người Tin lành và Công giáo châu Âu, cũng là sự tranh giành giữa vương triều Habsburg với các cường quốc khác ở châu Âu – ND). Văn phong của bài báo này tiêu biểu cho thể loại báo chí thời đó:

Tin từ Weenen, ngày 6 tháng 11

Đại sứ Pháp đã cho chôn cất tử tế Bá tước Dampier tại Pressburg. Cùng thời gian này, Bethlen Gabor tập hợp toàn bộ đại diện các công quốc trên toàn cõi Hungary về Presburg vào ngày 5, để bàn về việc lên ngôi và những sự nghiệp khác của Vương quốc.⁶

Theo phân tích ngôn ngữ của Carlota Smith* về “hình thức diễn ngôn”, bài báo này, cũng như hầu hết các bài báo thuở ban đầu, đặt yêu cầu là một “bài tường thuật”. Nó không (chúng tôi xin phép được giản lược những phân tích đa chiều của bà) tiến triển theo trình tự thời gian như kiểu “văn tự sự”. Thời gian cũng không “tĩnh” như trong thể loại văn “miêu tả”. Bài báo cũng không nói về những vấn đề chung chung hiện tại, kiểu như trong mục “tin tức.” Thay vào đó, nó nêu cụ thể “những tình huống gắn kết với thời gian tường thuật”, cụ thể là “hiện nay”, “ngày 6 tháng 11”. Và quan trọng hơn cả với mục tiêu của chúng tôi, bài báo này không đưa ra một “tuyên bố” (claim) hay “bình luận” (comment) như một lập luận (argument) thường đưa ra. Nó cũng không đưa ra một “đề xuất” (proposition) nào, như một lập luận sẽ cần phải đưa ra.⁷

Tôi không muốn dựa dẫm quá nhiều vào các cách phân loại này nọ dù chúng tỏ ra khá thú vị trên các trang sách tiếp theo. Mặc cho các nhà ngôn ngữ học nỗ lực hết mình để phân loại chính xác, thì những thứ như *tường thuật*, *tự sự*, *miêu tả*, *thông tin* và thậm chí là *lập luận* hết thấy đều có thể pha trộn lẫn vào nhau. Ngôn ngữ của con người chống lại việc phân loại. Khi Bill Keller hoặc Jill Abramson nói về nghề báo, hiển nhiên họ không

* Giáo sư ngôn ngữ học Đại học Texas ở Austin, Hoa Kỳ.

muốn loại trừ thể loại tự sự, miêu tả hay thông tin. Trái lại, họ nói về các dạng diễn ngôn mà hầu hết đều dễ dàng được xếp vào hình thức “tường thuật” (report). Vì vậy, thật ý nghĩa khi thấy một bài tường thuật ở trang đầu tờ báo đầu tiên viết bằng tiếng Anh.

Nhưng cũng phải lưu ý là bài báo tường thuật đầu tiên này không phải là sản phẩm của những hành vi mà Keller hay Abramson xem là *tường thuật – reporting*. Do những tờ báo dạng này quá chậm chạp không đăng kịp tin tức xảy ra ở địa phương và cũng quá cẩn trọng sợ đưa tin trong nước sẽ có nguy cơ làm phiền giới có chức quyền nên chúng hầu như chỉ bình luận về các sự kiện xảy ra ở các nước khác. (Các sự kiện chính ở London có lẽ đã được bàn luận trong các bức thư từ London gửi đi và vì vậy có lẽ đã xuất hiện trên các tờ báo khác trên khắp châu Âu, tờ này sao chép lại của tờ kia, nhưng thường thì chúng không xuất hiện trên các tờ báo ở London!)

Các bản tin ngắn về những sự kiện ở xa lấp đầy các chuyên mục của các tờ báo in đầu tiên này hầu như chỉ có được từ những lá thư từ bên ngoài gửi về, hoặc thông qua các tờ báo khác. Thật vậy, ngay chính trên đầu trang nhất của tờ báo viết bằng tiếng Anh đầu tiên đó — lúc đó tạm thời còn chưa có lấy cái tên — là một lời xin lỗi: “*Vẫn chưa có tin tức mới từ nước Ý*”. Không có bằng chứng nào cho thấy những người làm ra những tờ báo đó đã nỗ lực đáng kể để tìm ra “tin tức” của riêng mình. Họ chỉ chờ đợi “tin đến”. Cái tin về lễ mai táng và cuộc hội đàm ở Pressburg đó (nay là Bratislava), xuất hiện ngay sau lời xin lỗi, chắc chắn là lấy từ một lá thư hoặc một bài báo xuất xứ từ Vienna, và có lẽ đã phải gửi chuyển qua nhiều lá thư hoặc nhiều bài báo trên đường đến được đây.

Nước Mỹ có tờ báo xuất bản định kỳ lần đầu tiên, tờ *Boston News-Letter*, là vào năm 1704. Quay trở lại nước Anh vào khoảng thời gian đó, những mẫu tin ngắn nước ngoài chỉ để bổ sung cho các bài nghiên cứu về các vấn đề đương thời, về xã hội, về văn chương, triết học, tôn giáo, và chính trị, ngay cả chính trị của nước Anh; và thậm chí là những bài nghiên cứu đó còn gạt những mẫu tin nước ngoài kia ra khỏi tờ báo. Ví dụ như số phát hành đầu tiên của *News-Letter* đã dẫn lại bài của một tờ báo ở London tóm tắt một “lá thư” cảnh báo về “mối nguy” cho “đạo Tin lành” vì người theo đạo Công giáo đã bắt đầu “ngập tràn” khắp Scotland.⁸ Hầu hết những bài viết dài, chỉ trích thẳng thắn như thế đều được Carlota Smith dán cho nhãn “lập luận, tranh luận”.

Theo nhà triết học chính trị người Đức Jürgen Habermas, sự thay đổi này là một định mệnh. Ông nhận xét là vào thế kỷ 18, trong các xã hội tư sản, với nền chính trị tự do, báo chí đã “không còn là các cơ quan loan tin đơn thuần nữa”. Habermas dẫn lời nhà kinh tế học người Đức và cũng là học giả về báo chí thời kỳ đầu, Karl Bücher (1847-1930): “Báo chí đã thay đổi từ cơ quan đơn thuần phát hành tin tức sang làm người nắm giữ và lãnh đạo công luận.” Theo Habermas, kết quả của việc lưu thông mạnh mẽ các ý kiến này, dù đôi khi chỉ đơn thuần là việc cảnh báo về ngập tràn người Công giáo — chính là sự hình thành một “không gian công cộng” (public sphere) mà ông rất trân trọng.⁹

Chúng ta có thể thấy không gian này mở rộng vào năm 1721 tại Boston, nơi nổ ra cuộc tranh luận về ưu điểm của việc tiêm chủng ngừa bệnh đậu mùa. Cuộc tranh luận — và theo đó là một không gian công vừa hình thành — được giúp đỡ và xúi giục mạnh mẽ bởi sự xuất hiện của tờ báo xuất bản định kỳ thứ

ba của Boston và cũng là thứ tư của nước Mỹ. Vì lẽ ngay trong số phát hành đầu tiên, tờ *New-England Courant* của James Franklin đã thể hiện đầy đủ phẩm chất của một cuộc thập tự chinh báo chí (newspaper crusade) chống độc tài đầu tiên ở Mỹ, khi vận động cho chiến lược mới chống lại bệnh đậu mùa.¹⁰

Vụ truy tố bắt thành John Peter Zenger về tội công khai chỉ trích Thống đốc bang New York mười bốn năm sau đó đã mở toang cánh cửa cho các cuộc vận động báo chí như thế ngày càng nhiều hơn ở nước Mỹ thuộc địa. Thật vậy, nước Mỹ trong những thập kỷ trước cuộc cách mạng có lẽ chính là hình mẫu được đưa vào sách giáo khoa về sức mạnh của báo chí nắm giữ dư luận không những ở việc lật đổ hệ thống quyền lực, mà còn ở việc tạo ra không gian cho công luận và do đó là không gian cho dân chủ. Tuy nhiên, hãy ghi nhận là tờ *New-England Courant* của James Franklin — một trong những loa phóng thanh đầu tiên trong nỗ lực thay đổi thế giới, hướng tới việc công luận được lắng nghe — đang vận động *chống lại* cái mà họ gọi là một “tập quán tiêm chủng nguy hiểm, đáng ngờ.”¹¹

Khi đó Benjamin Franklin còn là thợ học việc tại tòa soạn báo của người anh trai lớn tuổi hơn nhiều. Chẳng bao lâu sau, chính ông đã bắt đầu góp phần vào hiện tượng vẫn còn tương đối mới này: các cuộc thảo luận công khai về các vấn đề trên báo. Chàng trai Ben Franklin mười sáu tuổi, lấy bút danh “Silence Dogood” — một góa phụ nông thôn — bắt đầu lên viết bài cho *New England-Courant*. Dưới đây là bài của “Bà Dogood” tấn công vào điều mà chàng trai Ben tạm thời chưa có: giáo dục đại học (tức là Harvard):

Tôi suy nghĩ rất nhiều về sự cực kỳ Đại Dột của những Bạc Phụ Huynh đó, họ đui mù không thấy Con cái mình Ngu dốt và vô cảm trước Đầu óc Ồ lì của chúng, vì họ nghĩ rằng Ví tiền của họ có thể bù lại được hết, họ sẽ gửi chúng đến Ngôi đền Học thức, mà nơi đó, do không có Thần đèn giúp đỡ, chúng không học được gì hơn là thói tự chăm chút bản thân thái quá, và nhập bọn với tội thượng lưu cùng phòng (mà cũng có thể là ở trường dạy khiêu vũ), và khi chúng trở về, sau hàng đồng rắc rối và tiền của, chúng ngu độn hơn bao giờ hết, chỉ càng kiêu căng và tự mãn nhiều hơn.¹²

Dù cuộc tranh luận về giáo dục đại học không phải là vấn đề sống còn như tiêm chủng ngừa bệnh đậu mùa, rõ ràng đây vẫn là một vấn đề dư luận quan tâm. Và chàng thợ in học việc này đã giúp mở ra không gian để thảo luận những vấn đề như thế. Cậu hoàn thành điều này, theo cách mà những người khát khao “nắm giữ và lãnh đạo công luận” thường làm, đó là thể hiện và bảo vệ quan điểm — và trong trường hợp của cậu, nó được thể hiện theo cách hài hước. Theo cách phân loại của Carlota Smith, Ben Franklin đã soạn ra một “lập luận” với đầy đủ đề, luận và kết.

Smith cũng có công thức để xác định liệu một cách diễn ngôn nào đó có đủ tiêu chuẩn là “chủ quan” (subjective), một phân biệt mà theo bà khác với sự phân biệt giữa lập luận và tường thuật. Smith tìm kiếm bằng chứng của *tính chủ quan* khi ai đó trình bày một “quan điểm,” thực hiện một “đánh giá” hoặc khi chia sẻ “suy nghĩ”. Smith cũng lưu ý trên thực tế kiểu chủ quan như trên có thể tìm thấy trong tất cả các “hình thức diễn ngôn” mà bà liệt kê¹³ — và có lẽ cũng có thể tìm ra tính chủ quan ngay cả trong các bài tường thuật ngắn, lập luận lan man đang bắt đầu bao trùm báo chí của nước Mỹ thuộc địa. Ví dụ, có thể nhận

thấy ngay một quan điểm tích cực hoặc một đánh giá về nhà lãnh đạo bài Công giáo người Hungary Bethlen Gábor, ngay cả khi đó chỉ là một bài tường thuật năm mươi lăm từ trong tờ báo đầu tiên bằng tiếng Anh nói trên – tờ báo được lưu hành tại nước Anh theo đạo Tin lành và in ấn tại Amsterdam cũng theo đạo Tin lành.

Tuy thế, những chỉ dấu của Smith về tính chủ quan xuất hiện dày đặc trong lập luận của Franklin về giáo dục đại học — “Tôi suy nghĩ rất nhiều về sự cực kỳ đại dốt...” — cũng như trong các bài báo của người anh trai James nói riêng và trong các lập luận nói chung. Rõ ràng không gian công cộng vào thế kỷ 18 được hình thành do những lập luận mang tính chủ quan không nao núng mà ra.



Những bức thư của Bà Silence Dogood do Benjamin Franklin viết có vay mượn văn phong của Joseph Addison và Richard Steele hồi đầu thế kỷ đó, họ bình luận về hành vi của người đương thời bằng ngòi bút dí dỏm nhẹ nhàng và sâu sắc trên tờ nhật báo của họ ở London, tờ *Spectator*.¹⁴

Hồi đó ở nước Mỹ thuộc địa, nhiều người mua và gìn giữ các tập báo *Spectator*, trong đó có chàng trai trẻ Franklin. Và cậu bắt đầu “tháo rời” các bài văn xuôi của Addison và Steele: ghi lại những điểm chính trong từng câu, gạt những câu đó ra một bên trong vài ngày, sau đó cố gắng để tái tạo các câu đó. “Bằng cách so sánh bản tôi tái tạo với bản gốc,” Franklin viết trong tự truyện của mình, “tôi phát hiện ra nhiều lỗi và sửa chữa chúng; nhưng đôi lúc cũng có những niềm vui khi vô cùng ngạc nhiên

là từ một vài bài vay mượn nhỏ nhoi đó tôi may mắn cải thiện được phương pháp viết và ngôn ngữ của mình.”¹⁵

Nói cách khác, Franklin đã không tự mình học làm báo theo kiểu xuất hiện tại đám cháy ở địa phương hoặc trong các cuộc họp, với quyển sổ trên tay, ghi chép và lọc ra những thông tin kiểu như *ai, cái gì, khi nào và ở đâu*. Ở nước Mỹ thế kỷ 18, những việc như thế không được coi là công việc làm báo. Đã học được nghề in, Ben Franklin cũng đồng thời tự rèn luyện bằng cách học viết rành mạch, khôn khéo, hấp dẫn và sâu sắc qua việc nghiên cứu tác phẩm của các cây bút Addison và Steele.

Lúc bấy giờ, báo chí phần lớn là sản phẩm của các chủ nhà in tư nhân như James Franklin. Những chuyển biến mà Habermas tôn vinh thật khó trọn vẹn: các chủ nhà in trong thế kỷ 18 này vẫn tìm kiếm những mẩu tin thú vị và quan trọng để tô điểm cho các trang báo của họ. Hầu hết các tin bài, như cách làm trong thế kỷ trước, được lọc ra từ báo chí hoặc thư từ từ bên ngoài gửi về. “Theo thời gian, chúng ta sẽ có tất cả các tờ báo danh tiếng từ Vương quốc Anh, New-England, New-York, Maryland và Jamaica, bên cạnh những tin tức thu thập từ thư tín và thông tin cá nhân,” Ben Franklin công bố như thế vào năm 1729, ngay sau khi giành quyền kiểm soát một tờ báo của riêng mình, *Pennsylvania Gazette*.¹⁶ Nói cách khác, ông cũng sẽ đăng lại các tin bài từ báo khác, giống như các tổng biên tập khác đã làm.

Franklin — có đầu óc cấp tiến hơn hầu hết các biên tập viên đồng nghiệp, cũng như hầu hết những người cùng thời — đôi khi cũng thu thập thông tin về một sự kiện tại chính địa phương mình:

Chủ nhật, khoảng thời gian từ 7 đến 8 giờ tối, chúng ta đã gặp một cơn lốc xoáy và mưa khủng khiếp, đi kèm với nó là sấm chớp, và những thông tin sau đây là đáng nhớ: Bão thổi bay một vài ống khói, tốc mái vài ngôi nhà, một số tốc mái toàn bộ, một số chỉ bị một phần; và phá hủy hoàn toàn những tòa nhà ọp ẹp. Sức mạnh của cơn bão không kéo dài, tuy nhiên nó xảy ra trên diện rộng, vì chúng ta đã nghe tin về cơn bão từ *Conestogoe*, từ cửa vịnh và từ *New-York*: Tại *Conestogoe* cơn bão phải mất khoảng nửa giờ để đến được đây, nhưng nó đã đến Vịnh lúc khoảng gần nửa đêm.¹⁷

Tất nhiên, Franklin quan tâm đến mọi đề tài, bao gồm cả thời tiết. Thực tế, một trong số rất nhiều đóng góp của ông cho khoa học chính là sự hiểu biết về đường đi và nguyên nhân của các cơn bão.¹⁸ Tuy nhiên, tờ *Pennsylvania Gazette* của ông lại không thường xuyên đưa tin về “những khu vực xung quanh đây”. Nó có xu hướng tập trung nhiều hơn vào những sự kiện lạ xảy ra ở “những khu vực” ở xa — “Vương quốc Anh, New-England, New-York, Maryland và Jamaica” — và tập trung vào bình luận.

Con người, như tôi đã lập luận,¹⁹ có bản năng “khao khát” tin tức. Thế nhưng vào thời Franklin, loại tin tức mà hầu hết mọi người thường quan tâm nhất — tin tức về chính thị trấn chúng ta đang sống — vẫn còn là độc quyền của phương tiện truyền thông lâu đời nhất: truyền khẩu. Tin tức được trao đổi trong quán rượu, trong quán cà phê, trước cổng nhà thờ và trên đường phố. Cư dân Philadelphia không chỉ có trải nghiệm về tất cả những “gió lốc và mưa” đi kèm với “sấm chớp” “hôm chủ nhật” mà họ còn có rất nhiều cơ hội để trò chuyện bàn tán về cơn bão này trước khi tờ *Gazette* của Franklin được in ra. Không nhà in nào, không tuần báo nào có thể đưa tin về

những diễn tiến chính trị hấp dẫn, về tội phạm, hay về một cơn bão xảy ra ở địa phương nhanh hơn những người láng giềng ngồi lê đôi mách. Các thị trấn này quá nhỏ và báo chí vẫn còn quá chậm.

Franklin cảm thấy cần phải giải thích trên tờ *Pennsylvania Gazette* của mình vào năm 1731, “Việc kinh doanh của nhà in, chủ yếu liên quan đến ý kiến của mọi người, hầu hết những thứ được in ra đều nhằm ủng hộ những người này hoặc phản đối những người khác.”²⁰ Mặc dù báo là sản phẩm chính của “việc kinh doanh của nhà in”, nhưng vào thế kỷ 18 báo chí chủ yếu vẫn chưa phổ biến, nói chi đến tường thuật, về tin tức.

Franklin, với tư cách chủ bút tờ *Pennsylvania Gazette*, may mắn thay là một trong những cây bút tài năng nhất trong lịch sử và là một trong những người quan tâm nhiều nhất đến công dân, luôn sẵn lòng thuyết giảng vì điều đó trên các trang báo của mình — thường là lấy bút danh khác và giữ giọng văn dí dỏm và khôn ngoan. Ví dụ như vào năm 1751, dưới bút danh “Americanus”, Franklin đã đáp lại những lý do và bào chữa của nước Anh trong xu hướng gửi tù nhân từ Anh sang bờ bên kia Đại Tây Dương của mẫu quốc: “*Nước Mẹ* của chúng ta biết rõ điều gì tốt nhất cho con của mình. Nào là trộm vặt nhập nha, là kẻ cắp nơi cửa hàng, là kẻ cướp trên xa lộ; nào là đưa con trai thi thoảng tham nhũng và bị treo cổ, là đưa con gái trác táng và đổ bệnh, là cô vợ dâm loạn, là anh chồng bị cửa cổ, là đưa con bị riu bồ vớ đầu, có là gì đâu so với “Thuộc địa tiến bộ và đầy công dân tốt” này!” Sau đó ông đề nghị gửi ngược lại rần chuông cho mẫu quốc.²¹ Dĩ nhiên là Franklin, dùng cái mà ông hiểu là lối mỉa mai kiểu Swift (Jonathan Swift, 1667-1745, nhà văn trào phúng người Anh gốc Ireland, tác giả của danh tác *Gulliver du ký* –

ND), để đưa ra một *lập luận* ở đây, cũng như cách mà Addison, Steele, Daniel Defoe,* và Jonathan Swift từng lập luận trên báo chí Anh. Và cũng giống như họ, ông đã tạo ra điều mà cuốn sách này gọi là *báo chí trí tuệ* (*wisdom journalism*).



Franklin luôn thích phân loại và liệt kê các đức hạnh, từng đưa ra một định nghĩa về *trí tuệ*, đó là “Kiến thức về những gì sẽ là tốt nhất cho chúng ta trong mọi trường hợp, và về những cách tốt nhất để đạt được nó.”²² Định nghĩa này phù hợp với các nỗ lực của Franklin để làm điều mà Bill Keller sẽ làm — giải thích điều gì làm nên chất lượng khi viết báo: “Không có bài viết nào có thể được gọi là tốt, là viết giỏi thật sự,” Franklin khẳng định, “nếu không thể hiện bất kỳ xu hướng nào có lợi cho độc giả, hoặc không cải thiện đạo đức hay kiến thức của độc giả.”²³ Cuốn sách này đề xuất một tiêu chuẩn về chất lượng trong ngành báo chí gần gũi hơn với tiêu chuẩn của Franklin — dù kém tự tin hơn so với quan niệm của ông về “đức hạnh” — so với các tiêu chuẩn của Keller, Jill Abramson, của Ủy ban Nhà báo quan tâm và của nhiều phóng viên ngày nay.

Báo chí trí tuệ là một thuật ngữ được gợi ý từ “văn chương trí tuệ” và “triết học trí tuệ”, trong đó đề cập đến truyền thống tư vấn thấu đáo, đánh giá và phán xét đúng, sáng suốt và thông tuệ. Hồi thời của Ben Franklin, báo chí Mỹ cũng có truyền thống

* Daniel Defoe (1660-1731) là nhà văn, nhà báo, học giả kinh tế người Anh, tác giả của cuốn tiểu thuyết nổi tiếng *Robinson Crusoe*.

thể hiện những phẩm chất này. Khi nêu ra thuật ngữ *Báo chí trí tuệ*, tôi hy vọng sẽ khuyến khích hồi sinh chúng.

Báo chí trí tuệ thường, mượn lời của Franklin, đầy ắp “Kiến thức về những gì sẽ là tốt nhất cho chúng ta” như một xã hội, nhưng nó không chỉ gói gọn trong phân loại đó về “kiến thức”. Nó cũng có thể làm sáng tỏ những gì đã xảy ra, đang xảy ra, hoặc có thể xảy ra với một số người trong chúng ta. Và báo chí đó cũng giúp chúng ta suy nghĩ kỹ càng, nhưng không hề lên lớp, những gì có lẽ cho thấy là “tốt nhất cho chúng ta.” Và báo chí trí tuệ không chỉ tạo ra “kiến thức” mà nó còn đòi hỏi phải có kiến thức.

Khi Franklin nắm được quyền kiểm soát *Pennsylvania Gazette* vào năm 1729, ông đã bỏ chút thời gian để cân nhắc xem những phẩm chất nào, cùng với khả năng viết “rõ ràng và dễ hiểu”, mà người ở địa vị như ông cần phải có: “Tác giả của một tờ *Gazette* (theo ý kiến của người có học) phải thỏa mãn điều kiện thông thạo thêm nhiều ngôn ngữ... ; anh có thể nói về chiến tranh cả trên bộ lẫn dưới biển; lâu thông Địa lý, Lịch sử, những quan tâm của các vương quốc, các bí mật triều đình, và Phong tục Tập quán của mọi quốc gia.”²⁴

Mặc dù cha của ông quyết định không gửi ông đến học ở Harvard, nhưng Franklin cũng đã gắng lòng thông các vấn đề “lịch sử”, chính trị, “phong tục tập quán” và khoa học bằng cách tự áp dụng cho mình một phong cách học hỏi cần mẫn đến mức huyền thoại cả trong sách vở, chuyện trò và quan sát. Theo đó, ông đã đủ khả năng nắm quyền biên tập tờ “*Gazette*” và — theo lời người anh trai James viết từ những ngày ở Boston — khả năng “thi thoảng bay vút lên cùng với các trí thức lớn của

thời đại.”²⁵ Trong rất, rất nhiều chủ đề, ông đều tỏ ra thông thái (wise), như cách mà cuốn sách này sử dụng thuật ngữ đó.

“Kiến thức” mà các nhà báo thông thái cung cấp, như vào thời của Franklin, có thể đến từ học vấn, từ thông tin, từ thâm nhập thực tế, thậm chí là từ việc diễn giải và tranh luận báo chí đầy mâu thuẫn. Bài châm biếm của Ben Franklin đánh vào chính sách gửi tù nhân đến thuộc địa của nước Anh không dựa trên cơ sở các tường thuật; nó có lẽ cũng chẳng liên quan đến nơi nào khác ngoài chiếc bàn viết của ông. Tuy nhiên, nó hướng dẫn mọi người; nó nêu ra quan điểm độc đáo về một vấn đề quan trọng; nó thật sâu sắc, khai sáng và thông tuệ.

Tôi có một cái nhìn khái quát về làm thế nào báo chí lại có thể “có lợi cho độc giả”, làm thế nào nó có thể cải thiện “kiến thức”. Tôi thấy điều đó xảy ra, và chắc chắn Franklin cũng thấy thế, với những thấu hiểu cũng nhiều như thông tin, với những diễn giải cũng nhiều như điều tra, tìm hiểu. Báo chí trí tuệ thường cung cấp, thậm chí nhấn mạnh những lập luận hiểu biết (informed argument) — những lập luận dựa trên sự lâu thông (acquaintance) về một lĩnh vực kiến thức nào đó của người viết báo, loại lập luận mà Habermas rất thích. Không phải lúc nào báo chí trí tuệ cũng luôn chủ quan, nhưng nhiều nhà báo trí tuệ — dĩ nhiên trong đó có Ben Franklin — sẽ không từ chối trình bày quan điểm, thực hiện một đánh giá và cho chúng ta biết suy nghĩ của họ.

Tuy nhiên, tôi cũng chia sẻ quan điểm của Keller và của hầu hết các nhà báo hiện đại, tôi cũng thừa nhận tầm quan trọng của các bài báo độc quyền, tiên phong, hay điều tra — của việc đi đến những nơi mà các phóng viên khác không đến, chứng kiến

tận mắt sự tàn ác hay bất công mà người khác không thấy được, nghiên cứu các hồ sơ để vạch mặt tham nhũng... Những phong cách báo chí mang tính phơi bày sự thật như thế — thường xuất hiện dưới dạng bài tường thuật — cũng có tiềm năng cải thiện “kiến thức” và có lẽ là “đức hạnh” của “người đọc”. Đúng, sẽ vẫn có trí tuệ trong những hình thức báo chí vừa nêu.

Vì vậy, tôi cần một thuật ngữ chung cho những gì mình muốn khuyến khích, một thuật ngữ đủ khái quát để bao trùm hai loại báo chí: một là hình thức cao nhất của bài tường thuật, loại hình mà ngày nay đang được ngợi khen rất nhiều (nhưng hình như vẫn chưa đầy đủ), và hai là loại báo chí mang tính bình luận sắc sảo, gợi mở, loại này đã bắt đầu xuất hiện thường xuyên hơn trong những năm gần đây, đặc biệt là trên mạng internet, nhưng vẫn cần được đánh giá cao hơn nữa. Không có từ nào hiện đang dùng bổ nghĩa cho từ *báo chí* thỏa yêu cầu trên. Do đó từ *trí tuệ, thông thái* (wisdom) — mà các từ điển hiện nay định nghĩa là “thông minh”, “sáng suốt”, “quyết định khôn ngoan” và “học hỏi tích lũy” — có thể là phù hợp. Cả tường thuật độc quyền (exclusive reporting) lẫn bình luận sắc sảo (incisive commentary) đều hưởng lợi từ những phẩm chất nói trên và truyền chúng sang độc giả.²⁶

Thông thái, trí tuệ không phải là từ thường được dùng cho báo chí trong những thế kỷ gần đây. Thật ra, nó có thể khá lạ tai với một số người ở thế kỷ 21. Tôi không mấy may mắn tâm về điều này. Tôi hy vọng rằng với vẻ ngoài không quen thuộc, thuật ngữ này sẽ khiến chúng ta có một cái nhìn mới về báo chí và mục đích của nó. *Thông thái* nghe ra hơi chút phô trương, thậm chí là khoe khoang vì các chủ đề thảo luận của các nhà báo đôi khi bị lãng quên. Điều này cũng chẳng sao, vì tôi tin rằng ngành báo

chỉ xuất sắc của chúng ta cần phải có mục tiêu cao hơn, tham vọng hơn với chính bản thân nó, cũng như với độc giả.

Chỉ đơn giản hàng ngày đến một nơi nào đó, kè kè máy ảnh và nhập bọn với các phóng viên khác, đơn giản sao chép lại những điểm nổi bật của bản tin, đơn giản để dãi ghi lại sự kiện có sẵn — mà không màng đến tính trung thực ra sao — tất cả những thứ đó đều không phải là báo chí trí tuệ. Hầu như không có bài báo nào ở châu Âu vào thế kỷ 17 có thể đạt được điều này. Có rất nhiều tờ báo Mỹ trong thế kỷ 18 là báo chí trí tuệ. Bài tường thuật của Ben Franklin về những thiệt hại do một cơn bão “khủng khiếp” đánh vào Philadelphia sẽ không đủ điều kiện là báo chí trí tuệ nếu thiếu nỗ lực của ông — nỗ lực tuy ngắn ngủi nhưng lại là nỗ lực đầu tiên — để lưu ý theo dõi về đường đi và quy mô của cơn bão đó.

Báo chí trí tuệ (wisdom journalism) là một thuật ngữ nói về báo chí mang phong cách cao hơn chuyên môn, chuyên nghiệp, về báo chí khao khát mang lại nhiều điều hơn là chỉ đơn thuần kể lại tin tức, tường thuật lại những gì đã xảy ra. Tôi đề nghị dùng nó làm tiêu chuẩn mới, một tiêu chuẩn khác hơn và cao hơn, cho chất lượng của báo chí. Tiêu chuẩn mới này có thể hướng dẫn các nhà báo đang phải vật lộn với cuộc khủng hoảng hiện tại và bắt đầu nắm bắt tương lai.

Báo chí theo phong cách này trước kia đã từng chứng tỏ rất hữu ích ở Mỹ, khi mà những tranh luận của báo chí Mỹ chống lại các chính sách của mẫu quốc Anh trở nên cấp bách hơn, quyết liệt hơn.



Một trong những người cùng thời với Franklin ở Philadelphia đã đưa ra một ví dụ lớn về báo chí trí tuệ — một trong những phân tích thuyết phục nhất và có ảnh hưởng lớn nhất từng xuất hiện trên một tờ báo ở Mỹ. Đây là loạt những bài báo cực kỳ kiên định, thể hiện chủ kiến rõ ràng, mang tên “Những bức thư từ một điền chủ ở Pennsylvania gửi cho những cư dân của các thuộc địa Anh tại Mỹ”. Những “bức thư” này thực ra không phải do một điền chủ hay một chủ nhà in viết, mà là tác phẩm của một luật sư ở Philadelphia, John Dickinson.* Bài đầu trong loạt này xuất hiện trên *Pennsylvania Chronicle* vào ngày 2 tháng 12 năm 1767. Tờ *Pennsylvania Gazette* đăng lại lá thư đầu tiên này vào ngày hôm sau. Ở Mỹ lúc ấy có khoảng ba mươi tờ báo; và chỉ có bốn tờ (hai trong số đó viết bằng tiếng Đức) là không cho đăng lại “Những bức thư” vào những ngày hay những tuần sau đó!²⁷

Dickinson tự đặt ra cho mình một nhiệm vụ khó khăn: lúc đó Quốc hội Anh sau cùng đã bãi bỏ Đạo luật Tem (Stamp Act) đáng ghét, một đạo luật bị các thuộc địa giận dữ phản đối. Trong những “bức thư” này, vị “điền chủ” tấn công một loại thuế mới theo đạo luật Townshend. Đạo luật Tem áp thuế lên mọi loại giấy và hàng hóa khác, nhưng Quốc hội Anh rất rõ ràng và cố tình chỉ áp dụng đạo luật Townshend lên hàng hóa nhập khẩu từ Vương quốc Anh mà thôi. Phải chăng như vậy đúng là thuộc quyền hợp pháp kiểm soát thương mại của Quốc hội Anh? Dickinson phải giải thích vì sao cũng nên phản đối những loại thuế này.

* John Dickinson (1732-1808), một trong những Nhà lập quốc của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, là luật sư và chính trị gia từ Philadelphia, Pennsylvania và Wilmington, Delaware nổi tiếng với 12 bức thư từ một điền chủ ở Pennsylvania, xuất bản từng bức thư một từ 1767-1768.

Trong “những bức thư” của mình, ông thừa nhận rằng mẫu quốc có quyền kiểm soát thương mại của các thuộc địa. Nhưng ông nhấn mạnh, thông qua việc rà soát lịch sử Quốc hội Anh, rằng không có tiền lệ về việc Quốc hội áp đặt thuế chỉ lên thuộc địa hoặc chỉ để tăng thu ngân sách. Dickinson đã chứng minh, thông qua rà soát lại các cuộc tranh luận tại Quốc hội, rằng tăng thu từ các thuộc địa thực chất là mục đích của các Đạo luật Townshend. Và ông lưu ý rằng chính sách của Anh Quốc đã gây khó khăn cho người dân các nước thuộc địa để có được những hàng hóa đó, trừ khi họ mua chúng từ nước Anh:

Tóm lại, câu hỏi duy nhất là, liệu Quốc hội về mặt pháp lý có thể áp đặt thuế nhập khẩu *chỉ lên người dân các thuộc địa*, Vì Mục Đích Duy Nhất Nhằm Tăng Thu, chỉ với các loại hàng hóa mà mẫu quốc buộc chúng ta phải mua chỉ từ mẫu quốc hay không? Hoặc nói cách khác, liệu Quốc hội có quyền hợp pháp rút tiền ra khỏi túi của chúng ta, mà không cần có sự đồng ý hay không? Nếu họ có thể, thì cái tự do mà chúng ta đang khoắc lác cũng chỉ là hư danh mà thôi (nguyên văn viết bằng tiếng Latinh: Vox et praeterea nihil).²⁸

Không giống như nhiều đồng nghiệp ở thế kỷ 20, các nhà báo thế kỷ 18 thường không ngại tỏ ra “tầm chương trích cú”, thậm chí họ còn có chút chìm đắm trong tiếng Latinh. Thời nay người ta thường ít học tiếng Latinh, nhưng một nhà báo thông thái của thế kỷ 21 nên lấy làm hãnh diện nếu có về lý thuyết sách vở. Thật vậy, rành rẽ về lịch sử và có thiên hướng nghiên cứu — John Dickinson chứng tỏ có cả hai — hầu như là điều bắt buộc của một nhà báo thông thái và trí tuệ. Kỹ năng chính khi đưa ra lập luận — giải thích những gì thường liên quan và cho ý kiến về nó

— cũng rất quan trọng. Và nó góp phần đáng kể nếu những lập luận, như các lập luận của John Dickinson, tỏ ra thuyết phục.

“Những bức thư từ một điền chủ ở Pennsylvania” đóng vai trò chính trong chuyển biến của người dân thuộc địa từ chỗ chại sạn cảm xúc với các Đạo luật Townshend sang công khai phản đối chúng.²⁹ Đó là phát súng đầu tiên cho cuộc cách mạng xảy ra chưa đầy tám năm sau.



Những người phê phán báo chí diễn giải và chủ kiến (interpretive, opinionated journalism) ngày nay thường dùng các kênh Fox News Channel, MSNBC hoặc đài phát thanh để chứng minh đôi khi báo chí trở nên một chiều, có tư tưởng hẹp hòi, xấu xa rành rành ra đó. Rõ ràng, cần vẽ ra những lần ranh xung quanh báo chí trí tuệ — những lần ranh loại trừ những tranh cãi ỏm tỏi, kém hiểu biết, sáo rỗng vô lý. Chúng ta đã phát triển và xây dựng được các tiêu chuẩn hợp lý rõ ràng cho những gì làm nên chất lượng của *tường thuật báo chí* (journalistic report). Vậy tiêu chuẩn nào chúng ta có thể dùng để phân biệt các *lập luận báo chí* (journalistic argument) là tốt hay xấu, bên cạnh việc chúng ta đồng ý hay không đồng ý với những lập luận ấy?

Hầu hết phần còn lại của chương này dành cho việc xem xét một vài tiêu chuẩn như thế trong báo chí tranh luận (argumentative journalism). Tất cả các ví dụ là từ những thập kỷ ngay trước khi nổ ra Cách mạng Mỹ. Chương 6 sẽ áp dụng những tiêu chuẩn này với Chris Matthews, Bill O'Reilly, Rush Limbaugh và các nhà báo đương đại khác.

Một lối tiếp cận khả dĩ là khẳng định rằng: khi thuộc về chất lượng cao, bất kỳ hình thức nào của báo chí — dù mang tính tranh luận ra sao đi nữa — cũng nên dựa trên tường thuật. Đồng nghiệp của tôi tại Đại học New York, ông Jay Rosen, đã nghiên cứu về tiêu chuẩn này khi vào năm 2012 ông được phép trích dẫn lại một vài câu trong cẩm nang hướng dẫn dành cho các phóng viên mới ra nghề của một tổ chức đưa tin trực tuyến có uy tín, *The Voice of San Diego*: “Hãy viết với thẩm quyền. Bạn có được thẩm quyền đó bằng cách tường thuật lại và làm việc chăm chỉ.” Rosen sau đó khẳng định: “Nguồn gốc... cho tất cả các dạng thẩm quyền (authority) trong báo chí đều nằm trong câu sau: “Tôi ở đó, còn bạn thì không, hãy để tôi kể lại điều đó với bạn.””³⁰

Bí mật của báo chí tốt, báo chí chất lượng đơn giản đến thế nào — chỉ là chuyện đi đâu đó và rồi tường thuật lại — thế thì khi đó các tiêu chuẩn về lập luận báo chí đơn giản là tương đương với tiêu chuẩn cho tường thuật báo chí, và các nhà báo thông thái có lẽ sẽ được đánh giá như cách ta đánh giá các phóng viên ngày nay: qua tính chính xác, tiên phong, chu đáo, vô tư, rõ ràng dễ hiểu của các bài tường thuật. Nhưng mọi việc lại không đơn giản như thế.

Báo chí của thế kỷ 18 đạt nhiều thành tựu mà không cần nhiều lắm đến cách tường thuật. Bởi có nhiều cách khác để đạt được thẩm quyền trong việc viết lách ngoài cách dán thân — không xách theo cuốn sổ ghi chép thì cũng đội mũ phớt — vào cuộc viễn chinh thu thập sự thật. Thay vào đó, người ta có thể làm như Ben Franklin đã làm: đọc, nói chuyện, và quan sát. Hoặc người ta có thể làm như Ben Franklin đã không làm: đạt được một cấp độ học thuật nào đó. Và tất nhiên, bài tường thuật táo bạo không phải lúc nào cũng đưa đến bài diễn giải xuất chúng.

Nếu Isaiah Thomas, chủ bút tờ *Massachusetts Spy*, không có mặt “ở đó” vào ngày đầu tiên của cuộc chiến tranh Cách mạng Mỹ, thì ông cũng ở gần đó. Bài báo Thomas đưa ra ngày 3 tháng 5 năm 1775, đã đầy ắp các sự kiện, các chi tiết — và điều này không thường xảy ra vào thời ấy. Các sự kiện được trình bày theo trình tự thời gian xảy ra. Thomas thậm chí đã tiến hành phỏng vấn, thu thập các lý giải chi tiết “từ những người” mà ông khẳng định, “tính chính xác trong lời nói của họ là không có gì phải nghi ngờ”. Thế nhưng, những diễn giải mà bài báo của ông đưa ra lại cực kỳ hiếu chiến và không đáng tin cậy:

Hỡi nhân dân Mỹ! Hãy mãi ghi nhớ TRẬN LEXINGTON! nơi mà quân đội Anh, không bị quấy rối và khiêu khích vô cớ, theo cách vô nhân đạo nhất đã nã đạn và giết chết rất nhiều đồng bào ta, sau đó chúng cướp đi lương thực dự trữ, lục soát, cướp bóc và đốt nhà của họ! Không có giọt nước mắt nào của những người phụ nữ không có khả năng tự vệ, trong số họ có những người đau thét lên trong cơn sinh nở, cũng không có tiếng khóc nào của những đứa trẻ bất lực, cũng không có lời cầu nguyện nào của những người già đang dính chặt nơi giường bệnh, không gì có thể xoa dịu cơn khát máu của bọn chúng! — hoặc có thể thay đổi việc GIẾT CHÓC và CUỐP BÓC có CHỦ ĐỊNH của bọn chúng!³¹

Chỉ ở đó (hoặc ở gần đó), chỉ nói chuyện với người mà “lời nói của họ chính xác” có vẻ như “không có gì phải nghi ngờ”, chỉ thu thập các sự kiện và chi tiết — nói cách khác là chỉ “tường thuật và làm việc chăm chỉ” — thì sẽ không đảm bảo rằng một bài báo sẽ thể hiện là một diễn giải hay tranh luận đáng tin cậy về một sự kiện. May mắn thay, chúng ta được hưởng lợi từ cả một chuyên ngành dành riêng cho việc phân tích các tranh cãi,

dấu rằng chủ yếu là tranh cãi bằng miệng. Ben Franklin hẳn rất quen thuộc với các nghiên cứu về thuật hùng biện, môn học đã xuất hiện từ rất sớm, ít nhất cũng vào thời của Aristotle.³²

Những phần tiếp theo là cố gắng áp dụng các tiêu chuẩn hùng biện và các lĩnh vực liên quan vào báo chí tranh luận. Những nỗ lực như thế còn tương đối hiếm gặp và nhiệm vụ này vẫn quá khó để có thể thể hiện điều gì đó rõ ràng và chi tiết giống như một kết luận chung cuộc vậy.³³ Nhưng mục tiêu của tôi ở đây — dựa vào Aristotle và một số nhà triết học, ngôn ngữ học, học giả về hùng biện sau ông rất lâu — là khám phá một số điều cần lưu ý để có thể giúp chúng ta đánh giá chất lượng của báo chí diễn giải, báo chí tranh luận; qua đó giúp giải thích những gì không đủ tiêu chuẩn là báo chí trí tuệ.



Tính cách. Trong tác phẩm *Thuật hùng biện (Rhetoric)*, Aristotle nói rằng tính cách của người nói — ông gọi nó là “ethos” — có thể ảnh hưởng đến sức thuyết phục trong lập luận.³⁴ Điều này cũng đúng với tính cách của nhà báo.

Chức danh tổng biên tập tờ *New-England Courant* của James Franklin lung lay dữ dội; ông đang bị công kích. Vì vậy, trong một số báo sau đó, thậm chí ông thấy mình cần phải thuyết phục độc giả rằng tờ báo đang giữ ý kiến vô tư trước vấn đề nóng của thời kỳ đó là tiêm chủng. Tờ báo cho biết: “Cả người ủng hộ lẫn người chống lại việc tiêm chủng đều được hoan nghênh khi nói ra suy nghĩ của mình”, dù chính những người chống việc tiêm chủng đã mang lại tiếng tăm cho Franklin.³⁵ (Nếu có

ai đó ủng hộ việc tiêm chủng đang làm việc cho tờ *Courant*, họ sẽ hoàn toàn đơn độc.)³⁶ *Vô tư* (epieikeia) được xếp ở vị trí cao trong danh sách những phẩm chất mà Aristotle công nhận là biểu hiện của một tính cách tốt, bởi vì, ông viết, “Chúng ta tin tưởng người vô tư nhiều hơn và nhanh hơn.”³⁷

Chúng ta muốn nhìn thấy “đức hạnh” và “thiện chí” ở người nói, Aristotle viết.³⁸ Vô tư chính là đức hạnh, là biểu hiện của thiện chí. John Dickinson đã thể hiện một kỹ năng đặc biệt cho thấy ông luôn tôn trọng những lập luận và quyền lợi của đối phương khi tranh luận. Ví dụ như trong “Những bức thư” ông đảm bảo thừa nhận những lĩnh vực mà nước Anh có thể hợp pháp áp thuế lên các thuộc địa, và cũng đảm bảo các lập luận công khai trái với ý kiến của chính ông được nêu lên: “điều đó có lẽ sẽ bị phản đối.”³⁹

Do đó, tính vô tư gia nhập vào báo chí trí tuệ ngay từ đầu chỉ với tư cách là một “đức hạnh”, và cũng vì vậy nó chỉ là một trong nhiều thứ bổ sung cho khả năng thuyết phục mà thôi.⁴⁰ Những nhân nhượng của Dickinson với đối thủ (khi tranh luận – ND) làm cho ông có vẻ như (chắc chắn ông nhận ra điều này!) có đức hạnh hơn và do đó đáng tin cậy hơn.

Dickinson cũng cho độc giả thấy ông là người rất ôn hòa, một nghĩa khác nữa của từ Hy Lạp *epieikeia*.⁴¹ “Tôi không thích tí nào các biện pháp kích động,” Dickinson nói trong lá thư đầu tiên của mình, “Tôi ghét cay ghét đắng chúng.” Nhưng không phải ai cũng đều được trang bị đức hạnh hiền hòa. Trong bài báo về những phát súng đầu tiên của cuộc cách mạng, Isaiah Thomas có tất cả mọi thứ, ngoại trừ tính ôn hòa và tính vô tư. Thậm chí chỉ vờ thông cảm cho những khó khăn của quân đội

Anh ông ta cũng không bao giờ làm. Chúng tôi không bao giờ chấp nhận quan điểm của họ. Nhưng bài kiểm tra tính cách mà Thomas muốn vượt qua trong câu chuyện này chắc chắn là một chuyện khác hẳn: ông muốn độc giả chống người Anh của mình tự tin rằng ông đã cam kết đầy đủ với sự nghiệp của họ, rằng ông phải được tin cậy vì ông đứng về phía họ. Đây là một cách khác để nhìn vào vấn đề *tính cách* trong nghề báo. Trong thời buổi phe phái — hay ít ra là trong một giới, một cộng đồng phe phái cụ thể — cam kết đã trở thành một đức hạnh; cần ác ý với một số người này để thể hiện thiện chí với những người khác.

Các nhà báo ngày nay tiếp tục bị phân chia theo hai tính cách mà họ muốn mọi người thấy mình đang sở hữu: *vô tư* làm an lòng và *cam kết* truyền hứng khởi. Tại Mỹ đầu thế kỷ 21, CNN và *New York Times* vẫn cố gắng để thể hiện — có chủ ý hơn hẳn những gì John Dickinson từng làm — rằng độc giả có thể tin tưởng là họ vô tư, không theo phe phái chính trị nào. Trong khi đó, như chúng tôi sẽ thảo luận ở chương 5, nhiều cơ quan thông tấn như Fox News Channel, MSNBC, Rush Limbaugh, *Huffington Post*, và *Drudge Report* lại chọn hướng kia của con đường mòn: họ áp dụng một “tính cách” đã chứng tỏ là có hiệu quả nhất trong việc lôi kéo những người gần như đã bị thuyết phục.

Cách tiếp cận sau đã lạc hậu từ lâu trong báo chí Mỹ cũng như trong các trường đào tạo báo chí. Sự trở lại của cách tiếp cận chủ quan, phe phái (partisan approach) cùng với sự gia tăng các đài phát thanh, tin tức qua truyền hình cáp và internet khiến nhiều người than phiền rằng sự chia rẽ đang ngày càng sâu hơn, rao giảng ngày một nhiều hơn, và những người đồng quan điểm càng lúc càng kết bè với nhau hơn trong những lô cốt vô cùng tù túng, chật hẹp. Chắc chắn là tính vô tư và ôn hòa vẫn

tiếp tục là những đức hạnh của báo chí. Nhưng với các nhà báo coi việc thể hiện quan điểm thành một phần quan trọng trong “tính cách” của họ, tuyên bố mình có thể giúp phân loại và làm rõ các sự kiện gần đây với những người cùng chia sẻ quan điểm đó, thì... chắc là vẫn còn đôi điều cần xem lại.⁴²



Diễn ngôn. Với hầu hết các nhà báo Mỹ đang viết bài cho các báo đài ngày nay, tính vô tư là trên hết. (Họ cũng cố gắng tỏ ra ôn hòa, tuy nhiên buộc phải ghi nhận rằng các đối thủ cạnh tranh chẳng-mấy-ôn-hòa của họ, trên truyền hình cáp hoặc Internet, thường xuyên được điểm tỷ suất người xem (rating) cao hơn hoặc có nhiều người theo dõi hơn trên Twitter). Những điểm mạnh và điểm hạn chế của tính vô tư trong báo chí hiện đại sẽ được thảo luận nhiều hơn và đầy đủ hơn trong chương 5, cùng với người anh em thân nhất của nó là tính khách quan. Tuy nhiên, trong nỗ lực để đưa ra các tiêu chuẩn đánh giá về báo chí tranh luận này, cần nói thêm một chút ở đây về tính vô tư (fairness), điều này vượt quá nhận thức về tính cách của nhà báo, đó chính là: tính vô tư đã nâng cấp việc thảo luận trước công chúng.

Lẽ dĩ nhiên, nâng cao chất lượng diễn ngôn là việc quan trọng với Aristotle. Và đối với một loạt các nhà tư tưởng đương đại, kể cả Habermas, cấp độ tiêu chuẩn đánh giá về một diễn ngôn hay tranh luận đã trở thành một căn cứ để đánh giá chất lượng lập luận.⁴³ Những nhà tư tưởng này cho rằng: lập luận thường mạnh mẽ hơn khi thừa nhận lập luận đối phương, ngay cả khi

nhân nhượng một số điểm trong lập luận đối phương; sự kiện thường rõ ràng hơn khi nhìn từ nhiều hướng; hiểu biết sẽ sâu sắc hơn sau khi bộc lộ qua nhiều quan điểm. Các nhà tư tưởng này lưu ý, việc thừa nhận và tôn trọng đối thủ còn giúp kiểm tra các lập luận của mình: loại bỏ dần các điểm yếu; mài giũa và củng cố các lập luận; chứng tỏ rằng lập luận của mình có thể chịu đựng được thử thách. Thành quy luật, các lập luận nào vượt qua được các bài kiểm tra như thế có giá trị hơn nhiều.

Vì vậy, khi John Dickinson thể hiện thái độ cởi mở, khi ông thừa nhận hay thậm chí nhượng bộ lập luận của các đối thủ, ông đã làm nhiều hơn là chỉ tỏ ra vô tư và ôn hòa bên ngoài: ông đang có lập luận tốt hơn và mang lại những cuộc tranh luận hiệu quả hơn. Và dù Isaiah Thomas có thể hiện hay không thể hiện được tính cách thuyết phục khi không bộc lộ hay thừa nhận bất kỳ quan điểm nào của người Anh trong những bài tường thuật về khởi đầu của cuộc chiến tranh Cách mạng Mỹ, dù ông đang phục vụ cho một sự nghiệp đại nghĩa vinh quang; thì ông vẫn đang có một lập luận tồi và một diễn ngôn gây tranh cãi mà thôi.



Phương pháp. Triết gia người Anh thế kỷ 20 Stephen Edelston Toulmin đã đưa ra ba “điều kiện cần” để cái “tuyên bố biết rõ” (claim to know) điều gì đó của một người là “đúng” hay “đáng tin cậy”. Điều kiện đầu tiên phải thỏa là có “đủ kinh nghiệm”, hoặc chuyên môn, về đề tài này. Điều kiện thứ hai là có thực hiện “tất cả các quan sát và tất cả các cuộc kiểm tra khi nhận

được các đề nghị hợp lý” về đề tài này. Điều kiện thứ ba là đưa ra những đánh giá “đã được xem xét kỹ” về đề tài.⁴⁴ Những nỗ lực của Toulmin nhằm lập ra các tiêu chuẩn để đánh giá một *tuyên bố biết rõ* thực ra cũng không hoàn hảo hơn so với các khuôn khổ khác đã được giới thiệu trong chương này, và cũng giống với chúng, nó buộc tôi phải cố gắng đưa ra một số tiêu chuẩn lỏng lẻo để đánh giá nỗ lực xây dựng báo chí trí tuệ.

Trên thực tế, ba điều kiện này có thể dễ dàng được chuyển đổi thành ba hành vi đưa đến hiệu quả trong việc hình thành báo chí lập luận — những hành động mà một phóng viên có thể triển khai vào một bài báo nào để nó “đáng tin cậy” hay, quay lại theo thuật ngữ của Jay Rosen, để có được “thẩm quyền”. Theo những điều kiện này, chúng ta có thể thấy những nét chính về phương pháp viết báo (journalistic method).⁴⁵

Các nhà báo lẽ dĩ nhiên phải bắt đầu bằng việc chắc chắn rằng mình có đủ “kinh nghiệm” về một chủ đề — rằng họ hiểu biết rất nhiều. John Dickinson vào thế kỷ 18 có lẽ hiểu biết sâu sắc về lịch sử của luật thuế Anh Quốc một phần bởi có nghiên cứu pháp luật (trong một văn phòng luật sư ở Philadelphia và sau đó tại Hiệp hội Luật sư chuyên nghiệp Anh và xứ Wales tại London)⁴⁶ và cả hành nghề luật nữa.

Trong thế kỷ này, chúng ta bắt đầu yêu cầu một cấp độ cao hơn về “kinh nghiệm” hoặc chuyên môn ở người phóng viên so với trong thế kỷ 20. Nhu cầu đó chưa thể so sánh với những gì Ben Franklin đòi hỏi hồi thế kỷ 18: “thông thạo thêm nhiều ngôn ngữ”, “lâu thông ‘Địa lý’”, “Lịch sử thời đại”, “Phong tục và Tập quán của tất cả các quốc gia” v.v., nhưng “thông thạo bao quát” một chủ đề trong tầm tay — điều có thể đạt được trong

trường đại học — ngày càng được yêu cầu nhiều hơn. Thật vậy, nhu cầu như vậy là tâm điểm của báo chí trí tuệ, và được nói rõ hơn trong chương 7.

Khi đã trang bị kiến thức chuyên môn như vậy, các nhà báo — tiếp tục áp dụng các điều kiện của Toulmin — phải thực hiện các “quan sát” cần thiết. Tất nhiên đây chính là cái tiêu đề rất phù hợp với công việc tường thuật mà Jay Rosen và hầu hết các nhà báo ngày nay ngợi ca. Mặc dù gần về khoảng cách vật lý rõ ràng là một ưu thế, nhưng việc quan sát không phải lúc nào cũng cần “đi đến các địa điểm” như cách nói của Bill Keller hay “ở đó” như cách nói của Jay Rosen. Chúng ta cũng có thể tham gia “quan sát” bằng cách đọc hay trao đổi về đề tài. Và ngày nay, chúng ta có thể quan sát được thế giới này càng lúc càng nhiều, thông qua các thiết bị kỹ thuật số trực tuyến.

Toulmin cộng thêm một yêu cầu bổ sung vào các “điều kiện” của ông là chúng ta phải *tiến hành* quan sát. Ông cũng muốn chúng ta thực hiện các “kiểm tra”, như cách làm của các nhà khoa học. Một số nhà báo đầu thế kỷ 21 có thể bị buộc tội không nhấn mạnh đúng mức vào điều này. Khi có dịp, họ tường thuật lại những gì mà họ được cung cấp, được kể lại, mà không kiểm tra các căn cứ của chúng. (Thất bại này sẽ được “than khóc” dài hơn trong chương 5). Nhiều người trong số họ cũng không phát triển được các công cụ khoa học xã hội với phân tích thống kê. Một số thỉnh thoảng còn chây lười ngay cả trong việc áp dụng các kiểm tra ít phức tạp, chẳng hạn như kiểm tra các thông tin trái chiều với hồ sơ dữ kiện. Báo chí trí tuệ phải làm tốt hơn thế nhiều.

Yếu tố cuối cùng trong phác thảo này về phương pháp viết báo — xuất xứ từ các điều kiện của Toulmin — là áp dụng các

đánh giá đã “được xem xét kỹ lưỡng”: suy nghĩ điều gì đó thấu đáo, đánh giá các bằng chứng, đưa ra kết luận. Kỹ năng phân tích hoặc diễn giải này cũng không được nhấn mạnh đúng mức trong nhiều bài tường thuật của các tờ báo và bản tin. Nhưng chúng chính là trọng tâm của điều mà tôi muốn nói là báo chí trí tuệ. John Dickinson đã suy nghĩ thấu đáo các Đạo luật Townshend.

Với những ai chuẩn bị viết một bài báo tường thuật, thỏa mãn những điều kiện của Toulmin là rất quan trọng. Các nhà báo ra ngoài viết bài phải có đủ kinh nghiệm và chuyên môn để hiểu mình đang nói gì. Tất nhiên là những phóng viên này phải thực hiện những quan sát cần thiết và bài tường thuật thực tế của họ có lẽ sẽ tốt hơn nhiều nếu họ kiểm tra đánh giá thường xuyên hơn về mức độ hiểu biết của mình đối với những gì đã xảy ra. Và các phóng viên này cũng phải đánh giá có suy xét vào những giai đoạn khác nhau hình thành nên việc giải thích các sự kiện.

Tuy nhiên, thỏa mãn các điều kiện của Toulmin — áp dụng phương pháp viết báo này — chỉ đặc biệt quan trọng khi các nhà báo đưa ra một “tuyên bố đã biết”. Khi xây dựng một lập luận, thẩm quyền và khả năng thuyết phục mới là quan trọng. Liệu “tuyên bố đã biết” điều gì đó của họ có “đúng đắn, phù hợp” hay “đáng tin cậy” không mới là yếu tố quyết định.



Phong cách. Aristotle không hài lòng với việc quá dựa vào cảm xúc — điều khá phổ biến trong các bài diễn văn chính trị và tư pháp mà ông phân tích: “Thật là sai trái khi làm méo mó

nhận định của hội đồng xét xử,” có lần ông đã nói, “bằng cách hướng họ vào giận dữ, ganh ghét hay thương hại”. Nhưng ngay cả nhà logic học vĩ đại này cũng phải thừa nhận tính hiệu quả của cảm xúc (pathos): không còn nghi ngờ gì nữa, ông viết, thật dễ thuyết phục hơn khi “người nghe... bị bài phát biểu làm cho cảm động.”⁴⁷

Rất nhiều người trong số các nhà báo ưu tú nhất của chúng ta và các nhà phê bình nghiêm khắc nhất cũng nghi ngờ việc quá dựa vào cảm xúc.⁴⁸ Tuy nhiên, thật khó để tìm thấy các nhà báo không thừa dịp củng cố bài viết của mình bằng cách “dẫn dắt” độc giả “vào cơn giận dữ, ganh ghét hay thương hại” — ít nhất là khi tranh luận.

Vâng, John Dickinson ghét cay ghét đắng “sự kích động”; quả thực, ông khuyến cáo bạn đọc phải “coi chừng những người có thể bất kỳ lúc nào cũng tìm cách kích động bạn.” Tuy nhiên, trong việc sử dụng các cụm từ như “nguy hại đến tự do”, trong cảnh báo rằng “bi kịch của nước Mỹ tự do” có thể bị “kết thúc”, hay khi hướng dẫn đồng bào “hãy thức tỉnh, hãy nhìn vào những đống đổ nát đang lơ lửng trên đầu bạn”,⁴⁹ thì chính Dickinson cũng đã mắc lỗi đã kích động, tăng xúc cảm nơi độc giả của ông.

Bài kiểm tra về cảm xúc chủ đạo (pathos) mà Aristotle áp dụng là xác định xem liệu liều lượng cảm xúc có “tương ứng với chủ đề” hay không.⁵⁰ Bài kiểm tra này dường như rất thông minh — và tôi đề rằng người ta từng ngợi khen Aristotle vì điều đó. Việc dẫn đến cảm xúc — nói điều gì đó quá hiển nhiên — có thể là việc làm hơi quá.

Ben Franklin không bị trách là đã đi quá trớn trong bài báo về vận chuyển tù nhân đến Mỹ — với những cụm từ như “là đưa

con gái trác táng và đổ bệnh, là cô vợ dâm loạn, là anh chồng bị cửa cổ, là đứa con bị riu bỏ vỡ đầu” — do cường điệu là phẩm chất cố hữu của thể loại châm biếm. Thế nhưng, tuy đề tài của Isaiah Thomas không gì khác hơn là những phát súng đầu tiên trong cuộc chiến tranh cách mạng Mỹ, ông có thể đã đi quá xa: “Tiếng khóc của những đứa trẻ bất lực”? “Những lời cầu nguyện của người già”? Kẻ thù đang trong “cơn khát máu”? Giận dữ và thương hại đã được “bơm” quá liều — cho dù đây là chiến tranh. *Đưa tin giật gân* — một cách thường được sử dụng nhưng lại gây tai tiếng rắc rối trong nghề báo — thỉnh thoảng vẫn được áp dụng cho những đề tài cạy vào cảm xúc chủ đạo như thế.⁵¹

Sức nặng — một từ Toulmin sử dụng trong đòi hỏi về lập luận — đưa ra một cách nhìn khác cho câu hỏi về phong cách trong lập luận báo chí.⁵² Isaiah Thomas đã viết đầy sức nặng khi tuyên bố rằng “quân đội Anh, không bị quấy rối và khiêu khích vô cớ, theo cách vô nhân đạo nhất đã nã đạn và giết chết rất nhiều đồng bào ta.” “Đánh giá” của ông quá khắc nghiệt, ông lại cực kỳ “chủ quan”. Theo góc nhìn hiện đại, Thomas đã viết quá nặng tay (with too much force).

Đây là *sức nặng* không bị giới hạn bởi phẩm chất, sự không chắc chắn hoặc quy kết. Trong bài báo dài hơn 1.500 từ của Thomas, không có chỗ nào ông sử dụng các từ như *có thể*, *có lẽ*, *theo tin đã đưa* hoặc cụm từ “*theo các nhân chứng người Mỹ*.” Chỉ duy nhất một lần ông sử dụng cụm từ “*đường như là*” — liền sau đó là câu hỏi liệu các phát súng của các binh sĩ Anh là bắn ra từ “toàn quân” hay chỉ từ “một nhóm sĩ quan và lính”. Hay nói cách khác, Thomas không dành chỗ nào cho sai sót hoặc nghi ngờ, cho đến tận câu cuối cùng của bài báo, một câu nhún nhường khá... bất thường: “Chúng tôi vui mừng nói rằng, mặc

dù kẻ thù có những hành động khiêu khích cao nhất, *chúng tôi nghe nói rằng*, không có bất kỳ chuyện tàn ác nào được đáp trả lại từ phía dân quân của chúng ta” (tác giả cho in nghiêng *chúng tôi nghe nói rằng*).⁵³

Ngược lại, John Dickinson, mặc dù trung thành với sự nghiệp mình theo đuổi, đã dùng đến bảy lần từ “có lẽ” (probably) trong mười hai bức thư của ông. Ông đặt một cụm từ “người ta có thể nói rằng” trước cụm từ “là không thể” (impossible).⁵⁴ Tương tự thế, tuyên bố chống tiêm chủng trong số đầu tiên của *New-England Courant* cố tránh sử dụng quá nhiều sức nặng ngay cả trong cụm từ châm biếm nhất của bài báo: “Tập quán tiêm chủng nguy hiểm, đáng ngờ”. Ngày ấy tiêm chủng ngừa đậu mùa là cố tình làm nhiễm bệnh bằng chính vi trùng bệnh, chứ không phải bằng vi trùng bệnh đậu mùa ở thú vật đã được làm yếu đi như ngày nay.⁵⁵ Rõ ràng là việc này “nguy hiểm”, dù người ta (có thể) thận trọng khi thực hiện. Và “đáng ngờ” (dubious) là một từ rất thích hợp ở đây, nó thể hiện phong cách mở, không kết luận vội vàng (inconclusive).

Điều này không có nghĩa là sức nặng (force) luôn là điều có hại cho phong cách tốt (good style) trong báo chí. Với phong cách của một lập luận phù hợp, sức nặng phải, xin mượn từ của Aristotle khi nói về những viện dẫn đến cảm xúc, “cân xứng”. Ví dụ, trong trường hợp của Isaiah Thomas, sức mạnh khi lập luận phải cân xứng, tương đương với mức độ chắc chắn của thông tin đề tài liên quan. Màn sương mù của trong trận đánh đầu tiên của cuộc chiến không phải là một thời điểm tốt để nhà báo từ bỏ những từ như “có lẽ là” trong bài viết...



Bằng chứng. Dưới đây là một cách thức phân tích ngôn ngữ khác, do nhà triết học John Searle đưa ra.* Ông phác thảo năm loại “hành vi ngôn trung” (illocutionary points) có thể có ở một ngôn ngữ. Điều thú vị là tất cả các hình thức báo chí, thậm chí tất cả năm “hình thức diễn ngôn” của Carlota Smith, đều có xu hướng chỉ thích hợp cho một loại của Searle. Thông thường, chúng *không phải* là các loại “khuyến lệnh” (directive) — yêu cầu hoặc ra lệnh; “cam kết” (commissive) — cam đoan hay thề thốt; “tuyên bố” (declarations) — tuyên bố, thường là có giá trị pháp lý; hoặc là, dù trường hợp này hơi hiếm, “biểu cảm” (expressive) — xin lỗi, chúc mừng, cảm ơn, hoặc chào đón. Thay vào đó, hầu như tất cả các thể loại báo chí đều đủ tiêu chuẩn mà Searle dán cho nhãn “khẳng định” (assertive).

Báo chí — dù là tường thuật hay lập luận, là tự sự, thông tin hay miêu tả — đều *khẳng định* điều gì đó về “trạng thái của các sự vụ nào đó trên thế giới”, đúng với thuật ngữ của Searle. Nó yêu cầu độc giả phải đặt lòng tin vào đó. Nó “có thể đúng, mà cũng có thể sai.”⁵⁶ Điều này hiển nhiên, nhưng cũng rất quan trọng, là báo chí phải dựa trên loại *sự thật* đó — loại hàm nghĩa “không sai trái.”[†]

Chúng ta muốn thấy bằng chứng là điều đang được khẳng định, theo nghĩa này, là sự thật. Theo Searle, khẳng định có

* John Rogers Searle (sinh năm 1932, ở Denver, Colorado), triết gia người Mỹ và hiện là Giáo sư Slusser Triết học ở Đại học California, Berkeley. Được chú ý rộng rãi vì những đóng góp đối với triết học ngôn ngữ, triết học tinh thần và triết học xã hội.

† Loại sự thật quan trọng thứ hai mà báo chí phải hiểu rõ — sự thật về điều gì đó ẩn giấu, về điều gì đó có thể bị tiết lộ — sẽ được thảo luận trong chương 6 và chương 7.

“các điều kiện phải thỏa mãn”: Khi nổ súng ở Lexington vào ngày 19 tháng 4 năm 1775, quân đội Anh có thực sự “không bị quấy rối và khiêu khích vô cớ”? Việc tập hợp “đại đội dân quân” của người dân thuộc địa có đủ điều kiện là một sự khiêu khích đối với thực dân nắm quyền không?⁵⁷ Khẳng định, sử dụng một thuật ngữ của Searle và các triết gia phân tích ngôn ngữ khác, có “các điều kiện về sự thực” (truth conditions).⁵⁸ Không phải lúc nào cũng có những bằng chứng rõ ràng để thỏa mãn đầy đủ những “điều kiện” này. Thế nhưng bằng chứng rõ ràng rất quan trọng ở đây.

Aristotle cũng có thêm một lời khuyên mà lúc nào có trong sách giáo khoa về báo chí, ngay cả trong các sách ở thế kỷ 20: “Rất cần thiết phải có các sự thật về chủ đề đó.”⁵⁹ Cũng rất cần thiết phải thể hiện các sự thật đó — trình bày cho độc giả của một bài lập luận thấy, theo thuật ngữ của Toulmin, các “cơ sở” hoặc “căn cứ để tuyên bố”. Khi nỗ lực đưa ra các tiêu chuẩn để đánh giá các “cơ sở” hoặc “căn cứ” thì hãy nhìn sang bên khoa học pháp lý: muốn đánh giá những vấn đề trên, chúng ta cần bằng chứng. Và ở đó, yêu cầu đầu tiên cũng chỉ đơn giản là bạn phải cung cấp một vài “bằng chứng – evidence” mà thôi.

“Chúng không thềm đếm xỉa đến tiếng gào khóc của những người bị thương”, Isaiah Thomas khẳng định về những người lính Anh khi kể về trận Lexington, “chúng giết họ không thương tiếc, chà đạp thi thể họ theo cách gây sốc nhất.”⁶⁰ Và ông đã đưa ra bằng chứng gì cho khẳng định này, ngoài quy kết chung chung ban đầu (“Chúng tôi thu thập tin tức từ những người mà tính chính xác trong lời nói của họ là không có gì phải nghi ngờ về câu chuyện sau”). Thomas đã *không* đưa ra bằng chứng nào cho việc quân Anh không thềm đếm xỉa đến và đối xử tàn bạo

với người bị thương. Lẽ ra chúng ta nên cung cấp, nếu không phải những cái tên thì chí ít cũng là một địa điểm, vài sự việc cụ thể — đủ để, hy vọng là thế, củng cố cho việc dùng đại từ số nhiều trong bài viết của Thomas? Về mặt luật pháp, đương nhiên là người ta còn yêu cầu những bằng chứng cụ thể, chi tiết nữa kia. Như lời một phán quyết đã đưa ra: “chỉ cáo buộc chung chung, đơn thuần kết tội và không có bằng chứng thuyết phục, thì không đủ”.⁶¹

Đôi khi, nói cách khác, chúng ta có thể đánh giá một bằng chứng dựa trên chính các định nghĩa về thuật ngữ này: bằng chứng đó có quá chung chung hay mơ hồ không? Nhiều lúc, lời kể của Thomas hoàn toàn cụ thể: “họ bị khoảng mười bốn sĩ quan cưỡi ngựa chặn lại, những sĩ quan này rời Boston vào buổi chiều ngày hôm đó.” Nhưng khi nói đến “giết người... không thương xót” và các cáo buộc đầy kích động khác, thì các chi tiết cụ thể lại biến mất. Và các nguồn tin của Thomas — “những người mà tính chính xác trong lời nói của họ là không có gì phải nghi ngờ” — có một điểm chung: họ là những cư dân Mỹ chống lại người Anh — những người đòi ly khai đang trong cơn giận dữ, hoàn toàn có thể cho là như vậy. Điều này có thể hiểu được, nhưng nó cũng làm cho lời khai của họ — và “tính chính xác trong lời nói” của họ — trở nên đáng ngờ.

Thomas cũng ép mọi người tin bằng chứng “nghe nói” (hearsay evidence). Về mặt pháp luật, “nghe nói” có nghĩa là một phát biểu mà... người khai không đưa ra khi làm chứng tại phiên xử hiện tại hoặc tại tòa. “*Các Nguyên tắc liên bang về bằng chứng*” khẳng định rằng “nghe nói”, trừ vài ngoại lệ, là “không thể chấp nhận được”.⁶² Hiển nhiên, những lời buộc tội sẽ đáng tin hơn khi chúng ta nghe trực tiếp chứ không phải

qua lời khai của một ai đó về những gì (người đó) nghe người khác nói. Các nhà báo, mặc dù không có quyền trưng cầu bằng chứng / nhân chứng như tòa án, nên cảm thấy sự cần thiết của việc tiếp cận nguồn tin gốc, càng gần càng tốt, càng gần thì càng đáng tin cậy hơn.

Mỗi khi có thể, họ cũng nên kể tên những người mà họ đã gọi ra “làm chứng”. Bằng cách đó độc giả ít nhất cũng đánh giá được nguồn gốc của các chứng cứ và có thể quy trách nhiệm về tính chính xác của bằng chứng cho những người cung cấp nó. Trong một thuộc địa vẫn còn dưới sự cai trị của người Anh, rõ ràng có lý do chính đáng để Thomas không nêu tên các nguồn tin của mình. Nhưng cũng vì vậy mà chất lượng của bằng chứng, và theo đó là chất lượng của các lập luận chống lại nước Anh của ông, chịu ảnh hưởng đáng kể.

Cần phải đánh giá bằng chứng theo bối cảnh.⁶³ Liệu nó thực sự hỗ trợ cho các điểm (trong lập luận, trong bài báo – ND) cần phải có bằng chứng hỗ trợ? Khi tường thuật về trận Lexington, Isaiah Thomas mô tả quân đội Anh là “GIẾT CHÓC và CUỐP BÓC có CHỦ ĐỊNH!” Có những tình tiết, nếu mọi người tin, đủ tiêu chuẩn để gọi là vụ cướp theo tường thuật của ông về hành vi của quân đội Anh: “Chúng cướp phá gần như mọi nhà chúng đi qua, đập vỡ và phá hủy cửa lớn, cửa sổ, cửa kính,... và lấy đi quần áo và các đồ vật có giá trị khác.”⁶⁴ Nhưng còn “ GIẾT CHÓC” thì sao, bằng chứng ở đâu?

Thomas nói rằng có tám người Mỹ thiệt mạng trong cuộc giao tranh. Tuy nhiên, ông không cung cấp bằng chứng *trực tiếp* rằng việc giết người được thực hiện có “CHỦ ĐỊNH”. Bằng chứng của ông, về việc kết tội lính Anh chủ định để mọi việc xảy

ra như thế, rất gián tiếp và rất lỏng lẻo: Quân đội Anh tập hợp, hành quân và đụng độ với một “đại đội dân quân”. Họ ra lệnh cho đại đội kia “giải tán”. Ai đó — Thomas nói “một hoặc hai” “sĩ quan” Anh (điều này không được các sử gia khẳng định!) — sau đó đã nổ phát súng định mệnh.⁶⁵ Thật khó để hiểu làm thế nào mà bằng chứng gián tiếp này lại có ý nghĩa rằng người Anh đã “có thể” (probable) giết người có “CHỦ ĐỊNH”, nói theo một thuật ngữ trong *Các Nguyên tắc liên bang về bằng chứng*.⁶⁶

John Dickinson, trong lập luận chống lại các Đạo luật Townshend, đã tập hợp và trưng ra các bằng chứng rất hiệu quả. Một bước quan trọng trong lập luận của ông là lời khẳng định: mức thuế mà các đạo luật này áp đặt không nhằm để quản lý thương mại, mà là để tăng nguồn thu từ các thuộc địa. Bằng chứng của Dickinson cho điều này rất rõ ràng, trực tiếp và dựa trên văn bản viết giải trình về thuế của Thủ tướng Anh George Grenville (1712-1770), trong đó ngài thủ tướng cho biết “cần phải Tăng Thu Từ Nước Mỹ – Thuộc Địa Của Hoàng Đế”.⁶⁷ Dickinson không bó hẹp trong các “cơ sở” và “căn cứ để tuyên bố” của mình, ông đưa ra các bằng chứng!



Logic. Đóng góp quan trọng nhất của Aristotle vào những hiểu biết về tranh luận — và về nhiều, nhiều đề tài hơn nữa — chính là phân tích của ông về logic. Triết gia Hy Lạp này trình bày 28 *topoi* hay tam đoạn luận — những dạng thức khả dĩ của lập luận logic trong hùng biện.⁶⁸ Chúng cũng là những hình thức lập luận khả dĩ trong báo chí.

Chẳng hạn như dạng số 11 trong danh sách của Aristotle là lập luận từ một “phán đoán trước” (previous judgment).⁶⁹ Trong một “Bức thư” của mình, Dickinson đã thực hiện dạng này bằng cách dựa vào “phán đoán” rằng Đạo luật Tem đáng ghét là một nỗ lực chưa có tiền lệ và không đúng để tăng doanh thu chứ không phải để quản lý thương mại. Sau đó ông hỏi, một cách hoa mỹ, về các Đạo luật Townshend còn mới mẻ và chưa-bị-ghét: “Sự khác biệt về *thực chất* và về *quyền* là gì, liệu chúng ta có bị thu thuế bằng đúng số tiền tính theo thuế suất đề ra trong Đạo luật tem cho việc sử dụng giấy, hoặc theo những loại thuế này khi phải nhập khẩu giấy?”⁷⁰ Nói cách khác, nếu Đạo luật Tem một nỗ lực để tăng thu từ các nước thuộc địa là sai trái và nếu các Đạo luật Townshend cũng diễn lại cái nỗ lực tăng thu từ các thuộc địa này, thì... Nếu, nếu, thì — giả định, giả định, kết luận. Lập luận của Dickinson ở đây, cũng giống như tất cả các tam đoạn luận hiệu quả khác, là một nỗ lực nhằm diễn dịch (deduction), một phiên bản không chính thức của tam đoạn luận mà Aristotle rất yêu thích — với ông thì đó là dạng lập luận logic cao quý nhất.⁷¹

Phép quy kết (induction) — rút ra kết luận phổ quát từ những ví dụ cụ thể — là một dạng thức lập luận đôi chút kém ấn tượng hơn diễn dịch, theo lời triết gia Hy Lạp này. Trong môn hùng biện, khi mà tiêu chuẩn lỏng lẻo hơn logic đơn thuần, kết luận có thể chỉ là một điều cụ thể khác và có thể có được chỉ từ một hoặc hai ví dụ. Aristotle gọi dạng thức lý luận này là hệ hình (paradigm). Ông không thích nó bằng tam đoạn luận rút gọn, và ông hoàn toàn có lý.⁷² Lý do là khi đưa lập luận vào một hệ hình ví dụ, chúng ta rất dễ có xu hướng làm những gì mà tác giả của cuộc tấn công vào vụ tiêm chủng đậu mùa của tờ *New-England*

Courant đã làm: cung cấp một ví dụ về việc tiêm chủng làm ai đó nhiễm bệnh rất nặng — “Ông già W-b sau một vài giờ trải qua cấp cứu do chảy máu, nôn, phồng rộp, thuốc đắp và suýt phải lìa đời” — rồi sau đó dựa vào ví dụ thiếu điển hình này mà *quy kết* cho nó là một “hậu quả thảm hại” của tiêm chủng.⁷³

Trong một ví dụ thậm chí còn nghiêm trọng hơn, thật quá dễ dàng để *quy kết* rằng bác sĩ chính phụ trách về tiêm chủng bệnh đậu mùa của Boston bị nghi ngờ về năng lực bởi vì thực tế công việc này trước đây do những “Bà già Hy Lạp” thực hiện. Chuyện này dường như giống với một ví dụ về cái mà Aristotle gọi là tạo “gây sự chú ý đến các vấn đề không liên quan, nằm ngoài chủ đề chính của câu chuyện”:⁷⁴ làm thế nào mà việc những “Bà già Hy Lạp” thực hiện kỹ thuật tiêm chủng lại phủ nhận được toàn bộ hiệu quả của việc tiêm chủng do bác sĩ thực hiện? Theo truyền thống trong hùng biện, chúng tôi có thể xem phong cách tranh luận này là công kích cá nhân (*ad hominem*): trong trường hợp này là việc cố gắng chuyển ‘sự thiếu tôn trọng nhắm vào những người thực hiện một kỹ thuật nào đó trước kia’ thành ‘sự thiếu tôn trọng đối với chính kỹ thuật đó’.

Aristotle nhóm các dạng thức lập luận “ngụy biện” thành chín loại. Hầu hết trong số đó là những sai lầm về logic mà các nhà báo dễ mắc phải. Chẳng hạn, hình thức “ngụy biện” thứ ba là “cường điệu” (*exaggeration*, một họ hàng gần với việc sử dụng “sức nặng” thái quá, đã được thảo luận trong phần về phong cách ở đoạn trên).⁷⁵ Cách mà Isaiah Thomas phần nào kết tội quân đội Anh tại Lexington và Concord chính là một ví dụ về cường điệu, với những từ ngữ như “bùra bãi”, “vô nhân đạo”. Khi nói về cường điệu trong ngụy biện, Aristotle có ý nói về những “người buộc tội “đang “nổi cơn thịnh nộ”.⁷⁶ Dường

như đó chính là những gì đã xảy ra với Thomas. Nhưng Aristotle cũng ghi nhận một dạng nguy biến tinh tế hơn, khi người ta cường điệu tuyên bố của đối thủ để dễ dàng bác bỏ chúng hơn, nói cách khác là tạo ra một “bù nhìn rơm” để tấn công khi tranh luận. Cuộc phê phán bền bỉ việc tiêm chủng ngừa bệnh đậu mùa trên báo của James Franklin là nạn nhân của loại nguy biến này: một bài trong một số báo sau này rất mẫn nguyện khi ghi nhận rằng “hoạt động này” không phải là “*không thể sai lầm*”.⁷⁷ Nhưng có ai dám nói như thế về nó, hay về bất kỳ một liệu pháp y tế nào khác đâu?

Aristotle đi đến một luận điểm khó khăn với dạng nguy biến thứ chín, theo đó ông chỉ trích xu hướng nhầm lẫn “cái phổ quát và cái không phổ quát”. Cũng số báo *New England Courant* nói trên đã viết: “Rõ ràng là, đối với bất kỳ người nào, không nhất thiết phải đẩy mình đến mức tận cùng khi tự làm mình nhiễm bệnh để phòng ngừa một căn bệnh, mà với những gì người đó biết, anh ta sẽ không gặp nguy hiểm.”⁷⁸ Vấn đề của lập luận này là, như Aristotle chỉ ra, mặc dù nguyên tắc ‘không chủ động làm cho người ta nhiễm bệnh’ nghe có vẻ hợp lý, nhưng nó không phải là một nguyên tắc phổ quát, một quy luật “chung”: nó không “tuyệt đối đúng”. Có thể có những hoàn cảnh mà làm cho ai đó nhiễm bệnh nhẹ, để tạo kháng thể và bảo vệ họ chống lại một căn bệnh có thể gây tử vong lại là một ý kiến hay.⁷⁹

Một phân tích về logic luôn bắt buộc hoặc cần thiết phải công khai rõ ràng. Chúng tôi hy vọng có thể nói “điều này tốt” hoặc “điều này là xấu” một cách dễ dàng hơn về logic của một lập luận, so với khi nói về những khía cạnh khác của lập luận như phong cách (style) hay tính cách (character) của tác giả. Nhưng với logic thì mọi nhận xét sẽ không dễ dàng như thế,

ngay cả khi có Aristotle làm trọng tài, ngay cả khi người ta đã nỗ lực tiếp tục phát huy những công trình của triết gia này suốt hai ngàn năm qua.⁸⁰ Lập luận chống lại tiêm chủng ngừa bệnh đậu mùa ở Boston vào năm 1721 về nhiều điểm rất thuyết phục. Lập luận của John Dickinson chống lại các Đạo luật Townshends về nhiều điểm lý lẽ rất đáng khâm phục. Các hình thức lập luận có giá trị đôi khi lại được áp dụng vào các lập luận tồi, và các hình thức ngụ biện đôi khi lại hỗ trợ lập luận tốt. Việc tìm kiếm một logic có giá trị hay logic ngụ biện không thể cung cấp được một phương pháp rõ ràng để phân biệt lập luận báo chí (journalistic argument) tốt và xấu.

Nhưng điều này vẫn có thể hữu ích. Và cùng với những phân tích trong những đoạn trên về tính cách, diễn ngôn, phương pháp, phong cách và bằng chứng, những phân tích về logic có thể đưa ra một số hướng dẫn để bắt đầu đánh giá những gì báo chí nên đạt được và đã đạt được khi nó không chỉ tường thuật mà còn đưa ra những lập luận — như những gì đã có trong nền báo chí mà cùng với nó nước Mỹ ra đời, như những gì sẽ có trong nền báo chí trí tuệ mà cuốn sách này cổ vũ.



Báo chí tranh luận và chủ kiến cao độ đã góp phần tạo ra Hợp chủng quốc Hoa Kỳ — không đâu hùng hồn hơn ngòi bút của Thomas Paine* khi ông ngợi ca độc lập trong *Common Sense*: “Hỡi

* Thomas Paine sinh năm 1737 tại Thetford, Anh Quốc, sống ở Mỹ, nhập cư vào Mỹ trong thời gian nổ ra Cách mạng Mỹ. Ông là một nhà triết

những người yêu mến nhân loại! Những người dám chống đối, không những chỉ sự độc tài, mà còn chống luôn những kẻ độc tài, hãy đứng dậy! Mọi nơi trên cái quả đất cũ kỹ này đã bị sự đàn áp giày xéo. Tự do đã bị săn đuổi trên toàn quả địa cầu. Á châu và Phi châu đã trục xuất nàng tự do từ lâu lắm rồi, còn Âu châu đã coi nàng như kẻ lạ, và Anh Quốc đã cảnh cáo nàng nên rút xéo khỏi nước Anh. Ôi, chúng ta hãy đón nhận con người đang lánh nạn đó, và kịp thời chuẩn bị một chốn nương thân cho nhân loại.”⁸¹

Tuy nhiên, báo chí tranh luận và đầy chủ kiến, cũng như chính bản thân Thomas Paine, hầu như chẳng luôn được yêu quý ở Mỹ — cả trong và sau cuộc cách mạng. Những ý kiến quyết liệt thường dễ làm phiền lòng hay xúc phạm ai đó với đủ lý do chính đáng, nếu xét đến xu hướng đơn giản hóa quá mức (nếu không phải là bóp méo sự thật!) của chúng. Trong những thập kỷ đó, các lập luận trở nên vô cùng quyết liệt. Các nhà sử học đề cập đến báo chí Mỹ sau cuộc cách mạng với cái tên “báo chí phe đảng” (partisan press). “Cảm xúc chủ đạo” dâng cao, “sức nặng” được sử dụng tràn lan trong báo chí, như một tổng biên tập thuộc phe chống liên bang (anti-Federalist) — Benjamin Franklin Bache, cháu nội của Ben Franklin — bày tỏ vài tuần sau bài diễn văn chia tay của vị Tổng thống Mỹ đầu tiên: “Nếu một quốc gia từng bị truy lạc bởi một con người, thì nước Mỹ đã bị truy lạc bởi ông Washington.”⁸²

học, nhà cách mạng, người theo trường phái chủ nghĩa tự do cổ điển, một nhân vật nổi bật trong phong trào khai sáng, tác giả của *Common Sense* (*Lê Thông thường*, 1776). Ông ủng hộ sự độc lập của các thuộc địa Mỹ tách khỏi Đế quốc Anh, hỗ trợ cho cách mạng. Ông mất năm 1809 tại New York, Mỹ.

John Adams,* người theo phe liên bang (federalist) có thời điểm từng lên án hành vi của các tổng biên tập thuộc phe chống liên bang là “khủng bố”. Vào năm 1798, Tổng thống Adams đã ký ban hành Đạo luật Phản loạn (Sedition Act), theo đó rất nhiều tổng biên tập theo phe chống liên bang đã bị truy tố, một số bị tống vào ngục. (Án lệ xưa cũ của nước Anh về cấm phản loạn phỉ báng được sử dụng để kết tội Bache).⁸³

Mặc dù một người theo phe chống liên bang là Thomas Jefferson khi trở thành tổng thống vào năm 1800 đã vô hiệu hóa Đạo luật Phản loạn, nhưng ông tổng thống này cũng hầu như không ủng hộ những tờ báo phe đảng thời đó. Đây là những than phiền của Jefferson, tất nhiên là hướng nhiều hơn vào những tờ báo với tư tưởng thuộc phe liên bang: “Tôi thực sự đau xót nhìn các công dân,” ông viết trong một bức thư vào cuối nhiệm kỳ tổng thống, “những người đang đọc báo, sống chết hết mình trong niềm tin rằng họ đã biết được điều gì đó đang diễn ra trên thế giới vào thời của mình.”⁸⁴

Nhưng cũng rõ ràng là những thành tựu đáng kể mà báo chí Mỹ đạt được là nhờ vào những lập luận phe đảng (partisan arguments). Trong một bức thư sau này và với tâm trạng cao thượng hơn, Jefferson quay lại ca ngợi tầm quan trọng của báo chí: “An ninh duy nhất cho tất cả nằm trong tự do báo chí,” ông đã viết như vậy. Và rõ ràng trong bức thư này những gì Jefferson tin tưởng phải “được phép tự do thể hiện” chính là “công luận” (public opinion).⁸⁵

* John Adams, Jr. (1735-1826) là Phó tổng thống đầu tiên của Hoa Kỳ (1789-1797) và là Tổng thống thứ 2 của Hoa Kỳ (1797-1801).

Vài năm sau khi giúp soạn thảo Tu Chính Án đầu tiên của Hiến pháp (First Amendment), khi viết cho tờ *National Gazette*, James Madison* cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc “phát hành báo chí đến toàn bộ người dân “ là “tự do”. Tại sao? Vì điều đó “tạo điều kiện cho việc trao đổi, giao thoa các tình cảm chung”⁸⁶ — tức là các bình luận, tranh luận.

Báo chí của Bill Keller và Jill Abramson, báo chí của Ủy ban Nhà báo dân thân, nói cách khác, đều không phải là báo chí của những nhà lập quốc tại Mỹ. Báo chí thời đó có nhiều điểm chung hơn với các chương trình tin tức trên truyền hình cáp ngày nay, tức là cực kỳ phe đảng, so với *New York Times* của Keller hay Abramson; chúng cũng có nhiều điểm chung hơn với các blog mang tính phe đảng tương tự (chú trọng vào diễn giải chứ không phải thu thập sự thật) so với “các nguyên tắc chuyên nghiệp để thu thập và xác minh sự thật”, cái mà Dự án vì sự xuất sắc trong nghề báo xem là phần chủ đạo của sự xuất sắc trong báo chí.⁸⁷

Dù sao thì, một nền dân chủ sáng tạo và đầy ảnh hưởng đã ra đời. Dù sao thì, một khái niệm sáng tạo và đầy ảnh hưởng về tự do báo chí đã được thiết lập. Trên thực tế, những thành công làm rung chuyển cả thế giới của thể hệ cách mạng Mỹ có lẽ phải chịu ơn công luận trên báo chí (printed opinions) cũng nhiều như chịu ơn các lực lượng vũ trang của họ.

Cuối cùng, John Adams cũng nhận ra điều này, và ông đã diễn tả nó một cách xuất sắc nhất: “Chúng ta muốn nói điều gì khi nói về cuộc Cách mạng Mỹ?” ông đưa ra câu hỏi nổi tiếng

* James Madison (1751- 1836) chính khách và là Tổng thống thứ 4 của Hoa Kỳ, nhiệm kỳ 1809-1817.

này vào năm 1818, rất lâu sau khi kết thúc cuộc cách mạng. “Về cuộc chiến tranh ở Mỹ chẳng? Cuộc cách mạng đã xảy ra trước khi cuộc chiến bắt đầu. Cuộc cách mạng đã nằm trong con tim và khối óc của nhân dân.... Thay đổi triệt để về nguyên tắc, ý kiến, cảm xúc và lòng yêu mến của nhân dân, đó mới là Cuộc Cách mạng Mỹ thực sự.” Và Adams cho rằng, chính “các tờ rơi, báo giấy và thậm chí tờ gấp” đã “góp phần làm thay đổi tính khí và quan điểm của người dân và hợp họ lại thành một quốc gia độc lập”.⁸⁸ Những ấn phẩm này đã thay đổi “nguyên tắc, ý kiến, cảm xúc và lòng yêu mến” của mọi người chủ yếu bằng việc xuất bản “nguyên tắc, ý kiến, cảm xúc và lòng yêu mến” của những con người vĩ đại như Ben Franklin, John Dickinson và Thomas Paine.

Lập luận, tranh luận — trên báo chí và trên các tờ rơi — đã tập hợp người Mỹ thuộc địa chống lại người Anh. Và rồi nó giúp hình thành nền dân chủ mới. Giờ đây, khó mà hình dung ra bất kỳ ai có thể nói điều gì về vang tương tự về báo chí thuần túy đưa tin tức.

2

“NHỮNG BIẾN CỐ XẢY RA HÔM QUA TRÊN MỌI LỤC ĐỊA”

Ngành kinh doanh tin tức

Ngày nay, không thể nói về nghề báo mà không nhắc đến hai chữ *tin tức*. Các nhà báo làm việc trong các “phòng thời sự” cho các “tờ tin tức”, “đài phát tin tức”, “trang tin tức” hoặc các “cơ quan tin tức” khác. Chúng ta không có một thuật ngữ nào khác để thay thế cho những nơi chốn và cơ quan này. Thế nhưng nghề báo cần phải thoát khỏi nhiệm vụ chỉ đơn thuần đưa tin mà thôi!

Tin tức (news) theo cách sử dụng hiện nay là một từ ngữ hết sức xưa cũ. Nó thích hợp vì kiểu thông tin nó mô tả cũng hết sức xưa cũ.¹Tuy nhiên, cụm từ *nghề báo (journalism)* lại không được sử dụng trong tiếng Anh vào thời của Jefferson và Adams. Người ta đã không đặt tên cho hoạt động thu thập, trình bày, diễn giải và bình luận những tin tức ấy phần lớn vì nó không được xem là một hoạt động chuyên biệt. Hồi đó in ấn đã là một ngành kinh doanh. Chính trị — thể hiện và bảo vệ một quan điểm hay giới thiệu một ứng cử viên, thường là bằng bản in — cũng đã phát triển thành một lĩnh vực riêng khi mà triển vọng

và thính giả cho các chiến dịch tranh cử này ngày càng rộng mở cùng với nền dân chủ và không gian công. Vào thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19, người ta chỉ biết các danh xưng nhà văn / người viết [writer]; hay chủ báo [newspaper proprietor] (cả Ben Franklin cũng không bao giờ dùng từ *chủ bút* – *editor* – trong hồi ký của mình). Hoàn toàn chưa có sự phân loại công việc rõ ràng để xếp Franklin và Tom Paine vào cùng một nhóm, nhóm này sẽ không tính đến Thomas Jefferson.

Theo *Từ điển tiếng Anh Oxford*, thuật ngữ *báo chí* (journalism) trong tiếng Anh lần đầu tiên được dùng để chỉ *công việc liên quan đến một tờ báo* trong một bài viết năm 1833 trên tờ *Westminster Review*.² Nghĩa của từ này thoát tiên là “viết nhật ký, ghi chép các sự việc xảy ra hàng ngày” (keeping journal), sau đó chuyển thành “công việc báo chí” (periodical work), nghĩa này đã sử dụng ở Pháp từ trước. Và thật ra, bài viết trên tờ *Westminster* ấy là cũng là một bài dịch từ tiếng Pháp. Nghề báo, báo chí được định nghĩa trong bản dịch tiếng Anh từ bài báo tiếng Pháp đó là “sự giao thoa giữa bình luận và thông tin”.³ Theo quan điểm của các nhà báo Mỹ ở thế kỷ 20, định nghĩa đầu tiên này về nghề báo trong tiếng Anh có thể bị xem là *kỳ quặc* vì nó quá nhấn mạnh đến “bình luận, ý kiến” (opinion). Thế nhưng, điều đổi mới thực sự trong định nghĩa này chính là nó đã coi trọng “thông tin” (intelligence) — một lĩnh vực từng bị thống trị bởi tình cảm, ý kiến và những tranh cãi. Ở đây, *thông tin* là một từ đồng nghĩa khá thú vị với *tin tức*, nhưng dù sao đó cũng chỉ là từ đồng nghĩa mà thôi.

Kể lại tin tức thì cũng thú vị chẳng kém khi nghe tin tức; và đó là dấu hiệu cho thấy vẫn còn giá trị ở cái khao khát được kể cũng như được nghe tin tức. Bản chất con người là có khuyếch

hướng truyền đi những tin tức mà họ nhận được. Ana Marie Cox* đã nói “Khi bạn biết một chuyện gì đó mà không ai khác biết và bạn sẽ là người đầu tiên chia sẻ nó với mọi người, thì quả là quá hào hứng.”⁴ Có lẽ cô ấy đang nói về báo chí trực tuyến (online journalism) mà cô ấy tham gia ngay từ buổi đầu. Nhưng điều này cũng đúng đối với việc phao tin thường thấy tại các quán rượu hoặc quán giải khát ở thế kỷ 18. Các tờ báo đầu tiên chỉ chú mục vào những mẫu bình luận hay tin tức từ phương xa, một phần là do nếu cố bán tin tức địa phương sẽ khiến họ phải cạnh tranh với những người mong có được niềm hào hứng “người biết tin đầu tiên trong vùng” – như thế cũng chính là cạnh tranh với... tất cả mọi người trong vùng! Và cạnh tranh như thế nghĩa là để phân phối sản phẩm tin tức, là phần đáng giá nhất của mọi loại tin tức, trở thành miễn phí.

Ấy vậy mà, lần đầu tiên trong tiếng Anh lại xuất hiện một từ mô tả việc lấp đầy các cột báo, kèm theo định nghĩa ngầm chỉ rằng nội dung của những cột báo ấy đang bắt đầu có sự thay đổi. Báo chí ở London (nhiều hơn cả Paris hay bất cứ nơi nào khác) đã bắt đầu truyền tải *thông tin* cũng như các bình luận thường xuyên hơn. Các tờ báo này ngày càng xây dựng hình ảnh bản thân thành những cơ quan phát tán tin tức. Và đó không chỉ là những mẫu tin ngắn, vay mượn, giống như hồi thế kỷ 17, mà là những bài tường thuật (report) đáng chú ý. Ngay cả những tờ báo thuộc những vùng nói tiếng Anh khác ngoài phạm vi nước Anh cũng bắt đầu theo xu hướng này.

* Ana Marie Cox (sinh năm 1972) là tác giả và blogger người Mỹ, sáng lập trang blog chính trị *Wonkette*, cô hiện là thông tin viên ở Washington cho tạp chí *GQ* và là blogger hàng đầu về chính trị Mỹ cho *The Guardian*.

Vì sao như thế? Một mặt, các thành phố — như London, rồi dần dà đến Boston, Philadelphia và đặc biệt là New York — bắt đầu trở nên đông đúc hơn. Thông tin truyền miệng giờ đây khó lan truyền. Trong khi đó, báo chí ngày càng phát triển nhanh: tờ nhật báo đầu tiên xuất hiện ở Mỹ là vào năm 1783 tại Philadelphia.⁵ Đến thế kỷ 19, hầu hết các tờ báo đều có thể đăng tin tức của ngày hôm trước ở địa phương — những tin tức khá là cập nhật. Sau đó, vào nửa đầu thế kỷ 19, nhiều tờ báo Mỹ — cũng lại nối bước các đàn anh tại London — bắt đầu thuê người đi săn tin.

Phóng viên (reporter) cũng là một từ ngữ khác có sự thay đổi. Trước đó từ này chỉ những cá nhân được phân nhiệm vụ cập nhật tin tức: trong một bức thư viết vào năm 1796, Phó Đô đốc, Tử tước Nelson giải thích: “Tôi e rằng người báo cáo (reporter) của mình đã bị bắt.”⁶ Từ này cũng bao hàm ý nghĩa người tường thuật hoặc là người ghi chép lại các sự kiện: “Những *reporter* này dường như có một trí tưởng tượng hết sức kỳ quặc”, tác giả của một quyển sách viết vào năm 1837 than phiền về những cá nhân mô tả sứ mệnh tôn giáo.⁷ Và định nghĩa của lĩnh vực pháp luật giải thích không mấy rõ ràng và hiện vẫn như thế: *reporter* là “người soạn thảo các công bố / phán quyết chính thức của thủ tục tố tụng, hoặc của các thảo luận lập pháp”.⁸ Trong một cuộc tranh luận tại Quốc hội Mỹ năm 1798, từ này dường như được dùng để chỉ những nhân viên của các tờ báo, nhưng nó lại được dùng lẫn lộn với *người viết tốc ký (stenographer)* và *người ghi chép (note-taker)*.⁹

Tuy nhiên, cách sử dụng thuật ngữ *reporter-phóng viên* — là người thu thập tin tức để phát hành, dù có khả năng viết tốc ký hay không — của giới làm báo đã thắng thế vào thế kỷ 19. Và

các tờ báo tại các thành phố lớn của Mỹ bắt đầu tuyển dụng một số nhân viên này — đầu tiên, vào những năm 1830, hầu hết là nhấm vào (việc đưa tin về) các phiên tòa phạt vi cảnh. “Đóng đô” tại những nơi mà các sự kiện thú vị có thể xảy ra, các chuyên gia được trả lương (paid specialist) này – nếu đấy không phải là một từ quá sang trọng dành cho họ — đã hỗ trợ đáng kể cho các tờ báo so với những người phao tin nghiệp dư.¹⁰

Cũng chính vào thời điểm này xuất hiện hai phát minh làm tăng thêm lợi thế phát triển của báo chí trong việc truyền bá tin tức. Năm 1814, tại London lần đầu tiên máy hơi nước được dùng để cung cấp năng lượng hoạt động cho máy in. Nhưng máy in hơi nước “hai xy-lanh” của Hoe, ra mắt ở New York vào những năm 1830, lại hoạt động nhanh và hiệu quả hơn nhiều. Sau này nhớ lại, Whitelaw Reid, là chủ bút của tờ *New York Tribune* sau khi cuộc nội chiến kết thúc, đã tự hào nói rằng: “Khi Richard M. Hoe phát minh ra cách xếp các chữ in lên trục quay thay vì lên bản phẳng, ông đã đóng góp rất nhiều cho một ngành mà giờ đây đang thống trị thế giới, cũng giống như người đã phát minh ra thuốc súng góp phần cho ngành từng thống trị thế giới vậy. Bắt đầu từ đây, chỉ từ một chiếc bàn, chỉ trong một giờ, có thể đưa tin cho hàng triệu người ngay lập tức về những sự kiện xảy ra ngay trong giờ đó, với sự chú ý ngay tức khắc của họ.”¹¹

Phát minh thứ hai được ra mắt vào năm 1844, khi Samuel Morse lắp đặt và vận hành đường dây điện tín đầu tiên giữa các thành phố. Bằng phát minh đó, ông đã trình làng cho cả thế giới thiết bị đầu tiên trong số nhiều thiết bị có thể truyền tin tức không những nhanh hơn người chạy, ngựa phi nước đại, bồ câu bay; không những nhanh hơn tốc độ của tàu thủy, của xe lửa, mà là nhanh gần bằng với tốc độ ánh sáng!

Thế là, ngoài những bài tường thuật về tin tức địa phương, một điều mới mẻ khác đã bắt đầu xuất hiện trên các tờ báo giữa thế kỷ 19 — một từ ngữ mà trước đây hầu như không thể xuất hiện trong các bài tường thuật tin tức đến từ các thành phố và vùng miền xa xôi: *ngày hôm qua*. Và đến năm 1866, khi đường dây điện tín đầu tiên dưới đáy Đại Tây Dương được lắp đặt thành công và sẵn sàng hoạt động, việc kể lại những gì đã xảy ra vào “ngày hôm qua” cũng đã bắt đầu xuất hiện trong các bài tường thuật từ các châu lục khác. Whitelaw Reid* cũng bình luận về việc này như sau: “Mỗi sáng, các nhà báo chỉ cần một bước là có thể thu tóm tin tức của toàn bộ thế giới về thị trấn của mình.”¹²

Điện tín chỉ truyền được thông tin, và với cái giá cắt cổ. Các cá nhân gửi điện tín, nếu có đi chăng nữa, thì chỉ khi cần phải thông báo cho người thân và bạn bè những tin tức riêng tư khẩn cấp như: “BÀ MẤT. CHẤM.” Nhưng mua thời lượng sử dụng các đường truyền điện tín là một việc hết sức có ý nghĩa đối với các tờ báo, vì qua các đường truyền này họ có thể bán tin tức từ một phóng viên đến từng độc giả với số lượng ngày càng tăng của mình. Các tờ báo nhanh chóng trở thành khách hàng lớn nhất của các công ty điện tín.¹³ Và họ càng giảm thêm được chi phí nhờ việc cùng nhau chia sẻ chi phí điện tín, như trường hợp của Associated Press (AP), hoặc tận dụng mức phí điện tín theo giá bán buôn, như Reuters. Về cơ bản, các tờ báo được độc quyền truy cập tin tức truyền qua điện tín.

* Whitelaw Reid (1837-1912) là chính trị gia và chủ bút người Mỹ, cũng là tác giả của cuốn sách nổi tiếng *Ohio in the Civil War*.

Trong khi đó, các tường thuật viên, hay “đặc phái viên”, ngày càng được triển khai theo “khu vực chuyên trách” (beat) — đôi khi ở dưới phố, đôi khi ngay đầu của một trong các đường dây điện tín đó. Nói cách khác, họ được chỉ định quán xuyên một khu vực cụ thể: tòa án, tòa thị chính, Nhà Trắng, Paris v.v... Triển khai theo khu vực chuyên trách khiến cho các tờ báo và hệ thống thu thập tin tức của họ trở nên đáng tin cậy hơn. Việc liên hệ và hiện diện tại tòa án hay tòa thị chính của các phóng viên đảm bảo bất kỳ sự kiện nào có vẻ đáng đưa tin xảy ra tại tòa thị chính cũng đều trở thành tin tức, giảm đi khả năng để lờ một sự kiện nào đó. Đây chính là sự ồ ạt thông tin mà mọi người thường mong đợi và có thể tin cậy.

Thế là các tờ báo biết được thế mạnh là mình có một món hàng mới để bán: giờ đây, chỉ với một xu — nhiều tờ báo của thế kỷ 19 đã xoay sở để giảm giá bán báo — độc giả có thể có các tin tức được tường thuật chuyên nghiệp, nhanh chóng, đáng tin và đến từ khắp mọi nơi. Những người phao tin và những tin đồn không còn cơ hội tồn tại nào trước những con quái vật có tin tức được tường thuật hàng ngày qua đường dây điện tín và in bằng các máy in hơi nước này.

Và rồi ở Mỹ, cơn khát thông tin dai dẳng lâu nay giờ càng trở nên dữ dội hơn bởi sự kiện lớn nhất trong lịch sử đất nước: cuộc chiến tranh đẫm máu đến khó tin giữa những đồng bào tại đất nước này. Oliver Wendell Holmes* đã viết vào năm 1861 như

* Oliver Wendell Holmes, Sr. (1809-1894) là bác sĩ, nhà thơ, giáo sư và tác người Mỹ sống ở Boston. Tác phẩm văn xuôi nổi tiếng nhất của ông là *Breakfast-Table series*, bắt đầu bằng *The Autocrat of the Breakfast-Table* (1858). Ông còn là nhà cải cách y khoa quan trọng.

sau: “Chúng ta phải có thứ gì đó bỏ vào mồm và có báo để đọc. Mọi thứ khác có thể cho qua.”¹⁴ Hãy tạm quên việc tự do đang bị đe dọa, tạm quên con số người chết kinh hoàng, hãy chỉ nhìn vào cuộc Nội chiến từ quan điểm của các nhà kinh tế học về báo chí, mọi sự cứ như thể là những nhà sản xuất một mặt hàng rất mới mẻ chợt nhận ra thế mạnh là họ đang ở trong một đất nước đột nhiên trở nên khao khát mặt hàng đó! Cả đất nước đang khát khao tin tức.

Vì thế mà cán cân của “nghề báo” — “sự giao thoa giữa bình luận và thông tin” — bắt đầu nghiêng sang về sau — thông tin. Hai vế vẫn giao thoa nhau: vẫn có các bình luận, dĩ nhiên là bình luận về các tin tức. Bình luận vẫn thỉnh thoảng tạo ra tin tức — ví dụ như nội dung của lá thư ngỏ kêu gọi giải phóng nô lệ gửi cho Tổng thống Abraham Lincoln vào năm 1862 của Horace Greeley.¹⁵ Bình luận vẫn hiện diện ở góc phố, tại các phòng khách và khá thường xuyên trên báo chí. Nhưng tin tức xuất hiện tại Mỹ vào nửa cuối thế kỷ 19 ngày càng là chủ đề để trò chuyện.

Phóng viên — đặc biệt trong thời chiến — luôn có mặt tại chiến trường để thu thập tin tức hơn là đưa ra các bình luận. Báo chí không còn là nơi để tìm kiếm thư từ, các cuộc tranh luận, các mẩu tin lấy từ các tờ báo khác, thay vào đó, nó trở thành nơi để người ta tìm kiếm những thông tin gốc (original information) mà các phóng viên đã tập hợp, những bài tường thuật mà họ cung cấp. Ở miền Nam, cuộc Nội chiến đã gây nên tình trạng thiếu thốn, thiếu cả giấy; ở miền Bắc, số lượng nhân viên thu thập tin tức, sử dụng điện tín và năng suất của các máy in hơi nước đã tăng lên một cách ngoạn mục.

James Gordon Bennett Sr. (1795-1872), người Scotland nhập cư sang Mỹ, là một trong số những người đầu tiên vào những năm 1820 tường thuật về chính quyền mới tại Washington. Năm 1830, ông là một trong những người đầu tiên tại Mỹ đưa tin về một phiên tòa xét xử. Năm 1835, Bennett thành lập tờ báo của riêng mình, tờ *New York Herald*, trong đó ông triển khai việc đưa tin về tội phạm, tiên phong đưa tin về phố Wall và thể thao — những chuyên ngành mới. Bennett đã cử 63 phóng viên đến tận nơi để đưa tin về cuộc Nội chiến cho tờ *Herald*.¹⁶

Đến giữa thế kỷ 19 — và lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại — việc phát tán tin tức trở thành một ngành kinh doanh lớn. Nếu có thể thu thập thông tin nhanh nhạy và hiệu quả, nếu có thể lan truyền thông tin đó nhanh chóng (các tuyến xe lửa mới cũng góp phần vào việc này), nếu có thể nhấn chìm cả thị trấn bằng những tờ báo chứa đầy các thông tin này, thì bạn không phải chỉ tạo ra một nghề thủ công mà là một doanh nghiệp tầm cỡ, bán những thứ mà nhân loại đã từng biếu không cho nhau...



Đưa tin không nhất thiết phải là ngành kinh doanh cao quý hay ưu việt nhất. Một bài viết của Richard Grant White* về nghề báo đăng trên một tạp chí năm 1869 đã trình bày ý kiến về tình

* Richard Grant White (1822-1885) là một trong những nhà phê bình văn học và âm nhạc lỗi lạc nhất thời của ông. Ông còn là học giả xuất sắc về Shakespeare, nhà báo, nhà phê bình xã hội, luật sư sinh trưởng ở New York, Mỹ và mất tại đây.

trạng này khi còn là một phóng viên đưa tin đơn thuần: “Trong hai nhánh của nghề báo, một là thu thập và phát hành tin tức; và hai là thảo luận và giải thích những sự kiện được công khai, nhánh đầu *cần thiết*, *cần bản* hơn còn nhánh sau thì *quan trọng* hơn.”¹⁷

Công nghệ, như đã lưu ý trong phần giới thiệu, có thể thay đổi nhanh chóng —những công nghệ trong ngành báo chí cũng thế trong khoảng thời gian hai phần ba đầu thế kỷ 19. Phương pháp luận cũng có thể tiến triển nhanh — như cách chúng phát triển trong ngành báo sau đó. Trong kinh doanh, người ta thường đua nhau để vượt lên hàng đầu — như khi ngành kinh doanh tin tức dẫn đầu vào thế kỷ 19 tại châu Mỹ. Những cá nhân đầy sáng tạo như James Gordon Bennett Sr. cũng thường lao vào những ý tưởng tiên phong để tìm kiếm hướng đi tương lai. Ấy thế mà tư duy (vâng, chính sự phân tách về tư duy – mindset – của nghề báo sẽ tiếp tục là chủ đề chính của cuốn sách này) phải mất một thời gian để nắm bắt kịp các thay đổi.

Khi bàn về các cuộc cách mạng với quân đội và sử dụng vũ lực, John Adams đã lưu ý rằng cái đi trước cách mạng chính là những thay đổi trong “đầu óc và trái tim”.¹⁸ Thế nhưng mọi việc thường đi theo chiều hướng ngược lại khi một lĩnh vực được lèo lái bởi “cuộc cách mạng” công nghệ. Trong những trường hợp này, công nghệ đi trước những thay đổi trong “đầu óc và trái tim” hàng thập kỷ, thậm chí là hàng thế kỷ. Thật vậy, cái mới — ngay cả khi nó được sử dụng và gây thích thú — vẫn có khả năng bị xem thường hơn là được chào đón, đặc biệt là bởi những cá nhân thuộc tầng lớp trí thức và ưu tú.¹⁹ Hầu hết những gì mới mẻ trên báo chí vào thế kỷ 19 đều thuộc cái nhánh mà White gọi là “thu thập và phát hành tin tức”. Nên chẳng có gì

ngạc nhiên — khi mà tư duy vẫn chưa được điều chỉnh — khi biết rằng nhánh mới này đã bị xem thường.

Những cuộc công kích như thế, về cơ bản, thường liên quan đến đạo đức, hoặc ít ra cũng là những quy ước ứng xử. Charles Dickens (nhà văn nổi tiếng người Anh, 1812-1870) than phiền trong *American Notes* — tập du ký nước Mỹ của ông — rằng “báo chí” của Mỹ “có con mắt cú vọ ở khắp mọi nhà”.²⁰ Tờ *Harper’s Magazine* gần nửa thập kỷ sau đã chỉ trích rằng “ngành báo chí dựa hoàn toàn vào phóng viên của chúng ta thường xem nhẹ một cách quá đáng sự riêng tư và khuôn phép xã hội.”²¹

Richard Grant White là một nhà báo (viết phê bình âm nhạc, biên tập viên), và cũng là một học giả nghiên cứu Shakespeare. Công kích của ông về nhánh “thu thập tin tức” của nghề báo không thực sự chuẩn về mặt đạo lý: dù sao thì chính White cũng đã công nhận rằng việc “thu thập tin tức” là “cần thiết, cần bản” (essential). Nhưng ông lại đưa ra một số phán xét về mặt trí tuệ, thậm chí là những phán xét có tính chất phân biệt đẳng cấp. Ông viết: “Nếu nhà báo có một mục tiêu khác ngoài cái mục tiêu kiếm tiền, thì anh ta sẽ không hài lòng làm cái công việc là người thu thập tin tức, đó chỉ là một báo cáo viên”. Quả vậy, mặc dù có công nhận sự “cần thiết” của nhánh này trong nghề báo nhưng White vẫn đưa ra kết luận để khép lại vấn đề rằng “đơn thuần đó chỉ là sự háms lợi và công việc của một nhân viên thư ký”.²²

Thay vào đó, White lại tỏ ra ưu ái một nghề báo “được thực hiện bởi những người thông thái và có học thức”, “thiết yếu” với vai trò của “một nhà giáo và người hướng dẫn”.²³ Ông hết sức coi trọng, như người ta vẫn thường dành cho những cái cũ

khi không thể chống chọi được với cái mới, tầm quan trọng của nhánh “thảo luận và giải thích” của nghề báo. White đề cao nhánh có tính chất tranh biện này của nghề báo là “luôn định hướng, một người cố vấn thường nhật; vừa truyền đạt thông tin vừa giáo dục; mở rộng tầm hiểu biết về tư tưởng và tình cảm của con người”.²⁴

Bài viết của ông không nêu đích danh bất kỳ cá nhân “thông thái” và “có học thức” nào, nhưng chúng ta có thể nghĩ ngay đến Joseph Addison, Benjamin Franklin và John Dickinson. Chúng ta có thể kết luận rằng ở đây White đang tán dương việc xây dựng và duy trì một thứ gì đó kiểu như “không gian công” (public sphere) của Jürgen Habermas.²⁵ Tôi đương nhiên cũng sẵn lòng chấp nhận bài viết của White như là một khúc tán ca, dù có phần hơi cường điệu về điều mà một thế kỷ rưỡi sau tôi gọi là “làm báo khôn ngoan”. Trên thực tế, tất cả những ngôn từ tử tế này, nhân danh “thảo luận và giải thích”, rõ ràng cũng có một mục đích khác: xem thường “người thu thập và bán tin” đơn thuần — những người được cho là không “mở ra tầm hiểu biết tư tưởng và tình cảm của con người”, thế nhưng lại là những người đang chế ngự nghề báo ở Mỹ vào thế kỷ 19.

Và White cũng không lờ đi trong việc coi nhẹ hình thức làm báo mới này. Ví dụ như năm 1881, nhà văn và nhà tư tưởng Anh, Leslie Stephen (cha của Virginia Woolf) mô tả “người tường thuật các sự kiện và những bài diễn văn thông thường” là “một cỗ máy chứ không phải là con người”.²⁶



Whitelaw Reid là người sớm có được tư tưởng mới. Từ một phóng viên nổi tiếng, ông trở thành tổng biên tập hàng đầu ở New York và dần thân vào sự nghiệp chính trị, ứng cử vị trí phó tổng thống Mỹ (nhưng thất bại) cho Đảng Cộng hòa năm 1892. Là một tổng biên tập, Reid không chỉ thấu hiểu mà còn đấu tranh cho “những cuộc cách mạng” đã khiến cho báo chí “chứa đầy những biến cố của ngày hôm qua trên mọi lục địa” — loại báo chí mà “bạn lướt mắt qua lúc ăn sáng, dành cho nó nửa giờ rảnh rỗi trong ngày và gần như phải đến khuya mới đọc hết được”, ba năm sau bài viết xem thường của White.²⁷

Reid không mấy kiên nhẫn với những nhà báo rao bán bài bình luận — ông gọi họ là “những kẻ tuyên truyền”.²⁸ Trong cuộc phỏng vấn năm 1875, ông nêu lên quan điểm của mình về báo chí hiện đại một cách ngắn gọn: “Cái bản chất, cái nhân tố quyết định của báo chí hàng ngày hiện nay chính là *tin tức*.”²⁹

Tuy nhiên, theo những gì đọc được từ lịch sử ngành báo chí của Habermas, đây chính là điểm sai lầm của báo chí. Theo Habermas, do chỉ tập trung vào tin tức, báo chí – từng một thời là “người đưa tin và dẫn dắt ý kiến của quần chúng” – đã trở nên nhàm chán, đã đưa tin ít đi và không còn thường xuyên dẫn dắt. Ông viết rằng “báo chí thông tuệ” (intellectual press) đã được “giải thoát khỏi áp lực về niềm tin của nó”.³⁰

Whitelaw Reid rõ ràng không cùng chung quan điểm luyến tiếc những tờ báo thiên về bình luận trong thế kỷ 18 của Habermas: Reid đã chế giễu rằng, tin tức trong cả một năm (của những tờ báo đó – ND) cũng “khó mà bằng lượng tin của tờ ‘Herald’ sáng nay”. Thậm chí ông cũng chẳng chút tiếc nuối tờ báo của Ben Franklin: “Thật tầm thường, nếu không gọi là lỗi bịch, khi xem Benjamin Franklin như là cha đẻ của nghề báo

ở Mỹ. Xem này, đây là tờ báo của ông ấy, tờ *The Pennsylvania Gazette*, sau 12 năm khuếch trương và cải tiến. Toàn bộ những gì được in ấn hàng tuần còn ít hơn một phần tám của một ấn bản hàng ngày thông thường của tờ *The New York World*... Tin tức từ London đến trễ ba tháng, từ Boston trễ mười một ngày và từ New York trễ ba ngày.”³¹

Với Reid, chỉ có tin tức, tin tức nhanh nhạy, là tất cả. Còn theo cái nhìn của Habermas, kiếm tiền đang được đặt lên cao nhất. Ông viết, báo chí “đã có thể từ bỏ vị thế bút chiến của nó và tận dụng khả năng kiếm tiền như một ngành thương mại”. Habermas chỉ ra rằng, bình luận và tin tức mà những tờ báo này in ra có khuynh hướng phản ánh những mối quan tâm về “ngành thương mại” đang đâm chồi nảy lộc này. Ông còn nêu thêm rằng, “không gian công cộng đã bị thay đổi bởi sự tác động của những lợi ích cá nhân.”³²

Chắc chắn, báo chí đã chứng tỏ được sự thành công đáng chú ý và là “ngành thương mại” thuận lợi. Whitelaw Reid chẳng phiền hà gì với việc này. Sự nhiệt tình của ông với “những cuộc cách mạng” báo chí thế kỷ 19, cái đã bỏ Ben Franklin và ngành báo chí thế kỷ 18 lại đằng sau, cũng vươn sang những hệ quả “hám lợi” (của báo chí thiên về đưa tin – ND). Hãy nghe ông giải thích: “Tổ chức báo chí không còn là công việc của những người thợ in thạo việc, những kẻ truyền giáo, những chính trị gia thiếu thốn, những luật sư đói rách hay những kẻ ưa phiêu lưu mạo hiểm nữa. Những phát triển mới của nó đòi hỏi phải sử dụng nguồn vốn lớn, vì thế mà tờ nhật báo ở thủ đô hiện đại đã trở thành một doanh nghiệp lớn, đường đường chính chính như ngành đường sắt hoặc tàu thủy, và đòi hỏi nghiêm ngặt sự quản lý kinh doanh tốt nhất.”³³

Đúng thế, tư bản (capital) đã thực sự bước vào phương trình này. *New York Sun*, tờ báo một xu đầu tiên thành công của Mỹ, đã được ra mắt vào năm 1833 bởi một thợ in lúc đó đang trong độ tuổi hai mươi và đã kiếm được một ít tiền từ việc kinh doanh của mình. James Gordon Bennett Sr. có số vốn ròng 500 đôla khi thành lập tờ *New York Herald* vào năm 1835. Horace Greeley (1811-1872), quay trở lại với những tháng ngày mà báo chí thiên về bình luận còn có ảnh hưởng, nhưng cũng khéo léo tận dụng phóng viên, đã khởi sự tờ *New York Tribune* vào năm 1841 với khoảng 2.000 đôla tiền mặt (phần nửa là đi vay mượn) và máy móc thiết bị trị giá 1.000 đôla.

Tờ *Sun* được bán với giá 250.000 đôla vào năm 1849. Và hai năm sau, cự trợ lý của Greeley, Henry J. Raymond (1820-1869), đã cần phải huy động 70.000 đôla để cho ra tờ *New York Times*. Raymond có hai đối tác — cả hai đều thuộc giới ngân hàng.³⁴ Năm 1860, tờ *Herald* của Bennett có tổng số phát hành lớn nhất so với bất kỳ tờ báo nào ở Mỹ, nếu không nói là trên toàn thế giới. Và rồi, đến năm 1875, tờ *Tribune*, lúc ấy đang được Whitelaw Reid chủ biên và phát hành, đã xây tòa nhà trụ sở văn phòng cao nhất tại New York.³⁵

Tin tức — nguyên sơ, kích động, vô chính phủ — trở thành một món hàng, một con mồi của các nhà tư bản. Máy in hơi nước trực xy-lanh và báo chí có tổng số phát hành lớn ít nhiều đã phát minh ra ngành công nghiệp sản xuất hàng loạt. Việc bán từng tờ báo “chứa đầy” thông tin — dù chỉ giá một xu — kiếm được tiền. Và việc bán quảng cáo trong những tờ báo đó — thêm một hình thức kinh doanh khác nữa mà báo chí đã phát minh ra — cũng kiếm được tiền. Hoạt động xa xưa ấy của nhân loại — theo dõi các nguy cơ và triển vọng — giờ được kiểm soát bởi các nhà tư bản.

Báo chí vẫn thực hiện cuộc viễn chinh vì mọi thứ — chẳng hạn cuộc chiến giành Cuba với Tây Ban Nha. Báo chí bình luận (opinionated journalism) đã không biến mất nhanh chóng, và nó cũng chẳng bao giờ biến mất hoàn toàn, nhưng các bài tường thuật tin tức ngày càng lấp đầy hay làm tắc nghẽn “không gian công cộng”, tùy theo quan điểm của bạn. Và “những lợi ích cá nhân” mà Habermas ghê sợ đang vận hành cái bơm đó.

Với sự trợ giúp từ điện thoại, máy đánh chữ, máy lino và ngay cả các máy in có chất lượng hơn, cộng với việc báo chí ngày càng rẻ vào phần tư cuối của thế kỷ 19, ngành kinh doanh tin tức vẫn tiếp tục phát triển. Năm 1890, tờ *New Yorker* xây dựng tòa nhà trụ sở cao nhất thế giới, văn phòng của nhà xuất bản báo chí, Joseph Pulitzer,* nằm ngay bên dưới mái vòm mạ vàng khổng lồ của nó. Đến giữa những năm 1890, tờ *World* đã chi tiêu 2 triệu đôla mỗi năm và có 1.300 nhân viên toàn thời gian.³⁶

Khả năng biết đọc biết viết ngày càng tăng. Dân nhập cư tràn vào các thành phố của nước Mỹ. Tại đây, lượng độc giả của tin tức — khách hàng của loại hàng hóa này — dường như không có giới hạn. Whitelaw Reid đã thổ lộ rằng, “Chưa từng có chiếc máy in nào được chế tạo có thể in đủ số báo chí trong thời gian yêu cầu để đáp ứng lượng độc giả đang hết sức tha thiết kia.”³⁷

* Joseph Pulitzer (1847-1911), tên lúc sinh là Pulitzer József, là một nhà xuất bản báo người Mỹ gốc Do Thái đến từ Hungary, là chủ của *St. Louis Post Dispatch* và *New York World*. Ông đã lập giải thưởng Pulitzer theo di chúc năm 1904 ông để lại cho Trường Đại học Columbia 2 triệu USD, ông muốn ba phần tư số tiền đó được sử dụng vào việc lập ra Phân viện Báo chí, phần tiền còn lại dùng để lập ra giải thưởng báo chí. Một năm sau ngày Pulitzer mất, Phân viện Báo chí được thành lập tại Trường Đại học Tổng hợp Columbia. Còn giải Pulitzer bắt đầu được trao hàng năm từ năm 1917.

Đến cuối thế kỷ 19 — với sự trợ giúp của Cuộc chiến Tây Ban Nha-Mỹ một phần do báo chí gây ra — báo chí tại New York đã đạt con số phát hành là một triệu bản.

Dĩ nhiên, không phải ai cũng trở nên giàu có. Ngành kinh doanh được nhiều người quan tâm và đây ảnh hưởng này luôn thu hút nhiều ông chủ mới giàu có, nhiều hơn khả năng đáp ứng của nó, dẫn rằng thị trường này ngày càng mở rộng. Thu thập tin tức nhanh nhất và công bố tin tức đó theo cách vang dội nhất là cuộc cạnh tranh đầy tàn nhẫn và khốc liệt. Nhiều Bennett và Pulitzer tương lai thấy rằng sở hữu một tờ báo là một cách tốt để tô điểm cho một gia tài. Thậm chí sau những nỗ lực hợp nhất vào nửa đầu thế kỷ 20 — nhiều tờ báo bị đóng cửa hay sáp nhập — thị trường báo chí vẫn cho thấy khó có khả năng trở thành một thị trường độc quyền.

Nhưng người ta có thể thống trị thị trường đó. Và một số nhà xuất bản báo chí — Pulitzer, William Randolph Hearst, E. W. Scripps* — đã tích lũy được gia tài đồ sộ nhờ đánh bại hình thức truyền khẩu bằng việc cung cấp tin tức báo chí vào mỗi sáng, rồi

* William Randolph Hearst (1863-1951) là nhà xuất bản báo chí, ông trùm báo chí người Mỹ. Ông bắt đầu sự nghiệp xuất bản từ năm 1887, sau khi lên tiếp quản ở tờ báo *The San Francisco Examiner*, thay thế cha mình. Chuyển đến thành phố New York, ông đã thầu tóm tờ báo *New York Journal* và bắt đầu lao vào cuộc “chiến tranh phát hành” với tờ *New York World* của Joseph Pulitzer. Việc này dẫn đến sự ra đời của thể loại báo chí giật gân. Thầu tóm được nhiều báo hơn, Hearst đã tạo dựng một chuỗi gần 30 tờ báo ở các thành phố lớn của Mỹ. Sau đó, ông còn mở rộng sang lĩnh vực tạp chí, làm nên một hệ thống báo và tạp chí lớn trên thế giới.

The E. W. Scripps Company là công ty truyền thông Mỹ do Edward Willis Scripps thành lập gồm một chuỗi các nhật báo.

mỗi chiều và bổ sung thêm nếu cần những tin tức nóng hổi, lý thú, cập nhật nhất, thậm chí đôi khi mang tính kích thích xã hội.



Và tư duy cũng đuổi kịp thay đổi của thời đại. Một quan niệm mới về nghề báo đã bắt đầu hình thành. Phóng viên đã tạo ra hình ảnh mới cho riêng mình. Người đơn thuần thu thập tin tức, người mà cho đến gần cuối thế kỷ 19 vẫn bị xem là “một cỗ máy chứ không phải là con người”, đã được thay tên mới.

Trở lại thế kỷ 19, Whitelaw Reid đã nhấn mạnh sự độc lập của nghề báo với các đảng phái chính trị: “Nghề báo độc lập! — khẩu lệnh tương lai của ngành. Chấm dứt những giấu giếm sự thật vì sợ sẽ gây tổn hại cho một đảng chính trị; chấm dứt những phơi bày một phía, vì những thứ gây hại chỉ được phép chống lại địch thủ; chấm dứt những công kích được cho là không hoàn toàn công bằng, nhưng vẫn được thực hiện do nhu cầu cấp bách của cuộc tranh đấu đảng phái đòi hỏi phải có.”³⁸

Điều này không có gì để bàn cãi (mặc dù với kênh tin tức của Fox News Channel và MSNBC, có lẽ ngày nay cần phải tranh luận lại). Và đó là một sự khởi đầu: “người thu thập tin tức” giờ đây đã trở thành phóng viên “độc lập” — độc lập với đảng phái nếu không muốn nói là độc lập với “những lợi ích cá nhân”.³⁹

Nhưng làm thế nào để biện minh cho việc thiếu sự dạy dỗ và hướng dẫn mở rộng “tầm hiểu biết”? Đây là một nhiệm vụ khó khăn hơn cho những ai cố gắng nâng cấp danh tiếng của những người thu thập sự thật. Mấu chốt là tuyên bố độc lập, không chỉ với các đảng phái mà với cả với bất kỳ cái gì mang vẻ

“quan điểm”. Mà đương nhiên hễ “thảo luận và giải thích” thì khó tránh khỏi ảnh hưởng của quan điểm cá nhân.

Trong cuộc phỏng vấn năm 1875 đã nêu ở trên, Whitelaw Reid nói, “Tham vọng của giám đốc mỗi tờ báo chính trị lớn là phải làm cho các bài tường thuật, kết quả bầu cử, mọi bài báo và mục *tin tức*, phải không thiên vị và đúng sự thật sao cho cả bên đối lập, cũng như người ủng hộ, phải chấp nhận vô điều kiện.”⁴⁰ Lấy “không thiên vị và đúng sự thật” (impartial and truthful) làm tiêu chuẩn có thể loại ra được nhiều điều mà tiêu chuẩn dạy dỗ và hướng dẫn thông qua, nhưng công thức của Reid vẫn giả định rằng một phóng viên có cả người ủng hộ lẫn chống đối về chính trị. Điều được mong đợi chính là sự không thiên vị chính trị (political impartiality) theo nghĩa rộng hơn — dựa trên một cam kết thiết tha hơn với một điều gì đó khác.

Các phóng viên tìm thấy “một điều gì đó khác”, dù chỉ một phần, có lẽ trong phong trào tri thức có tầm ảnh hưởng lớn của thế kỷ 19 trong các lĩnh vực nghệ thuật, văn chương và khoa học: cam kết đi theo từng chi tiết, tuân thủ sự thật, trình bày thế giới theo đúng bản chất của nó, theo một chủ nghĩa hiện thực đôi khi khá trần trụi và gây phiền toái. Trong buổi phỏng vấn, khi Reid đang ca ngợi những tố chất của sự không thiên vị và đúng sự thật, người trò chuyện cùng ông đã nhận xét: “Dường như điều này muốn ám chỉ nghề báo cũng là một ngành khoa học.”⁴¹ Hẳn Reid đã rất hài lòng. Nhiều lĩnh vực vào thời kỳ ấy đang mong muốn trở thành một ngành khoa học và chú tâm đến sự thật.

Sự thật ngày càng gây ảnh hưởng đến nghề báo trong suốt thế kỷ 19. Năm 1851, một quan sát viên báo chí ở Anh đã nhận định,

“Phần lớn người Anh không thích thảo luận bằng thông tin. Họ quan tâm đến sự thật, hay là những gì mà họ cho là sự thật, hơn những lập luận minh bạch của thế giới về sự thật đó.”⁴² Năm 1894, một phóng viên của *Times* tại London đã được chỉ thị rằng “điện tín là dành cho sự thật: những đánh giá hay bình luận chính trị có thể chuyển đến bằng thư tín.”⁴³

Các nhà báo Mỹ còn điên cuồng với sự thật hơn, thậm chí sẵn sàng coi nhẹ “những đánh giá hay bình luận chính trị”. Nếu trước đây đoạn đầu tiên trong các bài báo của họ được dùng để khơi chuyện hay bắt đầu, thì giờ đây nó bị nhồi nhét đầy những sự việc thực. Theo nguyên tắc mà sau này trở thành công thức gọn ghẽ nhất và được dựa theo nhiều nhất của các nhà báo thế kỷ 20, một bài báo đưa tin phải bắt đầu bằng các sự việc thực “quan trọng” nhất, chính là 5W — “who” (ai), “what” (cái gì), “when” (khi nào), “where” (ở đâu) và “why” (tại sao) — hay ít ra là 4W trong số đó, vì W thứ năm đòi hỏi phải có một chút “lý giải”. (Đôi khi “why” được thay thế bằng H: “how” (như thế nào).)⁴⁴

Tác phẩm *Chỉ có sự thật (Just the Facts)* mang tính quan điểm và rất lôi cuốn của David Mindich đưa ra những phân tích tốt nhất về việc khám phá chủ nghĩa hiện thực của các nhà báo Mỹ và kết quả là sự ra đời của công thức này. Mindich kèm theo ví dụ sau để minh họa cho sự lên ngôi của phong cách 4W: một mẫu tin trên tờ *New York Herald* năm 1898, rất lạnh lùng khi toàn bộ không hề có bất kỳ một câu bình luận nào, như sau “Quận Charleston, Nam Carolina, thứ ba. Tại Lake City, trong thị trấn có 500 cư dân, cách đây 60 dặm về phía bắc, một đám đông hung dữ khoảng từ 300 đến 500 người đã hành hình theo kiểu lynch Frazer B. Baker, trưởng bưu điện da màu, và đưa con

gái ba tuổi Dora, vào sáng sớm nay, và làm bị thương người vợ cùng hai đứa con gái lớn và một đứa con trai mười tuổi.”⁴⁵

Thay vì đưa ra một kết luận hoặc sắp xếp theo thứ tự thời gian, những bài báo thuộc dạng không có bình luận hình thành từ những mẩu tin không có bình luận, sắp xếp các sự thật theo mức độ lý thú giảm dần — một *kim tự tháp chống ngược*. Các độc giả dối tin, tất bật, có thể bỏ dở bài báo mà vẫn tự tin rằng — ở mức độ mà họ tin vào những tính toán này — thông tin mà họ thu nhận được quan trọng hơn những thông tin mà họ có thể bỏ lỡ. Khi công thức mới cho việc viết tin này được áp dụng, các biên tập viên cũng có thể nhanh chóng và an tâm cắt bỏ ... từ cuối bài báo trở lên.

Những người tường thuật tin tức, thu thập sự thật, giờ đây là những người khởi xướng chủ nghĩa hiện thực trong việc viết báo cũng như tường thuật của họ. Họ thấy mình đang đồng hành — trong một vài thập kỷ sung sướng — cùng các nghệ sĩ, nhà văn, nhà khoa học và những người sùng bái chủ nghĩa hiện thực khác. Những người tường thuật tin tức, thu thập sự thật, đều muốn trở nên, hoặc ít nhất có vẻ là, *lạc quan* và *thực nghiệm* — như các nhà khoa học đã từng hoặc có vẻ đã từng, như các triết gia có một thời gian đã mong muốn như thế. Họ tán thành chủ nghĩa thực chứng đúng-sai, ít tốn năng lượng, một dạng mà các triết gia sẽ đưa đến kết luận gạt bỏ theo kiểu “chủ nghĩa kinh nghiệm ấu trĩ” — một dạng mà sẽ khuyến khích họ xem việc đưa tin về vụ ám sát các thành viên của một gia đình cũng chỉ là một kiểu thu thập sự thật mà thôi.⁴⁶

Vào thập kỷ đầu tiên của thế kỷ 20, phòng đưa tin của tờ *World* của Joseph Pulitzer tại New York treo đầy những bức tranh cổ

động mang tính giáo dục. Một bức kêu gọi việc chú trọng vào sự thật, được tô điểm sống động bằng các chi tiết hấp dẫn như sau (có người cho là hơi sến): “Sự thật — Màu sắc — Sự thật!” Một bức khác yêu cầu phải biết được phiên bản chỉ toàn các chữ đầu của 4W1H chính là “Who? What? When? Where? How”. Bức thứ ba gồm ba từ chỉ đạo: “Chính xác, Chính xác, Chính xác!”⁴⁷

Vào thời đó, *World* nổi tiếng là một trong những tờ báo hàng đầu tại Mỹ, có lượng phát hành lớn nhất. Người ta không yêu cầu phóng viên phải thực hiện theo chủ trương “Ý nghĩa — Thấu hiểu — Ý nghĩa!” Họ cũng không cần trả lời danh sách các câu hỏi bao gồm “Tại sao?” hay “Có ý nghĩa gì?” hay “Tiếp theo là gì?” hay “Tốt hay xấu?” và cũng không bị chỉ đạo phải trở nên “Khôn ngoan, Khôn ngoan, Khôn ngoan!” Và trừ cái vẻ bất chấp, có lẽ là chân thật một cách khó chịu của từ “Màu sắc” thì những bức tranh cổ động này sẽ vẫn ở nguyên vị trí của chúng tại hầu hết các báo, đài phát thanh, phòng đưa tin đài truyền hình tại Mỹ vào bất kỳ thập kỷ nào của thế kỷ 20.

Khi mà các nhà báo thắng được thôi thúc muốn nói cho độc giả biết những suy nghĩ thật sự của họ, khi mà họ cố gắng trọn vẹn cả con tim lẫn khối óc cho tin tức, thì sự thật sẽ đến một cách dễ dàng đối với nghề báo. Và sự thật là một khám phá vĩ đại mang tính triết lý cho nghề báo. Các nhà báo từng là những người theo đảng Bảo thủ hay đảng Tự do (ở Anh), theo thể chế liên bang (Federalist) hay chống chống thể chế liên bang (Anti-Federalist), theo đảng Dân chủ hay đảng Cộng hòa (Mỹ). Giờ đây họ cùng có một hệ tư tưởng chung: những người tôn thờ sự thật. Và cái đạo lý mà sự tận tâm này dẫn đến — không ai được chà đạp sự thật — là hết sức hoàn hảo đối với “những người thu thập tin tức”. Không có chỗ cho “thảo luận và giải thích” bởi

chúng sẽ làm giảm giá trị sự thật bằng cách đẩy sự kiện vào bối cảnh hay khơi mào những cuộc tranh cãi.

Sự tự nhận thức đang biến chuyển sâu sắc. Hãy quên đi những người viết sách tuyên truyền hay người khích động quần chúng! Quên đi cái nhà in những nhiễu — sẵn sàng đưa mọi thứ qua tay họ vào khuôn mẫu! Quên đi những người kể chuyện, những người châm biếm và những ai bắt người khác phục tùng bệ phái! Vâng, dĩ nhiên vẫn có thể tìm thấy một số kẻ ẩn nấp đâu đó giữa các trang báo hay giữa các ấn phẩm. Nhưng giờ đây, ngày càng nhiều nhà báo đòi hỏi phải xem họ là *người chuyên nghiệp* đầy trách nhiệm — một từ mà Whitelaw Reid đã bắt đầu đeo đuổi kể từ những năm 1870. Reid cũng đã đề xuất rằng công việc của họ — cũng như bác sĩ hay luật sư — giờ đây nên xem là một môn học chuyên ngành để giảng dạy tại các trường đại học.⁴⁸ Trường báo chí đầu tiên của thế giới mở tại Đại học Missouri năm 1908. Sau đó, đến năm 1922, các nhà báo đã xây dựng được một hiệp hội của ngành: American Society of Newspaper Editors (ASNE) – Hiệp hội Tổng biên tập báo chí Mỹ. Và tại hội nghị đầu tiên, ASNE đã thông qua quy chế ngành nghề: Quy chế của ngành báo chí (Canons of Journalism). Tiêu đề của quy chế này gồm các từ *độc lập, chính xác và không thiên vị*.

Trở lại những năm 1870, Whitelaw Reid đã tiên đoán rằng nghề báo sẽ tiến lên từ “cuộc chiến giữa các phe phái” sang “bầu trời vô cảm”.⁴⁹ Điều này gần như trở thành hiện thực. Thế kỷ 20, cũng như mọi nhà khoa học có lương tâm, các phóng viên đã nỗ lực hết mình để trở nên *khách quan*.

Nỗ lực này đã mang lại giá trị thực tiễn: vì số lượng nhân viên của báo giới ngày càng tăng, nên việc gắn kết mọi người theo

cùng một quan điểm chính trị trở nên khó khăn hơn rất nhiều. Giờ đây, có thể sắp xếp, hoặc cố gắng sắp xếp được tất cả mọi người vào cùng một nhóm quan điểm chính trị, đó là “không có quan điểm nào cả”. Và những dịch vụ điện tín vẫn còn tương đối mới, phục vụ cho báo chí thuộc mọi khuynh hướng chính trị, càng góp phần đẩy mạnh thêm phong cách chỉ-tập-trung-vào-sự-việc mới mẻ này.

Tính sùng bái sự thật của báo chí⁵⁰ đã mang lại thêm một lợi ích đáng kể nữa — lợi ích về mặt kinh tế. Các bài bình luận sẽ phù hợp trong một thị trường tin tức đã phân khúc sâu sắc, nơi cơ hội tốt nhất để giành được độc giả là lên tiếng trực tiếp và rõ ràng cho một phân khúc cụ thể nào đó: đảng Dân chủ, đảng Cộng hòa, đảng Cấp tiến, người kinh doanh chuyên nghiệp, người theo chủ nghĩa biệt lập. Nhưng sự hợp nhất và cạnh tranh từ các phương tiện truyền thông khác của thế kỷ 20 bắt đầu làm giảm số lượng báo chí. Những tờ báo còn lại bị hút về phong cách “trung hòa”. Hơn nữa, báo chí bắt đầu hướng tới việc tăng số lượng phát hành, và điều này sẽ khó đạt được nếu họ chủ động “phân biệt đối xử” một số phân khúc độc giả tiềm năng lớn. Một giải pháp ôn hòa, ít công kích hơn đã bắt đầu có ý nghĩa — ít ra là ý nghĩa về mặt kinh doanh. Và nó cũng có ý nghĩa đối với các hệ thống mạng và đài phát tin, chúng thậm chí còn có số lượng ít hơn và ở vị trí tệ hơn khi chiếm các tần số do chính phủ sở hữu. Sự việc dường như ít gây khó chịu hơn ý kiến. Tính chất vô tư, không thiên vị giúp tránh được việc độc giả bỏ đi, hoặc bảo vệ tờ báo trước các chính trị gia giận dữ. Tính khách quan nay đã thắng thế.⁵¹

Và mọi việc đã tiếp tục diễn ra như thế. Tiểu thuyết gia và họa sĩ theo đuổi lượng khán giả nhỏ bé và hiếm hoi hơn. Với những

nghệ sĩ này, thu thập sự việc thực tế (fact collector) chưa bao giờ là một vai trò truyền cảm hứng! Họ tiếp tục công việc của mình, bất chấp khán giả. Ngược lại, các nhà báo, cố gắng thu hút một lượng khán giả lớn để hỗ trợ cho những ngành kinh doanh lớn, sẽ không làm như thế.

Vai trò khách quan này hoàn toàn phù hợp với các nhà khoa học — thật vậy, họ chính là người khởi xướng nó. Nhưng bước sang thế kỷ 20, những sự việc mà họ thu thập được bắt đầu có những đặc điểm không khách quan đầy phiền toái: người ta nhận ra rằng đồng hồ sẽ chỉ các giờ khác nhau nếu họ di chuyển với vận tốc hoàn toàn khác nhau; những hạt hạ nguyên tử có thể tồn tại đồng thời ở hai nơi tùy vào người quan sát. Các nhà vật lý của thế kỷ 20 buộc phải trở nên bớt ngây thơ hơn!

Các sự việc thực tế mà nhà báo đang theo đuổi cũng cho thấy khuynh hướng “bị ảnh hưởng bởi những người quan sát”. Lincoln Steffens* đã vô tình thực hiện một thí nghiệm rất hay, chứng tỏ sự ảnh hưởng này chỉ đơn giản bằng cách tường thuật lại một vụ trộm tại New York mà lẽ ra chẳng được ai chú ý tới. Rất nhanh sau đó, nhiều vụ trộm tại thành phố trước đây đã bị lãng quên được tường thuật lại — các phóng viên vốn là những nhóm người cực kỳ cạnh tranh nhau. Số vụ trộm không hề thay đổi, nhưng với độc giả của tờ báo dường như con số này đột nhiên tăng vọt. Theo cách dùng từ của mình, Steffens đã *tạo ra* cái được hiểu là làn sóng tội phạm.⁵²

* Lincoln Joseph Steffens (1866-1936) là phóng viên ở New York đã viết loạt bài trên tạp chí *McClure's* về sau được xuất bản thành sách mang tựa đề *The Shame of the Cities*. Ông được nhớ đến vì việc điều tra nạn tham nhũng trong chính quyền đô thị ở các thành phố của Mỹ.

Nhưng hầu hết các nhà báo, những người kém bông đùa và kém ý thức hơn Lincoln Steffens, cố gắng phớt lờ sự thật rằng: cách nhìn nhận của thế giới phần nào được tạo ra từ những quyết định của họ — quyết định đưa tin hay không đưa tin gì trên báo! Kiểu ảnh hưởng đó không phù hợp với sự tự nhận thức của họ, không phù hợp với mô hình kinh doanh, thậm chí không phù hợp với chủ nghĩa hiện thực và hệ tư tưởng của họ. Lý do là giờ đây những người loan tin trên phố Grub ngày trước đã *hiển dăng* cho sự thật, và họ đã là những nhà khoa học, hoặc ít ra là những nhà khoa học theo kiểu thế kỷ 19. Vâng, họ nay đã là những người chuyên nghiệp, đã bước lên một tầm cao mới!

Tóm lại, vào thế kỷ 19, các nhà báo tại Mỹ đã tình cờ phát hiện ra một hoạt động cực kỳ sinh lợi — phân tán tin tức. Qua đầu thế kỷ 20, xuất hiện một tín điều nghề nghiệp biện minh cho hoạt động này — nhấn mạnh rằng đây là hoạt động danh giá nhất mà họ có thể tham gia — và tín điều này đã kéo dài sau đó.

Những người viết báo từng nổi tiếng về cảm xúc, sự bông đùa, tính hài hước, trí tưởng tượng và những trò chơi khăm của họ. Nhưng các nhà báo đã bắt đầu không còn xem mình là những quan sát viên gượng gạo nữa, mà là những người theo chủ nghĩa hiện thực nghiêm túc nhất và cứng đầu nhất. Các phóng viên giờ đây có thể tự tạo hình ảnh cho mình, đó là người kiểm soát công lý tại các gian đại sảnh của chính phủ; là người bình tĩnh tường thuật các tội phạm; là nhân chứng chiến tranh; là người phanh phui cái xấu không bị mua chuộc; là người kiên định, là ghi chép chứng kiến mọi thứ ở cả hai nửa của thế giới; là những nhân viên điều tra bảo vệ nền dân chủ đầy gan góc và lì lợm. Và thậm chí khi những vai trò này bắt đầu có vẻ quá lãng mạn, thậm chí khi hình ảnh đó trở nên thiên vị hay ít nhiều xâm

phạm vào cuộc sống riêng tư – cái cuộc sống mà họ lẽ ra là chỉ được quyền nghiên cứu – thì các nhà báo Mỹ của thế kỷ 20 dần dần sẽ tự tung hô bản thân, dựa theo tính chất bàng quan nhất, vô thưởng vô phạt nhất, không có hại nhất của phép ẩn dụ, rằng họ là những “tấm gương” chỉ phản ánh hiện thực. Họ chứng kiến mọi thứ — nhưng không lên tiếng. Thay vào đó, các sự việc thực tế sẽ lên tiếng hộ cho họ.



Khi thế kỷ 20 bắt đầu phun trào những điều kinh dị thì các sự kiện / tin tức, dù luôn được trợ giúp, đã lên tiếng một cách hùng hồn và mạnh mẽ. Chúng lên tiếng bằng việc đưa tin về chiến tranh và sự hung bạo, bằng việc phơi bày những tham nhũng trong chính trường và thương trường và bằng việc tường thuật về các phong trào giải phóng của những nước thuộc địa, của người Mỹ gốc Phi, của phụ nữ, của người đồng tính — những thứ nổi bật nhất trong nửa sau thế kỷ 20. Vẫn còn vài câu chuyện lọt lưới thu thập tin tức toàn cầu của báo chí: những vụ việc không xảy ra tại bất kỳ khu vực sẵn tin nào, những trường hợp không được đưa ra tòa thị chính hay tòa án v.v... Nhưng nhìn chung thì vô vàn bài báo đã nắm bắt và phơi bày thẳng thắn các sự thật, đủ để làm thay đổi tư duy và đôi khi làm giảm ngay cả bất công.

Bài phóng sự của John Hersey* trên tờ *New Yorker* (và sau

* John Richard Hersey (1914-1993) nhà báo đoạt giải Pulitzer được xem là một trong những người thực hành đầu tiên của phong trào báo chí mới (New Journalism), trong đó kỹ thuật kể chuyện khi viết văn (hư cấu) được chuyển thể vào phóng sự người thật việc thật (non-fiction reportage).

này được in thành sách) về vụ Mỹ ném bom nguyên tử xuống Hiroshima năm 1945 có thể xem là một ví dụ điển hình về tính chất đa dạng này của nghề báo, ở đây là phong cách dựa trên sự kiện (fact-based) của báo chí Mỹ thế kỷ 20.⁵⁴ Đó là một thành tựu của sự im lặng: cá nhân nhà báo Hershey và trải nghiệm của ông ta để có được câu chuyện hoàn toàn không được nêu trong bài viết. Bản thân ông không hề đưa ra lời phát biểu hay bình luận nào về quả bom cũng như về quyết định thả nó. Thế nhưng những tường thuật về sự tàn phá do quả bom gây ra — từ những người đã tận mắt chứng kiến — là một sự vạch trần. Và sự giận dữ, bi thương, kinh sợ mà Hershey đã không công khai thể hiện lại được cảm nhận qua tiếng nói của các nạn nhân và cuối cùng là trong tâm trí của độc giả — đây chính là chủ ý của phong cách báo chí này! Mọi sức mạnh của việc phỏng vấn, tường thuật, chỉ đơn thuần nêu sự việc, sự thận trọng của tác giả, hết thảy đều được thể hiện ở đây.

Đến nửa sau thế kỷ 20 tại Mỹ, việc tường thuật tin tức — không chỉ đơn thuần “thảo luận và giải thích” — đã ghi được dấu ấn.⁵⁵ Các phóng viên xuất thân từ những trường lớp danh giá (làm việc theo phong cách dẫn thân kiểu Hemingway) dần thay thế những phóng viên có trình độ học vấn thấp hơn (làm việc chủ yếu vì lương) ở mọi “điểm nóng tin tức”, từ Nhà Trắng đến tòa thị chính hay các khu vực tuần tra của cảnh sát. Bằng việc “đưa ra chứng cứ, lục lợi các tài liệu, phát triển các nguồn tin” — xin trích lại lần nữa “công thức” của Bill Keller — họ hạ bệ một tổng thống (Nixon – ND), phơi bày cuộc thẩm sát tại Việt Nam (vụ thẩm sát Sơn Mỹ – ND), lột trần vô số bí mật và tham nhũng. Những phóng viên bị ám ảnh bởi sự thật trở thành anh hùng của một thời đại bị ám ảnh bởi sự thật. Nghề

báo trở thành việc cần cù thu thập thông tin về những sự kiện đang diễn ra.

Cánh phóng viên ở châu Âu thường duy trì một lập trường cực đoan hơn đối với các sự kiện — ví dụ tờ *Telegraph* và *Le Figaro* theo cánh hữu, tờ *Guardian* và *Le Monde* theo cánh tả. Đây là những tờ báo quốc gia. Vì vậy, có nhiều tờ báo cạnh tranh trực tiếp với nhau, và chúng còn có thể tiếp tục “đấu” nhau trên vũ đài chính trị. Thế nhưng ở Mỹ, nơi mà các cơ quan thông tấn ngày càng tập trung vào khu vực trung lập về chính trị, “tin tức” thường được tôn sùng đến mức sẽ là có tội nếu làm vấy bẩn nó với bất kỳ sự “giao thoa” nào với bình luận. Chuẩn mực của “báo chí chất lượng” mà nhiều phóng viên vẫn tôn thờ vào đầu thế kỷ 21 đã được nâng lên. Tất cả đều tung hô phóng viên – người đưa tin!



Nhưng có một cách nhìn khác về những thành tựu của nghề báo tại nước Mỹ trong thế kỷ 20. Báo chí quá lớn và quá đa dạng để có thể phân loại một cách tuyệt đối. Khi chúng ta nói về thời đại báo chí bình luận (opinionated journalism) hay thời đại báo chí thiên về đưa tin (fact-based journalism), có nghĩa là đang nói về thời đại mà xu hướng này hay xu hướng kia, tư duy này hay tư duy kia, đang thống trị. Thế nhưng một phóng viên của Mỹ vào thế kỷ 18 chắc chắn không hoàn toàn phớt lờ sự thật hay việc đưa tin. Ngược lại, phóng viên ở thế kỷ 20 cũng chắc chắn không hoàn toàn bỏ qua việc giải thích và nêu lên ý kiến của mình.

Thật vậy, vào những năm 1930 đã dấy lên làn sóng chú tâm đến việc giải thích — bằng chứng cụ thể là việc gia tăng các mục điểm tin (news summary) và người phụ trách một chuyên mục trên báo (*columnist*, tức phóng viên chuyên mục, hay bình bút – ND).⁵⁶ Chỉ đơn thuần trình bày sự thật không phải là cách thức hiệu quả để tạo ra một tờ báo xuất sắc, nên cũng chẳng ngạc nhiên khi nhiều báo chí ưu tú của thế kỷ 20 đã tìm cách vượt ra ngoài khuôn khổ “ai, cái gì, khi nào và ở đâu”. (Sự vượt rào này sẽ được xem xét ở chương 4 và ca ngợi ở chương 6.) Quả thật, có điều gì đó không giống với đặc điểm chỉ-có-sự-thật, chỉ-có-tin-tức trong bài báo *Hiroshima* của Hershey.

John Hershey đã là một cây bút nổi tiếng khi ông đảm nhận công việc này cho tờ *New Yorker* giàu có và thiên về văn chương. Ông không bị ràng buộc bất kỳ điều gì ngoài khu vực đảm trách. Ông có thể lang thang khắp thế giới. Ông có thể bám trụ ở Hiroshima hàng tháng trời. Và Hershey đã phớt lờ việc mà hầu hết các nhà báo Mỹ thời ấy quan tâm: những vấn đề chính trị và chiến lược to tát hơn. Thay vào đó, có vài điều có thể xem là báo chí khôn ngoan (wisdom journalism) trong *Hiroshima*: cường độ tập trung của Hershey, hình thức trải nghiệm (mượn ý tưởng từ tiểu thuyết *Cây cầu ở San Luis Rey* [*Bridge of San Luis Rey*] của Thornton Wilder),⁵⁷ việc sẵn sàng bỏ qua gần như hoàn toàn số người chết và các tuyên bố chính thức, và có lẽ có ý nghĩa nhất, là quyết định đưa ra ý kiến, theo cách dè dặt một cách khác thường: quả bom nguyên tử mà Mỹ ném xuống thành phố Nhật này đã gây ra một nỗi đau kinh hoàng và không thể tưởng tượng.

Hershey đã tận dụng một số khía cạnh của phong cách báo chí chỉ-có-sự-thật, nhưng ông cũng tiến xa hơn phần lớn báo chí thời bấy giờ. Vì vậy, tác phẩm của ông thể hiện được một số

phong cách của báo chí đang thống trị ở Mỹ vào thế kỷ 20, đồng thời cũng cho thấy một số điểm yếu đặc thù.

Theodore Roosevelt (1858-1919), người đã trở thành tổng thống vào đầu thế kỷ 20 (tổng thống thứ 26, nhiệm kỳ 14 tháng 9, 1901 – 4 tháng 3, 1909), nhận ra rằng bằng cách nhấn mạnh tinh thần phi đảng phái và không coi trọng việc diễn giải, báo chí đã mở đường cho những người khác nêu lên ý nghĩa của sự kiện. Roosevelt đã hăng hái đi vào con đường ấy, dùng báo chí để truyền đạt các thông điệp của tổng thống.⁵⁸ Các đời tổng thống sau — và dần dà là đến các chính khách lớn — cũng đều theo lối này. Và những người thuộc một lĩnh vực mới là quan hệ công chúng (PR) cũng tỏ ra hài lòng khi được tham gia cung cấp phần giải thích sự kiện, vốn đang bị thiếu trên báo chí. Nói cách khác, họ học cách khai thác điểm yếu của những gì mà ngày càng được cho là nghề báo “truyền thống”* Mỹ.

Một tờ báo đối tin có thể điều tra và góp phần hạ bệ một tổng thống, như Richard Nixon đã trải qua kinh nghiệm này. Nhưng một tờ báo đối tin cũng có thể bị lợi dụng. Tờ báo sẽ ghi lại mọi phát ngôn của các quan chức, như khi Thượng nghị sĩ Joseph McCarthy nói đảng Cộng sản Mỹ đã cài người vào chính phủ. Bài báo này xuất hiện trên tờ *New York Times* vào ngày 22 tháng 4 năm 1952: “Thượng nghị sĩ Joseph R. McCarthy, đảng

* Tôi tiếp tục dùng từ *truyền thống* khi nó được sử dụng trong ngành báo chí Mỹ vào thế kỷ 20: để áp dụng cho phong cách chỉ-có-sự-kiện của báo chí. Tuy nhiên, như đã trình bày trong chương 1, cần nhớ rằng, vào thế kỷ 19, phong cách này là một cuộc cách mạng và ngành báo chí Mỹ trước đó từng có một truyền thống giải thích và tranh luận, chứ không chỉ thuần túy đưa tin tức và tin tức mà thôi.

viên đảng Cộng hòa của Wisconsin, hôm nay đã buộc tội ngay tại thượng viện rằng bà Leon Keyserling, phu nhân chủ tịch Ban cố vấn kinh tế của Tổng thống Truman, là một thành viên của đảng Cộng sản và “chỉ là một trong vô số thành viên” của tổ chức Cộng sản nơi tiền tuyến.” Và chỉ sau sáu đoạn báo nữa, mô tả chi tiết những lời buộc tội của Thượng nghị sĩ McCarthy đối với nhà Keyserling, thì bài báo của tờ *Times* mới ghi chú rằng gia đình đó đã dứt khoát phủ nhận những lời buộc tội này.⁵⁹

Tương tự, chính quyền Johnson* nhồi nhét cho báo chí cả những tường thuật về mối đe dọa giả định bên ngoài đến từ miền Nam Việt Nam lẫn những tường thuật thêu dệt nên thành công của cuộc chiến. Đây là đoạn đầu tiên của bài báo trên AP về Washington được in trên tờ *New York Times* vào ngày 10 tháng 6 năm 1966: “Theo tuyên bố chính thức, miền Bắc Việt Nam đã đưa 19.000 lính vào miền Nam Việt Nam trong bốn tháng đầu năm nay, nhưng quân đội Mỹ và đồng minh cũng đã tiêu diệt một số lượng tương đương quân lính miền Bắc và Việt Cộng.”⁶⁰ Những tuyên bố chính thức trong bài báo nhỏ ấy hoàn toàn không bị chút nghi ngờ nào.

Và trong khi các phóng viên với sổ ghi chép trong tay, đứng trước các quan chức, nhanh chóng ghi lại những khẳng định như thể chúng là những sự thật, thì nhiều câu chuyện quan trọng hơn lại không được tường thuật. Vấn đề không chỉ ở việc báo chí Mỹ chậm trễ phơi bày những chuyện bịa đặt của Thượng nghị sĩ McCarthy hay những tuyên bố không đúng sự

* Lyndon Baines Johnson (1908-1973), là Tổng thống Hoa Kỳ thứ 36, tại vị trong giai đoạn 1963–1969.

thật về thắng lợi tại Việt Nam của chính quyền Johnson mà báo chí Mỹ vào giữa thế kỷ 20 — bị thôi miên bởi những sự thật của ngày hôm qua hay những sự thật được vin vào — hầu như cũng bỏ lỡ những câu chuyện trọng đại, diễn ra trong thời gian dài như cuộc di cư của người da đen khỏi miền Nam Hoa Kỳ sau năm 1940.

Nhiều thất bại của nghề báo Mỹ trong những thập niên này là do quan điểm hạn hẹp. Các phóng viên sẵn sự thật đã không thấy được đại cảnh.

Cùng với mọi lý tưởng tốt đẹp, tín điều của nhà báo Mỹ thế kỷ 20 dựa trên một kiểu niềm tin: Họ tin rằng bản thân những phát ngôn của các quan chức đã là sự thật. Thêm nữa, phổ biến hơn và không kém phần nguy hiểm, họ tin rằng sự thật có thể tồn tại mà không cần ý kiến, độc lập với người quan sát, không cần bối cảnh, không cần quan điểm, không cần — nói một cách huyếch toẹt nhất — sự hiểu biết. Dostoevsky đã chế giễu kiểu niềm tin sau này trong tác phẩm *Anh em nhà Karamazov*, xuất bản năm 1880 như sau: “Đã từ lâu tôi quyết định là không nên hiểu. Khi tôi muốn hiểu điều gì thì lập tức tôi phải làm cho sự thật đổi khác đi, mà tôi quyết tâm bám chắc lấy sự thật.”⁶¹

Khi hoạt động của nghề báo trở thành việc bán tin tức, thì hệ tư tưởng của ngành báo chí Mỹ thế kỷ 20 — hệ tư tưởng của Whitelaw Reid, hệ tư tưởng vẫn còn ẩn nấp đằng sau những nỗ lực chống lại sự khủng hoảng hiện tại của ngành — thậm chí còn đe dọa sẽ đưa sự thật lên trên cả sự hiểu biết.

Sự thật mà Thượng nghị sĩ McCarthy cáo buộc là đã có một số thành viên đảng Cộng sản Mỹ thâm nhập vào bộ này bộ kia của chính phủ. Sự thật mà giới quân sự Mỹ đã phát biểu rằng

một số Việt cộng bị tiêu diệt ở mặt trận này mặt trận kia. Những phát ngôn này được xem là tin tức ngay cả khi những điều buộc tội hay những phát biểu là không đúng sự thật. Nhưng dân da đen di cư thì lại không hề có một thông báo chính thức và các tờ báo chính thống quá chậm chạp để đưa ra một bản tin đơn giản, rõ ràng và công khai công nhận sự thật. Việc này đã không được xem là tin tức.

Những gì cần phải có để các câu chuyện này trở nên đúng đắn chính là ý kiến chuyên môn, là “thảo luận và giải thích”, là sự hiểu biết. Tiếc thay, những điều cần có ấy lại hiếm khi hiện diện ở Mỹ vào thế kỷ 20.



Trở lại những năm 1870, khi lần đầu tiên Whitelaw Reid nêu lên quan điểm về nghề báo, một quan điểm đã ảnh hưởng đến cả thế kỷ sau, ông nhận được một lá thư giới thiệu một đặc phái viên mới ở Paris cho tờ *New York Tribune* mà ông đang làm chủ biên. Ứng cử viên ấy là Henry James,* vừa chuyển đến Paris. Lá thư ấy viết rằng chính Henry James, lúc ấy là tác giả của một tiểu thuyết và rất nhiều truyện ngắn, đã tự đề xuất ý kiến này.

* Henry James (1843-1916) là tác giả và nhà phê bình văn học Mỹ, con trai của Henry James Sr. và anh trai của nhà triết học và tâm lý học William James. Ông sống phần nhiều cuộc đời ở châu Âu và trở thành công dân Anh không lâu trước khi chết. Ông được biết đến chủ yếu với những cuốn tiểu thuyết, những truyện ngắn mới lạ dựa trên những chủ đề về ý thức. Quyển *Charles W. Eliot* của ông đã đoạt giải Pulitzer cho tác phẩm tiểu sử và tự truyện năm 1931.

Mặc dù Reid cam kết theo đuổi một nghề báo thiên về tin tức, “dày đặc” và nhanh, nhưng ông tự xem mình là một nhà văn, và *Tribune* — tờ báo cũ của Horace Greeley — vẫn được xem là một kiểu báo thiên về văn chương. Đó là lý do James cho rằng tờ báo sẽ là một mái nhà thích hợp cho những lá thư gửi từ Paris của ông. Đó cũng là lý do Reid đã chấp nhận đề nghị này. Và đại khái trong năm tiếp theo đó, mười chín lá thư viết về nước Pháp của Henry James đã xuất hiện trên tờ *Tribune*.

Ví dụ, năm 1876, ông đã viết về thị trấn nghỉ dưỡng “rẻ và dễ chịu” Etretat — James thấy rằng đó là một thị trấn không có “nguy cơ xâm nhập sự xa xỉ”. Tôi sẽ trích một đoạn dưới đây:

Người Pháp không đối xử các bãi biển của họ như chúng ta — nơi để ngắm cảnh, để lặn hay để đi dạo, nơi chỉ sinh động trong vài giờ áp dụng liệu pháp tắm ngâm và sau đó là tắm mình trong sự cách biệt tự nhiên suốt những giây phút còn lại. Họ yêu chúng, tôn thờ chúng, sở hữu chúng, sống nhờ vào chúng... Cũng như mọi thứ ở Pháp, việc tắm tấp được quản lý tuyệt vời, và bạn sẽ cảm nhận được bàn tay vững vàng của tình mẫu tử và sự trông nom của chính quyền ngay khi bạn chui ra khỏi lều. Chính quyền sẽ không đòi nào cho phép bạn khinh suất. Có khoảng sáu hay tám người con trai lớn đáng kính của thần Neptune trên bãi biển — những sinh vật lưỡng cư hoàn hảo. Nếu bạn là người mới đến, họ sẽ ngay lập tức xán đến gần bạn bắt chuyện và bắt bạn phải cam đoan rằng bạn biết bơi. Nếu không, họ sẽ cho bạn những lời khuyên bổ ích và luôn để mắt trông chừng khi bạn đang ngâm mình trong nước. Họ sẵn lòng phục vụ bất kể điều gì bạn yêu cầu — đổ xô nước lên đầu bạn, lấy khăn tắm và dép lê, dẫn vợ con bạn ra biển để tắm cho họ, làm họ vui, chịu đựng họ, dạy họ cách bơi và cách lặn, lượn lơ xung quanh, nói tóm lại, giống như những thiên thần giám sát

và bay lượn. Cách bờ không xa là hai chiếc tàu, chở các tiểu thần khác của biển cả, họ sẽ luôn có mặt ở đó, và sẽ là vi phạm nếu bạn liều lĩnh bơi quá xa.⁶²

James viết về văn hóa, không phải chính trị hay ngoại giao, của Pháp; vậy mà chỉ số thấu hiểu của văn bản (nguyên văn: insight-to-word ratio) vẫn cao. Tuy nhiên, mặc dù nhận thức được chất lượng của những bài viết này, nhưng Reid vẫn không thấy thuyết phục về giá trị của chúng. Người viết tiểu sử của Reid, Royal Cortissoz, giải thích rằng “Ông ấy đã viết cho James, yêu cầu các lá thư của James nên ngắn hơn và chứa nhiều tin hơn.” Reid rất tôn trọng và phản hồi của James cũng không phải là bất lịch sự, ít nhất là trên bề mặt: “Nếu các lá thư của tôi ‘quá tốt’, tôi thực sự e ngại rằng chúng là thứ tồi nhất mà tôi có thể làm. Tôi biết kiểu thư mà ngài đề cập — không nghi ngờ gì đó là kiểu thích hợp nhất mà tờ *Tribune* có. Nhưng tôi không thể sáng tác ra loại ấy... Tôi sẽ nghèo nàn nếu cố trở nên ‘nhiều tin’ và ngồi lê đôi mách.”⁶³ Thế là việc hợp tác giữa Henry James và *Tribune* chấm dứt.

Việc nhấn mạnh vào tin tức đã chứng tỏ là “một nền kinh tế” tốt đẹp đầy ngoạn mục đối với ngành báo chí thế kỷ 19 và 20. Tuy nhiên, kinh tế học về ngành báo chí lần nữa lại thay đổi — câu chuyện ở chương tiếp theo sẽ cho ta biết điều này. Tin tức và những câu chuyện ngồi lê đôi mách vẫn phổ biến, nhưng giờ đây chúng có sẵn một cách bất tận. Có một thời kỳ trong các thế kỷ 19 và 20 — tôi vẫn không thể không gọi đó là một thời kỳ lạ lùng — khi mà những tin tức thường thường từ Paris có thể có giá trị hơn những quan sát và nhận thức, những hiểu biết, giáo dục và hướng dẫn của một Henry James nào

đó. Nhưng thời kỳ đó đã chấm dứt. Và những nhà báo đang ngồi trong “phòng biên tập tin tức” (newsroom) của mình phải nhận thức rằng việc theo đuổi phong cách “nhiều tin” giờ đây lại đang cản trở họ.

3

“CỔ MÁY TRUYỀN TIN ĐƠN THUẦN”

Sự mất giá của tin tức

Kỷ nguyên các nhà báo chuyên nghiệp nắm giữ độc quyền về tin tức kéo dài hơn một thế kỷ rưỡi. Mặc dù về sau mới thực sự phát đạt, nhưng có thể nói kỷ nguyên đó đã khởi đầu từ giữa thế kỷ 19, khi việc tường thuật tin tức phát triển ngày càng mạnh mẽ, báo chí cũng như điện tín truyền tin nhanh chóng và các chủ ngân hàng bắt đầu đổ tiền vào. Tuy các cơ quan đưa tin ngày càng teo lại này hiện vẫn còn kiếm ra chút ít lợi nhuận, có thể nói rằng kỷ nguyên ấy giờ đây ít nhiều đang đi dần đến hồi kết.¹

Đây là thời kỳ mà nhiều thứ trong báo chí hiện nay, hoặc những gì người ta viết về báo chí hiện nay, đã đạt đến giai đoạn trưởng thành. Dù gì thì đó cũng là một ngoại lệ trong lịch sử nhân loại. Cái kết của nó khiến mọi người cảm thấy bất ngờ. Nhưng thật ra mọi thứ không bất ngờ đến thế.

Vào thời kỳ đầu, Mỹ là nước “đói” báo chí nhất. Theo một ước tính, vào năm 1870, Mỹ sở hữu đến một phần ba số lượng báo chí trên thế giới.² Một ví dụ đầy ấn tượng là tại bang New York vào năm 1910, trung bình mỗi hộ gia đình nhận hơn ba

tờ báo mỗi ngày.³ Thế nhưng cạnh tranh vẫn là điều không thể tránh khỏi.

Dạng sóng vô tuyến (radio) mà chàng thanh niên Guglielmo Marconi* thử nghiệm vào năm 1895 có hai hạn chế lớn nếu dùng làm một phương tiện truyền thông: hạn chế về kỹ thuật và hạn chế về nhận thức. Đầu tiên, do chỉ bao gồm những dấu chấm (.) và gạch (-) nên nó không thể giao tiếp với một lượng khán giả lớn. Vào những năm đầu thế kỷ 20, nhà sáng chế người Canada Reginald Fessenden (1866-1932) và Lee De Forest† đã giải quyết được vấn đề này: họ đã tìm cách tải được sóng vô tuyến có mã dành cho âm thanh, kể cả giọng nói.⁴ Thế là trong tù vạng lúc bấy giờ, “ngành điện báo” không dây trở thành “ngành điện thoại” không dây.

Vấn đề về mặt nhận thức nằm ở chỗ radio vẫn được xem là dạng liên lạc một-một — kiểu như điện tín và điện thoại, chứ không hề giống báo chí. Harry P. Davis, một nhà quản lý của Westinghouse tại Pittsburgh năm 1920 đã nảy ra ý tưởng về radio có thể thu hút nhiều khán giả. Davis để ý thấy Frank Conrad, một kỹ sư của công ty, miệt mài truyền những bài nhạc ghi từ nhà và ông đã yêu cầu Frank thiết lập một máy phát cho Westinghouse. Có thể nói đây chính là đài phát thanh thương mại đầu tiên ở Mỹ: KDKA. Nó không còn là một kiểu liên lạc một-một hay kiểu từ người yêu thích này tới người yêu thích kia

* Marchese Guglielmo Marconi (1874-1937) nhà phát minh người Italia, được coi là cha đẻ của ngành truyền thanh.

† Lee de Forest (1873-1961) nhà phát minh người Mỹ, tự xem mình là “cha đẻ của radio”, và là nhà tiên phong phát triển việc ghi âm trên phim (sound-on-film recording) sử dụng trong điện ảnh.

như phần lớn radio thời bấy giờ, mà là một dạng liên lạc từ một máy phát, một trạm phát, cố gắng truyền đến nhiều người.*

Và Davis đã truyền cái gì vào buổi tối phát sóng đầu tiên của KDKA? Một thứ mà từ lâu đã chứng minh được sức thu hút công chúng: tin tức. Ngày 2 tháng 11 năm 1920, KDKA ra mắt công chúng bằng thông tin về kết quả cuộc bầu cử tổng thống giữa Warren G. Harding và James M.Cox. Kết quả này lấy từ một tờ báo nhưng, với những ai có máy nhận sóng vô tuyến (radio receiver), tin tức đã được truyền đi nhanh hơn rất nhiều. Radio có hai ưu thế vượt trội trong vai trò là phương tiện truyền thông mới: nó có thể truyền trong không khí, không cần đến xe tải hay các cậu bé bán báo, và nó có thể được truyền đi ngay tức thì. Đây là lần đầu tiên không chỉ việc thu thập tin tức mà ngay cả việc phân phát tin tức cũng được thực hiện ở tốc độ gần bằng tốc độ ánh sáng. Radio vào thời kỳ đó, như sau này Davis đã phát biểu, là “phương tiện truyền thông được phát minh duy nhất có thể ngay lập tức truyền đi tin tức thu thập được.”⁵ Ngay cả những bản tin đặc biệt (tin nhanh – ND) cũng chậm trễ hơn nhiều.

Thật khó tưởng tượng cách tính tiền những gì “trôi theo không khí” vào nhà. Một khi bạn đã sở hữu một chiếc radio, thì “các chương trình” (một thuật ngữ mượn của các gánh tạp kỹ) sẽ miễn phí (khác với chương trình tạp kỹ hay báo chí). Nhưng lại phát sinh một câu hỏi tương tự với câu hỏi đặt ra cho Internet ngày nay: vậy người ta kiếm tiền bằng cách nào đây? Giải pháp của Harry P. Davis là dùng việc phát tin để làm

* Trớ trêu thay, đến cuối thế kỷ 20, khả năng sóng vô tuyến dùng để liên lạc một-một lại tái sinh với điện thoại di động, khi sức mạnh của nó trong vai trò phương tiện truyền thông đại chúng bắt đầu suy giảm!

tăng giá trị các radio thuộc sở hữu, vốn do Westinghouse sản xuất. Nhưng mạng radio AT&T non trẻ ra đời vào thập kỷ sau đó lại dựa trên một mô hình kinh doanh khác: không thu phí nghe mà thu phí phát chương trình radio, đó là người gọi phải trả một khoản phí để “phát đi” trên đường dây điện thoại của AT&T. Tuy nhiên, vì có rất nhiều người nghe chương trình phát radio — đó gọi là “gieo hạt”, một thuật ngữ mượn từ ngành nông nghiệp (tiếng Anh: “broadcast”, do liên tưởng việc phát radio đến nhiều người cũng tương tự việc gieo hạt trong nông nghiệp, về sau broadcast còn mang nghĩa là “chương trình phát thanh” – ND) — nên phí này rất nhanh chóng không tính cho các cá nhân muốn trò chuyện mà chuyển sang tính cho những công ty muốn bán một món hàng nào đó. Và radio đã có được điều mà nhiều công ty dịch vụ Internet ngày nay vẫn tìm kiếm — phương tiện hỗ trợ: quảng cáo.

Và nó cũng cần có nguồn tin tức. Báo chí, như Harry P. Davis đã dùng để thông báo kết quả bầu cử năm 1920 trong buổi phát tin của mình, rõ ràng là nơi để mạng lưới radio và đài phát trông vào. Hầu như tất cả những người thu thập tin tức chuyên nghiệp trên thế giới đều được tuyển dụng vào các tờ báo hay các hãng thông tấn phát hành báo chí. Thế nhưng, báo chí, cảnh giác trước sự cạnh tranh này, đã không muốn giúp đỡ radio.

Hãng thông tấn Associated Press (AP) thuộc sở hữu của chính các tờ báo khách hàng của nó. Thế nhưng vào năm 1932, AP đồng ý bán kết quả của cuộc bầu cử tổng thống giữa Franklin D. Roosevelt—Herbert Hoover cho mạng lưới radio với lý do hết sức thuyết phục: nếu không bán, mạng lưới radio sẽ mua tin từ United Press. Các tờ báo không hài lòng, và sự khó chịu của họ đã dẫn đến một thỏa thuận rằng, sang năm các tờ báo và hãng

thông tấn sẽ không bán tin cho các mạng lưới radio. Nhưng giữ thế độc quyền về tin tức chẳng phải là việc dễ dàng. Hệ thống truyền thông Columbia (Columbia Broadcasting System) và Công ty Truyền thông Quốc gia (National Broadcasting Company) — viết tắt là CBS và NBC — bắt đầu tuyển mộ phóng viên cho riêng mình. Ngoài ra, các hãng thông tấn nhỏ cũng bắt đầu vào cuộc, họ bán tin cho radio. Thế là, lệnh cấm bán cuối cùng đã bị dỡ bỏ.⁶

Nhưng mối đe dọa cạnh tranh là có thật.

Số lượng báo phát hành, với tốc độ phát triển chóng mặt hơn cả tốc độ gia tăng dân số ở Mỹ trước đây, đã bị chậm lại đôi chút vào năm 1920 — còn quá sớm để có thể coi radio là một nhân tố cạnh tranh: năm 1922, cứ 400 hộ gia đình ở Mỹ mới có một hộ sở hữu radio. Nhưng đến 60% hộ gia đình đã bắt đầu mua radio trong khoảng thời gian từ năm 1923 đến 1930. Vì vậy, khi số lượng báo phát hành bắt đầu loãng choạng vào những năm 1930, khả năng radio có thể phát sóng tới nay những tin tức mà đến tận sáng hôm sau báo chí mới phát hành đã có thể coi là một nhân tố cạnh tranh đáng kể — dĩ nhiên, cùng với nó là cuộc Đại suy thoái.⁷

Tỷ lệ hộ gia đình ở Mỹ mua nhật báo đã tăng lên mức 130% vào những năm 1940 (tức là có những gia đình hàng ngày mua nhiều hơn một tờ báo) — khi mà chiến tranh một lần nữa lại góp phần vào sự gia tăng đó. Rồi sau đó, con số này giảm đều. Một hình thức mới, thậm chí hấp dẫn hơn của “ngay lập tức truyền đi tin tức thu thập được” đã lần đầu tiên xuất hiện tại Mỹ vào gần cuối thập kỷ: truyền hình. Đến giữa thập kỷ sau, truyền hình đã thâm nhập phân nửa hộ gia đình. Truyền hình không

phải là nguyên do của việc giảm không thương xót số lượng báo trên mỗi hộ gia đình trong những năm đầu. Có lẽ radio mới là nguyên nhân chính. Thế nhưng, chính truyền hình lại là nguyên nhân của sự sụt giảm này trong suốt bốn thập kỷ; nó giải thích tại sao số lượng nhật báo tính trên tỷ lệ phần trăm hộ gia đình tại Mỹ đã giảm gần phân nửa vào đầu những năm 1990.⁸

Không chỉ tin tức trên truyền hình đã lấy đi khán giả của báo chí. Các chương trình sitcom, kịch và sự kiện thể thao cũng khiến người ta rời mắt khỏi các ấn phẩm khác nhau của *Post*, *Journal*, *Tribune*, *Sun*, *Mirror*, *Chronicle*, *Herald* và những ấn phẩm bà con của chúng. Dù sao thì hầu hết các báo chí đều bán sự giải trí và tin tức mới nhất từ Washington: chúng đăng những truyện cười bằng tranh, mục hỏi đáp “Dear Abby” và ô chữ, bên cạnh tin về tội phạm và tin đồn giết gân. Nhưng *Bản tin Huntley-Brinkley* trên NBC, *Bản tin tối CBS* với Walter Cronkite và chương trình *Today* trên NBC cùng với mọi bản tin sáng, tối và tin cuối ngày trên các mạng lưới và đài phát thanh địa phương đều cạnh tranh trực tiếp với báo chí. Chúng cũng kinh doanh việc cập nhật cho khán giả những gì xảy ra trong và ngoài nước. Và bản tin trên truyền hình, cũng như bản tin trên đài phát thanh, cung cấp những cập nhật này với giá cả và tốc độ không gì sánh kịp vào thời ấy: nhanh chóng và gần như miễn phí nếu không tính các đoạn quảng cáo ngắn xem vào giữa chương trình. Với tin tức truyền qua cáp — được CNN ra mắt năm 1980 — tin tức trên truyền hình được phát suốt 24 giờ.

Đến năm 1980, làn sóng tuyệt chủng báo chí gần như đã hoàn tất. Các bản tin nhanh không còn được bày bán trên phố; thay vào đó, khi có tin “nóng”, chương trình đang phát sẽ bị

gián đoạn (để chèn ngay tin sốt dẻo đó vào – ND). Báo buổi chiều biến mất: Ai còn cần đến báo khi ở nhà đã có truyền hình chứ? Và khi hai hay nhiều tờ nhật báo trong cùng một thành phố phải cạnh tranh nhau, sẽ có một tờ đầu hàng bằng cách sát nhập hay chấm dứt hoạt động.

Mặc cho việc đóng cửa của nhiều tờ báo, phần ba cuối cùng của thế kỷ 20 vẫn được nhiều phóng viên thế kỷ 21 nhớ lại đầy trù ối. Và thực sự đây là thời kỳ tốt đẹp của truyền thanh và truyền hình khi chính phủ thuận tay giới hạn số lượng đài phát tin. Đó cũng là thời kỳ tốt đẹp của một hay hai tờ báo còn tồn tại được trong mỗi tỉnh thành. Hầu hết những chủ sở hữu các tờ báo này — ngày càng phát triển thành các tập đoàn lớn — cuối cùng đã có được thứ mà họ mơ ước: độc quyền về mục rao vặt của thành phố, kèm theo đó là những quảng cáo của siêu thị, cửa hàng bách hóa, ô tô và phim ảnh. Nhiều mục mới bắt đầu sinh sôi nảy nở — đời sống, nghệ thuật, thể thao — mang đến nhiều cơ hội quảng cáo mới và tập trung đúng đối tượng hơn.

Cùng với lợi nhuận tăng và điều hành tốt về mặt chuyên môn của các nhà quản lý doanh nghiệp, thời kỳ này đã chứng tỏ được thành tích của ngành báo chí: các bài báo nhìn chung trở nên mạnh mẽ hơn;⁹ nhiều cuộc điều tra được thực hiện; một đời tổng thống bị lật đổ bởi báo chí (có lẽ nói đến Tổng thống Nixon và vụ bê bối Watergate do báo chí phanh phui – ND). Thật vậy, những tờ báo nào còn trụ lại có lẽ đã nhận được sự kính trọng nhất — và chẳng phải đây là điều tất yếu hay sao? — ngay cả khi vẫn tiếp tục bị mất độc giả hàng ngày.¹⁰



Mức độ suy giảm đều đặn của báo chí phát hành diễn ra suốt những thập kỷ hậu thế chiến có nghĩa là tổng số lượng nhật báo và báo chủ nhật tại Mỹ không theo kịp đà tăng dân số — ấy là chưa nói đến lượng gia tăng cực lớn ở bậc giáo dục trung học và đại học của đất nước. Nhưng tổng lượng báo chí phát hành tại Mỹ thực sự vẫn tăng: từ hơn 88 triệu bản năm 1945 đến gần 125 triệu bản năm 1990.¹¹

Và rồi, một sự kiện bất ngờ đã xảy ra. Đùng một cái, không kèn không trống, nhân loại đột nhiên đối diện với những cỗ máy phân phối-thông tin có lẽ là vĩ đại nhất trong lịch sử, thậm chí vĩ đại hơn cả máy in. Năm 1991, Tim Berners-Lee đã phát minh ra World Wide Web ở Viện Nghiên cứu Hạt nhân châu Âu đặt tại Thụy Sĩ. Năm 1993, Marc Andreessen phát triển trình duyệt Mosaic dưới dạng đồ họa. Việc sử dụng Internet phổ biến đã trở thành hiện thực.

Điều này đã dẫn đến những thay đổi sâu sắc cho số phận của báo in. Từ năm 1994, tổng số lượng nhật báo và báo chủ nhật tại Mỹ — không chỉ số lượng báo tính trên mỗi hộ gia đình — giảm đều từng năm ngay cả khi dân số Mỹ ngày càng tăng, nói cách khác, số lượng báo bán ra ngày càng giảm.

Nhờ vào các thiết bị có thể truy cập các website hiện đang nằm trên máy tính để bàn, laptop hay trên tay chúng ta, sự sụt giảm này càng lúc càng lớn.¹² Trong vòng một thập kỷ rưỡi, dường như các trang web hay những ứng dụng trên các thiết bị này — nhiều thứ trong số này do báo chí cung cấp — hoàn toàn có thể đóng vai trò của báo chí với cái giá rẻ hơn, nhanh hơn, dung lượng nhiều hơn và còn kèm theo cả các liên kết (link). Vào thế kỷ 21, ngay cả một tờ báo độc quyền cũng là một phương án kinh doanh tồi.

Những thiết bị máy tính có thể truy cập Internet ấy là những sát thủ lớn nhất với báo chí mà chúng ta từng chứng kiến, vì khả năng phân phối tin tức của chúng quả thực hơn hẳn báo chí. Chẳng lâu nữa chúng cũng sẽ tiến sang tàn phá cả tin tức trên đài phát thanh và truyền hình mà thôi.



Tất cả những điều đó đã đưa chúng ta đến ngày hôm nay.

Và với bạn: dù có xảy ra chuyện gì đi nữa thì vẫn ngồi vào bàn ăn sáng, dùng một chiếc bánh nướng xốp và, nếu đã trưởng thành và có thói quen này, đọc một tờ báo. Nếu bạn là một người sâu sắc, hy vọng rằng chiếc bánh nướng xốp là một chiếc mới ra lò. Thế nhưng, tin tức trong tờ báo — và thật đáng ngạc nhiên khi bạn là người sâu sắc như mới vừa đề cập — lại không mới mẻ chút nào.

Tin nổi bật của tờ báo là gì? Tổng thống có một tuyên bố nào đó quan trọng chẳng? Cuộc khủng hoảng hiện tại lại dẫn đến một điều gì đó đáng thất vọng nữa chẳng? Có chuyện gì đó sừng sốt và bi thảm xảy ra cho một ai đó, có thể là một nhân vật nổi tiếng chẳng? Tất cả những điều này đều được xem là *tin tức*. Nhưng hầu như bạn đã biết hết về chúng nếu đã xem chương trình thời sự sau giờ làm việc ngày hôm qua! Cũng có thể bạn đã biết khi bật radio lúc lái xe trên đường về ngày hôm qua — trừ khi những sự kiện này xảy ra trong đêm. Và nếu bạn đã lang thang trên một trang web tin tức nào đó, hay bật các “new tweet” của mình lên, có thể bạn còn biết được những tin tức này sớm hơn nữa. Vào lúc nào? Có thể là khoảng 11 giờ 30

tối ngày hôm qua nếu đó là tuyên bố của tổng thống hay tuyên bố chính thức về cuộc khủng hoảng; dĩ nhiên rồi, bởi tin tức về tội phạm và thảm họa đầu thế “lên lịch” kỹ càng như vậy được!

Kể từ năm 2006, tôi đã theo dõi các cuộc đua săn tin thế kỷ 21.¹³ Những sự kiện mà tôi đã theo đuổi qua chu kỳ tin tức đến giờ gần như chẳng ai còn nhớ, tin tức cũ thì luôn bị như thế. Tin đầu tiên là tổng thống Venezuela Hugo Chavez tại Liên hiệp quốc đã gọi George W. Bush, tổng thống Mỹ lúc bấy giờ, là “quỷ dữ” vào sáng hôm thứ tư 20 tháng 9 năm 2006. Câu nói hết sức khiếm nhã ấy là đề tài chính trên phiên bản báo in của *Miami Herald* vào sáng thứ năm, 21 tháng 9 năm 2006.

Nhưng trước đó vào trưa ngày thứ tư, trước hay sau khoảng độ nửa giờ, Yahoo, AOL (hồi đó có tầm ảnh hưởng lớn hơn Yahoo) và gần như mọi trang web tin tức lớn của quốc gia đã cùng công bố sự lảng nhục của Chavez — thêm vào sự kết hợp giữa kinh ngạc và khiếp sợ điển hình của các cơ quan thông tấn khi tường thuật những vấn đề vượt giới hạn. Trước 4 giờ chiều hôm ấy, trang web *Drudge Report* đã có nguyên văn toàn bộ bài phát biểu. Người ta đã bình luận về sự kiện này ít nhất là trong hai chương trình của đài phát thanh quốc gia (NPR) vào chiều và tối ngày hôm đó. Và vào lúc bản tin *CBS Evening News* đang sắp sửa phát tin này, những hình ảnh trích đoạn từ phát biểu của Chavez dĩ nhiên đã được phát đi phát lại trên CNN và Fox News Channel (với sự phần nộ đầy hân hoan). Đến 6 giờ 30 tối thứ tư — tức là nửa ngày trước khi lời nhục mạ của Chavez xuất hiện trên báo in ở Miami — mục giới thiệu về Chavez trên *Wikipedia* đã được cập nhật thêm lời phát ngôn cực kỳ ấn tượng tại Liên hiệp quốc này.¹⁴

Và khi mà những hình thức truyền thông vốn từng rất chậm chạp, chẳng hạn như bách khoa toàn thư, vẫn đang tiếp tục số hóa và tăng tốc độ, thì những hình thức mới, thậm chí còn nhanh hơn, cũng tiếp tục đua nhau xuất hiện. Nghiên cứu tiếp theo của tôi là về một bài báo trải qua hết chu kỳ tin tức gần ba năm sau đó. Vào ngày 2 tháng 4 năm 2009, tin tức nổi bật toàn cầu hôm ấy là một thỏa thuận đạt được giữa lãnh đạo các nước có nền kinh tế lớn nhất thế giới, G-20, tại một hội nghị ở London.¹⁵ Tin này đến đúng vào một trong những thời khắc đáng sợ nhất của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Khi ấy, thủ tướng Anh Gordon Brown đã công bố thỏa thuận vào lúc 11 giờ sáng, giờ New York. CNN là một trong số những đài phát trực tiếp hầu như toàn bộ công bố này.

Tờ *Guardian* của Anh, dĩ nhiên không đơn độc, đã cập nhật liên tục “blog trực tiếp” (live blogging) về sự kiện này — dạng đưa tin này lúc đó vẫn còn khá mới mẻ và lý thú. Chỉ trong vòng ba phút sau khi bài diễn văn của Thủ tướng Gordon *bắt đầu*, blog trực tiếp của *Guardian* đã trích được phát biểu của ông gồm cả phần đáng giá nhất của thỏa thuận, đó là: cam kết của các thành viên G-20 dành một ngàn tỉ đôla Mỹ chủ yếu cho Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF). Không may là *Guardian* đã đưa tin nhầm con số này là một ngàn tỉ *bảng Anh*. Đến 11 giờ 10 phút sáng (giờ New York) blogger trực tiếp của tờ báo đã đăng một danh sách ngắn gọn gồm tất cả sáu cam kết của G-20 — nhưng khoảng trống phía trước con số “1 ngàn tỉ” giờ đã được thay thế, từ ký hiệu bảng Anh thành... ký hiệu đồng đôla Mỹ!

Cũng vào khoảng thời gian ấy — chúng tôi chọn một ví dụ về việc cố tình mập mờ — một blogger trực tiếp (live blogger), có

thể đã trộm xem những nỗ lực của *Guardian*, đã đưa chủ đề này lên một trang web mang tên *Entangled Alliances* (*Liên minh rối rắm*). *Entangled Alliances* — trang web được xếp thứ 938.076 thế giới vào lúc bấy giờ theo Technorati — tự coi mình xuất thân từ “bàn phím của bốn thanh niên Anh Quốc cánh tả”.¹⁶ Nó cũng đăng một bài tóm tắt tương tự, tuy không giống toàn bộ, các cam kết của G-20 khi bài diễn văn của Gordon diễn ra được mười phút — với mệnh giá tiền tệ hoàn toàn chính xác.

Và mọi chuyện cứ thế diễn ra. Từ *USA Today*, dùng một tính năng web được gọi là “On Deadline”, đã cho đăng lại bài báo lỗi của hãng AP về công bố này vào lúc 11 giờ 16 phút. AP, Reuters và các hãng khác nhanh chóng bắt đầu tường thuật và cập nhật bài báo. Các tường thuật đầy đủ hơn, các bài tường thuật của các hãng thông tấn được đăng trên hàng loạt trang web, trong đó có MSNBC, *Huffington Post*, *Drudge Report* và Yahoo lúc 11 giờ 50. Bản tin Google News tường thuật thỏa thuận của G-20 lúc 12 giờ 03. Sáu phút sau, *Politico* cũng gia nhập đường dẫn đến công bố chi tiết này. Và dĩ nhiên, chỉ trong vòng vài giờ sau, chi tiết về thỏa thuận đã nhanh chóng lan rộng trên các đài phát thanh, đài truyền hình chuyên về tin tức, đặc biệt là các trang web. Cả những đoạn phim quay lại tuyên bố của thủ tướng Brown cũng có thể tìm thấy trên YouTube.

Dĩ nhiên, báo in trong lĩnh vực này chậm chạp đến thảm hại. Một phương tiện truyền tin chậm không chỉ gây khó chịu như một nhân viên kế toán hay một nhân viên thu tiền tại siêu thị làm việc rề rà. Bài tường thuật đầu tiên về một tin tức hấp dẫn mà bạn đọc được đương nhiên lúc nào cũng lý thú, nhưng đến bài thứ tư thì không còn như thế. Khi nói đến việc phổ biến tin

tức, đó thực sự là cuộc tranh đua về tốc độ. Đồng thời cũng phải chấp nhận nguy cơ trở nên nhàm chán...

Bạn sẽ bảo rằng hãy hượm đã: lẽ nào những tờ báo cỡ *New York Times* và *Washington Post* không đáng để chờ đợi hay sao? Nhờ có những phóng viên xuất sắc hơn và được lợi do có thêm chút thời gian, chẳng lẽ họ không đưa ra được những mô tả đầy đủ và khôn ngoan hơn sao? Đúng là họ có thể. Họ không giúp chúng ta hiểu rõ hơn những gì quan trọng của ngày hôm qua hay sao? Đúng là họ có làm như thế. Vấn đề là liệu vài câu bình luận thêm từ những nguồn quan trọng, một chút quan điểm và tâm trạng thoải mái có được từ sự tin cậy, sự hợp lý và sự khác biệt đó có khiến cho phương tiện đưa tin này đáng để người ta đọc hay xem những bài tường thuật về các chủ đề mà ai cũng đã biết khá rõ hay không?

Khoan đã, chắc giờ đây bạn sẽ nói như thế. Đâu phải ai cũng ngồi kiểm tra *Drudge* hay *Gawker* mỗi giờ vài lần. Đâu phải ai lúc nào cũng mở Twitter trên điện thoại. Đâu phải ai cũng quan tâm đến tin tức trên radio hay trên tivi. Một số người hoàn toàn bằng lòng chờ đến tận sáng hôm sau để có được một bài tường thuật có cơ sở và nghiêm túc về những tin tức của hôm trước ở một hình thức quen thuộc và được kiểm chứng qua thời gian.

Đúng vậy, những người sẵn lòng thôi nháo nhào điên cuồng hóng tin — có lẽ riêng việc này cũng là một dạng sáng suốt — có thể chờ đến khi có tờ báo buổi sáng. Phiên bản in của tờ *New York Times* có thể vẫn là tờ báo đầu tiên cập nhật tin tức cho những ai cố gắng tránh né hầu hết các phương tiện truyền thông điện tử nhan nhản trong khoảng thời gian chừng 19 giờ trước đó (khả năng này thường thấy ở người lớn tuổi hơn là ở

thanh niên). Dù sao đi nữa, nó có thể vẫn là nơi đầu tiên cho biết mọi tin tức diễn trong ngày cho những ai không thực sự quan tâm lắm (có lẽ phần lớn là thanh niên).

Nói cách khác, nhóm khách hàng tiềm năng của các cơ quan đưa tin chậm này gồm những người cực ghét công nghệ mới, những người đang đắm đầu đọc tất cả tác phẩm của Proust (Marcel Proust 1871-1922 – văn sĩ nổi tiếng người Pháp – ND), những người rất cuộc cũng cố gắng tìm đọc Proust và những người dường như không màng đến tin tức. Tuy nhiên, đây không là nhóm độc giả mà các cơ quan đưa tin lớn đánh giá cao. Các độc giả cập nhật và chú ý đến tin tức hơn có thể được tha thứ nếu có hơi buồn ngủ khi mở tờ báo vào lúc điểm tâm sáng hôm thứ sáu, ngày 3 tháng 4 năm 2009, chỉ để đọc lại cái tin tức “lãnh đạo của các nền kinh tế lớn nhất thế giới đã thỏa thuận vào thứ năm về...”¹⁷

Dĩ nhiên vấn đề là quy trình in ấn và phân phối đã làm báo chí chậm hơn (so với internet – ND) khoảng 5 giờ đồng hồ. Ngoài ra sự chậm chạp vốn có của quy trình biên tập — một số là chính đáng, số khác có lẽ do khiếm khuyết — càng làm mọi thứ chậm thêm. Và “truyền thông dựa trên báo chí động”, theo thuật ngữ của giáo sư kinh tế học Alexander Field, thì đắt đỏ.¹⁸ Bạn sẽ phải đốn hết mọi cánh rừng, vận hành các máy in khổng lồ (vẫn là máy in trục tuy không còn dùng năng lượng hơi nước), khởi hành hàng đoàn xe tải chở đồng báo chí và giao từng tờ một đến tận cửa. Dự đoán về ngành báo in, vì thế, mang màu sắc ảm đạm.

Điều này không chỉ làm nản lòng những ai có thói quen đọc báo in mà còn với những người làm trong ngành này. Lịch sử báo chí về cơ bản là lịch sử của báo in từ đầu thế kỷ 17 cho đến

khi tin tức trên đài phát thanh bắt đầu phát triển mạnh vào thập niên thứ ba của thế kỷ 20. Phần lớn những gì chúng ta biết và nghĩ đến nghề báo có nguồn gốc từ báo in và vẫn được thể hiện bằng các thuật ngữ vay mượn của báo in (*tin tóm tắt, tin hàng đầu, trang bìa, thời gian và địa điểm sự việc...*). Quan trọng hơn có lẽ là phần lớn những gì chúng ta biết về thế giới đã đến với chúng ta qua con đường báo in và qua hệ thống tường thuật tin tức rộng lớn của nó.

Và chúng không phải cơ quan đưa tin đáng kính duy nhất đối diện với rủi ro. Đài phát thanh, truyền hình và các cơ quan phát tin trực tuyến đều nhanh hơn báo in rất nhiều. Ấy vậy mà, chương trình *All Things Considered* (*Những điều suy ngẫm*) và *Morning Edition* (*Bản tin sáng*) của NPR vẫn còn chậm hơn một chút, chẳng hạn so với những cập nhật trên Twitter! Trong bản tin tối *Nightly News* của NBC với Brian Williams, phát sóng vào 6 giờ 30 tối, thì hầu hết các tin tức đều chậm hơn hàng giờ so với Twitter, Facebook và nhiều blogger khác — thậm chí là các blogger nghiệp dư.



Mặc cho sự chậm chạp của báo chí và các bản tin phát, những người săn tin chuyên nghiệp dĩ nhiên vẫn có đầy kỹ năng hữu ích. Họ được đào tạo về tính rõ ràng, tính khách quan và tính chính xác. (Nếu bạn bỏ qua cho cái nỗ lực *quy kết* từ ví dụ đã nêu, rằng lỗi nhầm lẫn giữa đồng bảng Anh và đôla Mỹ do ai đó tại tờ báo *Guardian* gây ra, chứ không do “bốn thanh niên Anh theo cánh tả”.) Những người săn tin chuyên nghiệp cũng biết

cách xác định điều gì đáng giá nhất trong một bài phát biểu hay một sự kiện, và thuật lại nó nhanh chóng và chính xác. Cơ hội hiện nay của chúng ta – có thể xem những tường thuật tin tức quan trọng trên cáp hay web – dường như đã làm giảm đáng kể việc cần đến tin tức tóm tắt theo dạng kim tự tháp ngược mà cánh phóng viên đã hết sức thành thực trong thế kỷ qua. Tuy nhiên, những bản tin tóm tắt đôi khi cũng có ích, đặc biệt là đối với những ai không thể xem CNN vào lúc 11 giờ sáng ngày làm việc. Nếu các yếu tố khác đều không đổi, có lẽ cần phải có người săn tin chuyên nghiệp.

Và rất nhiều trang tin trực tuyến — ví dụ như *Huffington Post* và Yahoo — thực sự phụ thuộc vào những con người chuyên nghiệp như thế: phóng viên và ký giả của riêng họ. Những trang web đưa tin này thường cũng liên kết với các trang web của các cơ quan thông tấn khác, có nhiều năm kinh nghiệm hơn. Thỉnh thoảng, và cũng ít cao thượng hơn, họ phạm tội “cóp nhặt” — trích ra và đăng lại — nội dung từ một trong những cơ quan thông tấn lâu năm ấy vào trang web của họ để góp phần quảng cáo cho chính mình. (Trang *Huffington Post* đã bị chỉ trích về việc này.)¹⁹ Các trang web đưa tin trực tuyến cũng thường đăng và trả tiền cho các bài báo của các hãng thông tấn.

Associated Press, Reuters, Bloomberg và một số cơ quan khác rõ ràng là có vai trò quan trọng trong thế giới tin tức kỹ thuật số mới này. Họ tuyển dụng các phóng viên và biên tập viên đã được đào tạo và nhờ vậy có ưu thế để săn được tin tốt hơn nhiều so với một blogger trực tiếp rầy rà và cô độc — ngay cả đó là một blogger được *Guardian* thuê. Các hãng thông tấn — nhanh, cần mẫn và đáng tin cậy — thường có được những bản tin tóm tắt đầu tiên, chính xác và chuyên nghiệp chỉ trong vòng một giờ

kể từ khi sự kiện xảy ra. Hơn nữa, họ có thể — khi làm việc với dữ liệu âm thanh, hình ảnh và cả những từ ngữ được viết ra — nắm bắt được sự kiện, chia nhỏ ra và rồi hoàn thiện lại từng gói nhỏ, như công thức cũ, để trở thành một bài báo súc tích và rõ ràng. Ví dụ Yahoo lúc này có thể đăng lại những bài báo của AP lên trang web của mình, trả tiền AP cho đặc quyền này theo thỏa thuận được phép đăng lại, hoặc theo như một mô hình khác, *Drudge Report* chỉ cần dẫn liên kết (link) đến một bài báo của Reuters hoặc đến bài của trang khác mà Reuters dẫn lại, và cũng có được lượng người theo dõi đủ bù đắp chi phí.²⁰ Những việc nêu ở đây không ám chỉ rằng AP, Reuters, Bloomberg và bất cứ trang mạng nào liên quan đến nên dừng việc thu thập và bán buôn tin tức để thu phí hay để đổi lấy lượng độc giả mà sau đó họ bán lại cho các nhà quảng cáo.

Và, dĩ nhiên, NYTimes.com, WashingtonPost.com, ABCNews.go.com, CNN.com và các trang mạng khác có kết nối với các cơ quan thông tấn lâu đời đã có đội quân của riêng họ gồm các phóng viên có lẽ còn chuyên nghiệp hơn để cung cấp nhiều nội dung hơn. Họ đã nhảy vào cuộc cạnh tranh đăng tin lên Internet hết sức đông đúc này, nếu không phải ở vị trí người đăng tin đầu tiên thì ít ra cũng thuộc nhóm đăng tin nhanh. Về cơ bản, họ hành động để giúp cho chính các phiên bản báo in hay các phòng phát tin của họ có tin đầu tiên. Các phóng viên ngày càng được trang bị càng hơn để săn tin, họ lân la đến các cuộc họp báo lớn và các nơi xảy ra thảm họa để có thể đăng được vài mẫu tin hay đoạn phim không lâu sau khi AP đăng tin — nội dung chỉ dài hơn hoặc sâu sắc và chi tiết hơn đôi chút. Người ta cho là sự chuyên nghiệp và kinh nghiệm sẽ giúp họ có lợi thế hơn Yahoo, không tính đến đủ loại blogger già hay trẻ, thuộc cánh hữu hay cánh tả...

Trang web của tờ *New York Times* đăng và cập nhật tin về thỏa thuận của G-20 tại London vào lúc 11 giờ 32 phút trưa — chỉ 15 phút sau bản tin thông báo đầu tiên của AP. *Washington Post* hơi muộn hơn một chút. Bài tường thuật của *Times*, một minh chứng về kỹ năng của các phóng viên của họ, thực sự đã đưa ra một lời giải thích cặn kẽ và vững chắc về thỏa thuận. Bài báo đã nêu bật được sự thất bại của Mỹ và Anh trong việc kêu gọi các quốc gia khác thỏa thuận thúc đẩy nền kinh tế hơn nữa. Và trong vài giờ tiếp sau đó, *Times* và *Post* đều đặn cập nhật thêm chi tiết cho bài tường thuật của mình.

Tuy nhiên không rõ là các bài tường thuật này — có thể đã được tường thuật rất tốt — có làm mọi thứ để giúp cho NYTimes.com hay WashingtonPost.com khác biệt hơn HuffingtonPost.com hay bất kỳ trang web nào khác đăng tải bài tường thuật của AP hay không khi, mà những trang web này cũng đã tóm tắt công bố về thỏa thuận hết sức hoàn hảo và nêu được sự bất đồng trong việc thúc đẩy nền kinh tế. Ngay cả bản tin nhanh về thỏa thuận của G-20 do “bốn thanh niên người Anh theo cánh tả” đăng cũng có thể dùng được.

Tôi sẽ bàn về các bài phóng sự điều tra và bản tin độc quyền sau; nhưng với hầu hết các bài báo — những bài mà mọi người từ thông tấn xã cho đến dân không chuyên đều nhúng tay vào — phải chăng mọi thứ mà NYTimes.com làm chỉ đơn giản là một phiên bản của mẫu tin từ AP (AP+)? Phải chăng NYTimes.com chỉ đưa ra một thứ na ná như mọi bài báo ở các nơi khác, cùng lắm là có kỹ năng hơn đôi chút?

Và *Times* không chỉ đang cạnh tranh với các hãng thông tấn, một số trang web và một số phóng viên không chuyên. Đã từng

có lúc — khoảng vài thập niên trước — khi muốn xem một tờ báo *Guardian* hay *Times* của London tại Mỹ, người ta phải đi đến một sạp báo chuyên bán loại này và thậm chí báo bày bán ở đó cũng trễ hơn một hai ngày. Mọi thứ giờ đã khác. Những giới hạn về địa lý — tùy vào tốc độ nhanh chậm của xe tải hay máy bay, tùy vào khoảng cách hoạt động của máy phát tín hiệu — giờ đây đơn giản là không còn nữa. Vì vậy, giờ đây khi đưa tin về các sự kiện tầm cỡ quốc tế như thỏa thuận của G-20, NYTimes.com và WashingtonPost.com phải cạnh tranh với tất cả các thông tấn xã lớn khác của thế giới, và rất nhiều trong số này có các phóng viên khá tài năng cũng đang hối hả đi săn tin để đăng cho trang web của mình.

Hầu hết các bài báo này sẽ xuất hiện trên Google News — chỉ khác nhau về sự kiện hay phát biểu được bổ sung thêm, hoặc thể hiện một góc nhìn khác. Liệu đây có phải là tất cả những gì mà NYTimes.com sẽ trở thành hay không, khi nó không mở ra một bản tin độc quyền: một trong số hàng trăm trang web cố gắng làm mọi thứ trông khá hơn đôi chút cho cùng một sự kiện?

Trước những gì hiện có trên các trang web trực tuyến, việc cố gắng bán tin tức cũng giống như cố gắng bán thực phẩm tại một thành phố mà tất cả siêu thị của thế giới đều nhắm đến.



Và ngành kinh doanh tin tức đã phát triển thành hai hướng chủ đạo. Hướng thứ nhất, dành cho hầu hết các tin mà không thông tấn xã lớn và chuyên nghiệp nào — ngay cả *New York Times*, *NBC News* hay *NPR* — có thể lấy được nhanh hơn người khác,

cho dù lớn hay nhỏ, chuyên nghiệp hay không chuyên nghiệp. Ví dụ, *bất kỳ ai* có khả năng truy cập công nghệ điện tử cũng đều dễ dàng xem trực tiếp bài phát biểu của Thủ tướng Gordon Brown tại hội nghị G-20 hay đọc được ít nhiều thỏa thuận thực sự của hội nghị này khi các phóng viên có mặt tại đó tường thuật lại.

Hướng thứ hai, *bất kỳ ai* có tài khoản Twitter, Facebook hay địa chỉ Word Press giờ đây đều có thể đăng lên — thực chất là đang xuất bản — tin tức. Nhà in hay đài đưa tin không còn cần thiết nữa. Tweet, bài viết trên Facebook hay trên blog cũng được “đăng lên” nhanh chóng như các bài tường thuật của NYTimes.com, đôi khi còn nhanh hơn. Và hình thức “xuất bản” này mới xuất sắc làm sao! Nếu chúng ta cập nhật các thiết bị công nghệ của mình, các tin tức cập nhật này không chỉ theo chúng ta về nhà mà còn theo chúng ta đến bất kỳ nơi nào ta đi qua. Theo nghiên cứu của Pew, đến năm 2012, 44% người Mỹ sở hữu điện thoại thông minh (smartphone).²¹ Điểm quan trọng là, trong hầu hết sự kiện, các thông tấn xã chuyên nghiệp không còn khả năng lấy tin *hay* phát tin nhanh hơn và xa hơn bất kỳ ai thuộc “bốn thanh niên cánh tả của Anh” kia.

Gần như không có khả năng bạn vô tình vào một blog vô danh do một nhóm thanh niên điều hành; thật ra có thể bạn không hứng thú mấy với sự tình cờ này. Với tin tức, chúng ta thường dựa vào những cái tên mình đã biết và tin tưởng chúng, như hầu hết người tiêu dùng đều làm thế. Nhưng nếu những thanh niên kia thực sự nêu ra được một tin tức gì đó đáng chú ý mà mọi người bỏ sót, thì đây là cơ hội để trang blog của họ được mọi người kết nối và sau đó đường dẫn này sẽ được dẫn lại sang trang khác; hoặc là cơ hội để tweet của họ, nếu họ đã

tweet, có thể được tweet lại, và tweet lại ấy tiếp tục được tweet lại một lần nữa; hoặc là cơ hội để bài đăng trên Facebook của họ câu được nhiều “like” và được chia sẻ nhiều nhất. Như bạn thấy, tin tức từ những người không chuyên đôi khi cũng có thể “phát tán như virus”.²²

Tất cả những điều này có nghĩa là ưu thế so với dân không chuyên, mà báo chí có được nhờ vào việc tường thuật tin tức, máy in hơi nước dạng trực và điện tín, đang nhanh chóng phai nhạt. Những kẻ tọc mạch, miễn là có kết nối Internet hay một điện thoại thông minh, đã quay lại tham gia cuộc cạnh tranh lấy tin tức. Dân nghiệp dư nhìn chung cũng đã trở lại cuộc đua tranh này. Đôi khi thông tin của họ có sai sót — ví dụ như trong trường hợp nhiều người trên phương tiện truyền thông đại chúng đã cố gắng đoán lai lịch của những kẻ đánh bom cuộc thi marathon tại Boston vào tháng 4 năm 2013 — nhưng khá thường xuyên, họ đã thành công trong việc nắm bắt được những tin tức mà cánh phóng viên chuyên nghiệp đã không thấy được — như trong cuộc tấn công khủng bố tại Mumbai, hay tại quảng trường Tahrir của Cairo, Ai Cập.

Một ví dụ khác là vào sáng sớm ngày 20 tháng 7 năm 2012, một thanh niên 18 tuổi ở Colorado đã gần như “hướng dẫn” cho cảnh sát điều tra cũng như các phương tiện truyền thông xã hội và truyền thống, khi đưa tin về vụ nổ súng giết người hàng loạt tại một rạp chiếu phim ở Aurora, Colorado. Kết quả của “bản tin” này, được đăng trên Reddit, là những gì mà *BuzzFeed* mô tả là “một tường thuật đầy đủ, từng phút một diễn tiến của sự việc, từ những dấu hiệu đầu tiên nhất về một điều khủng khiếp đã xảy ra cho đến khi hình thành một câu chuyện mạch lạc.”²³

Trang web đã nhắc cho chúng ta nhớ rằng bên ngoài hãy còn rất nhiều tài năng sẵn sàng tham gia vào những tin tức đang diễn ra. Một số người đưa ra được những tin tức khá rõ ràng, chi tiết, khách quan và chính xác. Và họ — số này có rất nhiều, và ở rải rác khắp nơi — thường ở gần sự kiện hơn những người đưa tin chuyên nghiệp. Đôi khi họ mang đến cho sự kiện những cảm xúc đầy lôi cuốn và bộc lộ những quan điểm mà không phải lúc nào những phóng viên chuyên nghiệp cũng có được, cùng với sự suy xét vô tư đầy miệt mài của họ.

Jill Abramson, tổng biên tập *New York Times*, đã đúng khi cảnh báo chúng ta rằng “khi hàng triệu giọng nói cất tiếng tràn lan trên web, sẽ có những tin đồn thất thiệt, những sự kiện không chính xác và sự phi lý rành rành.” Nhưng đâu đó trên trang web của hàng triệu tiếng nói này, cũng sẽ có chỗ cho những bài viết độc đáo và quan trọng. Abramson cũng đúng khi lưu ý rằng “những nhà báo-công dân (citizen-journalist) không chuyên ấy đôi khi không có kỹ năng và nền tảng để đưa ra những bài viết chính xác nhất.”²⁴ Nhưng với ngày càng nhiều người trong số họ, tôi nghĩ chắc chắn có thể nói rằng, họ có khả năng đó.

Bất kỳ ai quen thuộc với những góc khuất của thế giới in ấn — những quyển sách mỏng, sách và tạp chí rẻ tiền, các tờ báo lá cải ở siêu thị, tờ quảng cáo được phân phát nơi góc đường — đều biết rằng phương tiện truyền thông đang được tôn sùng này, trong thời kỳ hoàng kim của nó, cũng không thiếu những sự nghiệp dư, hoang tưởng, vu khống, kỳ quặc, phù phiếm và thậm chí là sai lầm. Tất cả những đặc điểm trên đều có thể tìm thấy trên web. Và chắc chắn là còn nhiều đặc điểm khác nữa cũng có thể tìm thấy trên web vì quá dễ để bất kỳ ai có thể đăng tin về bất kỳ điều gì.

Nhưng với những ai trong chúng ta mà không để tâm đến những sự công kích, đến thuyết âm mưu và đến tất cả những điều khác thì cũng không mấy khó khăn để lọc ra sự ngờ ngẩn: Hầu hết chúng ta đều khá giỏi để biết không nên “nhấp chuột” (click) vào cái gì — cũng như những thể hệ trước biết không nên mua loại sách, báo hay tạp chí nào. Hơn nữa, nếu như việc lang thang trên web dẫn chúng ta đến một trang web nào đó mà lẽ ra không nên đến, thì đóng một cửa sổ trình duyệt cũng dễ như mở một cửa sổ mới vậy. Những sai lạc trên web sẽ không bao giờ biến mất: một số người có thể thích thú với nó, số khác thậm chí còn bị nó lừa phỉnh. Nhưng nó cũng chẳng thể nào đe dọa đến nền dân chủ. Vấn đề thực sự không phải là liệu có quá nhiều điều vô bổ hay tệ hại trên web, mà chính là liệu có đủ các điều đúng đắn hay không.

Những công dân mới của web trong những thập kỷ tồn tại đầu tiên có lẽ vẫn chưa đạt được trình độ khám phá được nhiều thứ như những người săn tin tài năng của *New York Times* hiện nay, nhưng không có nghĩa là họ sẽ không bao giờ đạt được. Ngành báo chí cũng đã phải mất đôi ba thế kỷ mới phát triển được hệ thống tường thuật tin tức của mình. Các blogger cũng đã khá giỏi trong việc ghi chép, ôm đồm, đặt vấn đề, mổ xẻ, phá vỡ và kêu ca. Thật vậy, rất nhiều người phần lớn chỉ giới hạn ở việc thuật lại những gì đang diễn ra trên web — thường là từ phòng riêng của mình. Nhưng hãy cho họ thêm vài năm nữa trước khi vội kết luận rằng họ chẳng bao giờ chịu xỏ quần vào và ra ngoài để tường thuật những sự việc đang diễn ra trên đường phố và tại các đại sảnh.

Và rất nhiều trong số những người phao tin tay ngang của thế kỷ 21 này chụp hình trên điện thoại, ghi lại những đoạn

âm thanh và hình ảnh ngẫu nhiên, cập nhật các *tweet* cực kỳ “chất”, viết blog về những điều họ chứng kiến và đăng tải những điều phần nộ mà không cần trả công. Kể lể đủ thứ trên web dường như cũng hấp dẫn không kém việc buôn chuyện trên phố phường Philadelphia vào thời của Ben Franklin. Rất nhiều người dường như một lần nữa lại muốn tham gia vào trò chơi.

Với ngành báo chí có những người không chuyên (amateur) xâm nhập, chúng ta sẽ phải cảnh giác những sai phạm về tính chính xác, tính giải trình, tính vô tư và những chuẩn mực đạo đức. (Thế nhưng, công bằng mà nói, cơ chế phản hồi (feedback) hết sức nhạy của Internet đã khiến cho nó phản ứng nhanh nhạy trước những chỉ trích và sửa chữa.)²⁵ Và nếu một vài nhà báo “nghề nghiệp” đang tường thuật sự kiện này thực ra chính là những chuyên gia PR đang làm việc cho những nhà tài trợ các sự kiện đó, chúng ta sẽ phải rất khó khăn để chỉ ra những sai lầm, tranh cãi và cả sự húng khởi quá mức. Đọc và nhìn ra được những tin tức của nhà tài trợ (kiểu tin tức, bài báo có mục đích thực sự là quảng cáo cho một sản phẩm, dịch vụ nào đó – ND) đòi hỏi phải có những kỹ năng có lẽ không được phát triển tốt trong thời đại báo chí-bản tin. Nhưng nếu giải pháp là áp dụng tính hoài nghi, tôi cho rằng chúng ta không phải lo lắng về việc thiếu nguồn cung vào đầu thế kỷ 21 này.

Nhưng chúng ta phải nhớ rằng có một đặc điểm khá dân chủ đang hiện diện cùng với sự ngập tràn tin tức nghiệp dư ấy — ít ra là với loại tin tức không được tài trợ. Nhiều thập kỷ qua, giới phê bình báo chí vẫn hay ta thán về sự hạn hẹp của những “cánh cửa” mà tin tức phải đi qua, và về những hạn chế cũng như tính khí thất thường của những người “gác cửa” ấy. Giới phê bình báo chí không có thói quen công bố chiến

thắng, nhưng chắc chắn rằng họ sẽ không cần phải ca thán thêm nữa. Giờ đây, chúng ta có thể tiếp cận tin tức với phạm vi quan điểm rộng rãi đến nỗi khiến ai cũng phải giật mình (và đôi khi là cả khó chịu).

Rất nhiều blogger hay tweeter nghiệp dư nhiều lúc dường như quá tin vào cánh tả hay cánh hữu, Dân chủ hay Cộng hòa. Đôi khi, họ cũng đáng để bị lên án như Whitelaw Reid đã công khai chỉ trích rằng họ có lúc “giấu giếm do sự thật sẽ làm ảnh hưởng đến đảng phái.”²⁶ Nhưng, ngoại trừ các chuyên gia truyền thông xã hội, thì chắc chắn hầu hết sẽ không mang tội bị kiểm soát trực tiếp bởi “lợi ích cá nhân”, theo cách nói của Habermas.²⁷ Các mối lợi cá nhân ấy dường như chỉ nằm đằng sau các phương tiện truyền thông lớn của một tổ chức — ví dụ *Wall Street Journal* hay Fox của Rupert Murdoch — hơn là đằng sau các blogger. Chắc chắn blogger nào cũng có thể bị ảnh hưởng bởi một tư tưởng nào đó, như tất cả mọi người còn lại trong chúng ta, nhưng việc họ viết blog mà kiếm được ít tiền hay không vì tiền thực sự đem lại một đặc quyền: sự tự do nhất định trước mệnh lệnh của đồng tiền.

Và một đặc điểm quân bình chủ nghĩa dễ chịu khác nữa cũng đang hiện diện trên blog, Facebook và Twitter: người ta không còn phải nhường cái thú vui tìm kiếm và kể lể các tin tức cho riêng cánh nhà báo chuyên nghiệp nữa. Trước kia, các cơ quan đưa tin khổng lồ mỗi ngày cung cấp những tin tức thường nhật cho mọi người. Giờ đây chúng ta đã có quyền tự mình lục lọi, tìm kiếm những tin tức cho chính mình, trên cái công cụ web rộng lớn và đầy hoang dã kia. Việc trao đổi tin tức đã trở thành môn thể thao được nhiều người hâm mộ. Và một lần nữa, mọi người đều có thể tham gia. Đám đông có thể thỏa mãn nỗi khát

khao được tiết lộ tin tức của chính họ một cách *trực tuyến*. Và qua email, blog, tweet, các tin nhắn, Facebook, đám đông có thể kể lể dòng dài những gì mà họ cho là tin tức — với nhiều mức độ chính xác và sự gọt giũa khác nhau dành cho tầng lớp khán giả cũng thuộc nhiều trình độ và số lượng khác nhau. Vậy đó, *dân nghiệp dư* đã trở lại cuộc chơi.²⁸ “Nhưng có một thứ... không thể trở lại,” Ana Marie Cox, một blogger Washington có tầm ảnh hưởng lớn sau này trở thành người phụ trách một chuyên mục trên *Guardian* khẳng định, “chúng ta sẽ không bao giờ quay trở lại thời kỳ mà chỉ một số ít người có đặc quyền mới được lên tiếng. Tôi cho rằng rốt cuộc các phóng viên cũng đang thỏa hiệp với việc này.”²⁹

Thật ra có rất nhiều thứ để phóng viên thỏa hiệp và chấp nhận. Tất cả những thay đổi hướng tới sự công khai, sự tham gia và sự dân chủ này phần lớn là những tin tốt lành đối với tin tức, nhưng không thể phủ nhận rằng đây chính là tin xấu đối với những *chuyên gia tin tức* (news professional). Mô hình kinh doanh tồn tại một thể kỷ rủi của báo chí đang từ từ lụi tàn. Và cũng chẳng có nhiều bằng chứng về một mô hình kinh doanh trực tuyến mới nào có thể giải cứu được hầu hết các cơ quan thu thập tin tức khổng lồ hiện nay.

Về vấn đề này, chúng ta có thể tham vấn không ai khác hơn là ông trùm đầu tư Warren Buffett, người đang mua lại các tờ báo trong nỗi niềm luyến tiếc hay với tư cách là một cuộc *săn mồi*, hoặc cả hai. Trong một báo cáo với cổ đông vào năm 2007, Buffett đã thừa nhận “nền tảng kinh tế đang sụp đổ” của ngành báo chí. Và ông cũng bác bỏ ý kiến cho rằng Internet sẽ là giải pháp: “Tiềm năng kinh tế của các trang báo trên Internet — trước việc có rất nhiều lựa chọn về nguồn thông tin và giải trí

miễn phí và chỉ cần một cú nhấp chuột — cùng lắm cũng chỉ bằng một phần nhỏ tiềm năng của ngành báo in, vốn không hề có bất kỳ sự cạnh tranh nào trong quá khứ.”³⁰

Khi nhìn lại, thất bại của ngành thu thập tin tức dường như đã rõ ràng và hiển nhiên: các hình thức truyền thông điện tử mới sẽ thu thập và truyền tin ít tốn kém hơn, nhờ vậy đang triệt tiêu sự độc quyền mà các nhà xuất bản báo chí đã dựng nên. Nhưng chẳng có gì trong những điều trên là rõ ràng khi các tượng đài như Joseph Pulitzer, William Randolph Hearst, E. W. Scripps, Adolph Ochs,* Otis Chandler,[†] Arthur Ochs Sulzberger[‡] và Katharine Graham[§] thu được vô số lợi nhuận từ cỗ máy săn tin không mệt mỏi của họ. Và cũng không có gì là hiển nhiên khi những tay săn tin xuất sắc như Lincoln Steffens, Ida Tarbell, Bob Woodward, Carl Bernstein và Seymour Hersh

* Adolph Simon Ochs (1858-1935) là nhà kinh doanh trong lĩnh vực báo chí và xuất bản, sở hữu tờ *The New York Times* và *The Chattanooga Times* (nay là *Chattanooga Times Free Press*).

† Otis Chandler (1927-2006) là nhà xuất bản tờ *Los Angeles Times* từ năm 1960 đến 1980, lãnh đạo sự bành trướng và tham vọng của tờ báo này. Ông là thành viên thứ tư và cuối cùng của gia đình Chandler giữ vị trí tối cao ở tờ báo.

‡ Arthur Ochs “Punch” Sulzberger Sr. (1926-2012) là doanh nhân và nhà xuất bản người Mỹ. Sinh ra trong một gia đình chuyên về xuất bản và truyền thông hàng đầu, ông trở thành nhà xuất bản của *The New York Times* và chủ tịch hội đồng quản trị của The New York Times Company năm 1963.

§ Katharine Meyer Graham (1917-2001) là nhà xuất bản người Mỹ. Bà lãnh đạo tờ báo của gia đình, *The Washington Post*, hơn hai thập niên, chứng kiến giai đoạn nổi tiếng nhất của nó, loạt bài điều tra vụ Watergate rút cuộc dẫn đến việc Tổng thống Richard Nixon từ chức. Hồi ký của bà, *Personal History*, đoạt giải Pulitzer năm 1998.

đã từng “làm khổ”, như câu nói xa xưa về nhà báo, một số “người sung sướng”.³¹ (Theo nhà văn Finley Peter Dunne, nghề báo *an ủi người đau khổ và làm khổ người sung sướng*. Nguyên văn tiếng Anh “Comfort the afflicted, and afflict the comfortable.” – ND)

Thế nhưng, điều hết sức bất thường kéo dài cả một thế kỷ rưỡi này đã chấm dứt: một lần nữa tin tức lại được cho không, gây ít nhiều mất mát đến những ai trong một thế kỷ rưỡi ấy đã dùng nó làm hàng hóa. Cả thế giới trở thành một ngôi làng lớn, một quán rượu lớn và một quán giải khát lớn, nơi mà những cuộc đua tranh tin tức hầu như không hề gặp trở ngại. Việc cung cấp tin tức đang bùng nổ. Và đây mới thật sự là điều mới mẻ: tin tức nhiều và miễn phí giờ đây cũng nhanh chóng và rộng khắp như bất cứ cái gì mà các ông trùm về tin tức thế kỷ 19 và 20 đã từng bán.

Đối với các tổ chức đưa tin lớn, việc cố gắng rao bán những món hàng của họ trong môi trường này cũng giống như cố gắng bán thực phẩm trong một thành phố không chỉ được phục vụ bởi tất cả siêu thị trên thế giới mà còn được phục vụ bởi tất cả cửa hàng rau quả gia đình và cả những gian hàng nông sản của thế giới. Và nếu chùng ẩy vẫn chưa đủ thách thức, thì đây là thị trường mà mọi người đều phân phối mọi tin tức một cách miễn phí.

Một số các nhà báo nghiệp dư, theo kiểu cửa hàng gia đình và quầy hàng nông sản này cũng có một lợi thế cực kỳ đáng kể so với các nhà báo chuyên nghiệp: họ sở hữu chuyên môn sâu sắc về đề tài mà họ tường thuật.



Vào ngày 29 tháng 6 năm 2012, Tòa án Tối cao Hoa Kỳ đưa ra phán quyết về việc luật bảo hiểm y tế của chính quyền Obama (Đạo luật Bảo vệ bệnh nhân và Chăm sóc sức khỏe hợp túi tiền năm 2010, hay còn được gọi là đạo luật “Obamacare”) có hợp hiến hay không — đây cũng là một sự kiện khác diễn ra trong chu kỳ tin tức mà tôi nghiên cứu.

Không một phóng viên nào biết trước được kết quả: Tòa án Tối cao là cơ quan hiểm hoi mà tin tức không bị rò rỉ.³² Nhưng lúc ấy ai cũng biết rằng phán quyết sẽ được công bố ngay sau 10 giờ sáng hôm thứ năm trong phòng xét xử của tòa tại Washington. Hầu hết phóng viên cũng biết ai có khả năng sẽ có được tin tức đầu tiên — và đó không phải là một trong số các cơ quan đưa tin hàng đầu, mặc dù hầu hết các cơ quan này là ở Mỹ và một số ít từ các quốc gia khác đang tường thuật về sự kiện này.

Vợ chồng Tom Goldstein và Amy Howe cùng là luật sư và họ đã thụ lý rất nhiều hồ sơ tại Tòa án Tối cao. Năm 2002, họ thành lập *SCOTUSblog* (lấy tên theo tên viết tắt của Tòa án Tối cao Hoa Kỳ) để tường thuật và thảo luận tin tức tại tòa tốt hơn. Blog của Goldstein và Howe không phải chỉ do cá nhân điều hành mà không có sự hỗ trợ nào của báo giới: họ có thuê một phóng viên, Lyle Denniston, người đã đưa tin về Tòa tối cao từ năm 1953 cho rất nhiều tờ báo, trong số đó có tờ *Wall Street Journal* và *Boston Globe*. Denniston đã 81 tuổi khi ông cùng hai luật sư và cũng là blogger bán thời gian này bước vào cuộc cạnh tranh với các cơ quan thông tấn hàng đầu của Mỹ trong việc đưa tin phán quyết của tòa về đạo luật y tế. “Tham vọng số một của chúng tôi là trở thành người đầu tiên biết tin và công bố cho tất cả mọi người,” Denniston nói với *Washington Post* như thế.³³

Thế nhưng các bài báo đầu tiên về phán quyết của tòa về đạo luật cải tổ y tế vào sáng hôm ấy lại không xuất hiện trên *SCOTUSblog*. CNN đã đưa tin về phán quyết này vào lúc 10 giờ 07 phút sáng, Fox News Channel đưa tin chỉ vồn vện tám giây sau đó. Thế nhưng, cả hai đều nhận được tin tức sai: “Tôi xin thông báo đến các bạn tin mới nhất, theo xướng ngôn viên Bill Mears, bảo hiểm y tế cá nhân... không phải là một thực hành hợp lệ của Điều khoản Thương mại,” phóng viên Kate Bolduan đã thông báo như vậy trên CNN. Công bằng mà nói thì câu này là đúng, nhưng những gì Bouldan nói tiếp theo thì sai: “Vì vậy có vẻ là bồi thẩm đoàn đã xóa bỏ bảo hiểm y tế cá nhân — điểm mấu chốt của đạo luật chăm sóc y tế” (Thật ra Chánh án John Roberts đã có một cách khác để chấp thuận loại bảo hiểm bắt buộc này.) Cụm từ “có vẻ là” (*it appears as if*) của Bolduan sau đó đã biến mất trong dòng tit chạy bên dưới màn hình của CNN một phút sau “TÒA ÁN TỐI CAO ĐÃ BÃI BỎ BẢO HIỂM Y TẾ CÁ NHÂN”. Ba phút sau, cụm từ tương tự cũng xuất hiện trên tit của trang web tờ báo: “Bảo hiểm cá nhân đã bị bãi bỏ”. Trên kênh Fox, lúc 10 giờ 07, xướng ngôn viên cũng đã nói thẳng thừng và rõ ràng: “Chúng tôi xin thông báo tin mới nhất trên Fox News Channel: bảo hiểm y tế cá nhân đã được phán quyết là không hợp hiến.”³⁴

Vào lúc 10 giờ 08 sáng (trên Twitter sớm hơn vài giây), *SCOTUSblog*, hoàn toàn không gây bất ngờ, đã đăng tin đầu tiên về những phán quyết *thật sự* của tòa. Khi phán quyết được công bố, theo như kế hoạch, Lyle Denniston không ở trong phòng xét xử, nơi các thiết bị điện tử không được phép mang vào. Thay vào đó, ông ở trong phòng họp báo, và vào lúc phán quyết được công bố, ông đã nhận được một bản in của nó. Kế

đó, Denniston hối hả chạy về bàn làm việc của mình trong tòa nhà, tại đây ông gặp Tom Goldstein. Họ xem lướt qua phán quyết — cẩn thận và thấu đáo hơn người của CNN và Fox dù việc này làm họ mất chỉ chừng một phút. Sau đó Goldstein đã chỉ thị cho Amy Howe gõ những dòng chữ đầy trang trọng sau đây lên *SCOTUSblog*: “Bảo hiểm y tế cá nhân tồn tại như là một loại thuế.” Hai phút sau Goldstein viết thêm: “Do đó bảo hiểm y tế là hợp hiến. Chánh án Roberts đứng về cánh tả của phiên tòa.”³⁵

Và đúng vào thời điểm *SCOTUSblog* tường thuật đúng về phán quyết, David Leonhardt, chánh văn phòng Washington của *New York Times*, đã đăng một phát biểu về đề tài này trên blog của tờ báo như sau: “Tòa án Tối cao vừa ra phán quyết về đạo luật bảo hiểm y tế của Tổng thống Obama, và các phóng viên, biên tập viên của *Times* đang phân tích phán quyết của tòa. Khi chúng tôi quán triệt được nội dung cơ bản của phán quyết này, các bạn chắc chắn sẽ được đọc rất nhiều bài phân tích.”³⁶ Rốt cuộc thì cũng có một trận lũ tin tức trên tờ *Times*, nhưng cơn lũ ấy được bắt đầu chỉ bằng sự nhỏ giọt.

Bài tường thuật thật sự đầu tiên trên *Times* về phán quyết này, theo như tôi đã đọc, xuất hiện trên blog 18 phút sau đó, lúc 10 giờ 26 phút sáng — sau khi *SCOTUSblog* đã ghi lại các điểm chính của phán quyết. Bài viết 480 từ của *Times* bắt đầu như sau: “Hôm thứ năm, Tòa án Tối cao đã xem xét triệt để theo tiền lệ phần lớn đạo luật bảo hiểm y tế của Tổng thống Obama với một phán quyết hỗn hợp mà các quan sát viên tại tòa đang khẩn trương phân tích.” Thế nhưng, phần lớn bài viết 480 từ ấy chủ yếu nêu những tin tức cơ bản và những thông tin chung chung. Và khi đến vấn đề cốt yếu mà *SCOTUSblog* đã giải đáp, *Times*

đã viết: “Vẫn chưa rõ là liệu tòa án có chính thức công nhận bảo hiểm y tế cá nhân hay không, hay chọn một giải pháp kỹ thuật khác để cho phép nó có hiệu lực.”³⁷ Sáu phút sau nỗ lực với kết quả vẫn còn mơ hồ và không đầy đủ ấy của *Times*, Amy Howe đã đăng một bài tóm tắt 155 từ, cô động, “rõ ràng và đầy đủ” các điểm chính trong phán quyết của tòa lên *SCOTUSblog*.

Vậy là trang blog nhỏ bé, chuyên nghiệp này — vào thời điểm ấy vẫn còn được công ty truyền thông Bloomberg hỗ trợ tài chính (dù Bloomberg không quản lý hay điều hành blog này) — đã công bố bản tin lớn nhất nước Mỹ chỉ trong một thời gian ngắn và đè bẹp hầu hết các hãng thông tấn lớn. Hơn nữa, trang blog này — không như hai ông lớn thông tấn xã kia — đã cung cấp tin tức chính xác. Danh tiếng vang lừng của trang blog đã được chứng minh qua việc chỉ trong sáng hôm ấy đã có hơn nửa triệu người nhấp vào *SCOTUSblog.com*, trong số đó có các cá nhân của hầu hết những thông tấn xã lớn kia. Thật vậy, Fox và News Channel bắt đầu tự sửa chữa sai sót — khi họ thấy thông tin trên *SCOTUSblog* mâu thuẫn với các bài báo của họ — bằng cách trích bài blog lên phát sóng trực tiếp.³⁸

Đây không phải là một thắng lợi nghề báo của những người hoàn toàn nghiệp dư: Denniston không đủ tiêu chuẩn, còn Goldstein và Howe cũng chẳng được đào tạo hay thậm chí không phải là những nhà báo toàn thời gian. Bất chấp điều đó, những gì mà họ đưa ra cho công chúng được Goldstein gọi là một “sự tập trung chuyên môn” — hiểu biết sâu sắc về vấn đề đang nhắm tới.³⁹ Không như hầu hết các nhà báo chuyên nghiệp chuyên trách về các bản tin phát sóng trực tiếp trên CNN và Fox, họ là những chuyên gia về Tòa án Tối cao và luật pháp.

Tình huống này ngày càng phổ biến: những cá nhân có hoặc không có nền tảng chuyên môn về báo chí nhưng lại là những chuyên gia về tin tức trong lĩnh vực nào đó đang liên tục đánh bại các hãng thông tấn lớn trong việc đưa tin. Nate Silver chưa bao giờ là một nhà báo chính thống nhưng anh lại có khả năng và hiểu biết hiếm thấy về thống kê, được trui rèn khi suy nghĩ và viết về thể thao — dĩ nhiên là trên một trang blog. Và Silver đã bị mê hoặc bởi cuộc đua tranh chính trị năm 2008. Trang blog của anh phân tích việc bỏ phiếu của các cuộc bầu cử, *FiveThirtyEight*, vượt trội hơn các cơ quan báo chí khác về đề tài này khi thu hút ba triệu lượt truy cập trang vào ngày bầu cử năm 2008 — sau này blog nói trên đã được *New York Times* mua lại.⁴⁰ Câu chuyện của Brian Stelter có lẽ còn kịch tính hơn. Tháng 1 năm 2004, cậu ta khai trương trang blog sau này có tầm ảnh hưởng nhất nhì về tin tức truyền hình mà chẳng có chút kinh nghiệm gì về chuyên môn báo chí, thậm chí khi mới là sinh viên năm nhất của Đại học Towson ở Maryland. Lúc đầu Stelter đặt blog của mình là *CableNewser*. Nhưng đến tháng 7 cậu ta đã thương lượng với MediaBistro, mở rộng đề tài và đổi tên thành *TVNewser*.

Năm 2006, *New York Times* cho đăng lên trang nhất tiểu sử cậu sinh viên “búng ra sữa” có blog với trên một triệu lượt xem này. Tờ báo còn trích thêm lời của phó giám đốc cấp cao của ABC News: “Toàn ngành đang tập trung vào blog của cậu ấy.” Bí mật của Stelter là gì? “Đam mê là điểm quan trọng nhất mà tôi đưa vào blog của mình,” cậu ta đã giải thích trên trang web của Đại học Towson như thế. Stelter say mê với những gì diễn ra trên tin tức truyền hình một cách đầy ám ảnh. Điều này đã giúp cậu có sự hiểu biết đặc biệt về đề tài này, và cũng trở

thành một người “tập trung vào chuyên môn”. Khi Stelter tốt nghiệp đại học năm 2007, *Times* đã chiêu mộ cậu làm phóng viên truyền hình.⁴¹

Với sự có mặt Brian Stelter, giờ đây việc tường thuật tin tức truyền hình đã nhanh chóng và thông minh hơn. Tương tự, những việc mà Nate Silver làm đã giúp cải thiện chất lượng mảng tường thuật tin tức về bầu cử của *Times*. (Silver đã đồng ý đưa blog của mình vào ESPN và ABC News vào năm 2013.) Nhưng ngay cả khi *Times* và các thông tấn xã khác có tiếp tục chộp được những blogger thành công đi chẳng nữa thì giờ đây họ vẫn phải đối diện với sự đe dọa từ những cô cậu tân sinh viên đầy nhiệt huyết hay những tay lão làng 81 tuổi — những người hoạt động độc lập không cần có biên tập viên, nhân viên hay ngân sách — đang miệt mài vào những tin tức về một khía cạnh nào đó, của vấn đề này hay vấn đề khác. Sân chơi của cuộc đua tranh tường thuật tin tức đã được nâng cấp: một vài chuyên gia — viết blog, đăng tin trên Twitter — có thể dễ dàng đánh bại một thông tấn xã lớn.

Nhà cải cách báo chí vĩ đại James Gordon Bennett Sr. đã dự đoán trong thế kỷ 19 rằng với sự có mặt của điện tín, “những tờ báo đơn thuần — cỗ máy truyền tin đơn thuần — phải đầu hàng số phận, và bị loại ra khỏi ngành.”⁴² Nhưng không phải thế. Như Bennett đã sớm nhận ra, điện tín, do quá đắt đỏ và không thể đưa tin tức vào từng nhà, hóa ra lại trở thành một mối lợi cho báo chí. Truyền thanh và truyền hình cuối cùng đã đưa tin tức điện tử và nhanh chóng đến từng nhà, gây thiệt hại nghiêm trọng cho báo chí. Nhưng chúng cũng hạn chế: truyền tin trực tiếp qua sóng cũng quá đắt, và khán giả lại không được quyền chọn chương trình để nghe hay thời gian để xem. Thế

nhưng, các thiết bị web di động chỉ cần có Internet trên máy tính mới này của chúng ta lại không bị những hạn chế này. Một thế kỉ rưỡi sau khi điện tín xuất hiện, lời tiên đoán của Bennett mới thành sự thật.



Vào sáng ngày 30 tháng 6 năm 2012, khoảng 20 tiếng sau khi *SCOTUSblog* đăng tin về phán quyết của Tòa án Tối cao dành cho đạo luật y tế thì báo chí trong nước lại ngập tràn đường phố với những hàng tít như “Đạo luật Y tế được Phê chuẩn” (*Washington Post*), “VẪN CÓ HIỆU LỰC” (*USA Today*), “Tòa án Ủng hộ Đạo luật chăm sóc sức khỏe của Obama” (*Wall Street Journal*), và còn khôn ngoan hơn nữa là “CHÚNG NHẬN HỢP PHÁP” (*Chicago Sun-Times*).⁴³ Những cái tít tương tự vẫn có thể tìm thấy trên rất nhiều trang web của các hãng thông tấn vào sáng hôm ấy. Họ nghĩ là độc giả của họ chưa biết về tin tức này hay sao? Họ tin là mọi người đều muốn được nhắc lại tin tức quan trọng của *ngày hôm qua* hay sao? Hay là họ cảm thấy có nghĩa vụ phải ghi lại sự kiện đáng nhớ này vào lịch sử — ngay cả khi lịch sử hiện tại thường được lưu lại trên web, như Google đang làm, không trên một trang web cụ thể nào?

Tôi cho là nhiều nhà báo của chúng ta đơn giản vẫn bám theo một thế giới quan lạc hậu. Họ vẫn tiếp tục tin rằng công việc của họ là công bố những gì đã xảy ra, mặc cho tất cả mọi người đều đã biết chuyện. Thời đại của “thế giới quan tin tức”, như học giả báo chí người Đức Horst Pöttker viết, “đang đến hồi kết thúc”.⁴⁴

Vì sao? Vì nó không hiệu quả. Tiền kiếm được từ việc bán tin tức của ngày hôm qua ngày càng ít đi. Nó đã mất đi cái chức năng làm người ta ngạc nhiên, chức năng thông tin và giải trí, những chức năng khiến mọi người đọc các mẫu quảng cáo. Thậm chí tin tức của một giờ trước cũng không mang lại nhiều tiền — vì có hàng trăm người khác cũng đang cố gắng kiếm tiền từ những tin tức của một giờ trước. Nói cách khác, nếu các hãng đưa tin của chúng ta cứ tiếp tục kinh doanh theo hình thức thu thập tin tức hàng ngày — ngay cả khi họ duy trì hình thức kinh doanh thu thập tin tức hàng ngày để phân tán trực tuyến — thì lời tiên tri về tương lai của họ hiện đang được thể hiện qua những con số thống kê và biểu đồ về tổng số báo phát hành cũng sẽ đến lúc trở thành hiện thực.

Đúng là trang web Craigslist đã lấy đi phần rao vặt đầy lợi lộc. Đúng là in ấn với vai trò là phương tiện truyền thông đang chết dần. Đúng là các hãng thông tấn cũ kỹ đã quá lè mè khi thiết lập lại trên các “nền tảng” mới mà công nghệ và những nhà khởi nghiệp đang tạo ra. Đúng là các trang trực tuyến đang có quá nhiều quảng cáo khó gánh thêm phần quảng cáo hiện giờ trên báo in. Đúng là các tường quảng cáo trả phí có đe dọa buộc độc giả phải rời đi khi họ tăng doanh thu. Đây là những vấn đề lớn. Nhưng khủng hoảng hiện tại trong ngành báo chí, theo tôi, chính là cuộc khủng hoảng của sự hiểu biết của chúng ta về báo chí: thời đại của các cơ quan *tin tức* đang kết thúc.

Tôi không có ý định bất kính với tin tức. Trong quyển sách của mình, *Lịch sử Tin tức (A history of News)*, tôi đã giải thích về tầm quan trọng của tin tức đối với con người đang bị đánh giá

thấp. Nhưng điều đó không có nghĩa là việc lan truyền tin tức vẫn còn như một thế kỷ rưỡi trước: một ngành kinh doanh lớn.

Jill Abramson của tờ *New York Times* đã đúng khi viết rằng, “Nhân loại đang khao khát thông tin đáng tin cậy về thế giới mà chúng ta đang sống.”⁴⁵ Người phụ trách chuyên mục truyền thông của *Times*, David Carr đã đúng khi viết rằng, “Tin tức là ứng dụng giết người.”⁴⁶ Nhưng nếu Abramson cho rằng sẽ luôn có một món tiền kénh xù khi thỏa mãn sự khao khát đó, nếu Carr nghĩ rằng ứng dụng này sẽ luôn mang lại lợi nhuận thì có lẽ họ đã sai lầm. Nếu một trong số họ vẫn cho rằng tường thuật tin tức vẫn là hình thức cao cấp nhất của báo chí thì tôi tin rằng họ đã sai.



Nói cho cùng, đó hoàn toàn là vấn đề về giá trị.

Internet đã chứng tỏ là một công cụ vĩ đại và nhanh chóng làm cạn kiệt giá trị. Chi phí để tạo ra mọi thứ có thể được chuyển thành bit — nhạc, video, sách đọc, trò chơi, rao vặt, giảng dạy đại học và rõ ràng nhất là tin tức — về cơ bản đã hạ xuống mức zero. Kết quả là bùng nổ việc cung cấp mọi thứ có thể chuyển thành bit. Tin tức có mặt khắp nơi. Vì vậy mà các nhà báo phải đưa ra một cái gì đó ít phổ biến hơn, có giá trị hơn.

Có vài cách truyền thống và đáng tôn trọng để cộng thêm giá trị cho ấn phẩm tin tức hoặc các bản tin, hiện vẫn được áp dụng trong thế giới thông tin thừa mứa này. Chúng có một điểm chung: độc quyền.

Một trong các luận điểm của tôi nêu trong quyển sách này là việc tường thuật những tin tức tầm thường thì không có gì khó khăn và cũng không mang lại thêm kiến thức; hoàn toàn khác với những gì mà nhiều biên tập viên già nua chuyên trách mục tin tức địa phương và một số giáo sư lâu năm về báo chí muốn chúng ta phải tin như thế. Thế nhưng, một phóng viên đôi khi cũng phải xoay sở để có được một vị trí thuận lợi mà các webcam hay các phóng viên khác không có hay không thể sở hữu — có thể là một cảnh tượng tàn bạo diễn ra đâu đó. Trong trường hợp ấy, cái cách xưa cũ “đến tận nơi, tận mắt chứng kiến” của Bill Keller chắc chắn là có thể cộng thêm được giá trị báo chí, thậm chí là giá trị đạo đức. Và đôi khi nguồn tin ấy chỉ cung cấp những tin tức khiến người ta phải tròn mắt cho một phóng viên được tin cậy mà thôi. Hay thật ra, tin tức độc quyền có thể là kết quả của việc “tìm hiểu các tài liệu, khai thác các nguồn tin” — các hoạt động mà Keller tôn vinh.

Trong khi hầu hết các nhà báo đều đồng tình với sự tôn vinh này, thì Paul Krugman, giáo sư kinh tế phụ trách một chuyên mục trên *New York Times*, lại hết sức do dự. Ông lưu ý rằng “rất nhiều báo chí chính trị, hay thậm chí là việc tường thuật về các vấn đề chính trị, chịu chi phối bởi việc tìm kiếm... người trong cuộc, kẻ biết Việc Gì Đang Thực Sự Diễn Ra. Các cuộc phỏng vấn hậu cảnh với các viên chức cấp cao được xem là quý như vàng.” Nhưng như Krugman tranh luận, có lý do cho đôi chút yếm thế này. “Những tin tức sốt dẻo nội bộ như vậy hiếm khi — tôi không nói là không đời nào, mà là hiếm khi — đáng giá,” ông viết. “Kinh nghiệm của tôi là phân tích kỹ càng các thông tin công khai sẵn có hầu như luôn thắng thế cách tiếp cận nội

bộ kia.”⁴⁷ Nói cách khác, Krugman ủng hộ việc “tìm hiểu các tài liệu” và ít ấn tượng với việc “khai thác nguồn tin”.

Như Krugman cũng thừa nhận rằng quan điểm đó chỉ dành cho riêng mình: là một nhà kinh tế học, ông rất rành những “thông tin công bố công khai”. Nhưng không thể phớt lờ quan điểm ấy. Các nguồn tin thường tự cho phép chúng được phát triển và sau đó tiết lộ phụ thuộc vào mục đích của chúng — những mục đích mà không phải lúc nào cũng trùng hợp với lợi ích chung. Và dĩ nhiên càng có nhiều tin sốt dẻo phơi bày công khai đến nỗi các phóng viên cũng không hề ngờ tới — chỉ cần tìm kiếm và phân tích là có thể thu thập được, không cần phải có sự thân cận hay lén lút. Dù sao thì tin tức độc quyền và việc điều tra cũng có giá trị đáng kể.

Khi trang nhất của tờ *New York Times* tường thuật lại thỏa thuận G-20 một ngày sau đó, thì cũng vào hôm đó, tờ báo cũng đưa tin về cái chết của một dân nhập cư người Pakistan khi đang bị giam giữ trong nhà tù New Jersey.⁴⁸ Đây chính là ví dụ về một dạng đặc biệt thú vị của các tin tức độc quyền: phóng sự điều tra. Hình thức này cũng mở rộng kho kiến thức của chúng ta. Dĩ nhiên, nó phải là một phần của bất kỳ phương cách tiếp cận nào mang lại giá trị cộng thêm cho ngành báo chí.⁴⁹

Các nhà báo truyền thống thực hiện nhiều bài báo độc quyền kiểu đó, họ nên làm như vậy, nhưng họ lại phóng đại về số lượng tin tức được quan sát, được công khai và được khai thác của một phóng viên độc quyền. Đây chính là sự hiểu nhầm đằng sau một trong những phòng thủ được đưa ra mạnh mẽ nhất của giới báo chí.

“Báo chí đào xới tin tức,” đó là cách mà John S. Carroll, cựu tổng biên tập của *Los Angeles Times*, đã nêu lên quan điểm của

mình. “Những người khác sẽ gởi nó lại.”⁵⁰ Ở đây có vài phần sự thật. Gần như mỗi ngày, trang nhất của *New York Times*, *Washington Post* hoặc, bây giờ có lẽ ít thường xuyên hơn, *Los Angeles Times* đều có những bài phóng sự điều tra hay một tin tức độc quyền nào đó mà nhiều trang web khác phải dẫn link lại hoặc “sao chép”. Vậy liệu các tờ báo có nên tiếp tục cho phóng viên của mình theo đuổi (những bài báo độc quyền – ND) hay không? Dĩ nhiên là có. Đây chắc chắn là một cách giúp họ trở nên khác biệt trong cuộc cạnh tranh.

Nhưng hàng tá tin tức lấp đầy trang nhất và các bản tin mỗi ngày lại không phải là tin độc quyền: chúng không cần được đào xới sâu như vậy và cũng không lệ thuộc vào báo chí và những nhà báo kỳ cựu để được công khai. Sự thật là hầu hết tin tức đều được công bố (announced) hơn là được tiết lộ (uncovered).⁵¹ Liệu mục đích lớn của nghề báo có thể được thực hiện bằng cách cử một phóng viên từ *Washington Post* đến đứng cạnh chiếc máy quay của CNN và phóng viên của AP hàng ngày trong suốt các cuộc họp báo quan trọng hay không? (Blogger chuyên mục kinh tế của Reuters, Felix Salmon, khá chua chát khi xem việc này như là “triệu chứng ngu ngốc khi mà hàng trăm phóng viên của rất nhiều cơ quan báo chí đều tụ tập vào một cuộc họp báo hay một sự kiện, để rồi cho ra những bài tường thuật gần như giống hệt nhau.”⁵²) Các tờ báo liệu có thực sự góp phần đáng kể cho ngành báo chí bằng việc đảm bảo rằng các phóng viên của họ có mặt đâu đó trong đám đông, cạnh các cảnh sát trưởng và các chỉ huy cứu hỏa khi họ đang cung cấp những chi tiết đầy kịch tính? Luôn có phòng họp báo ở các sự kiện tin tức trọng đại. Liệu chúng ta có quan tâm trong phòng họp báo ấy có 4, 40 hay 400 phóng viên hay không?

Tin độc quyền cũng trở nên hiếm hoi khi mà tài liệu có thể được dùng làm căn cứ cho chúng — bài phát biểu, báo cáo, ngân sách, phán quyết của Tòa án Tối cao — có sẵn khắp nơi, ngày càng nhiều trên web như hiện nay. Tin độc quyền đáng giá của *SCOTUSblog* cũng chỉ kéo dài được vài phút; vị trí dẫn đầu của nó trong cuộc cạnh tranh cũng không sống sót qua một giờ.

Hầu hết mọi tin tức không phải là kết quả của một phóng viên đơn độc và dững cảm nào đó đào xới được. Và các nhà báo cũng không chỉ dựa vào mỗi tin tức độc quyền như vậy để khiến công việc của họ có giá trị. Không bao giờ có đủ những tin tức cỡ đó! Ngay cả *New York Times* và *Washington Post*, với đội ngũ phóng viên kỳ cựu và nổi tiếng vì thường chộp được những tin tức mới được tiết lộ, cũng thường không thể lấp đầy các trang nhất của họ bằng những tin tức sốt dẻo mỗi ngày.

May mắn là vẫn còn một chiến thuật khác mà các nhà báo tài ba hơn có thể sử dụng trong tình hình thừa mứa những tin nhanh, được tường thuật hợp lý và không độc quyền này. Chúng ta không nói đến những câu chuyện đưa đẩy. Trong cái thế giới với thói quen theo đuổi những điều bất hạnh thì vẫn còn nhiều sự kiện nghiêm trọng để báo chí khai thác. Dĩ nhiên là chúng ta đang nói đến việc diễn giải (interpretation) — những nỗ lực sâu sắc, thận trọng để trình bày ý nghĩa của các sự kiện. Các hãng tin tức lớn của chúng ta có thể thường xuyên rút lui khỏi cuộc đua tranh cung cấp tin mới nhất để tập trung đưa ra những giải thích chuyên sâu nhất — theo tốc độ hàng ngày, không phải hàng giờ. Họ có thể thường xuyên hơn trong việc bán những thông tin có tính chất sâu sắc thay vì chỉ tường thuật tin tức của ngày hôm nay hoặc ngày trước đó.

Khi James Gordon Bennett Sr. dự đoán về cái chết của “báo chí đơn thuần” do bàn tay của điện tín gây ra, ông cho rằng “án phẩm tạp chí” có thể sống sót.⁵³ Nếu các cơ quan báo chí vẫn trụ lại được trước cuộc tấn công hiện tại của Internet — một dạng điện tín cao cấp — thì họ sẽ không còn là “cổ máy truyền tin đơn thuần” như Bennett đã gọi nữa, và sẽ chịu ảnh hưởng mạnh từ những tạp chí nghiêm túc hơn. Ngành báo chí phải có tầm nhìn sâu sắc hơn. Nhà báo, một lần nữa, phải cung cấp được cho độc giả những “bàn luận và lý giải”; họ phải một lần nữa “nhắm đến” vai trò “giáo viên và người hướng dẫn”.

Suy cho cùng, các bài báo có tính chất diễn giải, nếu chúng đủ thông thái và độc đáo, cũng là những tin tức độc quyền: các phóng viên thông tấn xã không có vẻ gì là sẽ rao bán cùng một quan điểm trên mọi trang web. Vấn đề nằm ở chỗ các nhà báo xuất sắc có thể cống hiến bản thân họ không chỉ cho việc truyền tin mà cho việc phổ biến những hiểu biết về tin tức đó.

Khi một thành phố có đầy những siêu thị, cửa hàng rau quả, quây đặc sản và hầu hết đều là phân phát miễn phí, thì việc kinh doanh không còn là kinh doanh thực phẩm nữa. Một chiến lược kinh doanh tốt hơn là cố gắng — như các đầu bếp giỏi sẽ làm — bán những công thức chế biến thức ăn độc đáo và có chất lượng cao.

Các nhà báo giỏi nhất, chuyên nghiệp nhất nên cống hiến bản thân mình cho việc diễn giải tin tức, cống hiến cho *khẩu vị* của độc giả, nếu được phép nói như vậy.

4

TẠM BIỆT CÔNG THỨC KINH ĐIỂN “AI-CÁI GÌ-KHI NÀO-Ở ĐÂU”

Sự trở lại của diễn giải

Sau khi một tin tức nóng xuất hiện — chẳng hạn một quyết định quan trọng của Tòa án Tối cao — chúng ta sẽ được chứng kiến một cuộc đua tranh truyền thống, mà giờ đây số người tham gia đã trở nên đông đúc một cách phi lý, trong việc tường thuật về tin tức đó. Nhưng ngày nay, giới nhà báo Mỹ lại còn có thêm một cuộc cạnh tranh thứ hai nữa — một cuộc cạnh tranh không mấy đáng kể vào thế kỷ 20: cuộc thi xem ai sẽ giúp chúng ta hiểu rõ nhất ý nghĩa của những việc đang diễn ra.

Jonathan Cohn, blogger của tờ *New Republic*, đã thể hiện một sự quan tâm đặc biệt với đạo luật bảo hiểm y tế của Tổng thống Obama. Ngày 28 tháng 6 năm 2012, lúc 10 giờ 26 sáng, 18 phút sau công bố đầu tiên của *SCOTUblog* về quyết định của Tòa án Tối cao về tính hợp hiến của Đạo luật Bảo vệ bệnh nhân và Chăm sóc sức khỏe hợp túi tiền (Affordable Care Act), Cohn đã nêu lên quan điểm đậm chất phe phái của mình: “Khi đưa ra phán quyết này, Tòa án Tối cao không chỉ xác nhận tính hợp lệ

của Đạo luật Chăm sóc Sức khỏe hợp túi tiền, mà còn xác nhận tính hợp lệ cho chính danh tiếng của mình.”¹

Ezra Klein có lẽ là blogger quan tâm ủng hộ đạo luật y tế nói trên được nhiều người đọc nhất. Trên blog của mình trên tờ *Washington Post*, anh đã đưa nhận định sau Cohn 21 phút:

Tin này, về nhiều phương diện, sẽ được tường thuật như một câu chuyện chính trị. Điều này có nghĩa là Tổng thống Obama — và Tổng lý Don Verrilli — đang khui sâu banh mừng thắng lợi. Điều này có nghĩa là Mitt Romney và đảng Cộng hòa, những người chống đối đạo luật bảo hiểm y tế sẽ phải chịu một thất bại. Nhưng ở một số phương diện khác, tin này cũng sẽ được tường thuật như một câu chuyện pháp lý: Nó có thể sẽ là tâm điểm trong di sản của [Chánh án John] Roberts, và có lẽ thậm chí là tâm điểm trong cách mà chúng ta hiểu về diễn tiến của những chia rẽ tại Tòa án Tối cao.

Và chắc chắn rằng nó sẽ là tất cả những việc ấy. Nhưng những bài tường thuật như thế không nắm bắt được tác động mà quyết định này sẽ gây ra cho người dân Mỹ bình thường.

Bảo hiểm y tế cá nhân, bằng cách đưa những người khỏe mạnh vào thị trường bảo hiểm và hạ phí bảo hiểm, có nghĩa là cung cấp bảo hiểm sức khỏe cho thêm khoảng từ 12,5 triệu người đến 24 triệu người Mỹ nữa.²

Trong cuộc cạnh tranh mới để diễn giải về tin tức này, tốc độ vẫn là quan trọng, như vẫn thường thấy ở bất cứ thứ gì liên quan đến tin tức. Một số người trong chúng ta khó tránh khỏi việc click vào trang này trang kia, kỳ vọng đọc ngay những quan điểm được nêu lên nhanh nhất. Nhưng khác với cuộc đua truyền thống trong việc tường thuật tin tức, trong cuộc

đua này chiến thắng cuối cùng không phải là nhờ vào tốc độ mà là ở sự thông thái.

Jonathan Chait, một nhà báo khác cũng hao phí nhiều sức lực cho đạo luật bảo hiểm y tế, mãi một tiếng mười lăm phút sau khi *SCOTUblog* công bố tin về quyết định của Tòa án Tối cao mới đăng bài phân tích sâu sắc của mình. Bài phân tích tương đối lạc hậu (laggard) ấy — chỉ lạc hậu trên phương diện Internet — dựa trên hai nỗi sợ của những người theo phe tự do. Chait, người viết blog cho tạp chí *New York*, dành nỗi sợ đầu tiên cho nhà báo pháp luật Jeffrey Rosen: nỗi sợ rằng những người bảo thủ tại Tòa án Tối cao sẽ tiếp tục áp đặt điều mà Rosen gọi là “Hiến pháp bị trục xuất” — một quan điểm khác về luật hiến pháp, dựa trên niềm tin rằng Hiến pháp đã mất đi tính thiêng liêng nhiều thập kỷ qua do những quyết định mang tính tự do, cho phép quyền lực của chính phủ liên bang ngày càng được mở rộng. Chait viết, “Nỗi sợ thứ hai, sâu sắc hơn, là việc năm vị thẩm phán do đảng Cộng hòa chỉ định sẽ đưa ra một phán quyết nhằm gỡ lại thất bại của đảng của họ trong Quốc hội — những phán quyết theo kiểu bè phái *Bush và Gore* giờ đây là những đặc điểm thường thấy trên sân khấu chính trị Mỹ.” Sau đó Chait viết tiếp: “Dĩ nhiên hai nỗi sợ này sẽ quện chặt vào nhau. Nhưng những gì đã xảy ra, và hầu như không ai dự kiến được đó là chúng lại đi chệch nhau. Nỗi sợ thứ hai đã bị bác bỏ một cách thẳng thừng: Lạy Chúa, Tòa đã chấp thuận một hình thức cải cách đối với hệ thống chăm sóc sức khỏe què quặt sau nhiều thập kỷ tê liệt trụ vững lại. Thế nhưng, nỗi sợ đầu tiên vẫn còn nguyên vẹn.”³

Chait tiếp tục viết một đoạn dài nữa. Bảy phút sau, Andrew Sullivan — viết blog trực tiếp cho *Daily Beast* — đã thể hiện

được sự sâu sắc và thấu hiểu chỉ vồn vện với vài mươi từ: “Với tôi, phần hấp dẫn nhất của sự kiện này chính là John Roberts đã tỏ ra là một kẻ bảo thủ với hiến pháp hơn là một kẻ phản động cấp tiến (như đảng của ông ta hiện đang thể hiện).”⁴

Tôi dám chắc, các nhà báo chống đối đạo luật Obamacare phần nào đó bị xem nhẹ trong thế giới blog tương tác, chuyên nghiệp và hết sức mới mẻ này. Nhưng quan điểm của họ chắc chắn là đã được thể hiện. Megan McArdle, người hiện đang viết blog cho *Daily Beast*, một tiếng bốn mươi tám phút sau bài viết đầu tiên của *SCOTUblog* mới lên tiếng. Cô đã bắt đầu bằng một câu triết lý: “Đúng như dự đoán, những bông kim châm vẫn nở rộ xinh đẹp, tôi vẫn lấy được tình yêu của đời mình, và các Dân ủy dường như vẫn chưa bắt tay vào việc thanh trừng bọn địa chủ.” Sau đó McArdle bắt đầu phân tích: “Rõ ràng tôi thích phán quyết này có kết cục ngược lại hơn. Và tôi cũng thích có một phán quyết có ý nghĩa hơn... Tòa án Tối cao đã chuyển bảo hiểm y tế cá nhân thành một loại thuế, trong khi chính những người thông qua nó cũng không cho là như vậy. Có một hy vọng mơ hồ ở việc họ từ chối mở rộng điều khoản thương mại — nhưng hy vọng đó cũng chỉ là mơ hồ, bởi những mở rộng điều khoản thương mại trong tương lai sẽ được quyết định nhiều hơn bởi thành phần sau này của tòa, hơn là dựa trên phán quyết hôm nay.”⁵

Đây là thời đại Internet, và cộng đồng mạng được cung cấp những bình luận không chỉ từ các nhà báo chuyên nghiệp mà từ cả những chuyên gia trong ngành. Về việc này, *SCOTUblog* tiếp tục thắng thế. Lúc 3 giờ 41 phút chiều hôm đó, họ đã đăng một bài phân tích đầy nhiệt huyết về quyết định của Tòa án Tối cao của Laurence Tribe, một giáo sư luật của Harvard: “Hôm nay,

Chánh án John Roberts đã đưa ra một lời phản đối đầy dưng cảm trước số lượng ngày càng tăng những người Mỹ đã lo sợ rằng Tòa án Tối cao đã mất đi khả năng vươn lên trên chủ nghĩa bè phái hạn hẹp đang thống trị trong những diễn ngôn chính trị của nước nhà.”⁶

Lúc 6 giờ 10 phút tối hôm đó, *SCOTUblog* đã cho chúng ta nghe ý kiến của một người phản đối đạo luật chăm sóc sức khỏe: Jonathan Adler, giáo sư đại học luật Case Western Reserve University, với quan điểm dường như là hình ảnh phản chiếu của Chait: “Khi Tòa án ủng hộ [Đạo luật chăm sóc sức khỏe hợp túi tiền], họ đã tái khẳng định các nguyên tắc nền tảng của cơ chế hiến pháp của đất nước, và xác nhận rằng những quyết định theo đường lối liên bang do Tòa án thời Rehnquist* đưa ra không phải là những sai lầm.” Adler còn thêm rằng “Trên thực tế, phe ủng hộ đường lối liên bang có thể đã thua trận chiến này nhưng đã giành thắng lợi trong toàn cuộc chiến.”⁷ Giáo sư Tribe và Adler nằm trong số 16 chuyên gia luật pháp có các quan điểm chính trị khác nhau mà *SCOTUblog* đã tham khảo ý kiến để có những diễn giải sâu sắc và những câu văn dễ hiểu nhất vào ngày hôm đó và những ngày tiếp theo.⁸

Tất cả những diễn giải này — của các nhà báo hay các chuyên gia cung cấp — ngay lập tức ai cũng có thể đọc được nếu họ có kết nối Internet. Nếu không có Internet, hầu như không ai có thể tiếp cận được chúng, trừ những độc giả của các tạp chí bình luận hàng tuần và những người quen biết với các cá nhân

* William H. Rehnquist (1924-2005), Chánh án Tòa án Tối cao Mỹ trong giai đoạn 1986-2005, người tiền nhiệm của Chánh án John Roberts. Ông Rehnquist là một người theo chủ nghĩa bảo thủ nhiệt thành – ND

tạo ra chúng. Và những diễn giải như thế cũng sẽ không tồn tại nếu nền báo chí Mỹ không đang ở giữa cuộc bùng nổ diễn giải (interpretation boom), cuộc bùng nổ vốn thường bị xem nhẹ.



Thế kỷ 20 ở Mỹ, như tôi đã lưu ý, là cao trào của nền báo chí chỉ-có-sự-kiện. Thế nhưng, những khán giả nào mở tivi xem chương trình *See It Now* trên kênh CBS ngày 9 tháng 3 năm 1954 lại nghe được những điều sau đây từ một phóng viên hàng đầu của đất nước:

Ranh giới giữa điều tra và bức hại là rất mong manh, và có một thượng nghị sĩ của bang Wisconsin đã giẫm lên lần ranh đó hết lần này đến lần khác. Thành tựu chính của ông này là làm cho mọi người suy nghĩ lẫn lộn, giống như lẫn lộn giữa những mối đe dọa bên trong và bên ngoài. Chúng ta không được lẫn lộn giữa bất đồng chính kiến với phản bội tổ quốc. Chúng ta phải luôn luôn ghi nhớ rằng lời buộc tội không phải là chứng cứ, và kết án thì phải dựa trên bằng chứng và theo đúng trình tự tố tụng. Chúng ta sẽ không bước đi trong nỗi sợ hãi lẫn nhau. Chúng ta sẽ không để nỗi sợ đẩy vào thời đại của những điều phi lý... Chúng ta không phải là con cháu của những kẻ nhút nhát — những kẻ sợ hãi không dám viết, không dám lên tiếng, không dám liên kết và bảo vệ cho những điều chính nghĩa mà thời đó vẫn còn chưa phổ biến.⁹

Trên đây là lời của Edward R. Murrow, một trong số các phóng viên truyền hình nổi tiếng nhất ở Mỹ vào thời điểm đó, trong nỗ lực hạ bệ Thượng nghị sĩ Joseph McCarthy. Lời kết tội

vô căn cứ của ông nghị sĩ này về việc Cộng sản thâm nhập vào chính trường Mỹ đã đe dọa rất nhiều nhà báo và chính khách. Nhưng Murrow và nhà sản xuất của ông, Fred Friendly, đã không hề run sợ.

Khi kết thúc bộ phim tài liệu của CBS về Thượng nghị sĩ McCarthy bằng những câu trên, Murrow đã mở ra một “tranh luận” — và hoàn chỉnh nó bằng những lời nói hùng hồn trong “đặt vấn đề” và “tuyên bố kết thúc”. Và rõ ràng là ông đã bước vào địa hạt của “chủ quan” nếu xét theo định nghĩa của Carlota Smith: ông bày tỏ quan điểm riêng và đưa ra một đánh giá.¹⁰ Với chương trình tin tức truyền hình Mỹ này vào giữa thế kỷ 20, Murrow và Friendly đã tìm ra một phương tiện để vượt lên trên việc đưa tin hay tường thuật dữ kiện, và dùng cảm nói ra suy nghĩ của mình về mưu chước của ngài Thượng nghị sĩ McCarthy.

Sự thật ở đây là: trong một đất nước có tự do báo chí, loại báo chí diễn giải, với chủ kiến rõ ràng không bao giờ biến mất hoàn toàn. Ngay trong thế kỷ 20, một số bài bình luận sắc sảo vẫn tìm được cách xuất hiện trên các tờ báo.

Đúng vậy, khi bàn về các dạng khác nhau của loại báo chí mà tôi gọi là “báo chí trí tuệ” trong chương 6, thì hầu như các ví dụ nổi tiếng nhất đều nằm trong thế kỷ 20: Lincoln Steffens tận dụng những điều tra cho tạp chí *McClure's* về tham nhũng ở các thành phố Mỹ hồi đầu thế kỷ để kết tội chính người dân Mỹ vì đã để xảy ra tình trạng này; chàng trai Walter Lippmann than khóc trên tờ *New Republic* vào năm 1914 về thảm họa đam mê chiến tranh của nhân loại; rồi Dorothy Thompson của tờ *Cosmopolitan* khẳng định vào năm 1931 một ngôi sao chính trị

người Đức đang lên là Adolf Hitler – người mà bà từng phỏng vấn; James Baldwin thì mô tả trên tờ *Partisan Review* về nạn phân biệt chủng tộc ở miền Nam vào năm 1959; A. J. Liebling trên tờ *New Yorker* vào năm 1960 đã tóm tắt việc hạn chế tự do báo chí ở Mỹ chỉ trong đúng một câu; Rachel Carson đã phát động phong trào bảo vệ môi trường vào năm 1962 bằng một bài báo đăng trên tờ *New Yorker* và cuốn sách *Silent Spring*; còn I. F. Stone đã dùng tuần báo riêng của mình vào năm 1965 để vạch trần các tuyên bố của chính phủ Mỹ về chiến tranh Việt Nam; Tom Wolfe trong tờ *New York* vào năm 1970 với những phân tích và câu chuyện đầy thú vị của ông về một trào lưu mới của giới thượng lưu theo phe tự do ở vùng Manhattan: ủng hộ phong trào Báo Đen cấp tiến của người Mỹ gốc Phi; và Joan Didion của *New York Review of Books* vào 1982, người thực hiện một chuyến đi đến El Salvador, vùng đất đang ngập chìm trong nội chiến...

Những tác phẩm nói trên thuộc về một lịch sử khác của báo chí Mỹ thế kỷ 20 — một nền báo chí hầu như không bị bó buộc trong năm chữ “W” (Who-What-When-Where-Why). Thế nhưng, phải ghi nhận là không hề có một luận điểm sắc sảo nào có mặt trên nhật báo hay tuần báo. Chỉ duy nhất chương trình của Murrow được phát sóng trên truyền hình, kênh CBS, và các nhà điều hành đài này đã từ chối quảng cáo cho nó.¹¹ I. F. Stone phát hành tuần báo rất khiêm tốn của riêng ông vì lúc đó ông không thể tìm được bất cứ tờ báo nào có chỗ cho các quan điểm thiên tả, thường là những phân tích bất lợi cho chính phủ của mình.¹² Đó không phải là loại báo chí được đề cao trong các trường báo chí ở Mỹ vào thế kỷ 20, không phải là loại báo chí mà hầu hết nhà báo đang tác nghiệp. Và đó cũng chẳng phải là loại

báo chí mà người đọc và người xem tại Mỹ từng trải nghiệm. Nói cách khác, những tác phẩm báo chí này là những ngoại lệ, những đốm sáng le lói của thể loại diễn giải nhay bén trong một lĩnh vực hầu như bị ám ảnh bởi sự kiện.

Thực vậy, có thể nói rằng nhân dân Mỹ, hầu hết chỉ đọc / xem báo chí chính thống (mainstream journalism), đã chịu thiệt thòi vì thiếu những tác phẩm diễn giải, bình luận cho đến tận giữa thế kỷ 20 — tức là trong nhiều năm *trước khi* Edward R. Murrow chỉ trích Thượng nghị sĩ Joseph McCarthy; trong nhiều thập kỷ *trước khi* báo chí khám phá ra, cộng thêm khám phá của James Baldwin, sự thấp hèn và cực kỳ bất công của phân biệt chủng tộc; trong nhiều năm *trước khi* báo chí chính thống đồng hành cùng I.F. Stone trong việc thừa nhận sự thất bại kéo dài của Mỹ tại Việt Nam.

Công bằng mà nói, báo chí chính thống của Mỹ không hoàn toàn vắng bóng diễn giải, ngay cả khi sự tôn sùng sự thật và dữ kiện lên đỉnh điểm vào thời kỳ những thập niên 1950, 1960, 1970. Báo chí vào những thập niên này vẫn dành những cột báo quan trọng để trao đổi về những vấn đề của thời đại, với những bài viết theo phong cách của Walter Lippmann (với các nhà báo già hơn và kém nồng nhiệt hơn chàng trai Lippmann ngày xưa), của James Reston, của Joseph Alsop và Mary McGrory nữa. Báo chí vẫn nêu được những quan điểm của họ — hoặc quan điểm của tòa soạn— trong các bài xã luận. Walter Cronkite thậm chí còn nhường màn hình của *CBS Evening News* cho Eric Sevareid trong vòng khoảng một phút để ông này trình bày một vài “bình luận” rõ ràng là đã được tập luyện kỹ, cẩn trọng nhưng vô thưởng vô phạt!

Những “phụ lục” vật vãnh của các cơ quan thông tấn to lớn đó, về nhiều mặt, có thể xem là *tàn dư* của thời kỳ đầu trong báo chí Mỹ — thời kỳ vàng son của Jürgen Habermas. Những bài báo gai góc vượt-lên-trên-tường-thuật được gói gọn hay “rào” lại vào một hai trang riêng biệt — trang xã luận (editorial page), sau này thêm trang ý kiến bạn đọc (op-ed) — hoặc trong hình thức còi cọc nhất: chỉ xuất hiện trong một hoặc hai phút trên truyền hình.

Trong khi đó, các kênh truyền thông tin tức chậm hơn — các tuần báo, tạp chí hàng tuần trong thời đại của nhật báo — vẫn sống sót bằng việc cung cấp một số ít phân tích thích hợp, đúng như cách mà những kênh truyền thông “chậm” này thường làm. Giới trí thức thiên tả trên toàn thế giới đã có tờ *New Yorker* đầy những quảng cáo — có lẽ là đại diện cho những gì đủ phẩm chất là báo chí trí tuệ so với bất kỳ ấn phẩm hay chương trình phát thanh / truyền hình nào trong hầu hết thế kỷ 20 và cả cho đến thế kỷ 21 hiện nay. Còn tờ *Time* và *Newsweek*, những tờ báo có số lượng độc giả rất lớn thì phần lớn lại không đi vào phân tích chuyên sâu và phóng sự điều tra. Người ta gọi đó là các “tạp chí tin tức” (newsmagazine). Dù những tờ báo này thường tự nhận mình là những tập san tin tức (news digest), họ vẫn hay “lùi một bước” để hoạt động như những tạp chí diễn-giải-tin-tức. Tuy nhiên cũng phải nói là họ luôn tự hạn chế trong khuôn khổ những ý kiến và bình luận an toàn và theo dòng chính thống, ít khi đi chệch hướng. Một số rất ít các tạp chí có quan điểm táo bạo — tờ *Nation* và tờ *New Republic* theo cánh tả, tờ *National Review* theo cánh hữu — lại có lượng độc giả rất khiêm tốn.

Không cần chia sẻ niềm hoài cổ của Habermas về thế kỷ 18, bạn cũng có thể tin rằng chỉ mỗi tin tức thôi là không đủ, rằng

đối thoại công khai (public dialogue) luôn hưởng lợi từ những dòng chảy mạnh mẽ của thấu hiểu, quan điểm và phân tích. Vậy mà trong hầu hết nửa sau của thế kỷ 20, trong các “cửa ngõ báo chí” chủ yếu của nước Mỹ, các tờ báo giấy và các chương trình phát thanh / truyền hình tin tức, nguồn cung của các dạng báo chí thiên về diễn giải lại quá ít ỏi và thiếu thốn.

Thậm chí đến năm 2006, độc giả của báo chí chính thống vẫn còn gặp phải tình huống trở trêu như sau: Trong mục ý kiến, David Brooks trên tờ *New York Times* đề xuất ý tưởng về một “Hội đồng Chiến tranh” gồm “20-30 người” để ông ta tham khảo ý kiến về cuộc chiến Iraq đang diễn ra, dựa trên chất lượng của “phán đoán” và “phân tích” nơi những người đó. Một trong những người đó cũng đang làm việc tại tờ báo của Brooks: “phóng viên hiện trường” của *Times* và là trưởng chi nhánh Baghdad, ông John F. Burns. Brooks trích dẫn trong mục ý kiến nói trên nhận xét của Burns về Iraq, kèm theo đánh giá (của Burns – ND) về triển vọng của những nỗ lực của Mỹ tại đó: “Tôi buộc phải nói chúng ta đang bất lợi, nhưng cơ may thành công hiện tại tốt hơn rất nhiều so với trước đây ba tháng, điều đó là chắc chắn”. Thế nhưng, câu nói trên của Burns chưa từng xuất hiện trên tờ *New York Times* nơi ông ta làm việc: khi viết cho *Times*, rất hiếm khi Burns phiêu lưu nói ra ngoài các sự kiện, ông phải rất cẩn trọng. Thay vào đó, nhận xét mà Brooks trích dẫn là bình luận của Burns trong chương trình *Charlie Rose* trên kênh truyền hình PBS.¹³

“Chúng ta sẽ không có giá trị gì khi xuất hiện trên truyền hình,” Burns trả lời trong một phỏng vấn qua email với tôi sau này, “nếu chỉ đơn thuần điểm lại những tin chính về điều đã xảy ra và không cố gắng đặt các sự kiện đó vào những bối cảnh

rộng hơn, rồi phân tích xem thực chất chúng có nghĩa gì.”¹⁴ Thế nhưng tại sao cùng một tiêu chuẩn về “giá trị” đó đã không được áp dụng cho “sự xuất hiện” của ông ta trên chính tờ báo mà ông đang làm việc?

Burns phủ nhận chuyện các phóng viên của *Times* “bị bịt miệng không thể chuyển tải đầy đủ những trải nghiệm và ấn tượng của bản thân”. Tuy nhiên, những “ấn tượng” của người phóng viên *Times* này, những gì hấp dẫn nhất với một người phụ trách chuyên mục (columnist), lại không thấy xuất hiện trên tờ *Times*.

John Burns rất có nghề trong việc đưa tin truyền thống; những bài tường thuật thực tế của ông và các phóng viên khác trong suốt cuộc chiến Iraq chắc chắn đã góp phần vào hiểu biết về cuộc chiến tranh đó. Thế nhưng thu âm lại các tuyên bố chính thức, đếm đúng số thi thể tử vong, phát tin cả về hai phía của cuộc chiến và thỉnh thoảng phơi bày các vụ tai tiếng giờ đây dường như là không đủ với báo chí. Việc diễn giải các sự kiện (không theo cách “điểm tin” sơ lược) như những gì Burns từng làm với chương trình *Charlie Rose* đôi khi mang lại nhiều “giá trị” hơn trong việc giúp hiểu những sự kiện chính yếu, so với các bài đưa tin của *New York Times* trong thế kỷ 20 và cả trong thế kỷ 21. Phải chăng những diễn giải như thế lại không quan trọng trong việc giúp chúng ta suy ngẫm về thành tích cũng như hậu quả của các biến cố như chiến tranh hay sao?

Truyền thống xem trọng tin tức đang khiến chúng ta mất đi sự thấu hiểu, điều này thể hiện rõ mỗi khi một phóng viên *Washington Post* xuất bản một cuốn sách tập hợp phân tích các hoạt động của một nội các. Khi đó độc giả của *Washington Post*

tự nhiên phải đặt câu hỏi tại sao những bài phân tích am hiểu sâu sắc như thế lại không xuất hiện trên báo giấy hàng ngày. Đã có một ví dụ minh họa chuyện này trong cuộc chiến Iraq (ví dụ này chẳng liên quan gì đến Bob Woodward): cuốn sách của Thomas E. Ricks* lên án gay gắt chính quyền Bush đã đưa quân tham chiến trong cuộc chiến tranh, có tiêu đề *Fiasco: The American Military Adventure in Iraq* (tạm dịch: *Cuộc phiêu lưu quân sự của Mỹ tại Iraq: Một thất bại*).¹⁵ *Tờ Wall Street Journal* (WSJ) cũng gặp chút vấn đề tương tự trong thời gian chiến tranh, khi email của một phóng viên WSJ từ Iraq gửi về xuất hiện trên web, và nó không những gây tranh cãi hơn mà còn thú vị hơn chính câu chuyện mà phóng viên đó đã tường thuật trên báo. Trong email, phóng viên Farnaz Fassihi viết về Iraq như sau: “Với tất cả chúng tôi ở đây, thật khó mà hình dung có điều gì đó có thể cứu vãn [cuộc chiến này] thoát khỏi vòng xoáy bạo lực đang ngày càng đi xuống.”¹⁶



Báo chí diễn giải bắt đầu đi lên khi cuộc chiến tại Iraq bắt đầu đi xuống. Nó đã bắt đầu thoát khỏi hàng rào kim kẹp, nói theo lối ẩn dụ trong đoạn trên. Các đài phát thanh là một trong những nơi đầu tiên có hiện tượng này, nhưng thường là chẳng hay ho cho lắm. Những người dẫn chương trình (host) bình luận tin tức

* Thomas Edwin “Tom” Ricks (sinh năm 1955) là nhà báo Mỹ viết về các đề tài quốc phòng. Ông là cựu phóng viên đoạt giải Pulitzer cho *Wall Street Journal* và *Washington Post*.

với những quan điểm sôi nổi nay đã bắt đầu thu hút nhiều khán giả hơn so với phát thanh viên (newscaster) chỉ ngồi đọc tin tức mỗi giờ. Rush Limbaugh từng có những người tiền nhiệm. Rush Limbaugh cũng từng có đối thủ cạnh tranh. Và giờ thì Rush Limbaugh đã thu hút hàng triệu người nghe.

Rồi truyền hình bắt đầu phân khúc. Trong hàng thập kỷ trước đó, khán giả Mỹ chỉ được xem ba hệ thống kênh truyền hình quốc gia với ba chương trình tin tức chào buổi sáng vui vẻ (hầu hết có thể thay thế lẫn nhau) và ba chương trình tin tức buổi tối tỉnh táo (cũng có thể thay thế lẫn nhau), ngoài ra vào một số buổi sáng chủ nhật có các chương trình giống như hợp báo. Các bản tin phát ở địa phương còn mang phong cách vui vẻ hơn, còn dị ứng hơn với các đề tài gây tranh cãi. CNN khởi đầu vào năm 1980 như một nguồn cung cấp tin tức thay thế cho các kênh phát tin 24 giờ trong ngày. Sau đó vào năm 1996 Fox News Channel và MSNBC nhảy vào cạnh tranh. Truyền hình công cộng cũng bắt đầu tham gia thường xuyên hơn vào các vấn đề chung, ban đầu là bản tin *NewsHour* và sau đó với những chương trình như *Charlie Rose*.

Fox là kẻ thay đổi luật chơi (game changer) thật sự: từ một vị trí phía sau trong các hãng truyền hình cáp đưa tin tức, Fox vượt lên và đoạt vị trí dẫn dắt cuộc chơi bằng những cách làm khác lạ với truyền hình, khác lạ với báo chí Mỹ thời điểm đó, nhưng không hề xa lạ chút nào nếu đứng trên quan điểm của lịch sử báo chí: Fox News Channel đưa ra và khẳng định ý kiến, đi theo đường lối thiên hữu. Tương tự, sau khi thất bại trong một số hướng đi, MSNBC cũng đã tìm ra cho mình “lối đi riêng” trong hệ sinh thái báo chí mới — ẩn dụ *hệ sinh thái* tỏ ra khá phù hợp ở đây — đó là thiên tả, hoặc “cấp tiến”, như một trong những

slogan của hãng này. Còn CNN, ban đầu là một hệ thống truyền hình cáp và đến nay vẫn tôn sùng phong cách báo chí và truyền hình xưa cũ của thế kỷ 20 khi cố gắng giữ đường lối trung lập, không thiên tả hay thiên hữu, đã rút lại phía sau trong cuộc đua giành khán giả.

Nhưng một lần nữa, sự thay đổi to lớn nhất lại đến từ Internet. Các blog, tuy hầu hết không có các nhân viên đưa tin hỗ trợ, chắc chắn đã chứng minh được khả năng cạnh tranh của mình trong cuộc đua về tin tức. Và nếu chịu tập trung vào một “đặc sản” nào đó — như Brian Stelter đã làm với chủ đề đưa tin trên truyền hình hay *SCOTUSblog* đã làm trong vụ phán quyết của Tòa án Tối cao — thì họ hoàn toàn có thể giành thắng lợi trong cuộc đua đó. Nhưng các blog — không chính thống, mang đầy phong cách cá nhân và có chủ kiến — đa phần là đưa ra các diễn giải.

Với những ai quan tâm tới các cuộc “đua ngựa” (ý nói các cuộc tranh cử – ND), những diễn giải về chiến dịch thăm dò cử tri của chuyên gia thống kê Nate Silver bắt đầu trở thành những thông tin không-thể-thiếu trong các chiến dịch tranh cử tổng thống vào các năm 2008 và 2012. Về Đạo luật chăm sóc sức khỏe gây tranh cãi năm 2009, những phân tích của chuyên gia chính sách công Ezra Klein đã tạo tiếng vang khắp giới báo chí và chính trường Mỹ. Và sau đó, có các đánh giá về phản ứng của mọi người trước cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 của các giáo sư kinh tế, điển hình là Brad DeLong của Berkeley và Tyler Cowen của George Mason University. Ý kiến, phân tích và quan điểm về các sự kiện đang xảy ra lại một lần nữa tràn ngập khắp các blog.

Những diễn giải đầy khiêu khích, những diễn giải sâu sắc, bắt đầu xuất hiện trên khắp hệ sinh thái báo chí ngày càng tự

do hơn, rộng lớn hơn này. Các kênh truyền thông tin tức ra đời trước đó cũng dần dần diễn giải nhiều hơn.¹⁷ Tuy nhiên, trong những năm đầu của thế kỷ 21, truyền thống vẫn còn buộc phải dành những “khu đất vàng” trong báo chí – các trang nhất trên báo giấy, các trang chủ của báo mạng và các bản tin phát buổi tối — cho việc kể lại những tin tức lúc đó đã cũ, thay vì để diễn giải hay hướng dẫn.

Hãy trở lại với trường hợp báo chí đưa tin về cuộc họp của nhóm G-20 tại London vào tháng 4 năm 2009. Chỉ vài giờ sau khi có thông báo chính thức, chúng ta đã được đọc những quan điểm thú vị, sâu sắc hơn về kết quả của hội nghị giữa các nhà lãnh đạo thế giới này, hay hơn rất nhiều so với những tường thuật của những người chỉ thích đọc tin tức. Một số cây viết ca ngợi các nước giàu đã sẵn sàng hỗ trợ rất nhiều vào chương trình cứu trợ của IMF cho các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước Đông Âu đang gặp khó khăn; một số khác lại ưu tư về vai trò của IMF, vốn có truyền thống hay áp đặt các biện pháp nghiêm ngặt, giờ lại đóng vai trò người phân phát một khoản tiền lớn như vậy. Ai đó lại đưa ra câu hỏi là liệu khoản tiền mà IMF cho vay ra thực chất có nguồn gốc từ gói bơm tiền kích thích kinh tế theo kiểu Keynes mà người Anh và người Mỹ đã không bảo vệ được tại hội nghị London hay không? Có phải một quan điểm khiêu khích như vậy sẽ mang lại cho ta nhiều hơn những gì mà chúng ta “cần phải có để là một công dân có trách nhiệm” theo câu nói của Bill Keller, so với việc chỉ đơn giản tường thuật tóm tắt lại một thỏa thuận càng lúc càng quen thuộc, ngay cả khi tường thuật đó được tô điểm bằng một bảng ghi ai thắng, thắng điều gì ở cuộc họp này?

Những bình luận này xuất hiện trên trang web của tờ *Economist* và *Guardian*, trên blog mà Ezra Klein viết cho *American Prospect*,

và thậm chí trên mục kinh doanh tại trang A12 của *Washington Post* vào ngày hôm sau.¹⁸ Tuy nhiên, những quan điểm khiêu khích như thế xuất hiện rất ít trên trang bìa của *New York Times* hay *Washington Post* vào sáng ngày kế tiếp.

Nhưng đó cũng chính là một khởi đầu của sự thay đổi. Có lẽ buộc phải có những điều chỉnh vì báo chí truyền thống đã đi rất xa theo chiều ngược lại. Có lẽ là báo chí và các chương trình tin tức đã vấp phải việc diễn giải. Và cũng có lẽ là báo chí học được ở blog nhiều hơn so với điều họ cảm nhận. Không có nhiều bằng chứng cho thấy các tổng biên tập hoặc nhà sản xuất đã nhận ra và nói rõ sự thật đó, rồi đi đến quyết định: diễn giải nhiều hơn chính là con đường đưa thêm giá trị vào cái thế giới vốn đã bão hòa tin tức này. Không có bằng chứng, thế nhưng, nó chính là như thế.



Trang nhất của tờ *Washington Post* ngày 6 tháng 3 năm 2009 đã gây ra một “xáo trộn” nhỏ: một blog do tạp chí *Washingtonian* tài trợ đã tấn công tờ báo vì cho là *Washington Post* “không có tin để đăng”. “Chào mừng bạn bước vào thời kỳ mới của nhật báo,” Harry Jaffe viết trên blog, “với những tin tức thực sự trong ngày đã đi vào Internet, tivi, radio, hay đi vào các trang báo bên trong. Tạm biệt “ai-cái gì-khi nào-ở đâu-tại sao” (who-what-when-where-why) hết thời!”¹⁹

Những gì Jaffe phát hiện ra là không bài nào trong số sáu bài xuất hiện trên trang nhất của tờ báo ngày hôm đó được mở đầu với phong cách “5W” truyền thống. Mà đó lại toàn là những bài

báo quan trọng: về nền kinh tế đang suy sụp và các kế hoạch cải thiện tình hình (bốn bài), về Rush Limbaugh và đảng Cộng hòa, về nạn đói ở Bắc Triều Tiên. Thay vì chỉ tường thuật những gì đã xảy ra ngày hôm qua — dù rằng vẫn có một số lượng tường thuật kiểu này trong các bài báo — thì sáu bài báo này cân nhắc cẩn thận; cá tính hóa, điều tra, đo lường hiệu quả và chú ý cả đến những vấn đề “phía sau hậu trường” nữa. Ngày hôm đó các bài báo này đã làm rất nhiều việc mà chúng lẽ ra phải thực hiện hàng ngày!

Và đó cũng là dấu hiệu cho thấy lập luận của tôi không cấp tiến như mọi người tưởng (và cũng không có gì mới mẻ, khám phá, như tôi muốn mọi người cảm giác về nó). Sự giải thích, bình luận đã xuất hiện ngày càng nhiều hơn trên báo chí và các bản tin, chứ không chỉ giới hạn trong các bài xã luận, ý kiến bạn đọc hay bình luận; và cũng không bó hẹp trong những trang hay cột báo riêng biệt nữa.

Ngày 29 tháng 6 năm 2012, ba năm sau nhận xét về trang nhất của tờ *Washington Post* đó, tờ *New York Times* đã tạo ra một trang của riêng mình dành phần lớn cho các bài giải thích, với chủ đề là phán quyết của Tòa án Tối cao về Đạo luật chăm sóc sức khỏe vào sáng ngày hôm trước. Đúng là một số bài diễn giải của *Times* ngày hôm đó vẫn còn được đặt ở những vị trí truyền thống — trang xã luận và trang ý kiến bạn đọc (op-ed). Đúng là trang nhất của *Times* ngày hôm đó vẫn cho chạy một dòng tít lớn theo kiểu truyền thống, nghĩa là một hàng tiêu đề in đậm với cỡ chữ lớn chạy ngang mặt báo, chỉ để cho biết điều mà toàn bộ độc giả đã biết: “VỚI SỐ PHIẾU BIỂU QUYẾT 5-4, LUẬT BẢO HIỂM Y TẾ ĐƯỢC DUY TRÌ; ROBERTS VỀ PHE ĐA SỐ; THẮNG LỢI CHO OBAMA”. Và cũng đúng là trên trang nhất

hôm đó, ngay góc trên bên phải là một mẫu tin về phán quyết này có sử dụng nguyên tắc 5W, tức là ... kể lại những gì mà lúc này tất cả các độc giả của *Times* đều đã biết...

Tuy nhiên, trang báo của tờ *Times* ngày hôm đó phần lớn là thông tin giải thích với những đồ họa cỡ lớn và hình ảnh nhằm giải thích tường tận những liên minh giữa các thẩm phán thuộc đảng phái khác nhau khi suy xét về những vấn đề trọng yếu của phán quyết này. Và trang đầu đó cũng có ba bài báo giải thích nổi bật: bài đầu tiên là “phân tích tin tức”, tập trung vào phán quyết “cực kỳ tinh tế” của Chánh án Tòa án Tối cao John G. Roberts Jr.; bài thứ hai dự đoán phản ứng của đảng Cộng hòa; và bài thứ ba đánh giá những ảnh hưởng của phán quyết đối với Tổng thống Barack Obama.

Đến năm 2012, báo chí diễn giải đã thiết lập được một “đầu cầu” rất lớn trên trang nhất của các tờ báo. Sự thay đổi về *cách làm* này — sự dịch chuyển của những nhà báo hàng đầu, trong những “khu đất vàng” của các tờ báo, ra xa khỏi việc chỉ đơn thuần tường thuật các sự kiện — đa phần vẫn còn chưa hoàn chỉnh, nhưng rõ ràng là đang diễn ra.

Phân tích (analysis) là thuật ngữ mà các nhà báo thích sử dụng để nói về những nỗ lực vượt lên trên tường thuật, có lẽ vì thuật ngữ này nghe có vẻ lạnh đậm, và vì vậy có vẻ *khách quan*. (Sự thay đổi bắt buộc về tư duy – *mindset* – của báo chí chính thống thì còn phải trải qua một chặng đường dài hơn nữa). Một vài bài viết trên các tờ báo thậm chí cũng đã làm lễ xức dầu chọn tên cho thể loại đặc biệt này: “phân tích tin tức – news analysis”. Vào ngày 9 tháng 9 năm 2009 — một dấu hiệu khác xuất hiện cho thấy cả thời thế lẫn tờ *Times* đang thay đổi — một

bài phân tích tin tức như vậy của tác giả Sheryl Gay Stolberg đã được đưa lên vị trí đầu trang nhất của tờ *New York Times*.

Thi thoảng, những bài báo “phân tích tin tức” đó đạt đúng những tiêu chuẩn của tên gọi này, chẳng hạn như với bài báo của Stolberg về Đạo luật chăm sóc sức khỏe. Bài này đã chứng minh được một luận điểm rõ ràng: chương trình chăm sóc sức khỏe của chính quyền Obama có nhiều khả năng được thông qua hơn là những gì mà mọi người tin tưởng, theo những thông tin được báo chí tường thuật gần đây.²⁰ Hai năm rưỡi sau đó, một “phân tích tin tức” trên trang nhất của *Times* về phán quyết của Tòa án Tối cao về Đạo luật chăm sóc sức khỏe cũng không chỉ tường thuật tin này, mà cũng nói lên được một vài ý kiến, bình luận.

Ấy vậy mà nhiều khi những bài “phân tích tin tức” lại hoàn toàn không đạt được tiêu chuẩn của nó. Chúng bị hạn chế bởi sự chần chừ của các nhà báo truyền thống, những người cảm thấy tội lỗi nếu thể hiện quan điểm. Từ đó, càng ngày, cũng giống như các bài báo đưa tin, họ càng lệ thuộc nhiều hơn vào các nguồn bình luận tin tức chính thống mà thôi.

New York Times thực sự có đăng một bài “phân tích tin tức” trên trang đầu, trong số báo ra hôm sau ngày hội nghị thượng đỉnh G-20 đưa ra tuyên bố, nhưng dường như bài “phân tích tin tức” đó cũng chẳng phân tích gì nhiều hơn những bài đưa tin về hội nghị ngay bên trên.²¹ Nói một cách công bằng, điều này không chỉ thể hiện những hạn chế của bản thân bài phân tích, mà còn thể hiện những gì đang xảy ra với các bài báo tường thuật tin tức. Rõ ràng các phóng viên ngày nay được giao quyền tự do quyết định ngày một nhiều hơn (tuy việc giao quyền này chưa được thực hiện với nhiều nhiệt tình) để thể hiện quan

điểm và cá tính của họ trong bài viết, chứ không chỉ đơn thuần tường thuật lại mọi việc.

Có thể làm một cuộc khảo sát nhỏ và nhanh chóng để chứng minh điều này. Cứ mỗi đầu nhiệm kỳ tổng thống, *New York Times* lại có bài tường thuật về bài diễn văn đầu tiên của tổng thống đọc trước lưỡng viện Quốc hội Mỹ. Trong thời gian từ Tổng thống Truman đến Tổng thống Carter, khoảng từ 18% đến 37% số từ trong các bài báo nói trên của *New York Times* được trích dẫn trực tiếp từ bài diễn văn của họ.²² Nhưng từ thời Tổng thống Reagan đến Tổng thống Obama, số từ được *New York Times* trích dẫn trực tiếp chỉ còn từ 8% đến 17% mà thôi. Bài kiểm tra thô sơ này xác nhận những gì mà những độc giả cẩn thận đã lưu ý từ lâu: bây giờ người ta ít ghi tấc tấc (ý nói sao chép, lặp lại – ND) hơn so với khi lấy tin như trước đây. Và nếu nhìn khắp lượt các bài báo từ thời Truman cho đến thời Obama, có thể thấy những cách diễn tả bao hàm những đánh giá của người tường thuật như “phê bình nhẹ nhàng” bắt đầu xuất hiện nhiều hơn, trong khi những động từ bỏ nghĩa trực tiếp như “tuyên bố” xuất hiện ít dần đi.²³

Điều được gọi là “phân tích” giờ cũng đâm chồi nảy lộc trên các bản tin truyền hình. Trong bản tin buổi tối của một trong ba kênh truyền hình quốc gia, những bình luận viên trung lập sẽ ngồi cạnh người dẫn chương trình, sau đó được yêu cầu đưa ra những thông tin về ý nghĩa rộng hơn của câu chuyện, hoặc những thông tin về chi tiết cụ thể. Tim Russert quá cố, người dẫn chương trình *Meet the Press* nhưng lại thường xuất hiện trong *Nightly News* của NBC, là người đã lập nên vai trò này. Sự thay đổi tương tự có thể thấy ngay cả với kênh CNN, vốn kiêu

hành và bướng bỉnh với tinh thần khách quan, không theo phe phái nào của họ. Trong một chương trình tin tức trên CNN, sau khi giới thiệu một bản tin chính, biên tập viên truyền hình sẽ quay về một “bàn tròn khách mời” để mời họ nói lên quan điểm về vấn đề đó — thường là những quan điểm nặng tính phe phái, dù “bàn tròn” kia thường được cho biết là gồm những đại diện cho cả “hai phe”. Trong khi đó, tại Fox và MSNBC, hay trong những chương trình thảo luận trên radio, bản thân người dẫn chương trình sẽ chuẩn bị kỹ càng để đưa ra quan điểm phe phái của chính mình.

Dù tôi sử dụng từ này khá nhiều, nhưng thực chất thì *phân tích (analysis)* không phải là thuật ngữ tốt nhất cho hiện tượng này vì nó chủ yếu mang nghĩa “tháo rời ra từng phần để tìm cách hiểu rõ”. Đôi khi trong nỗ lực tìm hiểu đó, cánh nhà báo lại tổng hợp (synthesize) chứ không phải phân tích. Rồi lại có khi họ đưa ra bối cảnh, cơ sở nền tảng hoặc những thông tin hậu trường của câu chuyện. Hoặc có khi họ bất chấp lỗi “công kích cá nhân” khi tranh luận mà gán việc phê bình một chính sách nào đó với tính cách cá nhân của ai đó. Lúc khác, họ sa vào giải thích, dự đoán và kết luận. Những người mang tính phe phái nhất thường tán dương vô lối, hoặc phổ biến hơn là than vãn hay chỉ trích gay gắt khi tranh luận nữa.

Vì vậy, thuật ngữ *diễn giải, giải thích (interpretation)* — hành động đưa ra một hàm ý nghĩa, một lời giải thích hay ý nghĩa — dường như có thể bao hàm tốt hơn dàn đồng ca rộng lớn với rất nhiều giọng ca của các bình luận viên này. Thế nhưng có trở ngại là *diễn giải* thì nghe có vẻ chủ quan hơn nhiều, và vì thế sẽ làm một số nhà báo kỳ cựu không cảm thấy thoải mái.²⁴

Đó là lý do tờ *New York Times* gán cho các bài báo trên trang tin tức của họ cái tên “phân tích tin tức” chứ không phải “diễn giải tin tức”.

Thực tế thì toàn bộ việc vượt hẳn lên khỏi sự “kể lại” tin tức đã làm một số nhà báo không cảm thấy thoải mái chút nào, ngay cả khi họ đã ít nhiều bước sang hướng đi đó. Và điều này cũng giải thích vì sao hồi năm 2009 tờ *Washington Post* bị phê phán về trang nhất “không có tin tức”, cũng như vì sao ngay lúc đó vị tân tổng biên tập Marcus Brauchli cảm thấy cần phải trả lời ngay cho những lời phê phán rằng báo của ông thiếu tận tâm với việc đưa tin. Cách mà ông đưa ra câu trả lời nói lên rất nhiều điều.

Brauchli bày tỏ cam kết “kể cho độc giả... vì sao điều đó đang diễn ra, nó sẽ ảnh hưởng đến họ ra sao và điều gì có khả năng sẽ xảy ra sau đó.”²⁵ Ông thừa nhận — nói cách khác (cái này là cách nói của tôi, không phải của ông ta) — rằng diễn giải phải là một phần sứ mệnh của tờ báo, sứ mệnh xuất hiện ở trang nhất. Nhưng trước khi nói lên điều đó, Brauchli phải xác lập tư cách là một “người đưa tin” ngay thật. Ông cũng phải phục tùng sứ mệnh, cái sứ mệnh xưa cũ và được lãng mạn hóa của “thời đại của nhật báo đưa tin hàng ngày”. “Chúng ta sẽ kể cho độc giả điều gì đang diễn ra,” Brauchli khẳng định, cũng như cách nói của những người tiền nhiệm. Đúng, ông sẽ tường thuật và đưa tin, bất chấp việc hầu hết các độc giả đều đã biết chuyện gì xảy ra — vì họ có radio và tivi, vì họ có Internet.



Global Editors Network (Mạng lưới các tổng biên tập toàn cầu) được thành lập vào đầu thập kỷ thứ hai của thế kỷ 21 bởi, theo thông tin trên website của họ, “các tổng biên tập và các biên tập viên cao cấp trên khắp thế giới... làm việc trên những nền tảng (platform) khác nhau.” Mạng lưới này mang tính quốc tế cao với hơn sáu trăm thành viên từ trên năm mươi quốc gia. Ban điều hành mạng lưới bao gồm các cá nhân từ *New York Times*, *El País*, BBC, và *Le Monde* cùng “những nhà đổi mới và nhà tư tưởng trong giới truyền thông.” Đúng vậy, Global Editors Network tuyên bố hướng về phía trước: trong tuyên ngôn của họ, đứng hàng đầu trong danh sách các mục tiêu của tổ chức này, là nhiệm vụ xác định “một tầm nhìn cho tương lai của báo chí.”

Tuyên ngôn đó cũng đưa ra cam kết “nâng cao chất lượng báo chí trên các phạm vi khác nhau”. Những phạm vi đó bao gồm “thu thập tin tức, sàng lọc tuyển chọn tin tức, kể chuyện, kiểm tra dữ liệu và thực tế, thiết kế, kiểm duyệt và chia sẻ, bất kể thuộc nền tảng, trình duyệt hoặc ứng dụng nào đang được sử dụng.”²⁶ Điều này nghe có vẻ giống như một bản tóm tắt đến-tùng-phút về những gì mà báo chí đang hướng đến, nhưng lại có một thiếu sót quan trọng: không đề cập hay thừa nhận bất kỳ một phạm vi, phương diện nào của báo chí mà có thể giúp mọi người hiểu được ý nghĩa của những tin tức đã được thu thập, tuyển chọn, kiểm tra, thiết kế, kiểm duyệt và chia sẻ.

Vấn đề ở đây ý là: đội ngũ phóng viên và biên tập viên đang bị thu gọn về số lượng bước vào kỷ nguyên mới đầy nguy hiểm này với một cách nhìn cũ về những việc đang làm. Thật ra chẳng có gì đáng ngạc nhiên, vì như đã nói, tư duy có khuynh hướng trì trệ và tụt lại sau. “Khi mà cuối cùng rồi bạn cũng nhận ra điều gì đó và biết cách đánh giá điều đó,” Ana Marie Cox viết, “thì việc

phải đánh giá một điều mới mẻ quả thật vẫn rất khó khăn.”²⁷ Các nhà báo đã học được cách tự hình dung và tự đánh giá bản thân là những người thu thập tin tức, những kẻ-săn-tin.

Hầu hết các nhà báo ngày nay đều hiểu rõ họ phải luôn cập nhật cái mới. “Ban biên tập toàn cầu” nói trên đã nỗ lực để thành thạo các từ vựng mới: nền tảng (platform), tuyển chọn, chỉnh sửa, biên tập thông tin (curation), chia sẻ (share). Thế nhưng những “con tim và khối óc”, sử dụng cách nói của John Adams, vốn đã dành hết cho tầm nhìn cũ, thường rất khó nhường chỗ cho một tầm nhìn khác. Giới báo chí đã được chứng kiến sự bùng nổ của thể loại giải thích / diễn giải trong những năm gần đây, nhưng gần như không có ai trong số các “tổng biên tập và biên tập viên cao cấp từ khắp nơi trên thế giới” nhận ra hay nắm bắt được ý nghĩa quan trọng của nó.

Đó là một trong những lý do giải thích vì sao trên báo giấy cũng như trên các bản tin phát thanh truyền thống, phong cách báo chí mang nhiều tính diễn giải hơn vẫn còn rải rác và không thường xuyên — ngay cả với tờ *Washington Post* vào lúc mà Brauchli đang nắm quyền tổng biên tập. (Ông này đã bị đổi thành điều hành biên tập vào năm 2013). Điều tương tự cũng xảy ra với tờ *New York Times*.

Đến năm 2012, nhận thức về những điều trên rồi cũng đến với hầu hết mọi người: chỉ vài giờ sau một sự kiện quan trọng như phán quyết của Tòa án Tối cao Mỹ về Đạo luật chăm sóc sức khỏe, các độc giả đều mong muốn được đọc những bình luận và diễn giải sâu sắc hơn. Tuy nhiên, với các sự kiện kém quan trọng hơn, sự quan tâm của các nhà báo với những gì “mới mẻ” và “đáng ngờ” rõ ràng ít hơn nhiều. Một bài báo diễn giải

nhều hơn thường minh họa rõ hơn các tin tức sự kiện chính trong ngày (hoặc là, với báo in, là tin tức sự kiện chính của ngày hôm qua), nhưng đôi lúc độc giả đành bằng lòng với một bài tường thuật truyền thống. Và trong một tờ báo giấy hay trên một tờ báo mạng, thì không có gì bảo đảm là rằng các phóng viên chuyên mục, phóng viên trang op-ed hay xã luận chịu để tâm ngay đến chủ đề của ngày hôm đó; những trang / cột báo này do các cá nhân đó phụ trách và họ đăng bài theo ý thích và “lịch trình” tùy ý riêng của họ!

Nói cách khác, những nỗ lực của báo chí chính thống Mỹ nhằm vươn mình ra một lãnh địa mới, vượt qua cả việc tường thuật tin tức trực tiếp, tỏ ra khá lúng túng, tản mạn và không đáng tin cậy chút nào.



Thật vậy, nhiều nhà báo ngày nay vẫn không thể giải thoát bản thân ra khỏi đống đồ nát của một nền báo chí cũ kỹ lạc hậu. Vấn đề không chỉ ở chỗ báo chí vẫn còn bị ám ảnh với việc lưu trữ hồ sơ và giật tít giống như kiểu tờ *New York Times* cho đăng trên trang nhất ngày 29 tháng 8 năm 2012, tức là năm tháng sau khi Mitt Romney được đề cử chính thức đại diện đảng Cộng hòa ra tranh cử tổng thống: “ROMNEY ĐẢM BẢO ĐƯỢC ĐẢNG CỘNG HÒA ĐỀ CỬ SAU MỘT THỜI GIAN DÀI THEO ĐUỔI.” (Ông ta vừa mới chính thức được đề cử.) Vấn đề cũng không chỉ ở chỗ họ không thể cưỡng lại việc kể cho chúng ta chuyện gì đã xảy ra vào “ngày hôm qua”. Vấn đề không chỉ có thế, mà nó còn nghiêm trọng hơn nhiều.

Có lẽ do hình thức báo chí truyền thống tại Mỹ đã tồn tại quá lâu. Và dường như vào lúc này nó đã phát triển đến mức không chỉ cứng nhắc mà còn nhệch nhòa, như cái tựa đề bài báo “đỉnh” của *New York Times* vào sáng ngày 4 tháng 10 năm 2012: “Obama và Romney, Tranh luận đầu tiên, So găng về cách cải thiện nền kinh tế” — cứ như là việc lấy tình trạng của nền kinh tế làm một đề tài để đấu khẩu thì đáng để đưa tin lắm, cứ như là không còn gì lý thú ngoài việc thông báo về cuộc tranh luận, và tại đó người thách thức và yếu thế hơn dường như đã thể hiện xuất sắc hơn vị tổng thống đương nhiệm và đang được yêu thích.

Công việc tuyển chọn các sự kiện, là chọn ra trong các sự kiện xảy ra ngày hôm qua hay hôm nay những tin tức sự kiện cần thiết, để từ đó các nhà báo cảm thấy có trách nhiệm thuật lại ngắn gọn cho chúng ta, cũng đã phát triển đến mức trở thành quá bình thường và đôi khi ngớ ngẩn. Đó là hạn chế của hệ thống săn tin theo khu vực địa lý (beat system) từ xa xưa.

Một điều không thể phủ nhận là vì mục đích dân sự chúng ta cử những phóng viên đã qua huấn luyện đến làm nhiệm vụ ở những nơi như tòa thị chính để làm “lính gác” hoặc “người đại diện” cho toàn thể công dân. Các dịch vụ công và các loại thuế đúng là vẫn được thực hiện tại đó. Nhưng khi mà chúng ta dành nhiều thời gian hơn cho các lĩnh vực quan tâm (community of interest) hơn là các cộng đồng / khu vực theo địa lý (geographical community) thì niềm đam mê về “tòa thị chính” — niềm tin rằng mọi chuyện quan trọng nhất trong đời sống đều được quyết định tại đây – có thể sẽ giảm bớt. Hơn nữa, các cuộc họp báo của thị trưởng và các cuộc họp hội đồng thành phố hiện nay thường có thể xem được trên truyền hình cáp hoặc trên YouTube. Các bản ghi tốc ký, biên bản cuộc họp, thông báo, lịch họp,... lúc nào

cũng sẵn có, bằng không thì cũng dễ dàng truy cập trực tuyến. Với những người quá ám ảnh với chính quyền địa phương (một số ít còn lại) thì giờ đây ngoài quyền phát biểu tại các cuộc họp, họ còn có blog và Twitter. Và một hệ thống tương tự về thông tin dân sự trực tuyến đang bắt đầu bủa vây các tòa nhà của chính phủ, phần nào lan đến cả các cơ quan tư pháp.

Báo chí và các hãng thông tấn từng gửi phóng viên đến các trụ sở cơ quan dân sự, tòa án và khu vực chiến sự. Hệ thống đưa tin qua phát thanh và truyền hình cũng từng cố gắng xoay sở trong phạm vi thu hẹp của họ. Đó là một trong những cống hiến vĩ đại của thể loại báo chí tường thuật chỉ-dữ-kiện (just-the-facts journalism) vào thế kỷ 19 và thế kỷ 20: giúp mở mang thế giới.²⁸ Nhưng giờ đây thế giới cũng đang bắt đầu được mở mang bằng những phương tiện hợp lý khác — webcam, video trên YouTube, các trang Facebook và tất cả các loại hình đăng tải chính thức và không chính thức, với nguồn thông tin từ cả bên trong lẫn bên ngoài một sự kiện.

Và nhiều cư dân của thế giới này cũng quan tâm vượt lên trên những thứ như “Hội đồng thành phố Joplin nghe các bình luận về các đề xuất vĩ đại” — một tiêu đề điển hình của một tờ báo trực tuyến, lấy từ trang web của *Joplin Globe* ngày 19 tháng 8 năm 2012.²⁹ Các biên tập viên từng cố gắng thay đổi hệ thống sẵn tin theo khu vực trong suốt vài thập kỷ qua. Có lẽ họ nên cân nhắc việc cử đến Hội đồng thành phố Joplin một phóng viên có thể “nói” thêm điều gì đó ngoài việc đưa tin rằng hội đồng sẽ lắng nghe các bình luận như trong tiêu đề nói trên. Nếu phóng viên chẳng làm được như thế, thì lịch làm việc về cuộc họp tiếp theo tại đây có lẽ chỉ cần tìm trên trang web của hội đồng thành phố là đủ rồi.

Nếu các phóng viên săn tin tại các tòa thị sảnh như kiểu cũ biến mất hoàn toàn, chúng ta có nhớ đến họ không? Câu trả lời là có, không phải nghi ngờ gì nữa. Chúng ta không rõ liệu những người quan tâm đến chính quyền thành phố, có hiểu biết về Internet, săn tin mà không cần trả lương, có thể là bản sao đáng tin cậy cho những câu hỏi sắc nhọn của các phóng viên, cho ánh nhìn rực lửa khiêu chiến, cho cái mũi thính nhạy với các scandal của phóng viên chuyên nghiệp hay không. Dĩ nhiên, hiện giờ thì chưa. Tôi cũng chưa thấy bất kỳ trang web nào, trừ trang *Joplin Globe*, có đề cập việc một hội đồng thành phố sẽ thảo luận và lắng nghe các đề xuất sau khi xảy ra cơn bão khủng khiếp tại nơi này. Nhưng cuộc thảo luận về các công cụ trực tuyến hãy còn non trẻ của chúng ta vẫn có khả năng mở rộng thêm. Việc các phóng viên săn tin tại hiện trường biến mất có vẻ chẳng có gì là thảm họa nếu họ được thay thế bởi các phóng viên hiểu biết sâu sắc về chính quyền, hoặc rành rẽ môn khoa học chính trị, hoặc ít nhất cũng có hiểu biết sâu sắc về chính sách công, để có thể làm sáng tỏ mọi phương diện của những hành động của chính quyền địa phương.

Các phóng viên hiện nay đang săn tin theo kiểu cũ phải dựa rất nhiều vào các nguồn tin trích dẫn. Việc dẫn lại hoặc trích lại các phát ngôn từ các băng ghi âm và ghi hình sẽ được dùng cho nhiều mục đích khác nhau trong báo chí truyền thống, các mục đích này tôi từng phân loại trong vài cuốn sách giáo khoa về báo chí truyền thống của tôi. Đầu tiên, chúng được dùng để lưu lại phát ngôn của những người “tạo tin tức” (những người mà chính bản thân hoặc sự kiện liên quan tới họ đáng để đưa tin – newsmaker) là “ra lệnh” (directive), “cam kết” (commissive), “biểu cảm” (expressive) hay “tuyên bố” (declarations), sử dụng

các từ vựng của John Searle. Trong các các bản tin tức (tường thuật), những trích dẫn như vậy cũng cung cấp cho các nhân chứng hay những người bị sự kiện đó ảnh hưởng một cơ hội để được quan sát và phát biểu.³⁰

Trong các bài diễn giải được tranh luận ở đây, lời trích dẫn cũng cung cấp các bằng chứng, sự đồng thuận và các hỗ trợ khác cho lập luận. Ví dụ như, “phân tích tin tức” của *New York Times* về thỏa thuận của nhóm G-20 (một bài báo thực ra không phải là phân tích cho lắm) dẫn lời một cựu viên chức của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Trưởng bộ phận Trung Quốc, về thành tích của Tổng thống Obama tại hội nghị thượng đỉnh đó, rằng ông ta “chắc chắn đã hướng các lãnh đạo thuộc nhóm G-20 đến một kết quả tích cực”. “Mọi người cùng nhau giải quyết mọi việc, và đây không phải là một ngày làm việc tồi.”³¹ Rõ ràng cựu viên chức IMF này là một bình luận viên thông minh, nhưng những trích dẫn kiểu đó luôn bị xem nhẹ và không được thừa nhận trong báo chí truyền thống.

Vâng, điều cốt yếu là các nhà báo phải nói chuyện với nhiều cá nhân hiểu biết. Điều cốt yếu là họ phải vênh đôi tai lên, như đã lập luận trong chương 1, để lắng nghe các quan điểm và các cách nhìn rất khác nhau. Các bài viết, băng ghi âm và ghi hình của họ sẽ được củng cố, kiểm chứng và rèn giũa sắc sảo thêm thông qua việc nói chuyện (theo cách truyền thống hay bằng các phương tiện kỹ thuật số khác nhau) với các cá nhân thông minh, quen thuộc với đề tài đó. Vậy các blogger có cần phải thành thạo kỹ năng này không? Chắc chắn là có. Trong suốt hành trình nổi lên nhanh chóng của Ezra Klein với danh tiếng là một blogger, ông từng làm việc cho tờ *Washington Monthly*. Dưới đây là những gì ông nói mình đã học được từ “cách làm

báo chính thống” tại tờ báo đó: “Bạn gọi điện thoại,” Klein nói với tờ *New York Times*, “rồi người ta trả lời các cuộc gọi. Bạn cẩn thận ghi lại nội dung nghe được, và điều đó bắt đầu ảnh hưởng đến việc viết blog của tôi. Nó trở thành không gì khác hơn là ‘công việc của Ezra’.”³² Vâng, công chúng xứng đáng hơn nhiều so với “công việc” của blogger-thông-minh-nhưng-cô-độc.

Tuy nhiên, đôi khi các nhà báo truyền thống lại quá coi trọng trích dẫn từ trao đổi qua điện thoại hay qua các hình thức khác. Các nguồn tin như vị cựu viên chức IMF, trưởng bộ phận Trung Quốc trên *New York Times* lại thường được yêu cầu nói nhiều về các chủ đề rất phức tạp, một cách rất tùy hứng. Sau đó, các phóng viên cắt nhỏ các bình luận này, thường là một phần của lập luận mở rộng, thành những câu trích dẫn ngắn hơn — trong khi người đưa ra nguồn tin ban đầu hầu như không bao giờ cho phép các nhà báo quyền sửa đổi hay đánh bóng lời nói của họ (điều mà các nhà báo coi là đương nhiên được phép làm). (Ví dụ, phải chăng những phát biểu của Ezra Klein được trích dẫn trong đoạn trước đã được diễn đạt nhẹ nhàng theo cách mà ông ta sẽ thích?) Tiêu chuẩn này và những thực hành báo chí đang được áp dụng hầu như không khuyến khích sự diễn giải lại rành mạch thấu đáo — như thừa nhận của phần lớn những người mà lời nói của họ từng bị thay đổi khi trích dẫn. Đó cũng là lý do vì sao rất nhiều chuyên gia chỉ đưa ra suy nghĩ trên blog riêng của mình. Và đó cũng là lý do vì sao các phóng viên được *New York Times* cử đi viết bài phân tích về một hội nghị thượng đỉnh kinh tế quốc tế phải là những chuyên gia quan sát, giống như vị cựu trưởng bộ phận Trung Quốc của IMF kia vậy.

Thật vậy, do báo chí truyền thống không khuyến khích phóng viên thể hiện kết luận của riêng họ, nó thường buộc các

phóng viên đủ-hiểu-biết đánh giá tình huống rồi “đặt đánh giá vào miệng của một nguồn tin nào đó”. Những *ventriloquist* này thường chọn cho mình nguồn *dummies* ẩn danh thích hợp (*ventriloquist* là người nói tiếng bụng, người nghe chỉ nghe tiếng mà không thấy người nói mở miệng, *dummy* là người nộm, theo truyền thống hóa trang trong lễ Halloween thì *dummy* và *ventriloquist* là một cặp không tách rời – ND), theo kiểu chung chung như “có nguồn tin nói là” hay “một vài người quan sát gợi ý rằng...”. Khi đưa tin về thỏa thuận của nhóm G-20 vào tháng 4 năm 2009, tờ *New York Times* sử dụng một trong những câu như thế — có lẽ vì mục đích này, mà cũng có lẽ không phải: “Theo một số nhà phê bình, các biện pháp đề xuất tại đây chỉ giải quyết được một số triệu chứng bên ngoài của cuộc khủng hoảng, chứ không điều trị dứt điểm những nguyên nhân chủ yếu và gai góc nhất của nó.”³³

Khi phóng viên kinh tế và kinh doanh hàng đầu Peter S. Goodman rời *New York Times* vào năm 2010 để gia nhập tờ báo trực tuyến *Huffington Post*, nơi có nhiều chủ kiến hơn, lời giải thích của ông bao gồm chút phàn nàn về yêu cầu cụ thể đó của báo chí truyền thống. Goodman giải thích với Howard Kurtz* rằng: tại *New York Times* ông buộc phải làm một việc “gần như là một quá trình vận chuyển lậu ý tưởng của bản thân, thông

* Howard “Howie” Alan Kurtz (sinh năm 1953) là nhà báo và tác giả viết sách người Mỹ chuyên về truyền thông. Ông dẫn chương trình *Media Buzz* của Fox News Channel, và kế vị của nó là *Fox News Watch*. Ông từng là nhà báo cho *The Washington Post* và cựu trưởng văn phòng Washington cho *The Daily Beast*. Kurtz rời CNN để gia nhập Fox News Channel tháng 7 năm 2013.

qua một *kỹ thuật* là mượn tên một ai đó từ các trung tâm nghiên cứu (think tank) để nói những gì mình muốn nói với độc giả”.³⁴ Rem Rieder dẫn lại phát biểu này trên tờ *American Journalism Review*, nhưng có biên tập lại và thêm vào những bằng chứng thú vị của chính bản thân: “Bình luận này làm tôi nhớ đến lời than phiền mà tôi đã nghe trong nhiều năm qua từ các phóng viên kinh nghiệm tại *USA Today*. Tại đây, do nguyên tắc nghiêm ngặt về nguồn tin đăng trên báo, họ buộc phải thể hiện các quan điểm của mình bằng cách dẫn lời của những người khác, những người thậm chí còn hiểu về đề tài đó ít hơn chính họ.”³⁵ “Một vài người quan sát” nghĩ rằng cách làm này không những kém hiệu quả mà còn giả dối nữa.

Đó là lý do vì sao “bài phân tích tin tức” trên số báo phát hành ngày 9 tháng 9 năm 2009 của tờ *New York Times* lại thật tươi mới. Phóng viên Sheryl Gay Stolberg, người rất thông thạo về lĩnh vực chính sách bảo hiểm y tế, mở đầu bài viết như sau “theo quan niệm phổ biến của mọi người, ở tại đây và khắp nơi trên nước Mỹ” thì chương trình chăm sóc sức khỏe của Đảng Dân chủ “đang hấp hối và chỉ có phép màu chính trị mới có thể hồi sinh nó.” Nhưng sau đó, trong đoạn thứ hai của bài báo, bài báo chính của *New York Times* ngày hôm đó, người phóng viên này đưa ra khẳng định của chính mình về lĩnh vực cô rất thông thạo: “Ở đây là lý do cho thấy những niềm tin phổ biến (conventional wisdom) của mọi người có thể đã sai,” Stolberg viết.³⁶ Ngay cả khi ngôn từ ở đây rất chừng mực với từ “có thể” (might), câu văn này vẫn thỏa điều kiện là một khẳng định mạnh mẽ bất thường của phóng viên *New York Times*. Phóng viên đã không viết “Một vài người quan sát tin rằng niềm tin phổ biến của mọi người có thể đã sai.” Nói theo cách dùng từ của Goodman, Stolberg

đã không *vận chuyển lậu* quan điểm của chính mình. Thực tế, Stolberg đã không trích dẫn bất cứ nguồn tin nào cho đến tận đoạn thứ bảy trong bài báo.

Và phân tích của cô — phân tích của chính Stolberg — đã được chứng minh là đúng. Sẽ phải mất bao lâu *trước khi* tờ *Times* dành sự tự do như vậy cho các phóng viên của họ, và ngăn được việc mất đi các phóng viên giỏi như Peter Goodman? Phải mất bao lâu trước khi sự thành thực trong phân tích như vậy trở thành tiêu chuẩn hàng đầu cho một vị trí phóng viên tại tòa báo?

Các nhà báo thông thái cũng phải có khả năng giải thích và đánh giá những gì mà nguồn tin đang kể cho họ nghe. Brad DeLong, hiện nay là blogger hàng đầu về kinh tế học, giảng dạy kinh tế học tại Đại học Berkeley; còn Susan Rasky (nay đã quá cố) thì dạy báo chí tại đây. Hai người cùng chuẩn bị một danh sách các lời khuyên dành cho phóng viên đi lấy tin về kinh tế. Nằm ở hàng đầu trong danh sách này là câu: “Không bao giờ viết là ‘các nhà kinh tế học không đồng ý’, thay vào đó, ‘hãy viết TẠI SAO các nhà kinh tế học không đồng ý?’”³⁷

“Tại sao” (why) luôn là yêu cầu cao nhất và “đáng nghi ngờ” nhất trong “5W”. Bất kỳ nỗ lực nào để giải thích lý do hay truy tìm “động cơ” đằng sau một điều gì đó đều có vẻ mang tính chủ quan mơ hồ đối với các nhà báo truyền thống. Các tổng biên tập có xu hướng chống lại sự xâm nhập của những đánh giá như thế vào các trang báo khách quan và có nguồn tin cẩn thận của họ. Việc vượt lên trên một bài tường thuật về “ai đó” nói gì về “điều gì đó”, để giải thích tại sao “ai đó” lại nói như vậy có thể đòi hỏi phải đặt câu hỏi với “ai đó” và thêm những người khác, cũng

như có những đánh giá xác đáng hơn về “điều gì đó”. Do đó, từ “tại sao” (why) thường được thay thế bằng một từ khác, tuy không đúng công thức theo mẫu tự nhưng lại ít gây ra tranh cãi hơn và cũng dễ sử dụng hơn: đó là từ “thế nào” (how).

Tuy nhiên, giờ đây với sự sẵn có trên Internet, “4W” còn lại đã giảm giá trị, và “tại sao” (why) trở nên quan trọng. Nó đòi hỏi mọi người phải có suy nghĩ, đôi khi đòi hỏi sự thành thực và hiểu biết về đề tài. Tuy nhiên, nó đưa ra một yếu tố mà báo chí truyền thống thường thiếu: sự giải thích. Khi áp dụng vào việc đồng ý hay không đồng ý với nguồn tin, sử dụng từ “tại sao”(why) cho phép các nhà báo có được nhiều hơn những tường thuật tốc ký đơn thuần về việc ai đã khẳng định điều gì. Nó cũng cho phép họ tiến tới sự hiểu biết sâu sắc hơn.

Đây là tất cả những lập luận tại sao các nhà báo không thể quay lại phong cách báo chí “*Nhưng đó là những gì mà người ta đã nói*” nữa. Các nhà báo phải suy nghĩ xem *tại sao* người ta nói điều đó, và các nhà báo cũng phải có đủ kiến thức hoặc khám phá để có thể đánh giá điều người ta nói là có giá trị hiệu lực hay không. Trong hai ý vừa nêu, ý sau là rất quan trọng đối với lập luận ủng hộ diễn giải và chống lại các khái niệm cân bằng truyền thống. Chúng ta sẽ quay lại ý đó trong chương kế tiếp.



Rất nhiều nhà báo Mỹ ngày nay — không hiểu rõ chuyện gì đang xảy ra với nghề nghiệp của họ — cũng gặp nhiều khó khăn để từ bỏ phong cách viết cũ. Và thỉnh thoảng chúng ta vẫn còn bắt gặp hình ảnh chiếc kim tự tháp ngược, với đỉnh được hình

thành từ một bầy ngỗng trời hình những chữ “W” làm tượng trưng cho báo chí truyền thống đang vỗ cánh hướng về phương Nam. Ví dụ, CNN (và cũng không khó lắm để tìm được những ví dụ kiểu này) dùng tiêu đề sau đây cho trang web được thiết kế rất chu đáo và sử dụng rộng khắp, vào tháng 8 năm 2012: “Tin từ Cảnh sát: Nổ súng tại siêu thị Walmart sau va chạm trong buổi tiệc” (“Walmart Shooting Followed Fight at Party, Police Say”); và rồi người ta bắt đầu kể lại chuyện xảy ra, hầu như lặp lại những gì đã ghi trong cái tiêu đề đó: “Vào cuối tuần, bốn người bị bắn bên ngoài công viên Cedar, Texas (một bãi đỗ xe của Walmart) khi tụ tập đánh nhau tại đó, sau khi đấu khẩu ở một bữa tiệc tại một thành phố gần đó, cảnh sát cho biết vào hôm thứ hai.”³⁸

Dĩ nhiên, sự thật và sự việc là rất đáng giá. Việc ghi rõ nguồn tin từ “cảnh sát cho biết” là cần thiết. Nhưng khi mà sự thật còn mơ hồ và chưa được soi rõ (“một thành phố gần đó”), khi các sự việc chỉ được xếp chồng lên nhau như những chiếc xe cũ trong nghĩa địa xe, chúng gần như không góp thêm gì vào hiểu biết của độc giả. Và cũng chẳng ích lợi gì khi sự thật được gói trong những từ mà chỉ có các nhà báo và từ điển đồng nghĩa phải sử dụng (ví dụ như từ *đấu khẩu*-altercation), hoặc những cụm từ mà chỉ có các nhà báo mới dùng (“cảnh sát cho biết vào hôm thứ hai”). Việc loại khỏi báo chí cách viết như thế sẽ dễ dàng hơn khi những ai hành nghề báo chí tỉnh ngộ và không tin vào quan niệm rằng các mảnh sự thật là tất cả trong nghề này.

Hiểu rõ về sự gia tăng của báo chí diễn giải cùng sự suy tàn của các bài tường thuật dày đặc các sự kiện có lẽ cũng sẽ giúp các nhà báo truyền thống tránh sa vào các bài tường thuật ngắn, chán ngắt. Một ví dụ ưa thích của tôi là bài báo trên tờ

New York Times, xuất hiện ở vị trí nổi bật trên trang web của họ vào tháng 12 năm 2009: “Khoảng một nửa số người Mỹ đang thất nghiệp nói rằng suy thoái kinh tế đã gây khó khăn cho họ, gây ra những thay đổi lớn trong cuộc sống của họ; và phần lớn không trông chờ vào việc cứu trợ trong thời gian tới, theo một cuộc thăm dò trên phạm vi toàn quốc về người Mỹ thất nghiệp do *New York Times* và CBS News thực hiện.”³⁹ Có thể cho rằng người phóng viên viết bài này đã chủ tâm tìm kiếm một ý tưởng, chứ không chỉ là một bảng tóm tắt, và đã nhận thấy một kết quả không như mong đợi của cuộc điều tra, với kết quả đó anh ta đã bắt đầu bài báo của mình.

Để cho ra nhiều hơn các bài báo diễn giải, nhà báo phải suy nghĩ nhiều hơn, về cách tường thuật, cách sử dụng nguồn tin, cách viết và cả về những bài báo của họ. Báo chí cần phải tiếp tục di chuyển theo hướng này không chỉ để nổi bật trên web mà còn để thông minh hơn, thú vị hơn và hiệu quả hơn.

Khi các nhà báo rời khỏi “ngôi nhà” chỉ đơn thuần tường thuật tin tức, họ cũng bỏ lại sau lưng nguy cơ bị tổn thương trước những méo mó cố hữu của ngôi nhà tin tức, đặc biệt là việc quá háo hức săn lùng những tin tức “độc và lạ”. Các phóng viên săn tin sẽ nằm ngáp dài nếu chó cắn người, nhưng nếu thấy ai đó nhe răng trước một con chó, họ sẽ rút sổ ghi chép ra ngay lập tức. Đó là lý do tại sao với các nhà báo truyền thống, thế giới này đầy rẫy những chuyện lạ lùng, những thứ hiếm xảy ra và không tiêu biểu.⁴⁰

Các nhà báo diễn giải (interpretive journalist) hoàn toàn vẫn có thể tham gia vào quá trình đưa tin để những trường hợp “độc và lạ” — chồng ám sát vợ, mẹ giết con — trở nên có vẻ phổ biến

hơn so với những gì diễn ra trên thực tế. Họ vẫn có thể nghiền ngẫm ý nghĩa của những sự kiện hiếm có và vô nghĩa. Họ có thể đắm mình vào việc suy luận ra ý nghĩa của những thứ vô nghĩa. Nhưng một bước lùi ra xa những chuyện quái dị (mà đôi khi báo chí muốn đưa tin) sẽ giúp hạn chế những méo mó, xuyên tạc. Báo chí diễn giải hiệu quả — diễn giải với chuyên môn của các ngành khoa học xã hội — có thể giúp sửa sai cho điều này.

Ví dụ, những vụ giết người bằng súng — đặc biệt là khi nổ súng giết người hàng loạt — được đưa tin nhiều hơn hẳn so với các vụ dùng súng tự sát. Ấy thế mà nhóm I-News thuộc chương trình Rocky Mountain PBS đã làm vài khảo sát và kết luận rằng tại tiểu bang của họ, các vụ tự sát lại cướp đi nhiều sinh mạng hơn hẳn các vụ giết người kia. Bài báo này đã xuất hiện ở nhiều nơi, trong đó có trang web của tờ *Steamboat Today* thuộc bang Colorado năm 2013: “Theo phân tích các giấy chứng tử của nhóm I-news, trong quãng thời gian 12 năm giữa hai cuộc nổ súng giết người hàng loạt ở Columbine và Aurora, người dân Colorado đã dùng súng tự sát với tần suất nhiều hơn khoảng bốn lần so với khi họ cầm súng giết người khác, người ta tìm thấy một phân tích của I-News về các giấy chứng tử đã ghi nhận như thế.”⁴¹

Các phân tích kiểu này đang bắt đầu được thực hiện thường xuyên hơn. Chúng cung cấp thêm những quan điểm và góc nhìn trong một lĩnh vực trước nay hãy còn thiếu những điều đó. Báo chí ngày càng trở nên thông thái hơn.



Liệu có cá nhân nào ở thế kỷ 21 thuộc giới báo chí Mỹ đóng được vai trò của Whitelaw Reid ở thế kỷ 19 hay không — một người nhận ra, chấp nhận và cố gắng hiểu sâu thêm nữa sự thay đổi đang diễn ra trong ngành của mình? Những người cấp tiến trong báo chí diễn giải, tức là các blogger, đã làm được khá nhiều việc trong quá trình nhận rõ xu thế hiện tại và tương lai của báo chí.

“Thật nhàm chán khi phải nhắc lại điều này,” Ezra Klein viết, “nhưng chính ngành đưa tin lại thiên vị với tin tức. Có rất nhiều nguồn nói cho bạn biết những gì đã xảy ra ngày hôm qua, nhưng hầu như không có cơ quan báo chí nào cho bạn biết điều gì đang diễn ra (what is going on).”⁴² “Điều đang diễn ra” không phải là một cách diễn đạt rõ ràng ở đây, nhưng Klein nhanh chóng nói rõ: điều ông đòi hỏi là sự giải thích (explanation) trong báo chí. Đó là những gì mà tờ *Times* hiển thị bằng các biểu đồ, đồ thị khi minh họa phán quyết về Đạo luật chăm sóc sức khỏe, đó là những cái “tại sao” hiện nay vẫn hay bị thiếu nơi báo chí.

Klein, theo *New York Times*, là một “siêu nhân trên rất nhiều nền tảng, từ viết blog, viết trên twitter, đến viết chuyên mục”⁴³ cho *Washington Post* (vào thời điểm tôi viết những dòng này), Bloomberg, và đôi khi là cho *New Yorker*; ông cũng thường xuyên đóng góp và là người dẫn chương trình khách mời tại MSNBC. Giải thích (explanation) chính là miếng ghép quý giá của diễn giải, và cũng là một miếng ghép quý giá của thể loại báo chí của Klein trên mọi nền tảng này, dấu rằng nó có thể không phải là miếng ghép lớn nhất của cả diễn giải lẫn phong cách báo chí của Klein.

Matthew Yglesias, hiện đang viết blog và viết tweet cho *Slate* về mảng kinh doanh và kinh tế, có thể giúp chúng ta mở rộng

và nâng cao quan điểm này về báo chí kiểu mới — đầu tiên là bằng chú ý những gì ông ta không làm thường xuyên. Trên blog được nhiều người theo dõi trên *Slate*, Yglesias từng ghi lại một số bình luận của lãnh đạo phe thiểu số tại Hạ viện, bà nghị sĩ Nancy Pelosi, nói tại một bữa tiệc trưa mà ông ta có tham dự. Sau đó trên Twitter ông phát triển những bình luận đó thành một bài viết với một cụm từ rất khôn ngoan: “một tường thuật hiếm có gây bùng nổ”.⁴⁴ Các bài viết của Yglesias dĩ nhiên có gắn với nhiều hình thức tường thuật: cụ thể như đọc và nghiên cứu, lĩnh vực mà Yglesias là số một, và đôi khi các nguồn tin cũng xuất hiện trong các bài viết đó. Tuy nhiên, Yglesias thể hiện rất rõ ràng trong hầu hết thời gian ông ta làm những thứ khác hơn là chỉ đơn thuần chép lại những gì những người tạo tin (newsmaker) nói.

Vậy thì ông đang làm điều gì? Trước tiên, Yglesias áp dụng cho nghề nghiệp của mình một thuật ngữ mà đồng nghiệp cũ là Klein hay dùng: “Tôi lúc nào cũng nghĩ mình là một người giải thích – explainer.” Nhưng sau đó ông đi xa thêm một bước nữa: “Tôi chỉ thử và đưa những ý kiến sâu sắc vào chu kỳ tin tức; và kết nối mọi người bằng các ý tưởng khôn ngoan có liên quan.”⁴⁵

Felix Salmon kiên trì đưa ra “những ý tưởng khôn ngoan” lên blog về tài chính mà ông viết cho Reuters. Với ông, những bài báo đưa tin về các cuộc họp báo lớn, các sự kiện lớn, các câu chuyện lan man — loại mà hiếm khi Yglesias tường thuật — là những “tin tức hàng chợ”. Salmon coi chúng là những “trái cây dễ hái, ở tầm thấp, nếu xét trên phương diện những nỗ lực khi làm báo”. Theo cách nhìn của ông, những “trái cây ngon ở trên cao” không liên quan gì đến thể loại tường thuật, mà phải là những “thấu hiểu bên trong” (insight),⁴⁶ đối tượng mà bản

thân Salmon cùng với Klein và Yglesias hầu như đã chắc chắn chạm tới.

Ngày 21 tháng 5 năm 2012, Nate Silver đăng bài “Cử tri dao động và các tiểu bang co giãn” (“Swing Voters and Elastic States”), đây là một ví dụ rất hay về cái “thấu hiểu bên trong” rất-khó-chạm-tới đã nêu ở đoạn trên, cũng là một ví dụ khác về “báo chí trí tuệ” mà cuốn sách này minh họa. Bài viết này, đăng trên blog *FiveThirtyEight* của Silver về bỏ phiếu và chiến dịch tranh cử, bắt đầu với những nghịch lý: “North Carolina là một tiểu bang dao động nhưng lại có tương đối ít cử tri dao động. Ngược lại Rhode Island không phải là một tiểu bang dao động, nhưng bang này có khá nhiều cử tri dao động.” Đây là loại câu hỏi hóc búa nho nhỏ mà hầu như không có mấy người giải được. Silver đã làm điều đó — với hơn hai nghìn từ, hai đồ thị và một biểu đồ. Trong quá trình đó, anh giúp ta hiểu rõ về “tiểu bang dao động” (swing state) – một thực thể được bàn luận rất nhiều trong nền chính trị tổng thống Mỹ hiện nay.

Đúng là, ở đây Silver đã thêm vào vốn từ vựng của chúng ta thuật ngữ *tiểu bang co giãn* (elastic state) – một tiểu bang, như Rhode Island, với nhiều cử tri bỏ phiếu độc lập và “khá nhạy cảm, phản ứng rất nhanh trước những thay đổi của các điều kiện chính trị”, từ đó họ có thể thay đổi lá phiếu của mình. Tuy nhiên, Rhode Island không có chút gì giống một tiểu bang dao động (swing state): một số lượng bất thường các cử tri có lẽ đã bị thay đổi ý định vì các điều kiện chính trị đó và họ không bỏ phiếu cho ứng viên đảng Dân chủ nữa. Ngược lại, hầu hết cử tri ở tiểu bang North Carolina theo đảng này hoặc đảng kia và họ thường không thay đổi quyết định của mình. Tuy nhiên, số lượng cử tri chắc chắn bỏ phiếu cho đảng Dân chủ là xấp xỉ với

số lượng cử tri chắc chắn bỏ phiếu cho đảng Cộng hòa; đến mức chỉ cần một số lượng cử tri tương đối nhỏ rời bỏ đảng này hoặc đảng kia cũng đủ làm cả bang ngã từ đảng này sang đảng kia. Silver lưu ý là, số lượng cử tri đi bỏ phiếu (turnout) trong một tiểu bang không co giãn nhưng dao động có thể có tính chất quyết định trong cuộc bầu cử.⁴⁷

Nate Silver thể hiện suy nghĩ của chính mình về mục tiêu mà báo chí hướng đến trong bài diễn văn tốt nghiệp đọc tại lễ tốt nghiệp ngành báo chí Đại học Columbia năm 2011:

Một trong những điều phân biệt... “báo chí kiểu mới” với những loại hình báo chí truyền thống là: độc giả thực sự sẽ tìm kiếm việc phân tích, ý nghĩa, bối cảnh và lập luận trong báo chí. Trừ khi bạn vô tình có được một vài thông tin tươi mới và độc quyền — thật tuyệt vời khi có được tin sốt dẻo, nhưng việc này lại không thường xảy ra — thì chỉ trình bày lại nguyên vẹn thông tin sẽ là không đủ...

Độc giả sẽ yêu cầu báo chí phải đưa ra giả thiết, xem xét các bằng chứng và đi đến một vài kết luận về vấn đề đặt ra.... Báo chí *Tốt* luôn làm được điều này — nhưng giờ đây nó cần phải làm thế dứt khoát hơn, rõ ràng hơn.⁴⁸

Có một giả thiết, có rất nhiều bằng chứng và có một vài kết luận trong bài viết của Silver: “Cử tri dao động và các tiểu bang co giãn”. Anh không bỏ phiếu cho bất kỳ chính sách hay ứng viên cụ thể nào, mà chỉ tranh luận vài cách nhìn mới về cách bỏ phiếu ở các bang. Silver cũng đưa ra một giải thích đầy ấn tượng về việc các tiểu bang và các cử tri đã “dao động” ra sao. Anh cũng cung cấp thêm một khái niệm mới – tính co giãn (elasticity) – vào hiểu biết của chúng ta về bầu cử. Và ông cũng

trình bày một số chiêm nghiệm sâu sắc, độc đáo về việc các cuộc bầu cử đã được quyết định ra sao. Không tệ lắm với một bài đăng trên blog!

Cuối cùng, về vấn đề phong cách của thể loại báo chí mới này, chúng ta hãy tham khảo ý kiến của một người khác trẻ tuổi hơn, rất am hiểu về báo chí trực tuyến: nhà báo sinh động và sâu sắc Ana Marie Cox, người viết cho nhiều blog và ấn phẩm, gần đây nhất là *Guardian*. Với vẻ tự mĩa mai như phong cách mĩa mai các chính khách của bản thân, Cox nói về “những nhà báo chập chờn dao động, nhắm nhĩ, cực kỳ phe phái, suốt ngày la cà ăn nhậu như tôi.”⁴⁹

Chúng ta hãy tập trung vào ba từ ở đây. Đầu tiên là “*kẻ suốt ngày la cà ăn nhậu*” (*barfly*) — mà theo hiểu biết của tôi thì đây không phải là một kẻ dễ ba hoa chích chòe mà là một người thích thư giãn, tán gẫu, cởi mở, thậm chí mĩa mai, và không hề nhắm nhĩ chút nào. Từ thứ hai là *phe phái* (*partisan*): không ngần ngại có chủ kiến, nhưng cũng thẳng thắn và trung thực về những ý kiến đã phát biểu và có một chút *chập chờn dao động* (đây là từ thứ ba) trong việc giữ các ý kiến đó, nghĩa là không có tư tưởng cứng nhắc và cũng không, nói cách khác, suy nghĩ một chiều và hay che giấu sự thật vì đảng phái của mình theo kiểu Whitelaw Reid.

Nếu bạn trộn lẫn những nỗ lực tự định nghĩa vô cùng đa dạng này của các blogger trẻ hàng đầu, bạn sẽ có được một bản tóm tắt khá tốt về mục tiêu mà báo chí đang và phải hướng đến: “phân tích, ý nghĩa, bối cảnh, có lập luận”, kết hợp với giải thích, cộng thêm sử dụng liều cao “những ý tưởng thông minh” và “sự thấu hiểu”, tất cả được trình bày một cách trung thực,

cởi mở, linh hoạt và đôi khi hài hước. Thỉnh thoảng thêm chút cực kỳ “bùng nổ” của tường thuật, không phung phí vào các sự kiện được tường thuật quá lố, và đây sẽ là bản tóm tắt hoàn hảo của những gì tôi muốn nói đến khi dùng cụm từ *báo chí trí tuệ*.



Thế nhưng, những người tôi chọn ra giới thiệu ở đây là những người tiên phong trong cuộc cách mạng báo chí. Khác Reid, họ không là những đại diện xuất sắc của hệ thống cũ, cũng không là những nhà báo truyền thống nay bắt đầu “chuyển hướng”. Vì vậy, chúng ta phải nhìn xa hơn ra ngoài mặt trận.

Independent là một tờ nhật báo quốc gia quan trọng của nước Anh trên cả hai thị trường: một thị trường đang sụt giảm trầm trọng (chúng tôi nói đến ngành xuất bản), một thị trường đang cực kỳ cạnh tranh (chúng tôi đang nói về nước Anh). Nước Anh còn ba tờ nhật báo quốc gia quan trọng nữa — tất cả đều lâu đời và danh tiếng hơn, với số lượng phát hành cao hơn. Vì vậy để tồn tại, tờ *Independent*, đã bắt đầu dành phần lớn diện tích trang bìa (như cách các tờ tuần báo vẫn hay làm) chỉ cho một bài báo — một bài báo mà (cũng giống như tuần báo) chứa đầy quan điểm và cực kỳ có chiều sâu, tại đó tờ báo này không e dè thể hiện quan điểm (lại cũng giống như tuần báo). Trang bìa nổi tiếng nhất của tờ báo này không phải do vị tổng biên tập nhìn xa trông rộng Simon Kelner, người giống như một ngôi sao nhạc rock của giới báo chí Anh, mà là do một ngôi sao nhạc rock thực sự, ca sĩ Bono, khi Bono được Keller giao toàn quyền quản lý tờ *Independent* trong một ngày 16 tháng 5 năm 2006. Trang

bìa tờ báo ngày hôm đó, toàn một màu đỏ rực, nổi bật với dòng tiêu đề “HÔM NAY KHÔNG CÓ TIN MỚI” và ngay dưới dòng đó là một dòng với cỡ chữ nhỏ hơn rất nhiều: “Chỉ có 6.500 người châu Phi hôm nay qua đời do một căn bệnh có thể phòng ngừa được, có thể chữa trị được (HIV/AIDS).”⁵⁰

Simon Kelner giữ vị trí tổng biên tập của *Independent* trong nhiều khoảng thời gian không liên tục từ 1998 đến 2011. Trong một lần trả lời phỏng vấn của tôi vào năm 2006, ông nhớ lại rằng hiểu biết về tình cảnh của tờ nhật báo này “bùng sáng” trong thời gian đưa tin về cuộc bầu cử tổng thống Mỹ năm 2004 tại Anh. Tờ *Independent* có tường thuật lại kết quả của cuộc bầu cử, cùng với các tờ báo lớn khác tại Anh. “Đó là bài tập rất vất vả, rất mệt nhọc của tất cả chúng tôi,” Kelner bình luận. Ấy vậy mà sáng hôm sau số phát hành vẫn giảm nhiều. Vì để xem kết quả cập-nhật-từng-phút của cuộc bầu cử, người ta tìm đến radio, tivi và Internet. Ngay cả chính Kelner cũng mở radio và tivi mỗi sáng để theo dõi. Tuy nhiên, ông giải thích “hôm sau, khi *Independent* dành 21 trang báo cho những phân tích và diễn giải về cuộc bầu cử, doanh số của chúng tôi tăng đến 15%.”⁵¹

Kelner hiểu được tình hình. Kelner đã có một tư duy mới. “Ý tưởng rằng báo chí là nơi dừng chân đầu tiên của mọi người để khám phá điều gì đang xảy ra trên thế giới giờ đây không còn giá trị nữa,” ông giải thích. “Vì vậy bạn phải thêm vào một “lớp” nữa: phân tích, diễn giải, quan điểm.” Và Kelner bắt đầu gán cho nhật báo của mình cái tên “tờ giấy thể hiện quan điểm (viewspaper)”.

Hãy thử so sánh những phản ứng của *Independent* với phản ứng của *Washington Post*, trước cùng một tình huống. Ví dụ của

tôi là ngày 5 tháng 10 năm 2006, trong thời kỳ mà những thử nghiệm của Kelner đang đạt cao trào. Tin tức hôm đó là chuyến thăm Trung Đông của Ngoại trưởng Condoleezza Rice, khi chính quyền Bush đang thúc đẩy một “tiến trình hòa bình” tại vùng đất này. *Washington Post* tường thuật cuộc họp báo chung của Ngoại trưởng Mỹ với Tổng thống Palestine Mahmoud Abbas trên trang A26, với tit bài không lấy gì làm nổi bật “Bà Rice nêu lên những quan ngại về người Palestine, nhưng chuyến đi không có mấy triển vọng.” Rõ ràng ở đây chỉ toàn là những thứ cũ rích về “ai-cái gì-khi nào-ở đâu-tại sao”. Cũng trong sáng hôm đó, tờ *Independent* chạy tit trên trang nhất: “Tiến trình tới nơi vô định”. Sử dụng một loạt năm đoạn văn ngắn, mỗi đoạn lại chia ra thành hai phần “Những hứa hẹn” (dòng tiêu tựa này được in màu đỏ) và “Thực tế” — bài báo trên trang nhất này so sánh những gì mà chính quyền Bush đã tuyên bố về chính sách tại Trung Đông với những thành tựu cực kỳ ít ỏi, đôi khi tồi tệ hơn (ví dụ như cuộc chiến tại Libăng) của họ.

Giờ đây, công bằng mà nói thì loại tiêu đề đầy chủ kiến đó — “Tiến trình tới nơi vô định” — có lẽ không mang dáng vẻ cấp tiến ở Anh như ở Mỹ. Tại châu Âu, với truyền thống báo chí theo ý thức hệ, người ta ít e dè nói lên những gì mình nghĩ. Điều mới mẻ ở đây là phong cách tập trung, thẳng thắn (những gì chúng ta hay thấy ở những tạp chí như tuần báo *Economist*) mà tờ *Independent* đã thể hiện khi đưa ra những đánh giá của họ.⁵²

Tờ *Economist*, lúc nào cũng có đầy những đánh giá thông minh, không những đáng để chúng ta trích dẫn ở đây mà còn đưa ra một vài tư tưởng tuyệt vời như sau: “Trong một thế giới có hàng triệu nguồn tin tức xuất hiện trên Internet,” tờ báo này viết vào năm 2011, “khách hàng bị tràn ngập với thông tin và

chỉ muốn ai đó nói cho họ biết tất cả những điều này có nghĩa là gì.”⁵³ Kelner đã hiểu được chuyện này. Nhưng tổng biên tập của tờ *Independent* lại không có tầm nhìn xa trong một lĩnh vực khác: ông không tin lắm vào việc phát hành trên mạng. Điều này gây tổn hại trong thời kỳ mà lượng độc giả báo in vẫn tiếp tục lao dốc.

Hiện nay một lần nữa Kelner rời bỏ vị trí tổng biên tập của *Independent*, và tờ báo in này, với số lượng phát hành vẫn đi xuống, quay trở lại những trang nhất truyền thống hơn, một loại hình báo chí truyền thống hơn: “Chính phủ Liên minh thất bại trong cuộc bỏ phiếu thông qua ngân sách cho EU tại Hạ viện Anh”. Thật khó mà hình dung một phương cách nào để cứu được tờ báo này trong dài hạn, khi họ không có một ngôi sao nhạc rock biên tập trang nhất mỗi ngày.⁵⁴ Trong các giải pháp tiềm năng, phát hành ấn bản điện tử có lẽ sẽ là giải pháp nổi trội hơn cả. Thế mà hồi năm 2006 Simon Kelner đã thực hành một loại hình báo chí hấp dẫn hơn hầu hết các loại hình nhật báo khác — ngoại trừ nhật báo của Mike Levine.

Levine biên tập một thể loại báo hoàn toàn khác — thể loại ở Middletown, New York, chứ không phải ở London. Từng là một phóng viên chuyên mục, ông quan sát điều mà ông gọi là “hiện tượng John Burns”: “Các phân tích mà cánh phóng viên thổ lộ với nhau trong các tòa soạn thì thường hấp dẫn hơn rất nhiều so với việc cuối cùng thường xảy ra là “nhai đi nhai lại cụm từ “người ta nói” rồi viết nên bài báo.” “Hãy bước vào bất kỳ phòng tin tức nào trong các tòa soạn ở Mỹ,” Levine giải thích, “lộn ngược bọn phóng viên lên; và hàng trăm mẫu chuyện sẽ rơi xuống. Các phóng viên biết rất nhiều chuyện về cộng đồng họ đến lấy tin, nhưng họ không đưa những chuyện đó vào tờ báo.”⁵⁵

Khi tiếp quản chiếc ghế tổng biên tập của tờ *Times Herald-Record* vào năm 1999, Levine quyết định phải thay đổi điều này. “Chúng tôi chỉ đơn giản yêu cầu phóng viên mang lại lợi ích cho độc giả bằng các phân tích thông minh của họ,” ông giải thích. Điều này có nghĩa là không cần chú ý nhiều vào tin tức đơn thuần về việc “một viên chức từ chức ở bệnh viện thuộc hạt Sullivan”. Thậm chí việc đưa tin về vụ từ chức đó còn có thể để lại cho trang mạng của tờ báo. Điều dứt khoát phải làm là: tờ báo dồn hết sự chú ý vào việc giải thích, phân tích xem vụ từ chức này có ý nghĩa là gì.

“Chúng ta không còn là trẻ con nữa” là cách Levine đặt vấn đề. “Chúng ta không chỉ đi họp và nghe đọc chính tả. Như thế thì chẳng đóng góp gì cho cộng đồng. Những gì chúng ta cần là các nhà báo biết kết nối mọi thứ lại với nhau.” Nói theo một cách khác, Levine không lo sợ việc để các phóng viên của mình — sau khi làm xong bài tường thuật, khi mà họ hiểu về đề tài của mình nhiều hơn những nguồn cung cấp tin cho họ — tìm hiểu ý nghĩa của những mảnh tin tức vừa nêu.

Sau đây là một ví dụ về điều gì đã xảy ra khi phóng viên viết tường thuật theo kiểu Levine. Phần dưới đây lấy từ loạt bài gồm nhiều phần trên *Times Herald-Record* viết về sự phục hưng của thành phố Newburgh, do các phóng viên Tim Logan và John Doherty thực hiện:

Thành phố đang giữ bỏ ba thập kỷ trì trệ. Đây là một thời điểm rất thú vị. Thị trường bất động sản đang rất nóng. Các vấn đề về chính trị của thành phố đang dần dần ổn định. Hiện đang có rất nhiều dự án. Các dự án về đại học cộng đồng ở vùng hạ Broadway, các dự án cho khu đất đã bỏ hoang từ lâu ở Water

Street, một dự án tổng thể cho quy hoạch toàn thành phố cũng đang tiến hành.

Thế nhưng không có dự án cho người nghèo trong thành phố.

... Nếu thành phố này muốn tái thiết thực sự, nếu muốn vĩnh viễn lấp đầy khu trung tâm của mình, nếu muốn tự chuyển mình từ vùng trung đới nghèo hút tài trợ của các nơi khác trong quận Cam (Orange County) thành trung tâm thịnh vượng mà quận này cực kỳ cần đến, thì Newburgh không thể phớt lờ sự đói nghèo thêm chút nào nữa.⁵⁶

Cần lưu ý là ở đây không có câu “Một vài người quan sát cho rằng Newburgh không thể phớt lờ sự đói nghèo thêm chút nào nữa.” Đây cũng không phải là một bài xã luận hay một mục bình luận theo chuyên đề. Luận điểm này do trang tin tức của một tờ báo nhỏ địa phương thực hiện, với các phóng viên chỉ dựa trên tin tức sẵn được theo khu vực mà họ phụ trách, dựa trên lập luận riêng và những đánh giá tình huống đầy am hiểu của họ.

Tờ *Times Herald-Record* đầu thế kỷ 21 này không phải là một con quái vật khổng lồ trong giới báo chí như *New York Tribune* vào giữa thế kỷ 19. Tuy nhiên, tổng biên tập của *Times Herald-Record* chính là một phóng viên truyền thống thay đổi hệ tư tưởng. Khi các nhà báo Mỹ lần đầu tiên nói “xin chào!” với “ai-cái gì-khi nào-ở đâu-tại sao”, Tổng biên tập Whitelaw Reid của *Tribune* đã hiểu rằng “tinh túy, yếu tố sống còn của nhật báo ngày-hôm-nay, chính là tin tức.” Mike Levine cũng hiểu rằng “tinh túy, yếu tố sống còn” của báo chí vào thời của ông ta không thể chỉ đơn giản là tường thuật tin tức! Thay vào đó, báo chí giờ đây là kết nối thông tin. Tinh túy đó, yếu tố sống còn đó

chính là diễn giải, như trong ý kiến “Newburgh không thể phớt lờ sự đói nghèo thêm chút nào nữa.” (Mike Levine qua đời do một cơn đau tim vào năm 2007 ở tuổi 54, và những thử nghiệm của ông hãy còn dang dở.)⁵⁷

5

“DÙ BẠN CÓ NỖ LỰC THOÁT RA KHỎI TÁC PHẨM BAO NHIÊU ĐI NỮA”

Lập luận chống lại tính khách quan

Một cam kết đối với tính khách quan — vốn gắn kết với chủ nghĩa hiện thực của thế kỷ 19 — tiếp tục tồn tại trong báo chí thế kỷ 21. Nó tồn tại như một mục tiêu, một tiêu chuẩn, và nếu nói thực tế thì là một nỗi sợ hãi. Ngày nay làm việc cho một tổ chức thông tấn Mỹ truyền thống đồng nghĩa với việc “sống trong sợ hãi”: không phải nỗi sợ về việc bạn bị kết tội có thành kiến hay thiếu khách quan (vì tất nhiên bạn sẽ như thế), mà là nỗi sợ rằng một lời kết tội như thế có thể sẽ còn mãi.

Hãy xem xét những phản hồi từ John F. Burns của tờ *New York Times* năm 2006. Trước đó tôi vừa phê bình anh ta về việc thiếu sức hấp dẫn trong bài tường thuật từ Iraq trên tờ báo của mình so với khi trả lời phỏng vấn trong chương trình truyền hình *Charlie Rose*. (Ý kiến phê bình đã được bàn trong chương trước.) Đáp lại, Burns phản ứng tự vệ một cách vừa phải, nhưng không phải về vấn đề mà anh ta bị phê bình (điều này có thể hiểu được, dù không thực sự đúng mực). Thay vào đó, anh ta lo ngại rằng mình có thể sẽ bị phê bình vì đã để lọt lên truyền hình

một số quan điểm về cuộc chiến: “Những lần chúng tôi xuất hiện trên truyền hình thực sự là một thử thách, vì không có biên tập viên nào để rà soát lại những điều chúng tôi nói, đảm bảo duy trì sự tách bạch giữa tin tức và chủ kiến,” Burns giải thích trong email gửi cho tôi.¹

Các phóng viên của Mỹ đã “dạy” cho khán giả, độc giả, cũng như “tự dạy” bản thân họ, rằng chủ kiến, ý kiến (opinion) là một dấu hiệu của sự tha hóa (corruption). Kết quả của họ giờ đây là việc những người viết thư, bình luận báo chí, các website truyền thông của cả hai cánh tả và hữu đều luôn sẵn sàng nhảy dựng lên nếu một phóng viên, chẳng hạn như John Burns, thể hiện điều gì đó có vẻ thiên kiến.

Và điều này đang xảy ra ngay cả khi việc diễn giải trong ngành báo có xu hướng tăng lên và niềm tin vào các hình thức truyền thống của báo chí phai nhạt dần. Viên cảnh sát mang tên Khách quan vẫn chưa được xuất ngũ. Ví dụ như vụ NPR sa thải Juan Williams vào năm 2010, sau khi phóng viên này thừa nhận thẳng thắn trên Fox News Channel rằng anh ta e ngại khi thấy những người mặc “áo choàng Hồi giáo” trên một chiếc máy bay. “NPR cho rằng,” tờ *New York Times* viết, “Juan Williams đã vi phạm niềm tin của tổ chức về tính vô tư, không thiên vị, một giáo điều cốt lõi của báo chí Mỹ hiện đại.”²

Phóng viên thể thao Thomas Bowles cũng bị kết tội không trung thành với giáo điều này. Bowles đang làm việc theo hợp đồng cộng tác tự do (freelance contract) với tờ *Sports Illustrated* online vào năm 2011, tường thuật về một mùa giải đặc biệt kịch tính và hào hứng — với bảy mươi tư lần thay đổi vị trí dẫn đầu — giải đua xe Daytona 500. Tại vạch đích, Bowles đã làm một điều

mà nhà báo “khách quan” lẽ ra không được làm: vỗ tay vì quá hứng khởi. “Ngày hôm đó đánh dấu lần vỗ tay đầu tiên, cũng là cuối cùng, trong sự nghiệp của tôi ở vai trò người tường thuật giải NASCAR cho SI.com,” anh viết. “Nhiều người khẳng định cho rằng ‘điều luật thiêng liêng số 1’ của việc làm phóng viên thể thao là *Không được ăn mừng trong phòng tường thuật.*” Báo *Sports Illustrated*, thuộc sở hữu của tập đoàn Time Inc., đã sa thải Bowles. “Chính sách của Time Inc.,” một đại diện của công ty nói với tờ *Inside Line*, “là các nhân viên của ban biên tập được kỳ vọng phải cư xử với thái độ xứng đáng đại diện cho truyền thống báo chí.”³

Chẳng trách gì mà Burns, khi bị chê là viết một bài tường thuật nhằm chán trên báo, lại quỳnh quáng với việc bị kết tội vì quá thiên kiến. Ôi, các nhà báo truyền thống hẳn phải không ngừng nỗ lực, ra sức rạch ròi, thậm chí cầu cứu đến các biên tập viên để kìm nén sự thôi thúc được nói ra điều mà họ nghĩ!

Viên cảnh sát Khách quan giúp gìn giữ nền báo chí truyền thống tập trung vào sự việc và sự thật thay vì diễn giải, nhưng sự háo hức truy đuổi bất cứ mầm mống chủ kiến nào cũng là một hệ quả từ sự tập trung đó. Chừng nào các nhà báo còn chủ yếu được xem là những kẻ thu thập thông tin, hay đơn giản là những nhân chứng, thì họ sẽ còn bị phán xét bởi sự vô tư, không thiên vị khi đi thu thập thông tin, bởi sự trung thực và lạnh lùng trong cách chứng kiến của họ. Nếu chỉ được xem là những tấm gương phản chiếu sự thực, chừng đó họ sẽ còn bị phê bình về bất cứ thiên vị, thiên kiến nào trong những điều mà họ phản ánh. Quan điểm phải bị kiểm giữ, và phóng viên rốt cục sẽ phải bỏ rất nhiều năng lượng vào việc nguy trang tất cả mọi thứ chủ kiến mà họ có. Rất nhiều hạn chế và vấn đề của

nền báo chí Mỹ, trong quá trình đối mặt với các thử thách từ truyền thông kiểu mới, đều có nguồn gốc từ thứ nỗ lực thường xuyên bị dùng sai này.



Stephen Ward, một triết gia chuyển sang làm nhà báo rồi lại chuyển sang làm giáo sư ngành báo chí, đã định nghĩa sự khách quan trong báo chí truyền thống là “việc né tránh tất cả những đánh giá, xét đoán, việc chỉ sử dụng các sự việc và ghi chép hoàn toàn trung lập về sự kiện.”⁴ Tất nhiên điều này là bất khả thi, Ward cũng hiểu được.

“Dù bạn có nỗ lực để thoát khỏi, biến mất khỏi tác phẩm báo chí bao nhiêu đi chăng nữa (để tỏ ra khách quan – ND),” John Hersey nói vào năm 1984, “thì vẫn luôn có một hình thức trọng tài, hay lựa chọn trong ngành báo chí, trong mọi tình huống. Nếu chỉ lấy 999 chi tiết từ 1.000 chi tiết được xem là sự thật, thì bạn vẫn còn đang để thiên kiến của mình ảnh hưởng đến sự việc.”⁵ Có người còn đi xa hơn: Nếu chọn người phỏng vấn một câu chuyện — Một người quản lý, hay một nhân viên hay than phiền? — “tức là bạn đang để thiên kiến của mình ảnh hưởng đến sự việc.” Nếu lựa chọn phát sóng một chương trình về một phe trong một cuộc tranh luận chính trị phức tạp — Dân chủ hay Cộng hòa, nhưng không phải Đảng Xanh hay Đảng Tự do, không phải MoveOn.org hay Đảng Trà? — thì bạn đang vội vã kết luận về điều phải được đặt vào vị thế chính thống. Nói cách khác, bạn đang đánh giá, bạn đang xét đoán, bạn đang không “hoàn toàn trung lập”.

Và những xét đoán hay “đánh giá” đó — bằng chứng của *sự chủ quan*, nói theo cách sử dụng từ này của Carlota Smith⁶ — có thể bị nhận diện tại mọi giai đoạn sản xuất ra một bài báo, một tác phẩm báo chí. Ngay cả việc quyết định chọn ra một sự kiện xứng đáng đưa tin trong số một nghìn sự kiện đang diễn ra tại bất cứ nơi nào, bất cứ thời điểm nào cũng đòi hỏi kết luận về điều gì hấp dẫn hoặc không, quan trọng hoặc không — những kết luận mang màu sắc liên quan đến chính trị, chủng tộc, văn hóa. Thậm chí cả nỗ lực tóm gọn các sự kiện thành một bài tường thuật (narrative) — thành những *câu chuyện* trên báo — cũng đòi hỏi rất nhiều cắt xén, sắp xếp không “trung lập” chút nào.

Đôi khi trong thế kỷ 20, triết học, văn học, nghệ thuật, và ít nhiều cả khoa học đều phải xét đến việc không thể tránh khỏi điều mà Hersey gọi là “dàn xếp” (mediation), và đó chính là sự phá sản của khái niệm *khách quan* (objectivity).⁷ Những nhà tư tưởng của các ngành trên đều từng nói về những khái niệm như “diễn ngôn” và “mô thức”, suy tư về những sự “không chắc chắn”, “tương đối,” “phân mảnh”, “đa chiều”, “phụ thuộc văn hóa”, “cơ cấu xã hội” v.v... Họ từ bỏ, theo nghĩa rộng, giấc mơ về sự trung lập không-đánh-giá, không-xét-đoán.

Nhà triết học Thomas Nagel viết hồi thập niên 1980, đã cho ra một phiên bản vấn tất và tương đối nhẹ nhàng hơn của quan điểm này. Ông không đặt câu hỏi nghi vấn về ý tưởng “thế giới” tồn tại “độc lập so với cách nó hiện hữu trong mắt chúng ta hoặc với bất cứ sinh vật nào tồn tại trong đó.” Đó là sự thỏa hiệp không nhỏ của một nhà tư tưởng thời hậu Einstein, hậu Heisenberg. Nhưng Nagel vẫn từ bỏ ý tưởng rằng thế giới đang tồn tại độc lập này “trùng lặp với điều có thể được hiểu một cách khách quan”, vì ông viết, “cách mà thế giới tồn tại là bao

gồm nhiều mặt, và không có một quan điểm đơn lẻ nào để từ đó thế giới có thể được nắm bắt trọn vẹn.”⁸ Nói cách khác, có thể có một thực tại khách quan, nhưng không có bất cứ miêu tả khách quan nào về thực tại đó cả. Mọi người đều nhìn sự việc theo cách khác nhau. Ngay cả dưới ngòi bút của những nhà báo ít thiên vị nhất, ít có chủ kiến nhất, thì vẫn không tồn tại được một nền báo chí khách quan.

Vào đầu của thế kỷ 21, cuối cùng nhiều nhà báo đã sẵn sàng công nhận quan điểm đó. “‘Khách quan’ không phải một từ tốt, bởi vì chẳng có ai khách quan cả,” tổng biên tập báo *Washington Post* Leonard Downie Jr. nói với một người phỏng vấn của tờ *Frontline* vào tháng 4 năm 2006. Thay vào đó, Downie nhất mực cho rằng các phóng viên của ông đã cố gắng “công bằng”.⁹ Công bằng (fair) chỉ là một trong nhiều từ mà các nhà báo nay đã trở nên nghi ngờ sự khách quan nhưng vẫn còn khó chịu với việc pha lẫn tin tức và chủ kiến. Vài từ khác cũng được dùng một cách tương tự là *công bình*, *không thiên vị*, và *cân bằng* (*impartial, unbiased, balanced*).¹⁰

Những từ này đều là các dạng đức hạnh (virtue), theo cách dùng từ của Aristotle, như được bàn luận trong chương 1, làm nên “cá tính” của nhà báo và do đó dùng để thuyết phục người ta sử dụng để cải thiện chất lượng của các diễn ngôn báo chí. Khi viết cho blog *Washington Post* về bài diễn văn nhậm chức của ứng cử viên phó tổng thống đảng Cộng hòa năm 2012 Paul Ryan, Ezra Klein, người nghiêng về đảng Dân chủ, đã viết “tôi muốn chúng ta nghiêng ra sau để công bằng, để nhìn từ góc độ của Ryan, để làm rõ những luận điểm tốt nhất lẫn tệ nhất của ông ta.”¹¹ Klein muốn — với những lý do có thể hiểu được và có thể được xem là gương mẫu — thể hiện đức hạnh của sự công bằng.

Nhưng hoàn toàn không mấy ngạc nhiên khi được đánh giá trong vai trò kim chỉ nam cho người làm báo, những từ ngữ thay thế cho tính khách quan cũng gặp nhiều vấn đề. Chúng ta không thể “công bằng” với mọi thứ, giống như chúng ta chẳng thể nhìn thế giới theo cách tất cả mọi người khác nhìn. Dưới những giới hạn về không gian, thời gian, làm thế nào để chúng ta lựa chọn được vị thế về một vấn đề để từ đó có cách đối xử “công bằng” cho phù hợp? Liệu chúng ta có thể hiện “một cách công bằng” những quan điểm có thể đã dựa trên lỗi lầm hay sai lạc? Ezra Klein, rốt cuộc, cũng không tìm được nhiều điều để khen ngợi ở bài diễn văn bị phê phán rộng rãi của Paul Ryan.

Vì thế, liệu các nhà báo có ý thức về khía cạnh chính trị có thực sự “công bình”?¹² Sau đây là các bước mà Leonard Downie Jr. nói rằng ông đã làm để duy trì sự công bình hoặc vô tư¹³ ở vai trò biên tập viên cho tờ *Washington Post*: “Tôi không chỉ ngưng bỏ phiếu, mà thậm chí còn ngưng có những quan điểm riêng về các chính khách hoặc các vấn đề, để tôi có thể có được tâm trí hoàn toàn cởi mở khi giám sát các nội dung sẽ đăng của tờ báo.”¹⁴ Với hầu hết chúng ta, đó dường như là những điều rất nhọc nhằn, không thể nào làm nổi.

Và liệu việc nỗ lực đến như vậy đã đủ hay chưa? Có lẽ chúng ta ngăn được sự thiên vị về phía đảng Dân chủ hay Cộng hòa. Nhưng bất luận có bỏ phiếu hay không, có cẩn thận cách mấy để sàng lọc thái độ và kết luận của bản thân, thì chẳng phải hầu hết người Mỹ đều có chung một niềm tin, giữa thập niên thứ hai của thế kỷ 21, vào nền tư bản và dân chủ đại diện hay sao? Chẳng phải hầu hết chúng ta đều chia sẻ một thiên kiến hướng về phía lòng dũng cảm, từ thiện, ưa thích kinh doanh và chống lại những kẻ gian dối, ám muội, quan hệ tình dục với trẻ em,

hay sử dụng bạo lực (ngoại trừ những tình huống được chính quyền cho phép) hay sao? Làm thế nào mà người ta có thể thực sự tránh việc bị ảnh hưởng bởi các giá trị, tập tục và niềm tin của một tầng lớp xã hội, chứ đừng nói gì tới một thời điểm, một nơi chốn?

Và, giả sử mà điều đó khả thi đi nữa, liệu chúng ta có thực sự muốn các nhà báo mang tâm trí cởi mở *đến nhường đó*, những người hết sức “công bình” tới mức không cho phép chính mình có một quan điểm gì về các sự việc trong ngày? Blogger Matthew Yglesias giễu cợt “có cái ý niệm quái lạ rằng nhà báo lý tưởng phải là một người *thực sự không có quan điểm riêng*, như thể ‘dữ kiện’ là hoàn toàn trong suốt và có thể được tiếp nhận, xử lý, sau đó nhả ra dưới dạng thức kim tự tháp ngược mà không hề đi ngang qua đồng bần thiêu của ‘xét đoán’ hay ‘ý nghĩ về thế giới.’”¹⁵ Chẳng phải là cần có một suy nghĩ gì đó về chính trị thì mới viết được về chính trị dưới bất kỳ hình thức nào, trừ những hình thức vắn tắt nhất hay sao?

Chính xác hơn, bởi vì chẳng có mấy nỗ lực tột độ để thực hiện việc tách bạch về mặt tinh thần như Downie nói ông đã làm, liệu chúng ta có muốn hiểu về thế giới qua những con người nỗ lực không *để lộ* ra những ý tưởng lẫn đam mê của riêng mình? Liệu chúng ta muốn nghe về Cuộc chiến Iraq từ John Burns khi tham gia chương trình *Charlie Rose* và đã nói về những gì mình thực sự tin, hay John Burns của tờ *New York Times* với những đánh giá đã bị các biên tập viên lược đi, hay bởi chính nỗi sợ của anh ta về việc nói điều gì đó có thể bị nhầm lẫn là thiên kiến? Hồi năm 1986, một phóng viên chuyên mục tên Russell Baker của tờ *New York Times* đã thắng thùng đoạn tuyệt cách làm báo quá mức cẩn trọng, không chút xét đoán như vậy (nên

nhớ là hồi đó không có nhiều phong cách báo chí khác có thể thay thế nó tại Mỹ), ông ta gọi đó là “Cuộc chơi Không thiên vị Tẻ nhạt.”¹⁶

Hơn nữa, liệu chúng ta có muốn nhìn thế giới qua đôi mắt của những nhà báo mà, theo cách nói của Yglesias, “đang giả vờ là không có chủ kiến gì cả”? Các nhà báo thường có cơ hội để đánh giá một tình huống: một ví dụ điển hình là John Burns với vụ Iraq nói ở trên. Tại sao phải yêu cầu họ giả vờ rằng họ không có chủ kiến? Tại sao phải yêu cầu họ nuốt ngược những kết luận của mình vào trong? Một blogger tiếng tăm khác là Andrew Sullivan cho rằng “những dối trá sẽ biến thành ung nhọt” bất cứ khi nào “mọi người cảm thấy cần phải kiềm chế quan điểm thực sự của mình.”¹⁷

“Cân bằng” có lẽ là một tiêu chuẩn còn rắc rối hơn cho ngành báo. Nó đã là chủ đề của những cuộc tranh luận gay gắt gần đây, nhưng vài chục năm trước, Russell Baker đã nắm bắt được mấu chốt của cuộc tranh luận chống lại nỗ lực cân bằng giữa sự tự do và bảo thủ, kiện cáo và kiện ngược, luận đề và phản đề, có và không: “Một ví dụ kinh điển, một người tị nạn từ Đức Quốc xã đã xuất hiện trên truyền hình và kể những điều vô nhân đạo đang xảy ra tại quê hương của mình phải được nối tiếp sau đó bởi một phát ngôn viên Quốc xã nói rằng Adolf Hitler là phúc lành lớn nhất đối với loài người kể từ sau sự ra đời của sữa tiệt trùng.”¹⁸

Còn đây là một ví dụ thực tế, tiêu đề mà tờ *New York Times* in ngay trên một bài báo của AP ngày 4 tháng 7 năm 1952: “M’CARTHY & BENTON KIỆN QUA KIỆN LẠI.” Thượng nghị sĩ William Benton đang cố gắng khiến cho Thượng nghị sĩ Joseph McCarthy bị hất khỏi Thượng viện vì đã hủy hoại nhiều

sự nghiệp thông qua những cáo buộc bạo liệt, vô căn cứ về Cộng sản len vào chính quyền Mỹ khi đó. Lời đáp trả đầy cá tính của Thượng nghị sĩ McCarthy là việc nêu đích danh, không kém phần bạo liệt, “bảy cá nhân — ‘nguy hiểm đối với nước Mỹ’... những người đã phục vụ dưới trướng ngài Benton.”¹⁹ Thế nhưng, theo tờ *Times* và luật cân bằng — thứ đã được tuân thủ trong bài báo, chứ không chỉ tiêu đề — đây chỉ đơn thuần là một cuộc kiện tụng “trao đổi” mà thôi.

Giáo sư kinh tế, blogger Brad DeLong gọi đây là sự cưỡng bức phải cân bằng, ngay cả các thứ chính thống cũng phải xếp ngang với thứ “báo-chí-chủ-kiến-về-hình-dạng-trái-đất” đầy nực cười.²⁰ Nhà châm biếm Jon Stewart của *Daily Show*, bình luận trên CNN, đã gọi tên nó là dạng làm báo “để đó đi”. Ông nêu ra cách “các bên” cứ luân phiên bắt đồng quan điểm, hét vào mặt nhau trên các chương trình CNN suốt mấy phút, sau đó người dẫn chương trình — chẳng hề có nỗ lực kiểm tra hay đánh giá gì đối với các lập luận qua lại kia — đơn giản chỉ nói, “Chúng ta sẽ để mọi việc dừng ở đó.”²¹

Cái tên được đặt thường xuyên nhất cho cách làm “cân bằng giả dối” ngày nay là “báo chí *người ta nói*”.²² Một phe hoặc một nguồn tin, nói một đằng, rồi một phe hay nguồn tin có quan điểm khác lại bắt đồng ý kiến và nói khác. Nhờ đó, nhà báo đạt được sự “cân bằng”, không cần phải nỗ lực quyết định liệu “người ta” nào là đúng.

Một câu chuyện từ AP được Yahoo! News cùng vô số tổ chức tin tức khác đăng lại vào ngày 17 tháng 7 năm 2012 bắt đầu bằng một kiểu “người ta nói” như sau: “Các điều tra viên thuộc một đội cảnh sát tình nguyện của cảnh sát trưởng Arizona đã tuyên bố rằng giấy

khai sinh của Tổng thống Barack Obama chắc chắn là giả mạo.” Sau đó độc giả được đọc tiếp bốn đoạn tin nữa về các cáo buộc gây tranh cãi nói trên từ văn phòng của vị Cảnh sát trưởng Joe Arpaio. Phải đến đoạn thứ chín mới có một phiên bản mạnh mẽ “người ta nói” theo chiều ngược lại – hay, trong tình huống này, là “họ nói” – như sau: “Các quan chức Hawaii đã xác nhận hết lần này đến lần khác về quyền công dân của ông Obama, còn các quan chức liên bang thì đã xác nhận lần nữa vào hôm thứ ba.”²³ Một bác bỏ khác (cuối cùng) cũng được đưa vào. Thế là câu chuyện đã được “cân bằng”. Và bởi vì vị phóng viên AP này là “khách quan” hay “vô tư” hay “công bình”, anh ta sẽ không bao giờ nói công khai, nhất quán với chúng ta rằng các cáo buộc “nhân thân” của Tổng thống Obama như vậy đã bị bác bỏ một cách chắc chắn từ lâu rồi. Chúng ta không bao giờ được nhắc nhở rằng những người đưa ra những lời kết tội đó đã chui lủi xuống “mặt đất phẳng” kiểu giống như tuyên bố “Hitler là một phúc lành đối với loài người.” Thay vào đó, bài viết tạo ấn tượng như thể đây chỉ là một vụ tranh cãi chính trị nói qua nói lại điển hình, một tình huống mà bạn chẳng thể nào quyết định phía nào đúng, phía nào sai. “Chúng ta sẽ phải để mọi sự lại đó vậy.” Ngay cả khi hãng thông tấn AP tự giới hạn mình vào công việc tường thuật thông tin đi nữa, nó vẫn có thể làm việc này tốt hơn, và đã làm được tốt hơn (so với loại báo chí “khách quan” kiểu này – ND).

Có nhiều vấn đề với nỗ lực tạo cân bằng nơi hầu hết những nhà báo Mỹ truyền thống không-phân-biệt-đúng-sai, không-tin-vào-đúng-sai. Trước tiên, chắc chắn có một số lượng giới hạn chỗ ngồi trên chiếc bập bênh. Số lượng các vị trí được cân bằng là có giới hạn — thường chỉ là hai. Phạm vi thảo luận do đó sẽ bị giới hạn.

Thứ hai là, người ta sẽ cho rằng “sự thật” nằm ở đâu đó giữa hai quan điểm — trong tình huống này là một quan điểm cho rằng Tổng thống Obama có một giấy khai sinh hợp pháp, một quan điểm không cho là như vậy. “Truyền thông Mỹ luôn luôn có xu hướng cho rằng sự thật phải nằm ngay chính giữa hai quan điểm trái ngược nhau,” phóng viên chuyên mục Molly Ivins viết. “Do đó, nếu truyền thông đưa ra được một người nói rằng Hitler là một gã quái vật và một người nói rằng Hitler là một hoàng tử, thì truyền thông tin rằng họ đã làm tròn vẹn hết nhiệm vụ báo chí của mình.”²⁴

Jay Rosen từ Đại học New York — một trong những người phê phán gay gắt nhất “nền báo chí *người ta nói*” — tin rằng cách làm truyền thống chia-làm-đôi này san bằng mọi hiểu biết về chính trị: “Không có sự phân biệt nào giữa các đảng phái nào là tuyệt đối,” ông viết. “Tất cả đều là 50-50 hết. Bằng nhau. Công bằng và trái ngược nhau. Sạch sẽ, gọn gàng. Cân bằng một cách tinh vi.”²⁵

Nhưng vấn đề chính với một nền báo chí đặt trên sự cân bằng tự động, không suy nghĩ, như Jon Stewart nói, là nó quá dễ dãi, sẵn sàng “để đó đi.” Như thế là lười biếng. Nó giải thoát cho nhà báo khỏi mọi trách nhiệm phải quyết định liệu “người ta” nào nói sai. Một lần nữa, “dối trá mọc thành ung nhọt.” Thương thay cho nỗ lực mà một số nhà báo truyền thống sẽ *không* bỏ ra để tìm hiểu ai trong cuộc tranh luận đó có thể đã sai!

“Sự quy phục ‘công bằng’ là một sự quy phục quen thuộc nơi phòng tin,” Joan Didion* viết vào năm 1996, “lời ngụy biện khi

* Joan Didion (sinh năm 1934) là tác giả người Mỹ nổi tiếng với các tiểu thuyết và báo chí văn chương của bà.

làm nghề về kiểu đưa tin tự động.”²⁶ Cách làm báo của chính Didion — bà cũng viết tiểu thuyết và hồi ký — hiếm khi, thậm chí không bao giờ, cố gắng cân bằng cách xử lý một vấn đề của các bên khác nhau. Bà chỉ “công bằng” — sau khi đọc hoặc đưa tin rộng rãi — với sự thật theo đúng như cách bà trông thấy. Chẳng phải như thế giá trị hơn hay sao? Chẳng phải như thế giúp giải thích tại sao hàng tá câu chuyện được sản xuất bởi những tờ báo truyền thống thường lại không chứa đựng nhiều thông tin làm thay đổi quan điểm và mài sắc hơn những hiểu biết như những câu chuyện của bà sao?

Hãy để tôi tăng thêm chút cân bằng cho cuộc tranh luận về cân bằng này bằng cách trích dẫn từ nhà báo Paul Kane của tờ *Washington Post*. Kane đáp lại lời phàn nàn rằng các nhà báo không nhận thấy đảng Cộng hòa thường hay gây ra những bế tắc tại Quốc hội hơn là đảng Dân chủ: “Tôi nghĩ quan điểm này hoàn toàn vô lý và nực cười,” Kane tuyên bố trong một cuộc trò chuyện trực tuyến với độc giả vào tháng 11 năm 2011. “Hoàn toàn vớ vẩn. Nếu bạn muốn nghe ai đó nói với bạn rằng đảng Cộng hòa là đáng trách, hãy đọc các trang chuyên mục. Hãy đọc blog. Nếu bạn thực sự không muốn nghe gì về mặt bên kia của câu chuyện, tôi thực sự khuyến khích bạn nên ngưng đọc mục tin tức.”²⁷

Nghe cả phía bên kia của câu chuyện chắc chắn là điều quan trọng, nhưng, sau khi lắng nghe cẩn thận, thì phải chăng sẽ thật “ngu ngốc” nếu kỳ vọng “mục tin tức” — nếu vẫn có một mục như thế trên báo — giúp chúng ta nhận ra phe nào trên chiếc bập bênh có được lập luận nặng ký hơn?

Tất nhiên, thường thì cả hai phe đều có lý lẽ. Tất nhiên, những cuộc tranh luận như vậy thường chỉ là vấn đề về cách diễn giải

cùng một vấn đề. Tất nhiên, không phải lúc nào cũng chỉ có một đáp án đúng. Nhưng đôi khi đúng là như thế: Giấy khai sinh của Tổng thống Obama đã được ban hành và điều tra rất kỹ. Đôi khi có những lý do hợp pháp để nghe vài người nói rằng Obama không được sinh ra tại Hawaii: các cáo buộc râu ria theo sau đó không nên bị làm ngơ hoàn toàn. Nhưng một tuyên bố như vậy không nên được phát sóng hay đưa tin mà không làm rõ rằng các bằng chứng thiên về phía còn lại là rất mạnh mẽ, mạnh mẽ hơn rất nhiều. Vấn đề là, các phóng viên phải luôn sẵn sàng để ít ra là trả lời câu hỏi liệu hai bên tranh chấp có đang đưa ra được luận điểm hợp lý tương đương hay không: Liệu họ có bằng chứng không? Liệu phân tích của họ có vững chắc và liên lạc? Lập luận của họ có logic? Ở đây, phóng viên nên thực hiện việc “kiểm tra”, nếu chúng ta sử dụng lại cách dùng từ của Stephen Toulmin trong chương 1.²⁸

Thật vậy, để nói rõ hơn một chút, các phóng viên *nên* hỏi những câu hỏi như vậy, thực hiện những kiểm nghiệm như vậy. Thậm chí cả khi không có nhiều nguồn tin trái chiều mà chỉ đơn thuần trích dẫn tin từ một nguồn duy nhất, thì họ vẫn nên tự hỏi mình những câu tương tự. Sẽ là không đủ khi chỉ tường thuật lại điều “người ta nói” vì “người ta” có thể được chứng minh là sai, hoặc tự mâu thuẫn.

Hai phóng viên từ *Washington Post* đã bị tổ chức giám sát truyền thông tự do Media Matters kết tội về lỗi này năm 2009. Họ đã trích lời Thượng nghị sĩ Olympia Snowe phản đối việc đảng Dân chủ sử dụng quá trình thảo luận ngân sách với giới hạn thời gian (*reconciliation process*: một quá trình lập pháp ở Thượng viện Mỹ, theo đó các thảo luận liên quan đến ngân sách của một dự luật được giới hạn trong vòng tối đa 20 giờ đồng hồ – ND) để

né tránh quyền tranh cãi đến cùng (filibuster), dưới thời chính quyền Obama. Nhưng các phóng viên này đã không chú ý thấy rằng đảng Cộng hòa, bao gồm cả Thượng nghị sĩ Snowe, đã dùng phương pháp tương tự dưới thời chính quyền Bush.²⁹ Một trong những phóng viên bị kết tội trong vụ đó chính là Paul Kane. Nhưng ông ta không hề cảm thấy ăn năn, điều này thể hiện rất rõ ràng trong một cuộc trò chuyện trên mạng khác với độc giả: “Chúng tôi tường thuật điều mà bà Olympia Snowe đã nói, vâng đó chính là những gì mà bà ta đã nói. Đó là điều mà đảng Cộng hòa nói. Tôi thực sự không biết các bạn muốn gì nơi chúng tôi. Chúng tôi đâu phải những người đi viết lên quan điểm.”³⁰

Hãy để Matthew Yglesias trả lời Kane: “Điều mà chúng tôi muốn là liệu các ông có định trích lời ai đó nói những điều không chân thật không, các ông có tường thuật sự thật rằng [người phát biểu đó] đang nói dối trá không. Hoặc liệu trong tình huống mà các ông đang trích lời một người có tiếng là hay lớn lối chê bai, các ông có thông tin tới độc giả về bối cảnh rộng hơn của câu chuyện không... Bằng không thì, nếu làm theo những tiêu chuẩn của Kane, các ông có thể tạo ra cả một bài viết gồm đầy những trích dẫn chính xác từ những người dối trá, và cuối cùng sẽ thông tin toàn những điều sai trái tới độc giả của các ông.”³¹

“À phải,” Alec MacGillis chế nhạo trên tờ *New Republic* vào tháng 7 năm 2012 sau khi thêm một nhà báo không nhận ra nổi một vụ xuyên tạc thông tin trong một chiến dịch chính trị, với lời nguy biện rằng đó chỉ là một phần của việc đấu đá chính trị, “giả như có người làm công việc *kêu gọi* phát giác sự thật về những điều như thế, cung cấp một bối cảnh cho cử tri. Để tôi xem nào, hẳn chúng ta phải nghĩ ra được người nào chứ, có thể

là một chuyên gia gì đó, giống như một nhà nghiên cứu nhưng cũng đồng thời là một chuyên gia truyền thông.”³²

Vấn đề là ở chỗ sự khách quan, công bằng, vô tư và cân bằng — tôi không chắc việc bạn chọn dùng từ nào thì có khác biệt gì không — đôi khi có thể được dùng như lời ngụy biện cho các phóng viên để không phải làm điều mà họ nên làm, những lời ngụy biện để *không phải làm công việc của mình*. Điều đó có thể là lập luận tốt nhất chống lại sự nhiệt thành không ngừng đối với các tiêu chuẩn đó.



Và một số hành vi làm báo đáng nghi vấn thường xuất hiện. Sự ngần ngại thể hiện chủ kiến qua việc thực sự đánh giá một tuyên bố hoặc chính sách khiến nhà báo — họ dần xem bản thân là “lính gác cửa” — chỉ còn lại một phạm vi cực hẹp khi lên án điều gì đó. Duy trì sự khách quan mà họ trân trọng, âm thanh hiểu chiến duy nhất mà họ biết và có thể phát ra là “bất được rồi nhé!” Họ chỉ còn biết nhảy chồm lên trước những sai sót đã quá rõ ràng mà thôi.

Giờ thì “bất được rồi nhé!” là một bài tập về làm báo có truyền thống lâu đời. Nó ít nhiều hiện hữu trong điều mà Matthew Yglesias đã kêu gọi Paul Kane và vị phóng viên *Washington Post* nọ nên làm khi trích lời phản đối của Thượng nghị sĩ Olympia Snowe với đảng Dân chủ lạm dụng quá trình thảo luận ngân sách với giới hạn thời gian: chỉ ra rằng chính bà thượng nghị sĩ đã ủng hộ khi đảng Cộng hòa sử dụng nó. Thực vậy, việc bất lỗi thường có truyền thống được ngụy trang. Ít nhiều, điều đó hiện

hữu trong cách làm của Bob Woodward và Carl Bernstein với cuộc điều tra Watergate.* Tổng thống Richard Nixon cùng một số người làm việc cho ông đã phạm những lỗi mà giờ đây đã có vẻ rõ ràng là vi hiến. Trong vụ này, như hầu hết các phóng sự điều tra thành công, hành vi sai trái bấy giờ và hệ quả sau đó đều bị vạch trần. Trong trường hợp Thượng nghị sĩ Snowe, chắc chắn họ có thể tranh luận rằng thói đạo đức giả của bà ta cũng nên bị vạch ra như thế. Nhưng sự thôi thúc tấn công của vị nhà báo đường như có vẻ thô lỗ, thậm chí có hại, khi lỗi vi phạm ở đây là không đáng kể.

Điều này chắc chắn cũng xảy ra thường xuyên trong nền báo chí có bày tỏ quan điểm, nhưng dường như cũng được khuyến khích bởi các nguyên tắc về khách quan. Một nhà báo truyền thống sẽ e sợ việc đặt nghi vấn với giá trị của một vị thế, rồi cuộc chỉ còn vén màn một số mâu thuẫn nho nhỏ của người ở vị thế đó. Tim Russert quá cố, người dẫn chương trình lâu năm của chương trình *Meet the Press* trên kênh NBC, là một bậc thầy về kiểu bắt lỗi “bắt được rồi nhé”: ông ta lựa ra và cho chiếu

* Bob Woodward (sinh năm 1943) là phóng viên báo chí, làm việc cho tờ *The Washington Post* từ năm 1971 và hiện là biên tập viên của báo này. Carl Bernstein là nhà văn, nhà báo Mỹ, sinh năm 1944. Ông đã học Đại học Maryland (nhưng không tốt nghiệp). Ông làm ký giả cho báo *The Washington Post*. Năm 1972, Bob Woodward cùng Carl Bernstein thực hiện nhiều điều tra, nhưng không phải tất cả các tin tức gốc về vụ Watergate. Vụ bê bối này đã dẫn đến nhiều điều tra của chính quyền và dẫn đến sự từ chức của tổng thống Richard Nixon. Gene Roberts, cựu biên tập chính của *The Philadelphia Inquirer* và cựu tổng biên tập của *The New York Times* đã gọi công việc của Woodward và Bernstein “có lẽ là nỗ lực báo chí đơn lẻ vĩ đại nhất mọi thời đại.”

lên màn hình các tuyên bố mâu thuẫn với nhau mà một chính khách mắc phải, thường là chúng cách nhau một quãng thời gian — như thể sự nhất quán tuyệt đối là cách đo lường chính xác về giá trị của một chính khách vậy. Có lần ông ta “bất giờ” được ông Barack Obama (khi đó còn là Thượng nghị sĩ) vào tháng 10 năm 2006:

Russert: Nhưng đứng ra thì ngài đang nghĩ về việc tranh cử tổng thống vào năm 2008?

Obama: Đúng rồi.

Russert: Vậy khi ngài nói với tôi hồi tháng 1 rằng “tôi sẽ không làm việc đó,” thì sao? Bây giờ thì lời đó không còn hiệu lực nữa phải không?³³

Bất được ông thượng nghị sĩ rồi nhé! Và có lẽ ngài Obama xứng đáng bị bắt lỗi mâu thuẫn. Nhưng mâu thuẫn đó có vẻ không mấy đạo đức giả và chẳng có gì là ác ý!

Không khó bắt gặp một vị quan chức hay ứng cử viên chính phủ tổ chức một buổi họp báo hay tham gia một cuộc tranh luận trình bày các ý tưởng chính sách quan trọng, nhưng cánh nhà báo không mấy chú ý tới những ý tưởng đó. Thay vì vậy, họ chăm chăm tập trung vào một số cách nói thất sách mà vị quan chức hoặc ứng cử viên xui xẻo phạm phải — các lỗi nhỏ xíu: Tổng thống Gerald Ford nói vào năm 1976 rằng “không có chuyện Liên Xô chiếm Đông Âu” là một ví dụ, hoặc Tổng thống Barack Obama nói về nền kinh tế suy yếu hồi năm 2012 “Khối tu nhân vẫn ổn.”⁴ Ô này, bất được ông rồi nhé!

Vâng, việc giới chính khách tự mâu thuẫn với mình hoặc phát biểu những lời ngốc nghếch cũng là một loại tin tức, tin về việc

họ không thể tránh được những lời vớ vẩn. Nhưng Tổng thống Ford biết rõ tình hình của Đông Âu, và Tổng thống Obama thì biết rõ nền kinh tế — cả khu vực công lẫn khu vực tư nhân — đang sa sút. Và những lần lơ lờn như vậy của họ thường có vẻ thu hút được rất nhiều chú ý đến mức chẳng còn mấy không gian, thời gian còn lại trên báo chí cho việc tranh luận về các quan điểm chính sách thực sự.

Báo chí truyền thống không chỉ *sàng lọc* điều mà nhà báo được nói, mà còn *sàng lọc* cả quan điểm về thế giới mà họ đưa ra: đôi khi khiến cho các cuộc tranh chấp chính trị trông có vẻ cân bằng hơn thực tế, đôi khi biến các cuộc tranh luận phức tạp về chính sách thành những bế tắc giữa các đảng phái cạnh tranh, đôi khi giảm nhẹ các cuộc tranh luận về chính sách thành những tin vụn vặt kiểu “bắt được rồi nhé!” Sự khách quan, công bằng, vô tư và cân bằng trong báo chí có thể giới hạn khả năng của chúng ta trong việc hiểu biết thế giới thông qua báo chí.



Tuy nhiên, giảm sự thành tâm đối với những tiêu chuẩn rắc rối đó không hề đồng nghĩa với việc loại bỏ chúng hoàn toàn (chương tiếp theo sẽ nhấn mạnh ý này). Các giá trị khác mà tôi nói đến trong cuốn sách này — trung thực, sự thật, lý do, thấu hiểu — cũng kéo theo, ít nhất là dưới những dạng thức chân phương nhất, các vấn đề về triết học, nhưng chúng vẫn đóng vai trò quan trọng trong ngành báo chí. Sự khách quan, công bằng, vô tư và cân bằng cũng vậy, nhưng chúng phải được xem như những phẩm chất, đức hạnh của báo chí, hơn là những giới luật

buộc người ta phải tuân thủ. Chúng ta sẽ phải duy trì cảnh giác đối với sự biến chất của chúng. Chúng không được phép dùng làm lời nguy biện để loại bỏ lý lẽ và đánh giá. Và chúng không nên bị biến thành chiếc búa để vùi dập những điều khác, đôi khi là những nỗ lực chân thành hơn để nêu lên sự thực hoặc cách hiểu vấn đề.

Sự cởi mở với các quan điểm khác vẫn luôn là một tố chất tốt. Phát sóng các ý tưởng trái ngược nhau là điều hữu ích và gây kích thích. Các kiểu truyền thông khoa trương không công bằng, không cân bằng, chối từ sự thật thì đóng góp rất ít — điều này được minh họa mỗi ngày bởi các đài phát thanh, truyền hình cáp và internet đang dần dần tiến vào lãnh địa mệnh mông của báo chí. Nói rõ ra thì chương này không đòi hỏi thêm về nền báo chí không phe phái mà Whitelaw Reid đang cố gắng vượt qua.

Dưới đây là lập luận của Jay Rosen rằng tính khách quan có thể được chuyển từ một hạn chế về nhận thức luận trong báo chí thành một nguồn sức mạnh:

Nếu sự khách quan nghĩa là cố gắng chứng minh sự thật với những dữ kiện có thể xác minh được, thì tôi hoàn toàn ủng hộ. Nếu điều đó nghĩa là công nhận có một sự thật “khó khăn” ngoài kia tồn tại bất chấp mọi miêu tả về nó, thì tôi ủng hộ. Nếu khách quan đồng nghĩa với yêu cầu thừa nhận điều tồn tại khách quan, thì tôi mong các nhà báo có thể khách quan theo nghĩa đó. Bạn không muốn vậy sao? Nếu điều đó nghĩa là cố gắng nhìn mọi thứ từ một góc độ trọn vẹn hơn... lùi camera lại, để thấy rằng góc nhìn ban đầu của bạn chỉ là một trong số rất nhiều góc nhìn — thì tôi làm ngay. Nếu nó đồng nghĩa với sự đấu tranh để vượt lên khỏi góc nhìn hạn hẹp mà trải nghiệm và

học vấn đã giới hạn chúng ta... thì chúng ta cần điều đó nhiều hơn, chứ không phải ít đi. Tôi nghĩ rằng có một giá trị nơi những hành vi miêu tả mà không nỗ lực nói rằng điều được miêu tả đó là tốt hay xấu. Đó có phải là sự khách quan không? Nếu là phải, thì tôi hoàn toàn ủng hộ.³⁵

Nếu có quá nhiều điều tích cực tiềm tàng trong đó, phải chăng sự khách quan trong báo chí truyền thống có thể được duy trì đơn giản bằng một chút điều chỉnh? Điều chỉnh trước nhất mà hầu hết những nhà phê bình, bao gồm cả Rosen, giờ đây đang kêu gọi là: xác minh các cáo buộc kỹ hơn: gọi lời dối trá là dối trá nhiều hơn, ứng dụng các lý lẽ nhiều hơn, trung thực hơn khi nói về những xuyên tạc và đạo đức giả.

Trong chiến dịch tranh cử tổng thống năm 2012, bất chấp quyền lực không ngừng của vị Cảnh sát Khách quan, báo chí vẫn có những ví dụ ấn tượng và đầy bất ngờ. Một trong số đó xuất hiện trong một dòng tin trên *New York Times*. Chỉ là một từ — một từ khắc nghiệt — không thường xuất hiện trên các trang của báo này nếu không được chỉ định: “Chiến dịch tranh cử của phe Romney đang phát sóng một mẫu quảng cáo kết tội một cách sai lầm rằng ông Obama đã ‘lặng lẽ tuyên bố’ lên kế hoạch loại bỏ các yêu cầu về công việc và huấn luyện công việc đối với những người đang thụ hưởng phúc lợi.” *New York Times* không viết là “điều mà một số nhà phê bình cho là kết tội sai lầm.” Một ví dụ khác xuất hiện trên những trang tin của tờ *Los Angeles Times* — mà lại còn ngay trên tiêu đề: “Rick Santorum lặp lại những cáo buộc không chính xác về vấn đề phúc lợi để tấn công Obama.”³⁶ Họ không viết “điều mà Đảng Dân chủ tuyên bố là không chính xác.”

Việc cả hai ví dụ trên cùng nhắm tới một cáo buộc dễ dàng bị công kích khiến chúng ta khó xem đây là một xu hướng. Nhưng dù sao thì những trường hợp này chắc chắn đã thể hiện tiến bộ rất lớn, vượt khỏi cách làm báo “người ta nói” theo thói quen để lâu lâu trở thành cách làm báo “ông ta / bà ta nói, nhưng nói sai”. Ít nhất, trong những dịp này, báo chí đã tạm biệt kiểu ám chỉ nhẹ nhàng “một số nhà phê bình”, hay cách viết mờ lung không rõ ràng về những cáo buộc qua lại mà chúng ta đã thấy trong các ví dụ ở những đoạn trên.

Nhưng cho dù nó có thực sự lan rộng đi nữa, thì cải tiến này đối với các phương pháp truyền thống, dù hữu ích nhưng vẫn là chưa đủ.

“Tôi nghĩ tính khách quan thực sự rất quan trọng và là một mục tiêu để nỗ lực đạt đến,” Nicholas Lemann, khi đó là trưởng khoa Báo chí sau đại học của Đại học Columbia, tuyên bố năm 2008. “Và việc mọi người không thể đạt được nó không đồng nghĩa với việc nó nên bị vứt bỏ khỏi danh sách mục tiêu.”³⁷ Đúng vậy, sự khách quan, công bằng, vô tư lẫn cân bằng không phải là những phẩm chất không tốt trong báo chí — miễn là người ta phải nhận ra và giải quyết được những hạn chế của chúng. Nhưng nếu xem đây là vai trò “mục tiêu” cho báo chí, thì thậm chí ngay cả một sự khách quan tân tiến, có ý thức hơn như thế này vẫn có vẻ chưa đủ lớn lao.



Vậy ngành báo chí nên nỗ lực đạt đến điều gì đây?³⁸ Trong chương 1, tôi nhắc lại lần nữa, theo cách nói của Benjamin

Franklin, rằng ngành báo chí nên cải thiện *kiến thức* của nó về các sự kiện đương thời. Hãy xem liệu cách hiểu đó về mục đích của báo chí — điều là trung tâm của lời kêu gọi về một nền báo chí trí tuệ — có thể áp dụng được với một trong những thành tựu đáng tự hào nhất của báo chí Mỹ hay không.

Đây là lời bình luận của Carl Bernstein vào năm 2010 về điều ông và Bob Woodward cố gắng đạt được từ vụ điều tra Watergate mà họ thực hiện ở vai trò nhà báo của *Washington Post* trong thời gian 1972-1974: “Mục tiêu của chúng tôi là phiên bản *tốt nhất có thể có được* của sự thật.”³⁹ Chắc chắn điều đó — rõ ràng là đủ tiêu chuẩn — là một mục tiêu hợp lý.

Sự thật có thể có hai ý nghĩa trong báo chí. Hai ý nghĩa đó có liên quan tới nhau, nhưng vẫn cần phải phân biệt. Thứ nhất, *sự thật* nghĩa là không giả. Nó đồng nghĩa với điều được nói là theo đúng thực tế, đúng dữ kiện, hay — theo cách nói ít màu mè kiểu triết học hơn — đúng với điều được hiểu về sự việc. Đây chính là dạng sự thật mà tôi nói trong chương 1, theo cách của John Searle, rằng cần thỏa mãn các “điều kiện của sự thật” trong những lời khẳng định của báo chí.⁴⁰ Sự thật này củng cố toàn bộ ngành báo chí, và tất cả những hình thức phi hư cấu (non-fiction) có trách nhiệm khác. Nó có nghĩa là các tình huống, biến cố, chi tiết — trừ khi được thể hiện là giả định, hư cấu hay nói theo nghĩa bóng — là hoàn toàn thật, không được sáng chế ra (như trong các tác phẩm hư cấu), hoặc thậm chí không thể bị tô vẽ hay phán đoán. Hãy nhớ một tuyên bố của Aristotle: “Cần thiết phải có những sự thật thuộc về chủ đề đó.”⁴¹

Cách hiểu này về sự thật — tức không có sự gian dối — chính là căn nguyên của ám ảnh cao quý của báo chí truyền thống

đối với sự chính xác. Như tôi đã cố gắng làm rõ, báo chí trí tuệ cũng nên chia sẻ nỗi ám ảnh đó. Góc nhìn về sự thật này cũng được đề cao trong nửa đầu ý kiến của Jay Rosen về những khía cạnh có giá trị của tính khách quan. Nó cũng là một phần mà Bernstein nói tới khi cố gắng giải thích “khách thể” của cuộc điều tra Watergate.

Như Bernstein đã ám chỉ đầy thông minh thông qua việc sử dụng từ *tốt nhất có thể có được*, ngay cả dạng sự thật này cũng có thể rất tương đối — chúng ta không bao giờ có được cái nhìn hoàn toàn rõ ràng vào hiện thực, sự thật luôn luôn là thứ nhạy cảm đối với sự tiếp nhận của con người, những hiểu biết về tình huống có thể thay đổi khi có thêm thông tin. Nhà báo nỗ lực để lấp ráp lại thành một “phiên bản” đáng tin cậy hơn về sự thật trong quá trình xây dựng một bài báo. Các nhà sử học kiểm soát từ việc chỉnh sửa cho đúng những phiên bản đó. Nói gì đi nữa thì quá trình hướng đến sự thật, theo nghĩa này, cũng là thiết yếu đối với ngành báo chí. Nó đòi hỏi rằng thông tin có thể được kiểm chứng *phải* được kiểm chứng — kiểm tra và xác nhận càng thấu đáo càng tốt. Nó đòi hỏi rằng “chứng có” cần thiết và phù hợp phải được đưa ra. Sự thật, theo nghĩa này, là điều mà các nhà báo — tất cả các nhà báo — phải làm sao để nắm được cho *đúng*.

Nhưng sự thật cũng là điều mà những nhà báo giỏi nhất phải nỗ lực để nắm *được*. Đây là ý nghĩa báo chí thứ hai của *sự thật* — điều thường bị che khuất hoặc giấu đi. Đây là sự thật đằng sau những sự kiện, sự thật vượt khỏi điều chúng ta đã biết. Ngành báo chí, phần đông, không theo đuổi dạng Sự Thật (viết hoa) mà những tin đồn — những ai được dẫn đường chủ yếu bởi niềm tin — tuyên bố. Ngược lại, những nhà báo giỏi nhất — được dẫn

đường bởi kinh nghiệm, sự quan sát, kiểm tra, và xét đoán có cân nhắc, tận dụng chứng cứ — nỗ lực để *vạch trần* những sự thật viết thường.

Trong “Những bức thư từ một điền chủ ở Pennsylvania” John Dickinson không chỉ muốn nói đúng những dữ kiện. Ông còn muốn vạch trần sự thật rằng Đạo luật Townshend cũng là một sự vi phạm quyền lợi của các thuộc địa Mỹ chẳng khác gì Đạo luật Tem. Woodward và Bernstein hết sức mong muốn gắn kết tất cả dữ liệu lại cho đúng, nhưng “mục tiêu” chính của cuộc điều tra của họ là nhằm vạch trần sự thật đằng sau cuộc đột nhập Watergate và về sau là sự thật rằng chiến dịch tái đắc cử của Tổng thống Richard Nixon và chính quyền đều đã vi phạm pháp luật. Sự thật này không chỉ được xác minh, mà còn được tiết lộ — đôi khi thông qua điều tra đầy gan góc, đôi khi thông qua sự diễn giải để người khác tiếp nhận.

Dạng sự thật phái sinh thứ hai này thậm chí còn hiếm thấy hơn, kiểu những *phiên bản* của Bernstein: những phiên bản về các điều sai trái của Nixon đã bị vạch trần qua nhiều thập niên khi chứng cứ mới được hé lộ hoặc cách diễn giải mới xuất hiện, bao gồm cả một bài viết của chính Woodward và Bernstein cho tờ *Washington Post* vào năm 2012 dưới tiêu đề “Nixon còn tệ hơn nhiều so với điều chúng ta nghĩ.”⁴² Các nhà sử học chắc chắn thấy được những ý nghĩa mà các nhà báo bấy giờ đã bỏ lỡ. Nhưng dạng sự thật thứ hai này — ngay cả khi nó chỉ là tạm thời — là một trong những mục tiêu cao cả nhất của báo chí.

Thật vậy, cả hai dạng ý nghĩa này về sự thật đều có vẻ không thể tách rời khỏi kiến thức. Như một quy luật, nếu thông tin không đúng thì kiến thức về những sự kiện đương thời sẽ không

được phát triển thêm gì hết. Nhưng lại rất hữu ích khi làm tăng kiến thức về sự kiện đương thời nếu điều tra hay diễn giải hé lộ những khía cạnh quan trọng bị che giấu về các sự kiện đó.

Trong cuộc điều tra Watergate, Woodward và Bernstein theo đuổi những sự thật mang tính “phơi bày” theo đúng phong cách báo chí truyền thống: họ bám rất sát vào những sự thật hiển nhiên. Họ thể hiện nỗi ác cảm với việc bình luận và rất trung thành với điều mà các nguồn tin “nói”.

Đây là đoạn đầu trong bài báo đầu tiên mà Woodward và Bernstein cùng viết về vụ này: “Một trong năm người đàn ông bị bắt vào sớm ngày thứ bảy khi đang nỗ lực đột nhập trụ sở văn phòng đảng Dân chủ (ở khách sạn Watergate – ND) là điều phối viên an ninh làm công ăn lương thuộc ủy ban tái cử của Tổng thống Nixon.” Tám đoạn tiếp theo của câu chuyện đều hoàn toàn tập trung vào động từ *nói*. (Hồi 1972, các trang tin tức của *Washington Post* còn trung thành với việc ghi chép lại những lời bình từ các nguồn tin hơn cả ngày nay.) Trích dẫn sau thuộc đoạn thứ ba trong bài viết: “Trong một tuyên cáo được đưa ra tại Los Angeles, [cựu Bộ trưởng Tư pháp John N.] Mitchell [người đứng đầu Ủy ban Tái cử của tổng thống] nói rằng McCord cùng bốn người còn lại bị bắt tại trụ sở đảng Dân chủ hôm thứ bảy ‘không hành động nhân danh chúng tôi hay dưới sự đồng ý từ chúng tôi’ trong nỗ lực bị cáo buộc kia.”⁴³

Nghe những điều mà các cá nhân có địa vị như “chủ tịch đảng Cộng hòa”, “các nguồn tin từ cảnh sát”, “các nguồn tin thân cận với cuộc điều tra”, “một nguồn tin cao cấp trong đảng Dân chủ”, và Mitchell “nói” cũng như điều mà Nhà Trắng không nói sẽ có giá trị chứng minh rất lớn trong việc thúc đẩy cuộc điều tra

này. Tất nhiên, khi kết nối cùng nhau, cùng các cuộc điều tra từ Quốc hội và bên tư pháp, truyền thông đã đóng tròn vai trò của nó trong việc vạch trần những tội lỗi trong vụ Watergate thông qua những bản tường thuật chậm rãi, cần mẫn, đầy kịch tính mà các nguồn tin hé lộ.

Với sự giúp đỡ của những cá nhân có thân phận công khai hoặc thâm sâu, báo chí trong vụ này đã đạt được một phiên bản sự thật ấn tượng và gây sốc. Cuối cùng, Tổng thống Nixon phải từ chức. Nhưng còn có những cách khác để đạt được những sự thật mang tính phơi bày, vạch trần, những cách thức trực diện hơn. Cuộc điều tra Watergate ở góc độ nào đó chính là thời khắc tuyệt vời nhất của báo chí truyền thống Mỹ. Nhưng những hình thức khác của báo chí Mỹ cũng có thể nổi lên sau này — một số có lẽ còn hiệu quả hơn.

Sự ác cảm với việc thể hiện quan điểm thái quá là rất mạnh mẽ và rõ ràng trong những bài tường thuật ban đầu của Woodward và Bernstein. Thế nhưng một quan điểm được triển khai khéo léo cũng có thể dẫn tới “phiên bản trọn vẹn nhất của sự thật” — sự thật bị che giấu. Biết đâu cuộc điều tra Watergate sẽ nhanh hơn nếu khi đó có những blogger theo dõi và bàn luận hàng ngày hàng giờ, trong những bài viết hay trên Twitter, về những thiếu sót hay sơ sài của những thông tin từ các nguồn khác nhau? Biết đâu cuộc điều tra đã tiếp diễn nhanh hơn nếu các nhà báo được tự do hơn để khám phá những kịch bản khác nhau của những gì đã thực sự đã xảy ra?

Peter S. Goodman, phóng viên kinh doanh và kinh tế đã được trích dẫn trong chương trước, gần đây đã rời tờ *New York Times* để làm cho trang web có nhiều chủ kiến hơn là *Huffington Post*.

Đây là một trong những lý do Goodman giải thích cho việc chuyển từ một tờ báo truyền thống có tầm ảnh hưởng cao nhất sang một dạng thức báo chí khá mới mẻ: “Với tôi đó là một cơ hội để viết một cách có chủ kiến,” Goodman nói với Howard Kurtz. “Các ý niệm phổ biến cũ về công bằng khiến cho việc nói trực tiếp với độc giả về điều đang xảy ra là rất khó khăn.”⁴⁴ Phiên bản *tốt nhất có thể có được* của “điều đang xảy ra” thường bao gồm một chủ kiến, một quan điểm trong đó.

Đây là đoạn Goodman viết cho *Huffington Post* vào tháng 8 năm 2012:

Hãy để chúng tôi phỏng đoán rằng Bộ Tư pháp rất muốn truy tố Goldman Sachs vì những giao dịch mờ ám của tập đoàn này trong các vụ rao bán tài sản thế chấp đầy độc hại giữa giai đoạn bùng nổ bất động sản, hơn là chỉ đưa ra tuyên cáo vào tối thứ năm với ý chính là, “Đừng bận tâm, cứ tận hưởng khu Hamptons đi.”*

...Giá như các công tố viên tại Bộ Tư pháp có thể làm một vụ ra trò — một vụ đủ sức đẩy vài gã của Goldman vào sau chấn song nhà tù — thì họ đã làm thế rồi, bởi ảnh hưởng tiêu cực của việc này là khá nhỏ bé. Một chiến thắng hoành tráng cho các công tố viên có thể sẽ rất hữu ích.

Cũng logic đó giải thích được rộng hơn lý do tại sao gần như tất cả những nhân vật phản diện được hưởng lợi từ việc ngược đãi những người đóng thuế, người lao động, người nghỉ hưu và chủ sở hữu nhà, rồi lại được thoát thân bình an vô sự: Các công tố viên chẳng thể xoay sở đánh được một vụ có cơ hội thắng đủ nhiều.

* Nguyên văn “enjoy the Hamptons”: Hamptons là một khu vực ở Long Island, New York, nổi tiếng với những bất động sản để ở với giá rất cao – ND.

Tất cả những điều này nghĩa là có điều gì đó sơ suất nghiêm trọng trong luật pháp và chế tài, khiến cho cuộc khủng hoảng tài chính lớn dần tới mức này.⁴⁵

Trên tờ *Huffington Post*, Goodman được phép “phỏng đoán”, để tranh luận điều mà mọi người “lẽ ra sẽ làm”, gọi một số người ẩn danh là “phản diện”, sử dụng các động từ như *ngược đãi* và dùng từ theo kiểu thú vị như “Đừng bận tâm, cứ tận hưởng khu Hamptons đi.” Ông cũng có thể làm rõ “logic giải thích” điều gì và đưa ra quan điểm của mình về “ý nghĩa” của sự việc. Đây là những bước rời khỏi sự khách quan được định nghĩa trong báo chí Mỹ truyền thống. Thế nhưng chúng lại có thể, nếu được thực hiện một cách thông minh, là những bước tiến về phía sự thật được phơi bày — về điều thực sự “đang xảy ra” hoặc diễn biến thực sự của sự việc.

Ngoài ra, phân tích của Goodman còn cung cấp nhiều hơn dạng ý nghĩa kia về sự thật: nó cung cấp sự thấu hiểu (insight). Thấu hiểu (theo cách dùng từ của Felix Salmon trong chương trước⁴⁶) đo lường sự am tường (discernment) và chất lượng của một góc nhìn (perspective) — cụ thể là sự độc đáo, thích đáng, sáng suốt của góc nhìn đó. Trong ví dụ trước, Goodman cố gắng giúp chúng ta nhìn thất bại trong việc truy tố dưới một góc độ khác: một thất bại của chế tài luật pháp. Chắc chắn những thấu hiểu như vậy cũng là dạng kiến thức quan trọng.

Nếu bạn cho phép tôi nhận xét thêm về các đoạn viết tốt nhưng không hoàn toàn xuất sắc của Goodman, tôi sẽ nói rằng những giải thích, tiết lộ, thấu hiểu của chúng đem lại sự hiểu biết (understanding). Và trong những phẩm chất tôi đã nhắc tới, *sự hiểu biết* có thể là thứ gần nhất với kiến thức (knowledge), nó đo

lượng mức nắm bắt một tình huống mà một tác phẩm báo chí và độc giả của nó đạt được. Thấu hiểu và hiểu biết đủ điều kiện trở thành các “mục tiêu” của báo chí — các mục tiêu quan trọng hơn là giữ vững tính khách quan, tôi cho là như vậy. Tại sao các nhà báo không nên tập trung vào sự thấu hiểu — song song với sự thật — trước khi tôn thờ những tiêu chuẩn thiếu sót và giới hạn hơn như là *tính vô tư* hay *cân bằng*, khi những tiêu chuẩn này có thể hoặc không thể đóng góp được gì cho kiến thức?

Một số nỗ lực tìm kiếm sự khách quan, mà theo Jay Rosen* có thể có giá trị, chắc chắn sẽ hữu ích trong việc đạt được sự thấu hiểu: ví dụ như việc cố gắng mở rộng góc nhìn của bạn. Nhưng chẳng phải sự thấu hiểu thường bắt nguồn từ một góc nhìn hợp lý, có căn cứ, nhưng có chủ đích đó sao? Lịch sử báo chí đầy rẫy các ví dụ về những quan điểm dựa trên sự thật (fact-based opinion) — từ “Đây là thời đại thử thách linh hồn con người” của Thomas Paine tới “Tôi buộc tội..!”⁴⁷ của Émile Zola — những người kết hợp chủ kiến với những dữ kiện khách quan trong cách hiểu về thế giới của họ.

Độc giả các bài báo của Woodward và Bernstein viết cho *Washington Post* — qua thời gian — đã có được những thấu hiểu về điều xảy ra đằng sau vụ đột nhập trụ sở đảng Dân chủ, họ có được — qua thời gian — hiểu biết về những hành vi sai trái của Ủy ban Tái cử của tổng thống và chính quyền Nixon. Đây là một loạt bài báo phi thường. Nhưng những lập luận tương tự của Peter Goodman trên báo *Huffington Post* —

* Jay Rosen (sinh năm 1956) là nhà phê bình truyền thông, tác giả, và giáo sư về báo chí tại New York University.

rất sâu sắc, nếu không nói là rất phi thường — thường có thể truyền đạt được sự thấu hiểu và hiểu biết hiệu quả hơn, với khoảng thời gian ngắn hơn.

Goodman đưa ra lời giải thích cuối cùng cho quyết định rời khỏi *Times* để sang *Huffington Post*: “Đây là một cơ hội để tôi khám phá các giải pháp trong những bài viết về kinh tế của mình,” ông nói với Kurtz. Một bài viết vào tháng 6 năm 2012 của Goodman trên *Huffington Post* đưa ra một ví dụ về “báo chí giải pháp” (solutions journalism) — một cụm từ tôi mượn từ David Bornstein* như sau:⁴⁸

Bất cứ ai đang chờ đợi Washington sửa chữa... các vấn đề đường như sẽ phải chờ đợi khá lâu...

Nhưng trong khi trung tâm của chính quyền quốc gia gần như bất lực, những con người sáng tạo ở khắp mọi nơi đang ngày càng nắm lấy các vấn đề, đưa ra những giải pháp tân tiến cho các vấn đề gây nhiều tranh cãi đang xé nát cộng đồng của họ. Tại khu vực Cincinnati, một pháp nhân được biết đến dưới tên gọi Strive Partnership — một tập hợp khoảng 300 đơn vị gồm cơ quan dịch vụ của địa phương, tổ chức phi lợi nhuận, cơ quan xã hội, các quỹ, khu học chánh, trường đại học và doanh nghiệp tư nhân — đã tổ chức chuẩn bị, đào tạo cho thanh niên trong khu vực các kỹ năng cần thiết để khởi đầu sự nghiệp được thành công.⁴⁹

Con người sắc sảo vĩ đại của thời kỳ đầu thế kỷ 20 Lincoln Steffens cũng có các “giải pháp” trong đầu — dù đó dường như

* David Bornstein là nhà báo và tác giả chuyên viết về cải cách xã hội, một phong cách gọi là báo chí giải pháp (solutions journalism). Ông là người sáng lập dowser.org, trang web chuyên đưa tin về cải cách xã hội.

là một cách miêu tả ngớ ngẩn về điều mà ông theo đuổi trong các điều tra không chút nao núng và khách quan về tham nhũng ở các thành phố Mỹ. Steffens tiết lộ nhiều sự thật và thu thập nhiều dữ kiện trong những cuộc điều tra đó. Tuy nhiên, trong bài giới thiệu cho quyển sách xuất bản năm 1904 *The Shame of the Cities* (*Sự xấu hổ của các thành phố*), trong đó có thu thập những dữ kiện nói trên, Steffens viết: “Tôi không thu thập tất cả dữ kiện một cách thờ ơ rồi chỉ kiên trì sắp xếp chúng nhằm bảo quản lâu dài hay phân tích trong phòng thí nghiệm. Tôi không muốn bảo quản chúng, tôi muốn phá tung các dữ kiện.”⁵⁰

Phá tung các dữ kiện, đòi hỏi cải cách, đưa ra giải pháp, cải thiện thế giới, thay đổi thế giới đòi hỏi hai dạng kiến thức đặc biệt: tiết lộ điều gì là sai (cái từ lâu đã là một đặc sản của báo chí) và những chiêm nghiệm về cách mà mọi thứ có thể được cải thiện (cái từ lâu đã bị báo chí bỏ quên). Các kiến thức có thể dẫn tới giải pháp chắc chắn là một mục tiêu đáng được theo đuổi nữa cho ngành báo chí. Sẽ dễ đạt được những kiến thức này hơn nếu báo chí thoát ra khỏi vòng kim cô của tính khách quan — vượt lên việc sắp xếp dữ kiện một cách thờ ơ, không có chủ kiến. Lincoln Steffens đã điều tra, nhưng ông điều tra với một quan điểm rõ ràng.



Giờ hãy chuyển sang cụm từ ít nhạy cảm hơn: không phải *quan điểm* (*point of view*), mà là *chủ kiến*, *ý kiến* (*opinion*). Lincoln Steffens triển khai một số chủ kiến thô ráp, không ngại trang trong các điều tra của ông về tham nhũng ở cấp độ thành phố.

Đây là một ví dụ: “Sai lầm trong quản trị của người Mỹ là để bị quản trị một cách sai lầm bởi người Mỹ.”⁵¹

Steffens đưa ra nhiều bằng chứng hỗ trợ cho luận điểm của ông rằng việc chịu đựng tham nhũng tại thành phố của mình đồng nghĩa với việc công dân đang khuyến khích sự tham nhũng đó. Luận điểm của ông dựa trên những tường thuật thấu đáo. Phong cách của ông là cứng rắn nhưng không quá nóng nảy. Nhưng đó vẫn là một chủ kiến — chắc chắn là đây “dấn thân”, với một mức độ khái quát hóa đáng kể. Và như thế, chủ kiến đó mang tính vạch trần.

Hầu hết các tổ chức thông tấn Mỹ ngày nay đều vẫn bị ám ảnh sợ chủ kiến. Ám ảnh sợ hãi đó có thể bắt gặp ở các tờ báo, nhưng những tổ chức này thậm chí còn nỗ lực áp đặt nỗi sợ của họ lên ngay cả các ứng dụng của thế kỷ 21 như Twitter hay Facebook, nơi mà chủ kiến có vẻ là hoàn toàn tự nhiên. Đây là một chính sách của AP được đưa ra vào tháng 7 năm 2011: “Các mạng xã hội, dù chúng ta có thể tùy chỉnh tài khoản của mình hay lựa chọn bạn bè, nên được xem là một dạng diễn đàn công khai. Các nhân viên của AP không nên đăng lên đó những ý kiến cá nhân về các vấn đề công khai dễ gây tranh cãi.”⁵²

Reuters cũng đưa ra quy định tương tự vào năm 2010.⁵³ Một biên tập viên tiêu chuẩn của *New York Times*, Philip B. Corbett, người đã cố gắng giữ cho chính sách về mạng xã hội của tờ báo này được thoải mái, ra lệnh rằng “các nhân viên của phòng tin tức nên tránh biện luận hoặc truyền bá các quan điểm chính trị.”⁵⁴ Khi những tổ chức thông tấn truyền thống xoay sở giữ vững sự tận tâm đối với tính khách quan trên mạng, họ đã phớt lờ điều mà gần như mọi người khác trên Twitter và Facebook

đều hiểu: những ý kiến thông minh, khôn khéo có thể giúp phát triển độc giả.

Tất nhiên người ta vẫn có thể hiểu được điều này từ lâu trước khi có Twitter và Facebook ra đời: “Tôi chợt nghĩ rằng không có gì thú vị hơn là chủ kiến, nếu như chủ kiến đó thú vị,” Herbert Bayard Swope (1882-1958) viết, ông là người được ghi công sáng tạo ra trang ý kiến công luận hay độc giả (trang op-ed) tại báo *New York World* vào năm 1921.⁵⁵ Nhưng không có nhiều nhà báo — ít ra là những nhà báo quyền lực — “chợt nghĩ” như thế trong thế kỷ 20. Và ngày nay vẫn còn rất nhiều người chưa chịu hiểu điều đó.

Nhà báo phong cách mới chuyển sang tiểu thuyết gia theo phong cách cũ Tom Wolfe từng chế giễu sự ù lì của nhiều tờ báo và việc chúng rất lệch pha với độc giả: “Khi ta nghĩ đến cái tông màu be nhạt, thì trong vô thức ta sẽ nghĩ ngay đến một thứ chán ngắt, một *gã nhà báo*.” Wolfe muốn có nhiều hơn những “cá tính, năng lượng, thôi thúc, sự điều luyện”, và cho rằng chúng có thể xuất hiện thông qua “phong cách”.⁵⁶ Nhưng chủ kiến cũng có thể tạo ra “cá tính, năng lượng, thôi thúc, sự điều luyện.” Và nỗ lực “sàng lọc” loại bỏ mọi dấu hiệu của chủ kiến, của đam mê, có thể dẫn đến thứ chỉ còn là một “tông màu be nhạt”.

Điều này khiến ta nhớ về trường hợp tương tự trong hội họa Pháp cuối thế kỷ 19 được nhắc đến ở phần giới thiệu: cái mà các họa sĩ trường phái ấn tượng hiểu được mà vị họa sĩ ám ảnh với chi tiết Ernest Meissonier không hiểu chính là “cá tính, năng lượng, thôi thúc, sự điều luyện”, cái có thể được tìm thấy trong một số tính chủ quan đầy màu sắc — trong việc phô bày một *ấn tượng*.

Sự nhạt nhòa mà báo chí truyền thống, trường phái chỉ-tường-thuật đôi khi thể hiện cũng có thể làm giảm sự tham gia của công dân đối với các vấn đề mà nó tường thuật. Minha Kim thuộc Đại học Sungkyunkwan tại Hàn Quốc đã kiểm nghiệm phản ứng đối với các dạng thức khác nhau của báo chí: “Các tin bài được viết dưới con mắt đơn thuần của người quan sát, không có chút quan điểm hay thiên vị nào,” Kim viết, “có thể dẫn đến việc người dân mất hứng thú đối với chính trị.”⁵⁷ Nói cách khác, có những cách dễ dàng hơn để tạo cảm hứng hoặc giận dữ, thay vì chỉ liệt kê những dữ kiện thô, cân bằng, không thiên kiến. Các chủ kiến sẽ khiến công dân “nóng” lên!

Lẽ dĩ nhiên, các công dân “nóng” lên không phải lúc nào cũng là điều người ta thích thấy. Và báo chí phải đóng những vai trò khác trong chính trị: tạo điều kiện cho giao tiếp giữa người lãnh đạo và người bị lãnh đạo, phân tích các chính sách công, phục vụ ở vai trò người canh gác (watchdog). Dù sao đi nữa, cũng khó mà tưởng tượng một nền dân chủ đầy năng lượng, hoạt động suôn sẻ nếu thiếu một số công dân sôi nổi, hay “nóng” lên. Họ chắc chắn đã hiện hữu ở những giai đoạn đầu của chính nền dân chủ này.

Nếu báo chí — với cách dùng đầu tiên của từ này trong tiếng Anh — là “sự giao tiếp tương tác giữa chủ kiến (opinion) và thông tin (intelligence)”, thì cái sau — thông tin hoặc tin tức — chính là thứ đã thống trị báo chí trong thế kỷ 20. Nhưng vì chủ kiến lôi kéo được độc giả, đem lại hứng thú, thể hiện cá tính và sự điêu luyện, vì nó đầy màu sắc và lôi kéo được sự tham gia của công dân, nên qua thế kỷ 21 thì cán cân đang dần nghiêng lại về chủ kiến. Và còn có một lý do khác cho sự chuyển đổi đó:

chủ kiến cũng có thể mang tính khai sáng. Lincoln Steffens đã truyền đạt một bài học quan trọng không chỉ bằng cách miêu tả chi tiết việc tham nhũng tại các thành phố, mà còn bằng cách thể hiện chủ kiến rằng người dân Mỹ, thông qua sự chịu đựng đối với cách quản trị sai trái, phải chịu trách nhiệm về sự tham nhũng đó.

Vâng, các chủ kiến thường rất cứng đầu, thường bị đơn giản hóa quá mức: lẽ nào *tất cả* người dân Mỹ đều bị kết tội về tham nhũng tại các thành phố! Các ý kiến cũng có thể sai bét, sai hoàn toàn, nhưng... cũng có khi đúng! Các ý kiến cô đọng thành học thuyết khô cứng có thể làm trở ngại suy nghĩ, nhưng một ý kiến mềm mỏng và linh động có thể mở ra những góc nhìn mới. Một ý kiến được chấp nhận mà không bị xem xét lại có thể cản trở sự học hỏi, nhưng một ý kiến cũng có thể cung cấp sự thúc đẩy và khung mẫu để học hỏi. Nếu chúng ta sử dụng chủ kiến để xác định việc mình sẽ cố gắng lắng nghe ai, góc nhìn của chúng có thể bị thu hẹp, nhưng lắng nghe một người có tư duy tương tự lại có thể hữu ích với việc áp dụng những nguyên lý cũ vào các tình huống mới.⁵⁸ Và các chủ kiến có thể đóng vai trò là những chiếc thùng tiện dụng, hấp dẫn chứa đầy ấp ý tưởng.

Trong thời đại chỉ-cần-dữ-kiện, với viên Cảnh sát Khách quan luôn đi tuần, tất cả mọi chủ kiến trên các mục tin tức hay bản tin đều bị giấu đi — giấu đi ngay cả với những nhà báo đầy lý tưởng thuần khiết sở hữu chúng. Nếu chủ kiến đành phải được đưa vào các tác phẩm báo chí một cách lén lút hoặc không ý thức được, thì khi đó chúng có thể trở thành thứ độc hại. Nhưng một chủ kiến công khai lại dễ dàng, như cách Jay Rosen đã nói, để độc giả “đón nhận”.⁵⁹ Nhưng cô ta sẽ nói vậy mà, phải không?

Cô ta theo đảng Dân chủ mà. Việc vừa bất đồng ý kiến vừa học hỏi được là hoàn toàn khả thi.

Để trở nên hấp dẫn và kích thích độc giả, ý kiến về các sự kiện đương thời không nhất thiết phải gắn với quan điểm chính trị. Thực vậy, chúng càng ít phù hợp với các ý niệm truyền thống về đảng phái thì thường lại càng kích thích được suy nghĩ. Quan trọng là một ý kiến khi báo chí đưa ra phải được cân nhắc, phải quan trọng, và thú vị.

Tại sao hầu hết các nhà báo chính thống — các phóng viên như John Burns của *New York Times* — lại nỗ lực đến vậy để che giấu đi sự thật rằng họ sẽ có lợi hơn khi đưa ra những chủ kiến? Liệu những tổ chức uy tín như báo *Times* có nên tiếp tục hãnh diện tuyên bố rằng “ranh giới” giữa tin tức và ý kiến vẫn được “duy trì” ngay cả khi họ bị hàng tá những tổ chức báo chí khác hấp dẫn hơn, khai sáng hơn qua mặt?

Cuốn sách này không kêu gọi một nền báo chí nhiều chủ kiến hơn. Thực vậy, trong chương sau, tôi sẽ phác họa một số tình huống mà chủ kiến không hề hữu ích. Tuy nhiên, nó kêu gọi một nền báo chí trí tuệ hơn — và trí tuệ đó thường là sản phẩm của tranh luận, của việc hình thành một ý kiến được cân nhắc kỹ càng.

6

“VÔ SỐ NHỮNG CÂU CHUYỆN ỒN ÀO TRÊN ĐỜI”

Những thứ khiến báo chí tăng hoặc giảm tính trí tuệ

Số báo đầu tiên của tờ *New Republic* là vào ngày 7 tháng 11 năm 1914, chỉ ít tháng sau khi các cường quốc châu Âu nhảy vào cuộc xung đột mà sau đó người ta nhanh chóng nhận ra là một cuộc thế chiến. Trong số báo đó có một bài viết công kích chiến tranh kịch liệt — và bản thân bài viết đó cũng là một cuộc chiến — tác giả là một chàng trai 25 tuổi, tên Walter Lippmann.* Nó bắt đầu bằng hai câu hết sức độc đáo: “Tất cả những ai tỉnh táo đều biết rằng xây dựng được một thành phố là điều vĩ đại hơn đánh bom nó, cày một thửa ruộng cũng vĩ đại hơn giẫm đạp lên đó, phục vụ loài người thì vĩ đại hơn là xâm lược. Thế nhưng mà một khi các đạo quân được tung ra, những âm thanh kinh khủng và cơn sốc chiến tranh đã khiến tất cả những điều giá trị đó dường như trở nên nhạt nhòa, nhằm chán và ủy mị.”¹

* Walter Lippmann (1889-1974) là tác giả, nhà báo và nhà bình luận chính trị người Mỹ nổi tiếng là một trong số những người đầu tiên đưa ra khái niệm Chiến tranh lạnh.

Lippmann rõ ràng đang đưa ra một luận điểm tranh cãi ở đây — với một cách hiểu đầy thông minh về loài người cùng những nhược điểm của nó, với nhịp điệu, sức mạnh, với một đòi hỏi về logic. Anh đã xây dựng được (Aristotle sẽ rất vui khi thấy điều này) một tam đoạn luận giản ước. Câu đầu tiên đã đưa ra ba tiền đề, trong đó ít nhất thì hai cái đầu là không thể tranh cãi. Câu thứ hai không đề cập ngay đến kết luận theo sau các tiền đề này: sự ngu ngốc của chiến tranh. Thay vì thế, nó cho rằng điều đó mặc nhiên đúng, và chỉ giải thích tại sao — với vẻ châm biếm cay đắng nhưng đầy quen thuộc — nó đang bị làm ngơ.

Đây là ví dụ tiêu biểu về diện mạo tương lai của báo chí sau một thế kỷ nữa, là ví dụ về một dạng của báo chí trí tuệ (wisdom journalism). Chương này cũng trao đổi và bàn về các ví dụ thuộc những dạng khác của báo chí trí tuệ. Nhưng trước tiên, nó đảm đương một công việc ít hấp dẫn hơn: phác họa các dạng làm báo, bất kể có tính diễn giải đến mức nào, không đạt chuẩn báo chí trí tuệ và không hướng tới tương lai cho ngành báo chí.

Một số nhà báo Mỹ, những người theo trường phái tường thuật cổ điển, đã phớt lờ và xem báo chí diễn giải như việc “mút ngón tay” của trẻ em — một giải pháp thay thế lười biếng của việc thu thập sự việc, để từ đó có thể nuông chiều chính nhà báo lẫn độc giả. Đúng là vô số các mạng xã hội cùng hàng tỉ trang web đang chứa đầy áp những diễn giải vô bổ, nhạt nhẽo, thậm chí rỗng tuếch. Một số xuất hiện cả trên các tờ báo của chúng ta ngày nay. Nhưng sự vô vị không phải vấn đề duy nhất. Các chủ kiến cứng nhắc, cực đoan — khiến người ta khó chịu khi nghe, khó chịu khi click vào — cũng rất khó tránh trên sóng phát thanh-truyền hình và web. Và mặc dù, như Herbert Bayard Swope hiểu, “không có gì thú vị hơn chủ kiến nếu chủ kiến đó

thú vị,”² một tường thuật ngớ ngẩn vẫn hiếm khi gây bức dọc bằng một chủ kiến khó nghe, gây hiểu sai, không đồng nhất, hay quá ủy mị.

Không, không hề khó để chứng minh rằng trí tuệ tập thể thường tăng lên nhờ vào việc tôn vinh một số tiêu chuẩn của tranh luận được giới thiệu trong bối cảnh Cách mạng Mỹ (trình bày trong chương 1). Do đó bất cứ dạng diễn giải nào cũng sẽ có tai tiếng của riêng nó, đó là lúc xuất hiện những lời công kích, sự hẹp hòi, bênh vực đảng phái, lý luận sai lầm, kết tội vô căn cứ, những nói năng dông dài, trốn tránh và lười biếng.

Một số mục tiêu phê bình của tôi ở đây thoạt trông có vẻ quá dễ thấy — các ví dụ về bình luận trên truyền thông mà hầu hết mọi người sẽ không xem là làm báo nghiêm túc. Nhưng một phản hồi thường thấy đối với đề xuất của tôi về báo chí rằng chúng ta cần nhiều diễn giải hơn, thậm chí là các diễn giải có chủ kiến, là câu hỏi: liệu điều đó có hạn chế được những tranh luận dằng dai vớ vẩn đôi khi chúng ta nghe thấy trên bản tin truyền hình cáp hay trò chuyện trên sóng radio không. Thế nên tôi nghĩ tôi nên dành vài trang để làm rõ tại sao những dằng dai đó không hề đại diện cho báo chí trí tuệ.

Như các bạn có thể thấy, quan điểm chính trị riêng của tôi, cũng như của chàng trai trẻ Lippmann và đa số người dân trong khu vực tôi cư ngụ, là hơi có xu hướng thiên tả. Đó là lý do tại sao, để minh họa cá tính và góp phần mình cho chất lượng của những cuộc tranh luận, tôi phải phê bình ai đó có cùng xu hướng chính trị với mình. Tôi xin bắt đầu bằng việc loại bỏ tầm nhìn của mình về tương lai báo chí với những câu sau đây của Chris Matthews trên đài MSNBC vào tháng 9 năm 2012:

Hôm nay tôi thấy Ngoại trưởng Clinton cùng Tổng thống Obama tại Căn cứ Không quân Andrews trong buổi vinh danh cố Đại sứ Chris Stevens và ba người khác thiệt mạng tại Benghazi.* Cảnh tượng xúc động đó chính là hình ảnh nước Mỹ cao đẹp, tôn vinh những công dân của mình, đặc biệt là những con người phục vụ đất nước ở vai trò công bộc xứng đáng được tôn kính.

Thật là trái ngược khi so với những màn chính trị thối tha được phản ánh ở mặt bên kia: màn tấn công bắn thủ đường như không bao giờ có hồi kết nhằm vào sự ra đời của tổng thống tại đất nước này, những nỗ lực không ngừng để tô vẽ ông thành “kẻ khác” – kẻ lén lút xâm nhập vào quốc gia, “đánh bạn cùng đám khủng bố”, kẻ “cảm thông” với những tay tấn công và làm chính trị theo kiểu “ngoại lai”.³

Trước khi đi vào cách lựa chọn dùng từ ở đây, tôi nên nói vài điều về *logic*. Matthews bắt đầu bằng việc đề cập tới một vị tổng thống thuộc đảng Dân chủ cùng ngoại trưởng của ông ta, xuất hiện tại một dịp đặc biệt quan trọng — một ví dụ khá hẹp để từ đó *rút ra*, theo thuật ngữ của Aristotle, kết luận về quan điểm chính trị của người khác. Rồi ông lại so sánh cảnh này với số ít những cáo buộc điên rồ nhất từ những kẻ đáng khinh nhất của đảng Cộng hòa — các ví dụ này cũng cực đoan và không thuyết phục để dùng làm *minh họa*. Đó là một so sánh không công bằng. Một cách khác để hiểu về lỗi của Matthews ở đây là ông mắc sai lầm, theo cách dùng từ của Aristotle, khi “thiếu cân nhắc về *khi nào và ra sao*”.⁴ Ông đã so sánh hành vi trong những hoàn cảnh rất khác nhau. Ông đã ngụ ý rằng những người ở đảng Dân

* Vụ tấn công vào Đại sứ quán Mỹ tại Benghazi, Libăng ngày 11 tháng 9 năm 2012 khiến bốn người thiệt mạng, trong đó có Đại sứ Chris Stevens – ND.

chủ không đưa ra những cáo buộc điên rồ, đầy ác ý hay giả dối, còn những người ở đảng Cộng hòa thì không hề nghiêm túc chút nào. Đây không phải một lối lập luận khôn ngoan.

Logic đúng là đã rút lui khỏi các kênh truyền hình cáp của các đảng hoặc các cuộc nói chuyện trên đài phát thanh. Điều đó một phần là vì các vị này phải nói khá nhiều — mỗi tuần phải cho ra nhiều ngôn từ hơn cả một phóng viên chuyên mục trên báo. Tuy vậy, cả họ lẫn Chris Matthews vẫn nên cải thiện vấn đề này.

Tôi không chắc liệu chúng ta có quyền kỳ vọng những phân tích chính xác về mặt logic từ một người dẫn chương trình nói chuyện trên radio (radio talk show) khá bảo thủ là Rush Limbaugh hay không, khi ông là người nổi tiếng về những ý kiến khiêu khích, thậm chí vô trách nhiệm. Nhưng chúng ta cũng nên chú ý rằng ông thường xuyên sử dụng một lối nguy hiểm để phóng đại lập luận của đối thủ — nói cách khác, là dựng nên một “gã bù nhìn rom” để tấn công khi tranh luận.⁵ Phát biểu sau vụ tấn công Đại sứ quán Mỹ tại Benghazi, Libăng, khiến bốn người Mỹ bị thiệt mạng, Limbaugh bùng bùng nổi giận:

Tất cả những gì chúng ta được nghe kể từ lúc Obama giết bin Laden chỉ là Al-Qaeda đã bị tiêu diệt, rằng cuộc chiến chống khủng bố đã gần như kết thúc... Thế nhưng không chỉ các đại sứ quán Mỹ, các doanh nghiệp Mỹ khắp Trung Đông đang bị tấn công, đốt cháy, mà Đại học Texas tại Austin cũng phải bị sơ tán. Đe dọa đánh bom. Có người tuyên bố là do Al-Qaeda. Những người này không đọc *New York Times* sao? Họ không nghe Obama nói sao? Họ không biết rằng cuộc chiến chống khủng bố đã qua rồi sao? Họ không biết rằng việc Osama bị đem chôn ở nơi khỉ ho cò gáy nào đó đã đặt dấu chấm hết cho Al-Qaeda sao?⁶

Trong đoạn trên, Limbaugh đã “phóng đại”, theo cách nói của Aristotle,⁷ về tuyên bố của Tổng thống Obama: vị tổng thống này chưa bao giờ nói rằng cuộc chiến chống khủng bố đã kết thúc, cũng không hề nói rằng al-Qaeda đã bị tiêu diệt.⁸ Limbaugh cũng phóng đại mối đe dọa khủng bố đối với nước Mỹ vào thời điểm đó.

Báo chí trí tuệ — không như Chris Matthews và Rush Limbaugh trong những ví dụ trên đây — liên quan đến chất lượng trong logic. Nó cũng liên quan đến cách dùng ngôn ngữ. Hãy nhớ lại cách nói của Chris Matthews: “Thối tha”? “Bẩn thỉu”? Cái *cá tính* mà vị dẫn chương trình MSNBC này đang xây dựng thông qua những cách gọi tên sự việc như vậy không thể hiện được “đức hạnh” của “công bằng.” Mà ông ta cũng không hề điềm đạm chút nào. Matthews, theo cách nói của Aristotle, đã “phát cuồng”.⁹

Chris Matthews, Rush Limbaugh cùng những người ủng hộ hay chống lại họ trên MSNBC, Fox News Channel, các chương trình phát thanh và website của các đảng đường như càng ngày càng thích thể hiện các dạng tính cách rất phong phú — tính cách của một nhà báo hiến thân cho một sự nghiệp, như đã được thể hiện bởi bài tường thuật của Isaiah Thomas về trận đánh đầu tiên của Cách mạng Mỹ ngày trước. Nhưng khi đảng Cộng hòa bị gọi là “bẩn thỉu”, hoặc khi Limbaugh mạt sát thường xuyên cái gọi là “chế độ”¹⁰ của Tổng thống Obama, sẽ còn ít cơ hội để những người ủng hộ hai đảng tham gia vào một cuộc *tranh luận* có lý lẽ, khoan dung và lắng nghe ý kiến của đối phương.

Tôi không có ý định ám chỉ rằng tất cả những người được nêu danh ở đây đều cứng nhắc như nhau hay đều có logic sai

lầm. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh một sự thật đáng buồn mà tôi tin là đúng với nhiều người ủng hộ đảng Dân chủ tại MSNBC cùng nhiều người ủng hộ đảng Cộng hòa tại Fox: họ bị chìm đắm trong điều mà Whitelaw Reid gọi là “sự thiết yếu của chiến tranh đảng phái” đến mức tự mình khước từ cơ hội học hỏi từ phe đối lập. Báo chí trí tuệ không kiểm chế quan điểm, nhưng đó phải là những quan điểm không chỉ công bằng với những quan điểm khác, mà còn phải được kiểm nghiệm và củng cố bằng cách đưa ra trước những quan điểm đối lập.

Trái lại, những người ủng hộ các đảng phái thường lại có xu hướng — xu hướng này khá cân bằng ở mọi phe — thường không tập trung vào những tuyên bố thú vị nhất, thách thức nhất của đối phương, mà chỉ chăm chăm vào những tuyên bố vô lý nhất, hớ hênh nhất của họ mà thôi. Thực vậy, niềm vui chính của họ dường như nằm ở việc chực chờ ai đó, bất cứ ai, dù chỉ liên quan một chút xíu tới đảng phái khác, phát biểu một lời gì đó thực là ngớ ngẩn, bất kể về việc gì. Với số lượng lớn người phát biểu trên Internet hoặc mạng xã hội ngày nay, cuộc chờ đợi đó sẽ chẳng lâu lác gì. Đội thợ săn lỗi (error hunter) đang chia mũi súng vào đám mục tiêu ngày càng đông đúc thêm. Và con mỗi mà cuối cùng họ ngắm tới đôi khi lại chẳng tiếng tăm gì nên rất vui lòng với việc được chú ý. Toàn bộ mục tiêu của việc này là nhằm giúp những người thuộc các phe phái chính trị cùng khán thính giả của họ nắm tay nhau thành một vòng lớn, cùng đồng thanh ca “Bạn tin nổi lời họ đang nói không cơ chứ?” Bằng cách nào đó tay nhà báo với thiên hướng chính trị kiểu này sẽ làm ra bộ bị sốc, ngay lập tức cảm thấy sốc, rằng làm sao mà có người lại đi nói một điều như vậy, rồi cảm thấy tự mãn vì trước giờ vẫn biết rằng phe bên kia cũng thầm nghĩ những điều như vậy.

Ví dụ ưa thích của tôi về trò chơi này là cú sốc và sự tự mãn đều lấy cảm hứng từ một người dẫn chương trình trò chuyện (talk-show host) *chỉ mới 14 tuổi* tại Tây Virginia, mà tôi chỉ biết qua Internet. Theo trang web tự do đầy phần nộ *ThinkProgress*, cậu trẻ này tuyên bố rằng “Tổng thống Obama, Phó Tổng thống Biden đang [nguyên văn] biến trẻ con thành đồng tính!” Trang *Huffington Post* và chương trình HBO của Bill Maher cũng nhập cuộc với câu chuyện này.¹¹ Điều gì đang được soi sáng bởi những khám phá này, ngoài sự thật rằng bất cứ quan điểm chính trị nào cũng thu hút được đáng kể những tín đồ nói năng thiếu kiểm soát, suy nghĩ không cẩn trọng, kém học thức — ở độ tuổi trưởng thành lẫn thiếu niên? Việc này đang trở thành một phiên bản đẳng phái của trò chơi “bắt được rồi nhé!” trong báo chí truyền thống — với số người có thể bị ‘bắt giờ’ hiện nay đã lên tới hàng chục nghìn.

Nền báo chí mà tôi mong muốn có không liên quan gì tới việc lang thang qua vùng biển truyền thông đầy những con phần nộ kia cả.



Những tác phẩm báo chí cứng nhắc, thiếu suy xét, chỉ phục vụ cho một mục tiêu nào đó thường dẫn tới các vấn đề về *phong cách*, khi chúng ta tiếp tục ôn lại những chỉ dẫn về báo chí tranh luận (argumentative journalism) được giới thiệu trong chương 1. Những từ như *thối tha* và *bẩn thỉu* không chỉ hình thành từ sự giận dữ mà còn có vẻ như được tạo ra để, theo ngôn từ của Aristotle, dẫn dắt khán giả “đến với cơn giận”.¹² Chúng

thức đẩy cảm xúc. Những blogger to mồm, những “người dẫn chương trình” trên radio và truyền hình thường có thể bị kết tội dùng “lực” một cách quá đáng, như cách nói của nhà triết học Stephen Edelston Toulmin.¹³

Ngôi sao lớn nhất của kênh truyền hình Fox News Channel, Bill O'Reilly, đôi khi xoay sở hạn chế được tính *không chắc chắn* hay *gán ghép / suy diễn* trong phát ngôn của mình: trong một bài độc thoại được phát sóng vào thời kỳ chiến dịch tranh cử tổng thống năm 2012, O'Reilly nói “tôi giả định, tôi cho rằng” hai lần và “phân tích của tôi dựa trên...” một lần. Nhưng thực chất các cách nói vu vơ không chắc chắn hay gán ghép xuất hiện rất ít trong những tuyên bố của ông. Dưới đây là một đoạn ngắn từ bài nói đó: “Chính phủ Mỹ đã phá sản. Cục Dự trữ Liên bang (FED) đang vay nợ rất nhiều: 3,5 tỉ đôla mỗi ngày. Và giờ thì họ đang thao túng đồng đôla để thanh toán các khoản nợ. Thật điên rồ, về khía cạnh kinh tế. Hệt như Hy Lạp.”¹⁴ Dạng nói quá thể này được nghe thấy rất thường xuyên trên các bản tin truyền hình cáp tại Mỹ vào thập niên thứ hai của thế kỷ 21 — thời điểm mà dường như người ta đã chấp nhận những biện luận mạnh mẽ và tự do. Những cá nhân tham gia tranh luận trên các chương trình và mạng xã hội mang tính đảng phái có thể trông hơi quá kích động, không công bằng, hoặc vô tâm. Chẳng hạn, không như Hy Lạp và ông O'Reilly nói, chính phủ Mỹ năm 2012 chẳng hề gặp khó khăn gì trong việc bán trái phiếu kho bạc với mức lãi suất cực kỳ thấp, nhờ đó trang trải được nợ nần.¹⁵ Bất kể ta xem việc xoay sở trả nợ này có đáng tranh cãi hay không, thì nói rằng chính phủ Mỹ đang phá sản dường như là hơi quá đà.

Nhưng nhiều chương trình phát thanh có cùng điểm yếu là nói quá (overstatement) như thế. Rất dễ tìm ra một ví dụ về lối hùng

biện quá sức áp đặt của những người như Rush Limbaugh. Đây là lời giải thích của ông ta về một hành động của Ben Bernanke và Cục Dự trữ Liên bang vào tháng 9 năm 2012: “Nếu họ không làm việc này, thì sẽ gây ra thời kỳ suy thoái kép, và Bernanke tất nhiên không muốn điều đó xảy ra giữa thời gian chiến dịch tranh cử, vì ông ta đang ngồi trong cỗ xe tăng chiến đấu cho Obama.”¹⁶ Không hề có một chút mông lung, thiếu chắc chắn hay mơ hồ nào, tất cả đều là những khẳng định hùng hồn.

Tuy nhiên, tôi không có ý định nói rằng sự có mặt hay không có mặt những ngôn từ đao to búa lớn, sự không chắc chắn hay mơ hồ sẽ là đủ để thể hiện được cách làm báo chí trí tuệ. I. F. Stone* — người có những tác phẩm mà tôi tin là đủ chuẩn báo chí trí tuệ — chắc chắn đủ khả năng đưa ra một tuyên bố hùng hồn và mạnh mẽ. Đây là một ví dụ từ ấn phẩm của chính ông, *I. F. Stone’s Weekly* vào năm 1965, trong thời kỳ Chiến tranh Việt Nam: “Chế độ miền Nam Việt Nam là thứ mà chúng ta cố gắng áp đặt lên người dân ở đó, trái với nguyện vọng của họ.”¹⁷ Bạn thấy đó, không hề có một chút khó hiểu, không chắc chắn hay mơ hồ nào.

Nhưng có thể thấy rõ rằng *logic* của Stone vững vàng hơn, *phong cách* của ông cũng ít cảm tính hơn Limbaugh. Stone cũng có lợi thế trong những *phương pháp* mà ông sử dụng. Cáo buộc của Limbaugh rằng Ben Bernanke “ngồi trong cỗ xe

* Isidor Feinstein Stone (1907-1989), tên khai sinh là Isidor Feinstein, nổi tiếng với tên I. F. Stone và Izzy Stone, là nhà báo điều tra và tác giả người Mỹ. Ông được nhớ đến nhiều nhất với bản tin tự xuất bản *I. F. Stone’s Weekly*, đứng thứ 16 trong “The Top 100 Works of Journalism in the United States in the 20th Century” (100 tác phẩm báo chí hàng đầu ở Mỹ thế kỷ 20).

tăng chiến đấu cho Obama” không đáp ứng ba điều kiện của Stephen Toulmin để quyết định liệu cái mà ông “cho rằng mình biết” có “hợp lý” hoặc “đáng tin” hay không.¹⁸

Chuyên môn của Limbaugh về các vấn đề kinh tế cùng tâm lý của vị chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang dường như có hạn. Trái lại, Stone, nói theo cách của Toulmin, dường như “đủ kinh nghiệm” phát biểu về Chiến tranh Việt Nam, vì ông không chỉ theo dõi nó sát sao không kém bất cứ nhà báo nào của Washington, mà còn viết một quyển sách về chiến tranh Triều Tiên và làm nhiều tường thuật chuyên sâu ở nước ngoài. Limbaugh dường như không “quan sát” nhiều đối với hành vi của Bernanke — bao gồm sự phân vân của Bernanke mấy tháng trước đó khi thực hiện các bước nhằm tăng nhiệt cho nền kinh tế, từ đó giúp sức cho Obama.¹⁹ Limbaugh cũng không thực hiện một lượng “kiểm nghiệm” vừa đủ đối với kết luận của mình — qua những người hiểu biết Bernanke chẳng hạn. Thời gian gần đây, xác minh dữ kiện đã trở thành vấn đề thịnh hành trong giới làm báo Mỹ. Nhưng cánh tả thường “xác minh” những tuyên bố của cánh hữu thay vì của chính họ, và những người bảo thủ như Limbaugh hầu hết thường chỉ sấm soi vào những khẳng định của những người theo phái tự do.

Việc Limbaugh có những phán xét “đã cân nhắc” (considered judgement) cho vấn đề hay không — yếu tố cuối cùng trong phương pháp của Toulmin — phụ thuộc ít nhiều vào việc bạn có nghĩ Rush Limbaugh là một con người đáng hoàng không, mà điều đó lại phụ thuộc vào quan điểm chính trị của bạn. Nhưng những từ như “trong cỗ xe tăng chiến đấu”, bất kể gây tiếng vang ra sao trên radio, thì vẫn gần với một tiếng nạt nộ hơn là một phán xét có cân nhắc.

Tiêu chuẩn cuối cùng để xét đoán, đánh giá những lập luận được giới thiệu trong chương 1 là *bằng chứng*. Đó chính là yếu tố quan trọng nhất trong những yếu tố không hoàn hảo của cái có thể đủ điều kiện để là báo chí trí tuệ.



Tháng 8 năm 2012, tạp chí *Newsweek* đang trên bờ vực cái chết — liên kết hoạt động với trang mạng *Daily Beast* và dưới sự lãnh đạo của một người kỳ cựu trong việc cứu vãn các tạp chí là Tina Brown. Trong tình trạng tuyệt vọng này, tạp chí quyết định thu hút sự chú ý về phía mình bằng cách làm điều gì đó rất khác với các tạp chí tin tức: đưa những câu chuyện gây tranh cãi cao độ lên trang bìa. Một câu chuyện trong số đó có tiêu đề đầy khiêu khích như sau: “Ra đường đi, Barack: Tại sao chúng ta cần một tổng thống mới.”²⁰ Đây là một ví dụ về các bằng chứng gây xung đột.

Bài báo đó được viết bởi Niall Ferguson, giáo sư lịch sử tại Havard, thuộc chuyên ngành lịch sử kinh tế. Bài báo có đầy các số liệu và biểu đồ kinh tế. Nó được diễn giải rất tốt, và, rõ ràng ngay từ tiêu đề, mang quan điểm công kích. Dù sao đi nữa, Ferguson đã trung thực về quan điểm chính trị của mình — rằng ông đã tư vấn cho John McCain trong cuộc bầu cử tổng thống năm 2008 — để độc giả có thể, theo cách dùng từ của Jay Rosen, “đón nhận”²¹ vị thế đó của tác giả. Điều duy nhất khiến bài báo này không thể được xem là ví dụ điển hình cho báo chí trí tuệ là những tuyên bố của nó, như một số nhà bình luận khi đó đã ghi nhận, đôi khi không đúng hoặc gây hiểu sai một cách nguy hiểm.²²

Tôi sẽ đưa ra hai ví dụ, cả hai đều xuất hiện khi Ferguson phê phán kế hoạch chăm sóc sức khỏe của chính quyền Obama: “Đạo luật Bảo vệ bệnh nhân và Chăm sóc sức khỏe hợp túi tiền (The Patient Protection and Affordable Care Act – ACA) năm 2010,” ông viết, “chẳng hề nhắc gì tới... mô hình ‘phí dịch vụ’ đã gây nên lạm phát trong chăm sóc sức khỏe.” Nhưng thực ra là có. Như Sarah Kliff chỉ ra trên tờ *Washington Post* trước đó ít lâu, đạo luật này bao gồm một số “cải cách” về thanh toán được thiết kế để “đưa hệ thống y tế của quốc gia từ tình trạng trả tiền cho số lượng sang trả tiền cho giá trị.”²³ Việc Ferguson có tin những cải cách này hiệu quả hay không là một chuyện, nhưng rõ ràng chúng có được nêu trong đạo luật. Hoặc là ông ta không “có” theo cách nói của Aristotle, “những dữ kiện thuộc về chủ đề đó”²⁴ để viết, hoặc là ông ta đã phớt lờ chúng. “Những điều kiện của sự thật”, nói theo cách của nhà triết học John Searle, đã không được thỏa mãn trong “khẳng định” này.²⁵

Nhưng đó chưa phải là ý phê phán chủ đạo của Ferguson với kế hoạch được biết đến với cái tên “Obamacare”. Ngay sau đó, Ferguson đã nối hai ý kỳ lạ này với nhau: “Tổng thống cam đoan rằng cải cách về chăm sóc sức khỏe sẽ không làm tăng thêm một xu thâm hụt nào. Nhưng Ủy ban Ngân sách Quốc hội và Ủy ban Liên hợp về thuế lại ước tính rằng các quy định về hỗ trợ bảo hiểm của ACA sẽ tạo ra chi phí ròng gần 1,2 nghìn tỉ trong giai đoạn 2012-2022.”

Ở đây rõ ràng Ferguson đã rút ra một kết luận quá vội vàng. Nói chi phí “ròng” ngụ ý chỉ kết quả cuối cùng, nhưng Ferguson lại tiện tay bỏ qua mọi vấn đề ngoài việc chi phí bảo hiểm sức khỏe tăng lên. Ông ta đã ma mãnh làm ngơ mọi quy định tạo ra thêm thu nhập trong Đạo luật ACA này — trong khi Ủy ban

Ngân sách Quốc hội và Ủy ban Liên hợp về thuế cho biết chúng sẽ bù đắp được những chi phí đó và thực sự sẽ giúp đạo luật, khi tính tổng lại, *giảm* thâm hụt.

Bằng cách đó Ferguson đã củng cố cho quan điểm của mình, rằng bất chấp cam kết của Tổng thống Obama, cải cách chăm sóc sức khỏe sẽ làm tăng thâm hụt, với những bằng chứng không hề liên quan và dường như gây ra hiểu nhầm một cách cố ý. Ông ta chỉ đưa ra một nửa của bảng cân đối kế toán (không nói toàn bộ câu chuyện – ND) và dường như ngụ ý rằng hai tổ chức uy tín kia đã nói rằng tổng thống vi phạm cam kết của mình, trong khi họ không hề làm thế.

Chắc chắn là có những lập luận diễn giải mang tính đảng phái và khôn ngoan đã được đưa ra chống lại kế hoạch chăm sóc sức khỏe của Tổng thống Obama. Những lập luận của Ferguson tuy mang tính diễn giải, đảng phái nhưng lại sai lầm. Ông ta đã thất bại trong việc đạt được những hình thức sự thật đầu tiên và căn bản nhất. Những bằng chứng chính xác của dữ kiện là cần thiết, dù vẫn chưa phải điều kiện đủ, cho cách làm báo trí tuệ. Một lần nữa xin nhắc lại: việc lập luận rằng những nhà báo giỏi nhất của chúng ta cần phải làm nhiều hơn là chỉ đưa ra sự việc thực tế về các câu chuyện đã được tường thuật rộng rãi chắc chắn không đồng nghĩa với việc cho phép họ diễn giải không chính xác các sự việc. Tính chính xác cũng quan trọng khi lập luận không kém so với khi tường thuật.

Liệu Rush Limbaugh có những sự việc thực tế khi nói rằng Ben Bernanke “ngồi trong cỗ xe tăng chiến đấu cho Obama”? Bernanke, một thành viên đảng Cộng hòa chính thống, được Tổng thống George W. Bush bổ nhiệm vào ghế chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang năm 2006; trước đó ông ta là chủ tịch của Hội

đồng cố vấn kinh tế cho vị tổng thống thuộc đảng Cộng hòa này. Bernanke được Tổng thống Obama tái bổ nhiệm tại Cục Dự trữ Liên bang vào năm 2010. Dù có nhiều đồn đãi bảo thủ về Bernanke, nhưng theo những gì tôi biết, chẳng có bằng chứng uy tín nào về việc ông thay đổi lập trường trong cuộc bầu cử 2012. Thực vậy, vào ngày trước khi Limbaugh đưa ra buộc tội của mình, Bernanke đã nói tại một cuộc họp báo, “Chúng tôi đã cố gắng rất, rất nhiều... để không nghiêng về đảng phái nào và khách quan về mặt chính trị để đưa ra những quyết định hoàn toàn dựa trên khía cạnh kinh tế.”²⁶ Tôi có thể tìm được những ví dụ khác về việc Rush Limbaugh tái tuyên bố lời kết tội đối với Bernanke,²⁷ nhưng hoàn toàn không tìm được lời kết tội nào của ông ta có được bằng chứng *trực tiếp* rằng Bernanke đã nói dối.

Bạn có thể nghĩ rằng, với bằng chứng yếu ớt như vậy, hẳn Limbaugh nên bớt áp đặt — chỉ nên dùng những từ như “có lẽ” hoặc “đường như là — trong lập luận.”²⁸ Có lẽ sự mông lung, sự không chắc chắn hay mơ hồ, thậm chí ngay cả khi chúng có yếu ớt đến vậy, là không phù hợp để làm nên một bài nói hay trên sóng phát thanh. Nếu thế thì cuộc nói chuyện đó trên radio không đạt tiêu chuẩn của báo chí trí tuệ.

Phong cách báo chí vượt lên trước bằng chứng, thể hiện sự đoạn chắc ngay khi chưa có đủ bằng chứng, những phán đoán cao ngạo, giáo điều, không kiểm chế, hoặc “nói” khi thực ra vẫn còn “quá sớm để nói” không phải là cách làm báo mà tôi hình dung sẽ mở đường lối ra cho cuộc khủng hoảng hiện tại. Một trong những người ủng hộ ban đầu của một nền báo chí mang tính diễn giải hơn, Mike Levine của báo *Times Herald Record* tại Middletown, New York, đã nói rõ ràng về chủ đề này: “Nó không giống việc nói trên radio.”²⁹



Tuy nhiên, nỗ lực thử nghiệm mà những tổ chức thông tấn truyền thống của chúng ta thực hiện nhằm đưa thêm một chút diễn giải vào báo chí thường có vẻ đi nhằm về chiều hướng ngược lại. Khi được đòi hỏi phải thể hiện sự thấu hiểu (insight), các phóng viên (những người đã được đào tạo để không đưa ra kết luận) đôi khi chỉ có thể lặp lại những lời đồng thuận tại hiện trường hoặc các bữa tiệc tối. Hoặc, và rất thường xuyên, họ chỉ nói những lời đại khái như “một mặt là..., mặt khác là...” khi phân tích tin tức, minh họa cho việc ta có thể cân nhắc một cách rất nhẹ nhàng.

Trong các phân tích nửa vời như vậy, “một số người” có thể được đưa vào để “lên tiếng quan ngại” rằng “các phát triển” có thể gây “hậu quả sâu sắc”, tuy rằng, “mặt khác”, như “một số nhà phân tích cho rằng”, “hệ quả vẫn chưa rõ ràng”, vì “vẫn còn quá sớm để nói”, theo như lời của “một số nhà quan sát”. (Dạng phân tích như thế thường mang giá trị đóng góp ít hơn cả số lần dùng đến từ “một số”.) Do đó, chúng ta sẽ chẳng hiểu thêm được gì ngoài những thứ đã quá rõ ràng. Thể loại này thể hiện rõ trong những tiêu đề “phân tích tin tức” hoành tráng như “Tiếng nói hòa bình bị bóp nghẹt bởi tiếng súng đang nổ tại Trung Đông” trên *New York Times*, “Câu nói hớ của Giáo hoàng gây trở ngại cho đối thoại tôn giáo” trên *San Francisco Chronicles*, và “Vội Thụ trưởng, cơ hội và thách thức khó khăn” trên *Los Angeles Times*.³⁰

Vài phần trăm những điều được cho là diễn giải trên báo và các bản tin truyền thống ngày nay chỉ dẫn đến kết quả là những

âm thanh trệu trạo nhai đi nhai lại của một sinh vật không răng. Nó quá rụt rè, quá nhạt nhẽo, hết như thứ thuốc giảm đau không công hiệu.

Trong khi những nhà phân tích này nhai đi nhai lại những quan niệm phổ biến (conventional wisdom) trên các cột báo hay tỏ thái độ trên các chương trình truyền hình, thì những suy tưởng nửa mùa của họ, được tạo ra để chẳng xúc phạm ai, thường dễ đoán hết như các phát ngôn từ những người dẫn chương trình trò chuyện (talk-show host). Nhưng ít ra thì người dẫn chương trình trò chuyện cũng dẫn vào một vấn đề nào đó. Do quá sợ hãi để lộ quan điểm thiên về hướng nào đó trong chính trị, các nhà phân tích tin tức chính thống thường giới hạn chính mình vào những thảo luận về chiến lược chính trị hoặc các suy đoán rằng ai sẽ vượt trội hơn. Những nỗ lực diễn giải kiểu này tuy ít gây khó chịu hơn việc thổi phồng hay nổi giận, chẳng tạo thêm được mấy thấu hiểu về chính sách công. Từ *trí tuệ* không thường xuất hiện khi nhắc đến những nỗ lực cực kỳ áp đặt hoặc không hề nỗ lực nhằm nhai lại những bản tin, đó chỉ là những diễn giải nhe nhanch múa vuốt hoặc chẳng cần được ai.

Từ *snark* (từ ghép của *sneer* và *remark*: nhận xét chế giễu – ND) do Lewis Carroll phát minh giờ đây chỉ một dạng *phong cách* làm báo đương đại: giễu cợt một cách hài hước và hoài nghi. Website tin tức và tin đồn *Gawker* có thể là nơi cung cấp *snark* hàng đầu. Chúng ta lại nhắc đến Rush Limbaugh, nhưng trong ví dụ này ông ta không phải thủ phạm, mà là nạn nhân: “Vào thứ tư, Rush Limbaugh lại một lần nữa chứng minh rằng ông ta không sợ đặt ra câu hỏi mà toàn bộ chúng ta đều né tránh, bởi vì mạch máu não của chúng ta không hề bị tắc nghẽn bởi mỡ heo và Macanudo” (tên một loại xì gà – ND).³¹

Snark có thể mang tính giải trí cao. *Snark* có thể hữu ích trong việc làm giảm những tuyên bố đao to búa lớn khi tranh luận. Nhưng quay lại với cuộc thảo luận ban nãy về logic, ta sẽ thấy phong cách này phụ thuộc quá nhiều vào những công kích cá nhân: sử dụng cá tính riêng của một người — cụ thể ở đây là Limbaugh béo và ưa hút xì gà — để bôi nhọ lập luận của họ. Và quay trở lại với mối quan ngại ban nãy về sự cởi mở với quan điểm của người khác, tất cả những chiêu trò này rõ ràng không giúp chúng ta tranh luận cùng nhau được — thêm một mối nguy nữa.

Cũng có một chút *snark* trong phong cách châm biếm của Jon Stewart trên *The Daily Show* và của Stephen Colbert trên *The Colbert Report*. Hài hước chắc chắn là một con đường dẫn tới kiến thức. Một liều lượng châm biếm được kiểm soát có thể cho phép chúng ta đưa ra những nhận xét nhiều màu sắc hơn về thế giới. Nói cách khác, một chút thô lỗ hay châm biếm đôi khi cũng cần thiết. Trong thời gian dài mà các chương trình nói trên được phát sóng, Stewart và Colbert đã vươn tới trình độ của báo chí trí tuệ. Họ cung cấp cho khán giả cả sự thấu hiểu lẫn những tràng cười vui vẻ.

Tuy nhiên, những người châm biếm như Stewart và Colbert, dù cả họ và những người viết kịch bản cho họ đều hữu ích và tài năng, thường khai thác cùng một lãnh thổ: khoảng cách giữa điều mọi người nói và điều họ làm; hoặc giữa điều họ nói lúc này và từng nói trong quá khứ. Chắc chắn đây một “vùng đất màu mỡ”, nhưng kém phong phú và vẫn giới hạn trong cùng phạm vi với trò chơi “bắt được rồi nhé!”. Chẳng ai muốn hiểu biết của cả một thế hệ về thế giới chỉ còn là việc khám phá, vạch trần người khác, nhất là những người có quyền lực, là rất đạo đức giả. Có những con đường khác thú vị hơn đến với trí tuệ.

Ồ, và đừng quên một phong cách chung khác của việc bình luận — phong cách có gốc rễ lâu đời từ Mỹ: hoang tưởng.³² Câu hỏi của Limbaugh mà trang châm biếm *Gawker* tóm được chính là ví dụ cho phong cách này. “Lỡ như,” Limbaugh tự hỏi, “Ayman al-Zawahiri và những lãnh đạo al-Qaeda khác từ bỏ Osama bin Laden chỉ với mục đích để Obama trông hay ho hơn thì sao? Để tạo vốn liếng chính trị và uy tín cho Obama thì sao?”³³



Chúng ta hãy chuyển sang một ví dụ về ai đó đủ chuẩn để làm một nhà báo trí tuệ: A. J. Liebling* — người giúp hình thành vai trò của một nhà phê bình báo chí vào giữa thế kỷ 20. Ông cũng thuộc nhóm những tác giả phi hư cấu xuất sắc nhất, với những câu văn rõ ràng và thuyết phục đến mức có thể trở thành châm ngôn. Đây, ẩn mình giữa một đoạn văn trong bài báo trên *New Yorker* về việc cạnh tranh giữa các tờ báo đang suy giảm, là câu viết nổi tiếng nhất của Liebling: “Tự do báo chí chỉ được bảo đảm đối với những ai sở hữu một tờ báo.”³⁴

Aristotle giải thích, châm ngôn (maxim) là kết luận của một tam đoạn luận (enthymeme) mà thiếu đi tiền đề (premise).³⁵ (Tạo ra châm ngôn là một trong nhiều nghệ thuật mà Ben Franklin rất xuất sắc.) Trong câu trên của Liebling (viết từ năm 1960), tiền đề không được nói ra và không cần phải nói ra có thể là: bởi vì điều mà một ấn phẩm nói chắc chắn sẽ bị quyết định bởi người kiểm soát ấn phẩm đó...

* Abbott Joseph “A. J.” Liebling (1904-1963) nhà báo Mỹ gắn bó với báo *The New Yorker* từ năm 1935 cho đến khi mất.

Kết luận được nói ra — châm ngôn trên đây của Liebling — tự nó đủ chuẩn làm một ví dụ về báo chí trí tuệ. Trong một thời đại mà con đường còn lại duy nhất của báo chí để đến với số đông khán giả là một chiếc máy phát sóng đắt tiền hơn, Liebling đã mang lại chiêm nghiệm và hiểu biết thông qua lời tuyên bố về lợi thế của những người giàu có so với những công dân bình thường khác. Và châm ngôn của Liebling thậm chí còn mang theo nó một gợi ý về giải pháp: biết đâu một nền dân chủ có thể đưa ra một hệ thống mà tại đó người giàu có ít độc quyền hơn đối với những phương tiện bày tỏ chính kiến.³⁶

Chương trước nói về sự thấu hiểu và giải pháp — cùng với hai dạng sự thật — như những mong ước đầy tham vọng nhưng thích hợp với báo chí chất lượng tốt nhất. Phần còn lại của chương này được dành trọn để khám phá một số cách thức có thể đem lại những điều quý giá đó. Tôi cố gắng sử dụng chủ yếu những ví dụ mạnh mẽ như câu viết của Liebling — những ví dụ được kiểm nghiệm bởi thời gian. Dù sao đi nữa, chắc chắn báo chí trí tuệ là điều khả thi — đặc biệt khi vận hành dưới áp lực của hạn chót — mà không cần phải viết hay như Joan Didion hoặc đạt được nhiều thành tựu như Rachel Carson.*



* Rachel Louise Carson (1907-1964) là nhà động vật học và sinh học biển sinh tại Pittsburgh, Hoa Kỳ. Tác phẩm nổi tiếng của bà, *Mùa xuân lặng lẽ* (*Silent Spring*), được ghi nhận là đã làm xuất phát điểm cho phong trào bảo vệ môi trường trên toàn cầu. *Mùa xuân lặng lẽ* tạo ra một ảnh hưởng sâu rộng tại Hoa Kỳ và làm thay đổi chính sách quốc gia về thuốc trừ sâu. Rachel Carson được truy tặng huân chương tổng thống về tự do (Presidential Medal of Freedom).

*Làm cho có thể hiểu được ý nghĩa của sự việc thực tế.** Phải nói ngay rằng câu châm ngôn của A.J. Liebling — “Tự do báo chí chỉ được bảo đảm đối với những ai sở hữu một tờ báo” — nói với độc giả một điều mà hầu hết mọi người đã biết. Hoặc nói đúng hơn, nó cho phép mọi người nhìn thấy nhiều ý nghĩa hơn nơi một tình huống mà họ đã quen thuộc. Năm 1960, trong giai đoạn đỉnh cao của thời kỳ mà tin tức là một ngành kinh doanh lớn, câu đó đã đem đến một sự thấu hiểu: hệ thống báo chí tự do được tung hô của Mỹ có một giới hạn nghiêm trọng nếu việc đưa các ý tưởng chính trị ra trước đám đông khán giả là khó khăn trừ phi được chống lưng bởi ai đó có rất nhiều tiền. Cách dùng từ khôn ngoan và cô đọng của Liebling đã tối đa hóa sức mạnh của sự thấu hiểu này. Châm ngôn của ông chẳng hề đem lại thêm dữ kiện gì mới, mặc dù bài viết chứa câu này thì mang theo rất nhiều sự thật. Nhưng riêng câu này đã giúp độc giả hiểu rõ hơn những sự thật hiện hữu. Nó *diễn giải* các sự thật đó — một mục tiêu cực kỳ quan trọng đối với báo chí trí tuệ.

Louis Menand, một cây bút khác của *New Yorker*, đồng thời là giáo sư tiếng Anh tại Harvard, đã trăn trở về tính biện chứng của thông tin và sự thấu hiểu trong một khía cạnh khác — lịch sử: “Chúng ta đọc lịch sử để tìm kiếm thông tin, nhưng chúng ta cần thông tin để làm gì? Câu trả lời có chút nghịch lý: chúng ta muốn có thông tin để đạt được khả năng hiểu thông tin. Nói theo cách nào đó, chúng ta muốn phá vỡ cái vỏ bọc sự thật... Chỉ riêng thông tin là không đủ... vì khi chúng ta được trang bị trực giác, mọi dữ kiện đều trở nên hợp lý.”³⁷ Chúng ta có thể

* Nguyên văn: Making facts “sensible”.

thay từ *trực giác* nghe có vẻ huyền bí của Menand bằng từ *thấu hiểu*, nhưng phân tích của ông cũng đúng với báo chí.

Lincoln Steffens cung cấp một chút thông tin trong giới thiệu của ông về những điều tra tham nhũng tại một loạt đô thị Mỹ (khi những thành phố đó có sự đồng nhất cao hơn về chủng tộc):

Khi tôi bắt đầu cuộc hành trình, một người New York trung thực đã chân thành nói với tôi rằng tôi sẽ thấy những kiều dân Ireland theo Công giáo tại Mỹ là những người gây ra tham nhũng nhiều nhất. Thành phố đầu tiên tôi đến là St. Louis, một thành phố Đức. Tiếp theo là Minneapolis, một thành phố Bắc Âu, dưới sự lãnh đạo của người New England. Sau đó đến Pittsburgh, một thành phố Scotland theo Giáo hội Trưởng lão, câu nói của người bạn New York đúng tại đây! ‘À, nhưng tất cả họ là dân nước ngoài mà,’ tôi được người ta nói như vậy. Thành phố tiếp theo là Philadelphia, với cộng đồng dân Mỹ thuần chủng nhất, nhưng đồng thời lại là nơi tham nhũng trầm trọng nhất.*

Đây là thông tin có mục đích — thông tin phục vụ cho một hiểu biết: “Cái cơ ‘yếu tố nước ngoài’ kia,” Steffens viết, “là một trong những lời dối trá đạo đức giả đã chấn mất cái nhìn rõ ràng về chính chúng ta.” Và người dân Mỹ đã trông thấy gì khi nhìn vào bản thân? Câu tiếp theo rất-khó-nghe này — được dùng như một ví dụ về quan điểm trong chương trước — là cách Steffens trả lời câu hỏi đó và đập vỡ “vỏ bọc sự thật”: “Sai lầm trong quản trị của người Mỹ là để bị quản trị một cách sai lầm bởi người Mỹ.”³⁸

* Trong đoạn này, khi nói về các thành phố Đức, Bắc Âu, Scotland v.v... ý tác giả muốn gọi tên một thành phố theo cộng đồng người nhập cư chủ yếu tại đó – ND.

Một cựu sinh viên, về sau là đồng nghiệp của tôi, Sarah J. Hart, đã gợi ý với tôi rằng tin tức (news) là điều xảy ra; báo chí (journalism) là ý nghĩa bên trong điều xảy ra đó. Báo chí còn làm được những điều khác, Hart thừa nhận, tuy nhiên, góc nhìn đó là rất đáng quý. Chắc chắn sẽ là một tình huống dễ chịu khi mà, như đoạn viết của Lincoln Steffens, báo chí thành công trong việc tạo ra ý nghĩa. Tin tức trong quyển sách của Steffens là: một số lượng lớn các thành phố Mỹ tham nhũng rất nhiều. *Ý nghĩa*, như ông quả quyết, là việc này xảy ra bởi người Mỹ thuộc mọi thành phần đã chấp nhận sự tham nhũng đó.

A. J. Liebling và Lincoln Steffens, như nhiều nhà báo trí tuệ khác, đã làm cho có thể hiểu được ý nghĩa của sự việc thực tế. Họ đã vượt lên trên việc đưa tin.

Và đây là một hành trình ngày càng quan trọng mà các nhà báo cần phải thực hiện. Giờ đây, khi hầu hết kiến thức của nhân loại đang được đưa lên mạng Internet một cách nhanh chóng, những thông tin, sự việc, tin tức tràn ra từ những chiếc laptop, máy tính bảng, điện thoại thông minh. Đã từng có thời nhân loại đói khát thông tin, sự việc, tin tức. Thời đại đó — thời đại không có đủ thông tin — đã kết thúc. Giờ đây, cái mà chúng ta khao khát là những hỗ trợ nhằm vạch ra ý nghĩa từ tất cả những sự việc thực tế chúng ta có.



Vạch trần những sự thật bị che giấu. “Một phần trách nhiệm của người viết — như tôi quan sát,” nhà báo, tiểu thuyết gia

James Baldwin* viết vào năm 1955, “là xác minh các thái độ, sự sạo bên dưới bề mặt, chạm tới ngọn nguồn.”³⁹ Chắc chắn rồi, đây là một phần công việc của nhà báo trí tuệ. Dưới đây là những gì Baldwin đã viết cho *Partisan Review* bốn năm sau đó, về chuyến thăm của ông tới miền Nam nước Mỹ với tư cách là một người đàn ông Mỹ gốc Phi lớn lên ở miền Bắc. Ông thảo luận hai đề tài bị che giấu bên dưới bề mặt lúc đó (và cũng vào mọi lúc khác): tình dục và chủng tộc.

Có đam mê nào lại không thể được giải phóng trên một con đường tối vào một đêm ở miền Nam! Mọi thứ trông quá gợi tình, quá chậm rãi, quá riêng tư... Giữa bóng đêm miền Nam, dường như mọi thứ đều khả thi, ngay cả những khát khao thầm kín nhất, khó nói nhất; nhưng rồi nổi theo sau lại là ban ngày của miền Nam, cứng nhắc và trắng trợn ngược hẳn với ban đêm mềm mại, tối tăm... Có lẽ một vị chủ nào đó tăng tịu với cô nô lệ sẽ thấy được vẻ tội lỗi của mình trong đôi mắt nhợt nhạt của vợ vào buổi sáng. Còn người vợ sẽ thấy những đứa con của anh ta ở khu nhà cho nô lệ, thấy cách mà nàng hầu của anh ta, cô gái da đen đầy gợi cảm, đưa ánh nhìn về phía mình — một người phụ nữ, xét cho cùng, chẳng hề kém gợi cảm, nhưng màu da thì lại trắng.⁴⁰

Trong đoạn trích trên đây, tôi không tập trung vào khía cạnh *sự thật* căn bản và quan trọng mà các nhà báo — truyền thống lẫn phi truyền thống — phải đấu tranh hàng ngày: để lấy được,

* James Arthur Baldwin (1924-1987) là tiểu thuyết gia, nhà viết tiểu luận, nhà soạn kịch, nhà thơ, và nhà phê bình xã hội người Mỹ. Các tiểu luận của ông, được tập hợp trong *Notes of a Native Son* (1955), tìm hiểu những phức tạp rành rành nhưng không được nói ra về chủng tộc, tình dục, và phân biệt giai cấp ở xã hội phương Tây, đáng chú ý nhất là ở Mỹ giữa thế kỷ 20.

phải lấy được, những sự việc đúng — sự thật nằm trong việc không tường thuật những điều không đúng. Thực vậy, dạng sự thật đó ít xuất hiện trong đoạn trích của Baldwin hơn so với mọi đoạn văn khác được trích trong cuốn sách này. Thay vào đó, Baldwin theo đuổi dạng sự thật bị che giấu.

Sự thật bị che giấu có thể phơi bày bởi những điều tra từ báo chí, khi họ khai quật những sự việc liên quan. Đó là một phần lớn trong ý muốn của Lincoln Steffens. Đó là điều mà Woodward và Bernstein muốn làm. Những sự thật như vậy chắc chắn có thể bị hé lộ bởi việc tường thuật sâu sát, tỉ mỉ, đồng cảm về nơi hoặc tình huống mà các nhà báo thường làm ngơ, giống như khu ổ chuột ở Mumbai trong hai đoạn văn hấp dẫn trong cuốn sách xuất sắc của Katherine Boo* năm 2011:

Giữa đêm đang tới, người phụ nữ một chân đã bị thiêu trong đau đớn, và cảnh sát Mumbai đang đến tìm Abdul cùng cha cậu ta. Trong một túp lều rách nát cạnh sân bay quốc tế, cha mẹ Abdul đưa ra quyết định kiểm lời một cách bất thường. Người cha bệnh tật sẽ chờ đợi bên trong một chiếc lán có mái thiếc, vương vãi đầy rác, nơi cư ngụ của gia đình mười một con người. Ông ta sẽ đi trong lặng lẽ khi bị bắt. Abdul, người đem lại thu nhập cho cả gia đình, là người phải trốn đi.

* Katherine “Kate” J. Boo (sinh năm 1964) là nhà báo điều tra người Mỹ đã ghi chép về cuộc sống của người nghèo. Cô đoạt giải Pulitzer vì phục vụ cộng đồng (2000), giải “thiên tài” MacArthur (2002), và Giải thưởng sách quốc gia thể loại phi hư cấu (2012). Cô là cây bút cho tạp chí *New Yorker* từ năm 2003. Quyển sách *Behind the Beautiful Forevers: Life, Death and Hope in a Mumbai Undercity* của cô đoạt giải phi hư cấu từ PEN, Giải thưởng sách *Los Angeles Times*, và nhiều giải thưởng khác.

Tất nhiên Abdul không được hỏi ý kiến cho kế hoạch này. Cậu ta đã rối loạn hết cả đầu óc. Abdul mười sáu tuổi, hoặc có lẽ mười chín — cha mẹ của cậu ta chẳng thể nào xác định nổi ngày tháng. Thánh Allah, bằng trí tuệ bất khả xâm phạm của ngài, đã tạo cho cậu ta thể hình nhỏ bé và lanh lẹ. Abdul tự nói về mình: Một thằng hèn. Cậu ta chẳng biết gì về việc lẩn trốn cảnh sát. Phần lớn những gì cậu ta biết là về rác. Hầu hết thời gian của những năm tháng mà cậu ta nhớ được, cậu ta đều đang mua hoặc bán với những người tái chế các thứ mà những kẻ giàu có hơn đã vứt đi.⁴¹

Một khu tôn quý trong cung điện báo chí trí tuệ là dành cho “báo chí dân thân”: những tác phẩm như của Boo dựa trên tường thuật chuyên sâu, đầy áp những sự việc cay đắng về những nền văn hóa vốn rất dễ bị người khác bỏ qua — trong trường hợp này là một “hạ đô thị” tại Ấn Độ. Nhưng không có sự việc thực tế nào, như các nhà báo truyền thống hay Katherin Boo hình dung, được đưa vào tác phẩm của James Baldwin về “những đam mê được giải phóng trên một con đường tối vào buổi đêm ở miền Nam.” Ông biết lịch sử của mình, ông đã “đánh hơi” khắp nơi. Điều đó, hơn cả bằng chứng, chính là nguồn gốc của sự xuất sắc nơi Baldwin. Nếu không, những suy tưởng của Baldwin ở đây sẽ chỉ toàn là chiêm nghiệm, toàn là trực giác. Ông chỉ đang tường thuật — sử dụng mọi tự do mà phạm vi phi hư cấu cho phép — điều có thể đã xảy ra: một cô vợ trong tưởng tượng cùng một nữ nô lệ da đen trong tưởng tượng, họ nhìn nhau trong một cuộc ngoại tình cũng trong tưởng tượng. Ông chỉ đang tường thuật dựa trên độ ẩm, mùi hương, và những bóng hình. Thế nhưng Baldwin lại thực hiện một dạng điều tra: rất nhiều điều đã bị hé

lộ — rất nhiều điều đã nằm sâu bên dưới, bị che giấu, rất nhiều điều là đúng. Đó chính là báo chí. Và nó rất trí tuệ.

Tuyên bố của báo chí về sự cao đẹp đã phần dựa trên sức mạnh cải hóa của tính trung thực, thẳng thắn. Với những ai trong chúng ta đủ lạc quan về bản chất con người để theo đuổi được ý tưởng này đủ xa — ngay cả với sự chân thành trước đam mê, ngay cả với sự chân thành trước sỉ nhục — có điều gì đó cực kỳ đáng tôn kính nơi cách làm báo của James Baldwin. Vâng, nó đầy áp bức công, đau đớn, và giận dữ. Nhưng phảng phất đây đó cũng có những sự thấu hiểu (có lẽ là giữa những người phụ nữ, trong đoạn văn).

Tom Wolfe đã lột trần một loạt thái độ về chủng tộc rất khác trên tạp chí *New York* năm 1970 — những thái độ trong đầu óc của người da trắng thuộc tầng lớp thượng lưu tại Manhattan năm 1970 khi họ quyên tiền cho phong trào cấp tiến Báo Đen. Wolfe gọi dạng thái độ đó là “thời trang cấp tiến”:

Như mọi nỗ lực của con người hướng về một lý tưởng nào đó, dường như có những cách nghĩ khác nhau tồn tại song song. Một mặt, người ta thực sự có mối quan ngại chân thành đối với người nghèo, neo đơn; thực sự giận dữ trước việc phân biệt đối xử... Người ta hiểu tại sao những người da đen nghèo khổ trong phong trào Báo Đen cảm thấy bị thôi thúc phải lựa chọn những giải pháp quyết liệt. Thực sự người da trắng cảm thấy những điều đó. Nhưng mặt khác — chính là cách nghĩ thứ hai trong đầu — người ta có mối quan ngại chân thành đối với việc duy trì một phong cách sống chẵn chu tại Bờ Đông cho Cộng đồng New York. Và nỗi quan ngại này cũng chân thành không kém nỗi quan ngại đầu tiên, và sâu sắc không kém. Thực sự như vậy.⁴²

Tôi sẽ tranh luận rằng cũng có nhiều thấu hiểu thuộc dạng quen thuộc hơn trong báo chí, trong phân tích của I. F. Stone về Chiến tranh Việt Nam năm 1965. Chẳng hạn như vào tháng 1 năm đó, Stone đã làm điều mà mọi người khác đều làm: sử dụng các tài liệu sẵn có công khai để chỉ ra những thiếu sót, nếu không muốn nói là dối trá, của chính phủ Mỹ. Đây là cách ông mở đầu vấn đề: “Tuần rồi Ủy ban Đối ngoại của Thượng viện đã đưa ra một tập sách khách quan về ‘Thông tin cơ bản’ của cuộc chiến tại Việt Nam. Đó lẽ ra là một tuyển chọn những tuyên bố chính thức quan trọng của Chính phủ. Nhưng các ghi chép đã bị điều chỉnh.” Sau đó Stone liệt kê một loạt những tuyên bố quan trọng trước đó của chính phủ về cuộc chiến mà đã bị làm ngơ trong tập sách của Thượng viện, bởi lẽ chúng tô vẽ một bức tranh màu hồng về đồng minh của Mỹ, miền Nam Việt Nam, cùng những triển vọng về nó — một góc nhìn mà các sự kiện về sau cho thấy rất lỗ bịch. Sự thật rằng các quan chức Mỹ hết lần này đến lần khác đưa ra bức tranh lạc quan một cách bất hợp lý về điều đang diễn ra tại Việt Nam đã bị giấu đi trong tập sách của Thượng viện, cách làm mà Stone gọi là “chiếc kéo biên tập kín đáo.”⁴³

Tôi thừa nhận rằng những phân tích của Rush Limbaugh dựa trên sự kiện này cũng đem lại những thấu hiểu. Ông chắc chắn đủ khả năng phân tích những video hoặc tài liệu tin tức, phơi bày các màn đạo đức giả mang mặt nạ tự do. Nhưng cáo buộc không bằng cứ của Limbaugh rằng chủ tịch của Cục Dự trữ Liên bang Ben Bernanke “ngồi trong chiếc xe tăng chiến đấu cho Obama” dường như gần với một tuyên cáo hơn là khám phá sự thật. Trong đó, tôi thấy thành kiến rõ ràng hơn là sự thật được khám phá.

“Làm báo rất nhàm chán,” Norman Mailer* đã viết thế. “Làm báo rất bó buộc, trừ phi bạn tự xem mình như một thám tử tư điều tra những bí ẩn của một hiện tượng mới.”⁴⁴ Đòi lần Mailer đã thoát được tính chất nhàm chán trong nghề báo — dù là việc điều tra những căng thẳng giữa cảnh sát và những người biểu tình tại một cuộc tuần hành chống chiến tranh hay động cơ của một kẻ giết người.⁴⁵ Các thám tử tư lật tẩy được sự thật. Những nhà báo trí tuệ thường cũng làm được điều đó.



Mở mang góc nhìn. Rachel Carson đã giúp khởi động phong trào môi trường trong một bài viết trên *New Yorker* và sau đó là trong quyển sách *Silent Spring* (Mùa xuân lặng lẽ) vào năm 1962:

Lịch sử về cuộc sống trên trái đất từng là lịch sử về sự tương tác giữa những sinh thể với môi trường xung quanh. Các hình thái vật chất, các thói quen của thảm thực vật của trái đất cùng đời sống của muôn loài hầu như được hình thành bởi môi trường. Xét trên toàn bộ khoảng thời gian của trái đất này, hiệu ứng ngược — sinh vật thay đổi môi trường — là khá nhỏ bé. Nhưng chỉ trong thế kỷ này, có một loài — con người — đã nắm được sức mạnh lớn lao có khả năng thay đổi bản chất của thế giới quanh mình.⁴⁶

* Norman Kingsley Mailer (1923-2007) là tiểu thuyết gia, nhà báo, nhà viết tiểu luận, nhà soạn kịch, nhà làm phim, diễn viên và nhà hoạt động chính trị người Mỹ. Cuốn tiểu thuyết đầu tiên của ông, *The Naked and the Dead*, xuất bản năm 1948. Tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là *The Executioner's Song*, xuất bản năm 1979, đem lại cho ông hai giải Pulitzer. Ngoài giải Pulitzer, cuốn *Armies of the Night* của ông còn đoạt Giải thưởng sách quốc gia.

Đôi khi có được một góc nhìn nào đó là rất giá trị: nếu không phải “toàn bộ khoảng thời gian của trái đất này” thì cũng phải là một thế kỷ hoặc một thập niên. Theo đó, kết quả đạt được không chỉ là thấu hiểu hay một giải pháp tiềm tàng, mà có khi là giải pháp đích thực. Trong tình huống trên, giải pháp đó là một nỗ lực toàn cầu, đầu thế có khi vẫn chưa đủ, nhằm giảm đi thiệt hại đối với nước và bầu khí quyển mà loài người đã gây ra.

Tuyên ngôn của A. J. Liebling dài 12 từ. Nếu sự thấu hiểu có thể được gói vào một ít từ như vậy, thì chẳng có lý do nào mà không tìm kiếm nó trong một tweet dài 140 ký tự. Ví dụ tiếp theo của tôi — thực ra là một loạt ba câu tweet — không mang tính châm biếm, thậm chí cũng không đặc biệt khôn ngoan. Chúng không được viết ra một cách trau chuốt, và, không như đoạn văn của Rachel Carson, chúng chẳng hề có tham vọng thay đổi thế giới. Nhưng loạt tweet này, giống như đoạn văn của Carson, đã vận dụng lịch sử, và cũng đem lại góc nhìn hữu ích cho việc diễn giải những sự kiện đương thời.

Những tweet này được gửi đi chỉ cách nhau vài phút bởi nhà phân tích bậc thầy Nate Silver trên blog *FiveThirtyEight* của *New York Times* vào tháng 9 năm 2012, khi cuộc bầu cử tổng thống dường như đang nhanh chóng vượt khỏi tầm tay của Mitt Romney:

Nate Silver @fivethirtyeight Romney có phải một ứng cử viên “tồi”? Tùy vào việc nhóm nào cầm quyền. Rất nhiều lợi thế của tổng thống đương nhiệm nằm ở việc lôi kéo các đối thủ tầm thường.

Nate Silver @fivethirtyeight Danh sách những người thách thức các tổng thống đương nhiệm trong các kỳ bầu cử từ Thế chiến

2: Stevenson, Goldwater, McGovern, Reagan, Mondale, Clinton, Dole, Kerry.

Nate Silver @fivethirtyeight Romney tệ hơn Reagan hay Clinton. Được hơn McGovern, Goldwater. Ngang tài ngang sức với Stevenson, Mondale, Dole, Kerry.⁴⁷

Chỉ với ba tweet, Nate Silver đã giúp chúng ta nhìn ứng cử viên tổng thống Mitt Romney dưới góc độ khác hẳn.



Đánh giá. Các nhà phê bình đều đánh giá. Những nhà báo khác — ít nhất là những người được giải thoát khỏi tính khách quan triệt để và cân bằng — cũng có thể đánh giá.

Sau đây là các đoạn viết của Dorothy Thompson* cho *Cosmopolitan* sau một cuộc phỏng vấn năm 1931 với Adolf Hitler — theo đó bà ta nhìn ra sự rỗng tuếch của Hitler, nhưng đã đánh giá thấp mối nguy hiểm từ con người này:

Ông ta chẳng có hình thể đáng nhớ, gương mặt tầm thường, một người đàn ông với diện mạo hoạt kê, một người đàn ông có dáng người ẻo lả, không xương. Ông ta nói nhanh, không mạch lạc, thái độ kém, dễ bất an — chính là kiểu tiểu nhân điển hình...

* Dorothy Thompson (1893-1961) là nhà báo người Mỹ, năm 1939 được tạp chí *Time* công nhận là người phụ nữ có sức ảnh hưởng lớn nhất ở Mỹ sau Eleanor Roosevelt (phu nhân tổng thống Roosevelt). Bà là nhà báo Mỹ đầu tiên bị trục xuất khỏi nước Đức quốc xã năm 1934 và là một trong số ít người bình luận tin tức news trên radio là phụ nữ trong thập niên 1930.

Lý thuyết của Hitler về xã hội và kinh tế là câu chuyện ngụ ngôn chỉ kẻ ngốc mới đem đi kể. Đứng bên cạnh nó, các lý thuyết và chương trình cách mạng khác trở nên đầy trí tuệ. Nhưng chỉ có lý lẽ thì chưa bao giờ chinh phục được cả thế giới, và Hitler, một thiên tài về khả năng thôi thúc người khác, biết được điều đó. Chỉ có lợi ích cá nhân, được diễn đạt dưới những ngôn từ thống thiết, mới làm được điều đó. Hitler là người có cái lưỡi mị dân bằng vàng.⁴⁸

Đánh giá — chứ không phải chỉ đơn thuần thuật lại những sự việc — đòi hỏi nhà báo phải có một quan điểm. Như các nhà bình luận phim chẳng hạn, họ thường phải khen hoặc phê bình ở mức độ nào đó. Các nhà phê bình xã hội hoặc phê bình các nhà lãnh đạo chắc chắn không chỉ giơ ngón trỏ lên hoặc xuống, nhưng cách làm báo này được áp dụng tốt nhất bởi những người có thể nghĩ ra được điều gì đó đủ khiêu khích để nói ra.

Một lần nữa, xin trích lời của James Baldwin, từ bài viết của ông trên *Partisan Review* năm 1959:

Tôi chỉ là... một thế hệ bị tách khỏi miền Nam, nơi giờ đây đang trải qua một đợt rung chuyển mới về việc liệu những đứa trẻ da đen có cùng quyền lợi, năng lực, giáo dục như những đứa trẻ con của người da trắng hay không. Đây là một tranh chấp hình sự thật phù phiếm, hoàn toàn chẳng xứng đáng với đất nước này, và nó đang kéo dài, với cái niềm tin hoàn toàn xấu xa, bởi những con người hoàn toàn chẳng được giáo dục.⁴⁹

Thường thì chẳng cần phải nói nặng đến vậy, nhưng khi đánh giá, thì nặng lời một chút cũng có ích.



Mở rộng tầm nhìn về thế giới. Điều này có thể được làm thông qua tường thuật. Và Joan Didion — nhà báo, tiểu thuyết gia, đồng thời là người viết hồi ký — chắc chắn có thể tường thuật, như bà minh họa thông qua bài viết cho *New York Review of Books* về điều đang xảy ra tại El Salvador năm 1982 khi đất nước này đang nằm trong vòng kim kẹp của nội chiến và thần chết:

Có một dạng thông tin thực tế đặc biệt mà du khách đến thăm El Salvador cần biết ngay lập tức, giống như du khách tới các nơi khác cần thông tin về tỷ giá hối đoái hay giờ mở cửa của các viện bảo tàng. Tại El Salvador, người ta học được rằng kèn kền đầu tiên sẽ ăn các mô mềm, sau đó là mắt, phần cơ quan sinh dục lộ ra ngoài, rồi tới miệng đang mở ra. Người ta học được rằng một cái miệng mở ra có thể được dùng cho mục đích cụ thể, có thể nhét vào đó một thứ mang tính biểu tượng; ví dụ như, nhét vào đó cái của quý của đàn ông, hoặc, nếu quan điểm dấn dấp tới chủ quyền đất đai, thì là một ít đất cát đang tranh chấp. Người ta học được rằng tóc bị thối rửa chậm hơn da thịt, và một cái đầu lâu được phủ chiếc vương miện tóc hoàn hảo không phải cảnh tượng hiếm gặp giữa một bãi ném xác chết.⁵⁰

Nhưng Joan Didion chẳng hề chỉ tường thuật mà thôi — hoặc phong cách tường thuật của bà rất “dấn thân” và mang chủ kiến hơn nhiều so với cách làm báo truyền thống của Mỹ trong quá khứ — vì trong các tác phẩm phi hư cấu của mình, Didion không hề ngại ngần chỉ trích, cất nghĩa, nói ra điều mình nghĩ. Và bà luôn luôn suy nghĩ — ví dụ, ngay cả khi tường thuật về một vụ giết người cho *Saturday Evening Post*, một tạp chí nổi tiếng vào thập niên 1960. Didion có khả năng mở rộng tầm nhìn của chúng ta về thế giới ngay cả khi, trong câu chuyện giết

người đó, bà viết về thứ rất gần gũi với quê nhà như Thung lũng San Bernardino tại Nam California:

Tương lai luôn luôn có vẻ tươi sáng tại miền đất vàng, vì chẳng ai nhớ về quá khứ. Đây là nơi cơn gió nóng thổi qua, và những điều xưa cũ dường như chẳng phù hợp, nơi tỷ lệ ly dị cao gấp đôi mức trung bình trên cả nước và cứ ba mươi tám người lại có một người sống trong căn nhà di động. Đây là điểm dừng chân cuối cùng cho tất cả những ai đến từ bất cứ nơi nào khác, tất cả những ai trôi dạt tới từ cái lạnh, từ quá khứ, hay từ những gì cũ xưa. Đây là nơi họ cố gắng tìm kiếm một cuộc sống mới, cố gắng tìm thấy nó tại những nơi duy nhất mà họ biết đến để tìm: các bộ phim và báo chí.⁵¹



Thể hiện điều mà công chúng đang cảm nhận. Cách thức này dường như vi phạm các nguyên tắc được đặt ra trong những cách thức khác (của báo chí trí tuệ – ND) — hay, như người ta nói, chứng minh cho những cách thức khác. Vì nó nhìn nhận rằng vai trò của báo chí đôi khi không phải là gây ngạc nhiên, khai sáng, thách thức hay mở rộng hiểu biết của chúng ta, mà còn là kết tinh và làm sáng tỏ chính những suy nghĩ của chúng ta.

Thomas Carlyle* đã chú ý đến tài năng này và ăn mừng nó (tôi nghĩ thế) trong bài viết ngắn năm 1851 về đại úy Edward

* Thomas Carlyle (1795-1881) là triết gia, cây bút châm biếm, nhà viết tiểu luận, sử gia và nhà giáo người Scotland, được xem là một trong những nhà phê bình xã hội quan trọng nhất thời đại của ông.

Sterling — tác giả, biên tập viên, một “lãnh đạo” – cho báo *Times* tại London: “Sterling vội vã bước vào hộp đêm, vào trong xã hội London, đi khắp nơi suốt ngày, nói đủ thứ chuyện có lý lẫn vô lý, lắng nghe những người có lý lẫn vô lý... rồi quay về nhà vào đêm khuya, cô đọng chúng thành một cột báo trên *Times*, nhắm trúng điểm nhấn quan trọng giữa biển lời nói ồn ào vô tận của ngày hôm đó, với độ chính xác vượt lên tất cả những người khác.”⁵²

Để ví dụ cho việc nhắm trúng “điểm nhấn quan trọng”, tôi chọn một tác phẩm biếm họa chính trị. Biếm họa này xuất hiện trên *Washington Post* rất sớm vào ngày 4 tháng 11 năm 2008 — sau một đêm mà rất nhiều người Mỹ cùng bình luận viên trên truyền hình đã tự ngạc nhiên khi mình rung rung nước mắt vì nhận ra rằng nước Mỹ, với lịch sử phân biệt chủng tộc và chế độ nô lệ, vừa mới bầu vào ghế tổng thống một người đàn ông Mỹ gốc Phi. Trong bức vẽ đó, Tom Toles vẽ hình Nhà Trắng, bên trên là bầu trời với dòng chữ từ bản Tuyên ngôn Độc lập: “Chúng tôi khẳng định một chân lý hiển nhiên, rằng tất cả mọi người sinh ra đều bình đẳng...” Đang đi về phía Nhà Trắng là một người nhỏ bé với đôi tai to, nước da sẫm màu, mang theo một chiếc cặp tài liệu lớn.⁵³

Bằng việc thực hiện hình thức báo chí trí tuệ này, nhà báo đã nắm bắt được cốt lõi của điều mà một nhóm người đang suy nghĩ vào một thời điểm cụ thể. Họ thể hiện được suy nghĩ của nhiều người, thay cho những ai không có khả năng diễn đạt tốt suy nghĩ của mình. Và có lẽ nhà báo đã ghi lại được “biên bản”, như nhà nghiên cứu lịch sử văn học Dallas Liddle giải thích, của những cuộc thảo luận của mọi người trong suốt ngày hôm đó.⁵⁴

Goerge Will và Peggy Noonan và William Kristol thực hiện công việc này cho những người theo chủ nghĩa bảo thủ ngày nay; còn Paul Krugman, Rachell Maddow và Jon Stewart thì làm điều tương tự cho phái tự do.

Mạng internet khiến ai cũng có thể ra một “tờ báo” của riêng mình. Khi luôn có cơ hội rằng điều ta “đăng lên mạng” có thể tiếp cận được với một lượng khán giả cực kỳ lớn, khi điều ta chọn để chia sẻ trên mạng có thể quan trọng hơn những chuyện riêng tư tầm phào, viễn cảnh về tự do báo chí dường như một lần nữa lại được mở rộng, vượt khỏi giới hạn của những nhà xuất bản giàu có. Nhưng tất nhiên, mạng Internet cũng thêm vào vô số thứ cho “những ồn ào vô tận trên đời.” Vì vậy, tìm được “điểm nhấn quan trọng” cũng không hề đơn giản.

Thể hiện cảm xúc của một nhóm công chúng có vẻ là công việc kém “cao quý” hơn so với việc gây ngạc nhiên, khai sáng, thử thách hay mở rộng hiểu biết của độc giả. Nó cũng không hấp dẫn bằng việc đứng tách khỏi những “lời nói ồn ào” ngoài kia và nói lên điều gì đó mới mẻ, như trong một ví dụ ở phần trên: “Nhưng chỉ trong thế kỷ này, có một loài – con người – đã nắm được sức mạnh lớn lao có khả năng thay đổi bản chất của thế giới quanh mình.” Nhắm trúng những “điểm nhấn quan trọng” cũng vậy, rất dễ rơi vào việc chỉ đơn thuần xác nhận lại những quan niệm phổ biến, hoặc thậm chí là những thiên kiến. Dù sao — khi được thực hiện đủ mạch lạc — cách thức này vẫn có thể là một dịch vụ quan trọng của báo chí trí tuệ.



Tìm kiếm những nguyên lý lớn lao. Đứng đầu trong danh sách của John Adams về các yếu tố hướng “tâm tư và trái tim” của người Mỹ về cuộc cách mạng là “các nguyên lý”. Việc khẳng định những nguyên lý đó chính là nội dung “Những bức thư từ một điền chủ ở Pennsylvania” của John Dickinson. Chúng giữ một vị trí danh dự trong nền báo chí trí tuệ.

Edward R. Murrow cùng nhà sản xuất của ông, Fred Friendly, đã hạ bệ Thượng nghị sĩ Joseph McCarthy chủ yếu bằng những nguyên lý trong bộ phim tài liệu năm 1954 của họ trên CBS. Dưới đây là một số nguyên lý căn bản của nước Mỹ về công bằng và tự do mà họ viện dẫn trong phần trích mà các bạn đã đọc ở chương 4:

- “Chúng ta không được nhầm lẫn sự bất đồng chính kiến với phản bội tổ quốc.”
- “Chúng ta phải luôn nhớ rằng lời kết tội không phải là một bằng chứng, rằng việc kết án phải phụ thuộc vào bằng chứng cùng một quy trình pháp luật đúng đắn.”
- “Chúng ta sẽ không sống cùng sợ hãi, bất cứ nỗi sợ nào.”
- “Chúng ta sẽ không để nỗi sợ hãi khiến mình trở nên phi lý trí.”
- “Chúng ta không phải là hậu duệ của những con người khiếp sợ — những người sợ phải viết, phải nói, phải giao tiếp và bảo vệ những điều mà, hiện tại, chưa được lòng dân.”⁵⁵

Không phải mọi tranh luận công khai đều rõ ràng như thế. Nhưng một nhà báo trí tuệ nên có khả năng, khi tình huống đòi hỏi, nhận diện được những vấn đề lớn lao hơn, nếu không phải là phạm vi đạo đức, nơi các sự kiện đương thời.

Francis Jeffrey* là một trong những biên tập viên đầu tiên của *Edinburgh Review*. Sau đây là một đoạn ông viết hồi năm 1843, trong phần mở đầu cho một tuyển tập những bài viết của chính ông từ ấn phẩm đó:

Edinburgh Review nổi danh với việc đặt mục tiêu cao xa ngay từ đầu. Tờ báo từ chối giới hạn bản thân vào công việc khiêm tốn là phát ngôn những giá trị văn học đơn thuần về các tác phẩm ra đời trước đó, để đi sâu vào những Nguyên lý chứa đựng những xét đoán của nó, cũng như nắm bắt những góc nhìn lớn lao, độc đáo về tất cả những vấn đề quan trọng có thể liên quan tới các tác phẩm đó... Tôi nghĩ nó đã thành công rực rỡ trong việc làm cho tâm trí của cộng đồng (chính là tâm trí của rất nhiều cá nhân) quen với những suy đoán cao xa hơn, những góc nhìn vững vàng, lớn lao hơn về những mục tiêu vĩ đại mà con người theo đuổi, điều chưa bao giờ được thể hiện rõ ràng đến nhường này, để họ nắm bắt lấy.⁵⁶

Tờ *Edinburgh Review* của Francis Jeffrey tập trung vào sách, nhưng tôi những nguyên lý này hoàn toàn có thể được áp dụng vào ngành báo chí nói chung. Đi “sâu” vào “nguyên lý”, sử dụng “những góc nhìn lớn lao” về “những vấn đề quan trọng”, thử thách và mở rộng “tâm trí của cộng đồng”, giải quyết “những mục tiêu vĩ đại mà con người theo đuổi”, hướng tới những mục tiêu to lớn... tất cả những điều đó rất gần với phác họa về những mục tiêu của báo chí trí tuệ mà tôi đã tập hợp lại ở đây. Thực vậy, đó chính là những điều mà Walter Lippmann đạt được chỉ

* Francis Jeffrey, huân tước Jeffrey (1773-1850) là thẩm phán và nhà phê bình văn học người Scotland.

qua hai câu về chiến tranh được trích dẫn trong phần mở đầu cho chương này.

Lippmann xây dựng một tạp chí mới vào năm 1914, tờ *New Republic*, như một ngôi nhà cho những câu viết đầy tham vọng, độc đáo và mang tính thấu hiểu sâu sắc của ông. Một thế kỷ sau, chương cuối của quyển sách này sẽ kêu gọi cuộc canh tân nền báo chí để nó có thể trở thành ngôi nhà cho nhiều, nhiều câu viết như thế nữa.

7

“NHỮNG KHỐI TRÍ TUỆ LẤP LÁNH”

Những nhà báo trí tuệ, Tổ chức báo chí,
Khán giả và nền chính trị của chúng ta

“**K**hi đã tuôn ra, tin tức nhanh chóng trở thành hàng hóa,” phóng viên chuyên mục truyền thông David Carr của *New York Times* ghi nhận với sự nhiệt tình thường thấy vào năm 2012, “do đó các ý tưởng — những khối trí tuệ lấp lánh (nguyên văn là intellectual scoops: muỗng trí tuệ – ND) — có giá trị rất cao.”¹ Điều đó, tất nhiên, là một trong những tâm điểm của quyển sách này. Mượn cụm từ của Carr là *những khối trí tuệ*, tôi không có ý nói — và tôi tin Carr cũng vậy — rằng chúng ta cần thêm những tường thuật về lý thuyết văn học hay khoa học thần kinh, dù những đề tài này cũng tốt thôi.² Ý của tôi là ngành báo chí nên có khả năng thể hiện nhiều sức mạnh trí tuệ hơn khi thảo luận về những uẩn khúc trong chính trị, xã hội và văn hóa ngày nay. Ý của tôi là các nhà báo — đồng thời với việc nghiên cứu các sự kiện đương đại — nên hình thành, sáng tạo ra những ý tưởng quan trọng hơn nữa.

Hầu hết tin tức giờ đây đều tràn ngập khắp nơi ngay sau khi một sự việc vừa xảy ra. Do đó, ngành kinh doanh báo chí phải trở thành một ngành kinh doanh ý tưởng (idea business).

Tuy nhiên, nhiều nhà báo truyền thống, có lẽ bao gồm cả một số đồng nghiệp của Carr tại báo *Times*, đã chỉ theo đuổi và viết ra “những sự việc thực tế” trong một thời gian quá lâu nên không thể dễ dàng bắt đầu chuyển những sự việc thực tế đó thành ý tưởng. Tương tự, các biên tập viên của họ đã dành thời gian quá dài để kháng cự lại sự xâm lấn của bất cứ thứ gì không được trích nguồn cẩn thận, không được đánh giá là đủ khách quan, nên không thể dễ dàng chấp nhận việc đưa những ý kiến như vậy — bất chấp chúng có *lấp lánh* hay không — vào những trang tin của mình. Thực vậy, khi mà công việc cứ biến mất và những bài học để đời cho ngành báo chí cứ mất dần giá trị, một số nhà báo truyền thống ngày nay chỉ biết than khóc trên đồng tin tức bị tung ra tràn lan, chứ không hề tự hỏi rằng liệu họ có nên học HTML hay học cách đọc trên camera không.

Do đó sẽ cần đến một lượng đáng kể những tư duy mới, tái huấn luyện và tuyển dụng mới nếu chúng ta muốn dịch chuyển từ những trang *tin tức* (news sites) sang những trang *báo chí* (journalism sites) hay, có thể, thậm chí là những tờ báo giấy và báo phát sóng còn rơi rớt lại nhưng được chuyển thể. Người ta chắc chắn sẽ cần đến một lượng đáng kể những tư duy mới, tái huấn luyện và tuyển dụng mới nếu muốn có được nhiều trang chứa “những khối trí tuệ lấp lánh” hơn.

Một lần nữa, tôi xin nhấn mạnh rằng trong ước mơ về một nền báo chí mới hơn, trí tuệ hơn, vẫn còn chỗ cho số ít nhà báo, có lẽ từ các hãng thông tấn, những người có mặt tại các thăm

họa và các cuộc họp báo, bảo đảm cung cấp cho khán giả các yếu tố *ai, cái gì, khi nào, ở đâu*. Cũng hãy để tôi nhấn mạnh rằng báo chí tường thuật điều tra chắc chắn là quan trọng, cũng như những nỗ lực chứng kiến điều mà các phóng viên khác không thấy được, giống như Katherine Boo đã làm trong một khu ổ chuột ở Mumbai, hoặc những nỗ lực để thu thập những thông tin độc quyền. Phóng viên được huấn luyện để theo đuổi những điều truyền thống này sẽ chia sẻ những phòng-báo, chứ không phải phòng-*tin*, với những người theo đuổi “các khối trí tuệ lấp lánh” nọ.

“Lấp lánh” là một mục tiêu cao cả. “Trí tuệ” là một phẩm chất đáng gờm. Còn một cách nói khác, cũng rất tham vọng, về điều này. Với vai trò hướng dẫn cho các nhà báo, 5 chữ W truyền thống — bốn trong số đó giờ đây thường luôn hiện hữu trên mạng — có thể được thay thế bằng 5 chữ I: “informed – thông tin,” “intelligent – trí tuệ,” “interesting – thú vị,” “insightful – thấu hiểu” và “interpretive – diễn giải”. Các nhà báo vẫn còn cho ra những khúc khải hoàn về vinh quang của việc thu thập sự việc thực tế và ghi chép lại. Tuy nhiên, năm chữ I nói trên đòi hỏi nhiều hơn ở các nhà báo: nghiên cứu nhiều hơn, tư duy nhiều hơn, nhận định nhiều hơn, độc đáo nhiều hơn.

Thật đáng nói khi những cái tên được kính nể nhất trong lịch sử báo chí — từ Joseph Addison tới James Baldwin, Joan Didion, Tom Wolfe, từ Benjamin Franklin tới Lincoln Steffens, Walter Lippmann, và Rachel Carson — thực sự được biết đến nhờ bài tường thuật được viết một cách tinh tế, nhưng thông tin đầy đủ và thông tuệ, thú vị từ đầu đến cuối, mang tính chiêm nghiệm nhất quán, và được diễn giả theo cách rất tự do. Những công

nghệ tin tức mới sẽ hiệu quả nếu chúng cho phép các nhà báo thôi lãng mạn hóa việc thu thập và sắp xếp các sự việc thực tế, thay vào đó là tiếp tục khao khát vươn đến những mức độ thành công như thế.

Chương cuối cùng này tập trung vào việc làm thế nào mà những cách làm báo trí tuệ, tham vọng đó có thể thành hiện thực, và những hệ quả kéo theo của nó, không chỉ với ngành báo chí mà còn với cả độc giả lẫn nền chính trị của chúng ta.



Sẽ ra sao nếu chúng ta xây dựng lại từ đầu một tổ chức *báo chí*, chứ không phải *tin tức* cho thế kỷ 21? Chúng ta nên đưa những ai vào làm việc trong đó? Chắc chắn phải là những con người bị ám ảnh bởi thế giới đương đại cùng những biến chuyển ngày nay. Nhưng ở thời điểm này, với những mô hình phân phối kỹ thuật số và các mối quan tâm không ngừng tiến hóa của độc giả, nỗi ám ảnh đó liên quan đến những vấn đề như tỷ lệ ly dị ở Thung lũng San Bernardino, “lối suy nghĩ hai chiều” của dân Bờ Đông hay cuộc sống ở những khu ổ chuột tại Mumbai cũng nhiều như các mưu đồ của hội đồng thành phố sở tại.

Và chắc chắn chúng ta sẽ muốn đưa vào các tổ chức báo chí mới này những cá nhân biết cách viết — hoặc ghi âm, sản xuất video — một cách thu hút. Giờ đây cạnh tranh sẽ rất khốc liệt với lối làm báo cũ: những câu văn, đoạn ghi âm hoặc video chỉ mang thông điệp lặt vặt, ngắn ngủn, những thứ thuần túy sự việc, công thức, vụng về hoặc quá rõ ràng.

Đoạn đầu tiên trong bài báo trên *New York Times* tường thuật về cuộc tranh luận đầu tiên trong cuộc tranh cử tổng thống năm 2012 — đăng trên trang nhất của tờ báo ngày hôm đó — đem đến một ví dụ điển hình về cách mà các tiêu chuẩn viết bài không được duy trì hoàn hảo trong báo chí truyền thống. Ở chương 4, tôi đã phê bình tiêu đề bài báo này vì nó lựa chọn cách tiếp cận nhút nhát, buồn tẻ khi tường thuật một sự kiện mà, vì biểu hiện kém cỏi của Tổng thống Obama, đã suýt nữa lật thế cờ của cuộc bầu cử: “Obama và Romney, Tranh luận đầu tiên, so găng về cách cải thiện nền kinh tế.” Đoạn mở đầu bài báo thể hiện rõ vấn đề của nó — không chỉ vì một số cách dùng ngữ pháp vụng về, mà còn vì nó quá tham lam, lan man, và bất chấp việc sử dụng những từ ngữ như *sâu sắc nhất* và *tiếp sức*, đoạn báo này lại mang ấn tượng hoàn toàn trái ngược với *sâu sắc* và *tiếp sức*. Lý do: chẳng có mấy điều trong đó phải chờ đến sau cuộc tranh luận mới có thể viết ra: “Vào hôm thứ tư, Mitt Romney đã kết tội Tổng thống Obama thất bại trong việc dẫn dắt đất nước ra khỏi cuộc suy thoái kinh tế sâu sắc nhất kể từ thời Đại Suy thoái, ông đã dùng cuộc tranh luận tranh cử tổng thống đầu tiên để tiếp sức cho vị thế ứng cử viên của mình bằng cách thể hiện bản thân như một người đủ sức giải quyết các vấn đề mà ông Obama đã không giải quyết được.”³

Để so sánh, hãy xem cách mà William Kriston đã bắt đầu một bài blog, được viết chỉ ít phút sau khi cuộc tranh luận đó kết thúc, cho báo *Weekly Standard*, như sau:

Tổng thống Obama đã đúng trong câu nói kết thúc: “Đây là cuộc tranh luận tuyệt vời.” Vâng, đúng là vậy, nhưng là đối với Mitt Romney!

Mitt Romney đã trình bày phần tranh luận tuyệt vời nhất từ một ứng cử viên đảng Cộng hòa trong suốt hơn hai thập niên qua.⁴

Weekly Standard rõ ràng là một tờ báo theo phe bảo thủ. Rõ ràng là Kristol hài lòng với thắng lợi của đảng Cộng hòa. Nhưng ông ta đã “bắt” được đúng ý nghĩa và tinh thần của cuộc tranh luận, lời văn của ông súc tích, sống động, trực tiếp. Cách viết cô đọng như vậy — càng ngày càng trở nên phổ biến — không phải là bắt buộc đối với mọi người làm việc trong các tổ chức báo chí của thế kỷ 21, bởi những câu văn dài vẫn có sức hấp dẫn của chúng. Nhưng sẽ chẳng có nhiều chỗ cho những cách viết không sống động và không trực diện. Báo chí trí tuệ được lợi từ những tác phẩm thỏa mãn được về tính thẩm mỹ lẫn tri thức.

Ví dụ, sau đây là hai câu văn cân đối rất hay và ý nghĩa từ blogger cừ khôi Andrew Sullivan:^{*} “Điều mà một số người cực hữu dường như không nắm bắt được là việc chống đối tra tấn không phải nhằm mục đích nhẹ tay với khủng bố. Nó nhằm mục đích chống khủng bố thật hiệu quả.”⁵

Với các phóng sự điều tra — hãy chuyển cuộc thảo luận này từ *viết sang tường thuật* — chúng ta kỳ vọng có trong tổ chức báo chí của thế kỷ 21 những phóng viên có kinh nghiệm phơi bày những hoạt động phi pháp tại một cấp độ chính phủ hoặc

* Andrew Michael Sullivan (sinh năm 1963) là một tác giả, biên tập viên, và blogger người Anh, cư trú ở Mỹ. Từng là biên tập cho *The New Republic* và là tác giả hoặc biên tập của sáu quyển sách, Sullivan là một blogger và nhà bình luận có ảnh hưởng. Anh là người tiên phong viết blog chính trị, bắt đầu từ năm 2000.

doanh nghiệp nào đó. Chúng ta kỳ vọng các phóng viên biết cách làm việc với tài liệu, dữ liệu, có cảm quan về việc nên hỏi ai, hỏi cái gì. Nói cách khác, chẳng có gì thay đổi so với báo chí truyền thống lý tưởng cả. Tuy nhiên, đây sẽ là một thay đổi so với cách làm hiện tại ở hầu hết các trang tin trực tuyến, những trang tin hầu như đã tụt hậu rất xa trong việc khai thác các phóng viên điều tra có kỹ năng, và đặc biệt là triển khai các đội phóng viên điều tra có kỹ năng. Nhưng cũng phải nhìn nhận rằng họ có một lý do: duy trì lượng phóng viên trong suốt thời gian cần thiết cho các cuộc điều tra thấu đáo là rất tốn kém. Tuy nhiên, sử dụng thành thạo các nguồn dữ liệu mới ngày nay đã sẵn có từ các nguồn trên mạng vẫn có thể vừa củng cố vừa tăng tốc được cho các điều tra đó.

Với các dạng tin hay phóng sự độc quyền khác, kinh nghiệm trong việc chăm sóc và cung ứng cho các nguồn tin cũng sẽ hữu ích — bao gồm việc quen thuộc với ý nghĩa về “nền tảng sâu sắc” và “không suy diễn, quy kết” cùng với việc kiểm chế sử dụng các nguồn tin quá nhiều. Nhưng toàn bộ các thể loại tin / phóng sự độc quyền ngày nay chủ yếu thuộc dạng *phiêu lưu ký* — những cá nhân phóng viên ý thức được những điều bị bỏ quên và sẵn sàng đi đến nơi cần đến để quan sát, hỏi và tìm tòi. Katherine Boo là một ví dụ của phong cách làm báo phiêu lưu này, và không chỉ trong bài phóng sự của cô từ khu ổ chuột ở Mumbai mà thôi. Boo cũng đã tường thuật cho *New Yorker* về các y tá giúp những bà mẹ nghèo ở những khu đầm lầy Louisiana, về sự mất mát trong việc tạo ra việc làm tại nam Texas.⁶ Các tổ chức báo chí cần tìm thấy và trau dồi thêm những phóng viên du mục có đôi mắt sắc sảo, đôn độc, sẵn sàng xông

pha, nhạy cảm với bất công như thế — kiểu người không phải luôn luôn thường thấy trong những tổ chức thông tấn truyền thống ngày nay.

Boo đã làm việc ở vai trò phóng viên cho *Washington Post* trước khi làm cho *New Yorker*, nhưng ngay cả những người không có lý lịch báo chí truyền thống như vậy vẫn có thể thực hiện các bài phóng sự độc quyền theo nhiều dạng khác nhau. Joan Didion là ví dụ: bà bắt đầu sự nghiệp ở vị trí biên tập tại *Vogue* và cũng viết tiểu thuyết, kịch bản phim, gần đây còn viết cả hồi ký. Bà chưa bao giờ là một phóng viên tin tức, nhưng điều đó dường như chẳng thể cản trở dòng chảy những bài phóng sự độc quyền mang đầy hơi thở báo chí từ Didion, những bài viết cho các tạp chí định kỳ và sau đó được tập hợp thành sách.



Nếu mục tiêu chính của các tổ chức báo chí thế kỷ 21 là lấp đầy các trang báo, trang tin bằng trí tuệ, thì việc tuyển dụng tại hầu hết các tổ chức thông tấn của Mỹ vẫn chưa thay đổi đủ nhanh — ngay cả khi phóng viên cộng tác Katherine Boo trở thành nhân viên chính thức hoặc Joan Didion được bổ nhiệm. Thực vậy, chiếc thang sự nghiệp trong ngành báo chí thường được dất đầy bằng những truyền thống, y như các bài báo vậy. Khó lòng từ bỏ được sự kỳ vọng rằng bạn phải lần lần trèo lên một loạt những nấc thang — từ việc theo dõi và viết bài về một thị trấn ngoại ô chẳng hạn, tới việc viết về chính trị đô thị — trước khi, nếu may mắn, được viết về Washington hay các đề

tài ngoại quốc. Cứ như thể các tờ báo hay hãng truyền thông mà bạn đang cộng tác sẽ lớn dần lên theo sự nghiệp của bạn vậy. Và nếu bạn leo từng nấc với đủ sự đỉnh đạc và năng lực, một số phân tích tin tức hoặc thậm chí một cột báo sẽ dành cho bạn, khi tóc bạn bạc đi và bạn bắt đầu mệt mỏi với việc ghi lại suy nghĩ của người khác.

Những người làm nghề nhiều kinh nghiệm trong bất cứ lĩnh vực nào thường khuyên hoặc đòi hỏi những người mới vào nghề phải bắt chước con đường sự nghiệp của chính họ. Nhưng trong ngành báo chí đang sa thải nhân viên nhiều hơn tuyển dụng, thì những con đường sự nghiệp cũ đang dần biến mất. Và nếu tầm nhìn về tương lai của ngành báo chí là đúng, thì con đường đó dường như chẳng còn dẫn về đúng hướng nữa, vì thu thập dữ kiện và diễn giải chúng là hai hoạt động khác nhau. Những tài năng được nuôi nấng bằng việc chia phần theo dõi những tin tức theo từng khu vực địa lý, hay thư giãn cạnh một trợ lý ở hội đồng thành phố dường như không mấy liên quan tới khả năng viết ra những diễn giải thu hút về các sự kiện đang xảy ra.

Viết về tội phạm hay chính trị địa phương có thể hữu ích với những người đang phấn đấu trở thành một nhà báo trí tuệ — giống như việc dành thời gian tại một nông trại hoặc bán sản phẩm cũng chẳng hại gì nếu bạn muốn trở thành một bếp trưởng. Nhưng quan trọng hơn, các bếp trưởng cần phải học cách nấu ăn, và các nhà báo thế kỷ 21 cần phải học cách diễn giải. Thực vậy, một điểm kỳ quặc của báo chí thế kỷ này là thói quen tưởng thưởng các phóng viên có kỹ năng giấu đi quan điểm của mình khi họ đang ở những vị trí — chẳng hạn như phóng viên chuyên mục (columnist) — rất cần đưa ra quan điểm.

Hơn nữa, chiếc thang sự nghiệp truyền thống trong ngành báo được thiết kế để huấn luyện những người đa năng (generalist). Đề bạt các phóng viên từ mục này sang một mục khác đôi khi chẳng liên quan, hoặc chỉ định họ làm “phóng viên viết bài tổng quát” thường khiến họ trở nên thiếu đẳng cấp chuyên môn về một trong các mục đó, thiếu những trải nghiệm cần thiết để đi được xa hơn mức tường thuật theo kiểu “người ta nói”. Tình huống này được tóm gọn rất hay trong một châm biếm của vị chủ bút hài hước Dave Barry* năm 1995: “Nhà báo chúng tôi quyết tâm phải biết thật ít về nhiều đề tài khác nhau, đây là cách chúng tôi duy trì *sự khách quan*.”⁷

Chiến lược đó có thể hiệu quả khi kỹ năng làm báo được đo đạc bằng khả năng thu thập thật nhiều trích dẫn, rồi viết lại chúng cho chính xác — khi mà văn chương báo chí bị thống trị bởi các động từ mang tính quy kết. Nó có thể hiệu quả khi tính khách quan là mục tiêu quan trọng ngang với sự thật, chiêm nghiệm hay sự thấu hiểu. Nhưng nó sẽ ít hiệu quả hơn khi mục tiêu của báo chí là làm cho sự việc trở nên có nghĩa, vén màn những sự thật bị che giấu, mở mang góc nhìn, mở rộng thế giới quan, và tìm kiếm những nguyên lý lớn lao. Tất cả những mục tiêu này đều được lợi từ việc hiểu biết kha khá về một chủ đề.



* David McAlister “Dave” Barry (sinh năm 1947) là tác giả đoạt giải Pulitzer và người giữ chuyên mục báo chí, đã viết chuyên mục hài cho *The Miami Herald* từ năm 1983 đến 2005.

“Khi những người bạn trẻ tham vấn tôi về điều kiện để làm báo được thành công,” nhà bình luận Leslie Stephen viết vào năm 1881, “lời khuyên đầu tiên của tôi là thế này: hãy hiểu rõ một điều gì đó, bằng bất cứ giá nào, hãy cố gắng biết được một điều gì đó ⁸.” Một lần nữa, đã đến lúc điều này trở thành “lời khuyên đầu tiên” dành cho những nhà báo tương lai.

Và hãy lưu ý Stephen nói “hiểu rõ một điều gì đó” (know something) chứ không phải “hiểu hết mọi thứ” (know everything). Ở đây tôi thừa nhận đã đi hơi chệch so với lời giảng dạy từ Benjamin Franklin. Thay vì đòi hỏi các nhà báo muốn diễn giải và tranh luận phải “làu thông Địa lý, Lịch sử, những quan tâm của các vương quốc, các bí mật triều đình, và Phong tục Tập quán của mọi quốc gia”,⁹ tôi chỉ khuyên họ tập trung vào một phạm vi kiến thức — chẳng hạn như “Phong tục Tập quán” và lịch sử, địa lý của riêng thế giới Ả rập — ví dụ thế — hoặc chính sách sức khỏe, môi trường, hoặc kinh tế vĩ mô. Chúng ta chẳng thể nào là nhà bách khoa toàn thư, hiểu biết về nhiều lĩnh vực như Franklin được. Quan trọng là, theo lời Leslie Stephen, một nhà báo phải thông thạo một điều gì đó.

Có thể nhiều người sẽ bất đồng với Paul Krugman (người đứng chuyên mục được nhiều người đọc của báo *New York Times*), nhà kinh tế theo trường phái Keynes và là người ủng hộ chủ nghĩa tự do một cách kiên định và nhiệt huyết, nhưng sẽ khó mà tranh cãi về lợi ích mà những phân tích của ông về bất ổn tài chính Mỹ và thế giới mang lại, những phân tích của một nhà kinh tế học từ Princeton từng đoạt giải Nobel. Nói theo tiêu chí của Stephen Edelson Toulmin về “tuyên bố rằng mình biết” một cách nhẹ nhàng, thì Krugman, trong lĩnh vực này, đơn giản là “đủ kinh nghiệm”.¹⁰

Chuyên môn không thể phủ nhận của Krugman không chỉ đem lại vị thế cùng lượng dữ liệu thống kê và những bài tính toán, mà còn cho phép ông đặt những tranh luận và lý thuyết đương thời vào các bối cảnh (bối cảnh lịch sử hay các bối cảnh khác), từ đó cho phép ông đưa ra những góc nhìn khác nhau. Nói một cách khác thì Paul Krugman không cần phải dựa quá nhiều vào những trích dẫn từ các chuyên gia.

Chuyên môn, ngay cả khi dưới cấp độ của giải Nobel, còn đem đến được điều khác: các ý tưởng. Lời khuyên của Leslie Stephen cho những nhà báo đam mê vào năm 1881 cũng bao hàm ý này, “Hãy làm nô lệ cho một ý tưởng độc đáo nào đó, không thì bạn sẽ thành nô lệ cho một tờ báo.”¹¹ Câu này nghe có vẻ dễ gây bất đồng với các nhà báo truyền thống — đặc biệt với những người có ký ức về ý thức hệ quá cứng nhắc của thế kỷ 20. (Dùng từ *nô lệ* càng không ích gì.) Và những ý tưởng như vậy, tất nhiên, nên luôn luôn có thể được sửa đổi hoặc từ bỏ sau khi có sự xuất hiện của những thông tin trái ngược. Nhưng có lẽ, một lần nữa, chúng ta có thể được thấy những ý tưởng ở đúng dạng hình của nó — những suy nghĩ đã được mài giũa. Và có lẽ chúng ta cũng có thể, một lần nữa, được trông thấy nền báo chí hình thành từ những suy nghĩ — những suy nghĩ về các sự kiện đương thời.

Đồng nghiệp Jay Rosen của tôi, người mà tôi trích dẫn khá nhiều trong quyển sách này, đã đặt câu hỏi sau trên Twitter trong chiến dịch tranh cử tổng thống năm 2012: “Bạn có cần một lý thuyết (theory) tốt về ‘ý nghĩa’ của cuộc bầu cử 2012 để có thể tường thuật thật hay về nó hay không? Hầu hết phóng viên trả lời là không, nhưng tôi, tôi thì nói là có.”¹² Hầu hết các nhà báo truyền thống — dù họ có thừa nhận hay không — đều đặt

các giả thuyết nào đó xuyên suốt câu chuyện của mình. Phần khởi vung về cho bài báo trên *Times* về cuộc tranh luận đầu tiên giữa hai ứng viên Tổng thống Mỹ đã đưa ra một lý thuyết về điều Mitt Romney đạt được — “dùng cuộc tranh luận tranh cử tổng thống đầu tiên để tiếp sức cho vị thế ứng cử viên của mình, bằng cách thể hiện bản thân như một người đủ sức giải quyết các vấn đề mà ông Obama đã không giải quyết được” — nhưng thật khó để nói rằng đây là một lý thuyết gây ngạc nhiên hoặc mang tính thấu hiểu cao.

Liệu độc giả tìm kiếm thêm những giá trị phụ trội có đánh giá cao những “giả thuyết hay” thường xuyên nhấp nháy, hay là, như cách nói của Stephen, “một số ý tưởng độc đáo?” Chẳng phải việc có được một ý tưởng hoặc giả thuyết như vậy — nói cách khác, có được một quan điểm mạnh mẽ, dựa trên bằng cứ, thấu đáo, gợi suy nghĩ — cũng hết như có điều gì đó để nói sao? Chẳng phải các nhà báo thất bại trong việc theo đuổi những giả thuyết hoặc ý tưởng hấp dẫn đang biến mình thành nô lệ cho một quan điểm về làm báo ngày càng vô thưởng vô phạt, kém tham vọng, kém gây cảm hứng hay sao?

Khi nói tới ý tưởng, các nhà báo học thuật, những người đã nghiên cứu về lĩnh vực nào đó tại trường đại học, thường có lợi thế lớn so với các nhà báo được huấn luyện theo kiểu truyền thống: họ được giao thoa với các lý thuyết hiện có trong những chuyên ngành đó, nên họ có kiến thức đủ để có thể bảo vệ được, chứ chưa nói tới việc tạo ra được, ý kiến hay lý thuyết của riêng mình.

Tất nhiên, những nhà báo xuất thân từ dân học thuật chuyên ngành phải có khả năng làm cho những ý tưởng nặng nề của mình dễ tiếp thu hơn. Họ cần phải viết được ở cấp độ phi

học thuật — hàng tuần, hàng ngày, trong một số tình huống là hàng giờ. Họ cần phải sử dụng vốn từ ngữ phi học thuật. Giới học giả thường sử dụng nhiều từ chuyên môn, chỉ một số ít từ ngữ này cũng có thể nhanh chóng bỏ ngoài cuộc chơi những người bình thường và đại chúng. Và chắc chắn là kiến thức chuyên môn cùng khả năng viết mạch lạc không phải lúc nào cũng ở cùng phe. Nhưng nếu nhạy cảm với nhu cầu về tri thức, nếu sở hữu một cảm quan về câu từ cùng nhịp điệu, từ ngữ cùng niềm vui về chúng, thì nhà báo học thuật thậm chí có thể có lợi thế khi chuyển dịch những thuật ngữ — lợi thế từ việc thấu hiểu. Dưới đây là chẩn đoán của Krugman trong năm 2012 (dù với chút ẩn dụ nhỏ) về một khía cạnh của khủng hoảng kinh tế châu Âu — bằng ngôn ngữ thông tục rất hợp lý: “Về căn bản, Tây Ban Nha đang phải chịu đựng cú choáng váng từ một vụ bong bóng nhà đất khổng lồ, điều đó gây ra cả cuộc bùng nổ kinh tế lẫn thời kỳ lạm phát khiến cho nền công nghiệp Tây Ban Nha không thể cạnh tranh nổi với phần còn lại của châu Âu.”¹³

Ngành báo chí tuyển dụng các cá nhân có lý lịch học thuật trong lĩnh vực mà họ bình luận dường như là một động thái dễ hiểu, tuy nhiên suốt một thời gian dài, chuyện không rõ ràng như vậy. Các học giả có bằng tiến sĩ rất hiếm gặp trong ngành báo chí nửa sau thế kỷ 20.

Trong thế kỷ 18, dù các bằng cấp cao không phổ biến, nhưng Mỹ và châu Âu đều có những học giả của công chúng. Ben Franklin đáp ứng được nhiều định nghĩa về một “học giả” — ngoại trừ các định nghĩa học thuật — và ông lao vào, thậm chí thúc đẩy, các cuộc tranh luận công khai, giống như Daniel Defoe làm ở Anh và Voltaire làm ở Pháp. Họ rất thoải mái khi viết bài trong những

ấn phẩm dành cho quần chúng số đông. John Dickinson học chuyên ngành luật, và suy nghĩ của ông chắc chắn được chào đón để đưa lên báo. Trong thế kỷ 19, Horace Greeley đã tuyển Margaret Fuller,* một trí thức hàng đầu ở Boston, để viết thường xuyên cho tờ *New York Tribune* của mình. Nhưng trường hợp Henry James không thành công khi viết bài cho *Tribune* vào cuối thế kỷ đó, lúc Whitelaw Reid giữ chức tổng biên tập, đã báo hiệu về điều sắp xảy đến vào thế kỷ sau.

Trong thế kỷ 20, số học giả nhiều hơn, bắt đầu có những tiến sĩ, nhưng ngành báo chí không có nhiều học giả — ít nhất là không nhiều tiến sĩ. Những ngoại lệ được trân trọng như nhà cổ sinh vật học Stephen Jay Gould (1941-2002), người viết một mục báo đầy mê hoặc suốt mấy thập niên cho tạp chí *Natural History*, và Tom Wolfe, có bằng tiến sĩ từ Yale, dường như chỉ chứng minh thêm cho quy luật đó. Ngành báo chí thực sự vẫn thu hút một số nhân vật văn học — Hersey, Baldwin, Mailer, và Didion nằm trong số này — nhưng tên của họ hiếm khi xuất hiện ở các trang tin của báo.

Thời kỳ vàng son của giới trí thức quần chúng (public intellectuals) dường như đã trôi qua vào nửa sau của thế kỷ 20. Hầu hết các nhà báo bấy giờ chỉ say sưa với các sự việc thực tế, không được tiếp xúc nhiều với khái niệm lý thuyết hóa mà các giáo sư ngày càng quan tâm, đặc biệt là vì nhiều lý thuyết

* Sarah Margaret Fuller Ossoli (1810-1850), thường được biết với cái tên Margaret Fuller, là nhà báo, nhà phê bình, và người cổ vũ cho nữ quyền gắn với phong trào thuyết tiên nghiệm ở Mỹ. Bà là nhà báo viết phê bình sách chuyên nghiệp đầu tiên ở Mỹ. Quyển sách của bà *Woman in the Nineteenth Century* được xem là tác phẩm về nữ quyền quan trọng ở Mỹ.

trong số đó (chẳng hạn lý thuyết hậu hiện đại) thách thức cái chủ nghĩa hiện thực mà họ tôn sùng. Hệ quả là nhiều nhà báo từ từ đi gần tới ranh giới của việc chống lại tri thức. Năm 1988, khi lý thuyết giải tỏa kết cấu (deconstruction) đang nóng bỏng tại các trường đại học, thì một bài báo trên *Newsweek* bắt đầu bằng cách gọi Humpty Dumpty và Henry Ford là đại diện cho tinh thần của nó.¹⁴ Trong khi đó, các học giả lại đang bận bịu leo lên chiếc thang sự nghiệp của chính họ trong các chuyên khoa học thuật ngày càng bí hiểm và nặng nề về thuật ngữ. Nhiều người trong giới học thuật dường như đã mất đi thói thúc bình luận về những sự kiện đương thời cùng mọi thứ tài năng viết lách họ hẳn đã từng sở hữu. Họ cũng trở nên rất nghi ngờ giới báo chí.

Tuy nhiên, cùng với sự lên ngôi của Internet, cũng có một nhận thức rằng thế giới học giả hiện nay vẫn có một số chuyên gia học thuật không gặp vấn đề gì trong việc quản lý thời gian biểu bận rộn của họ và cách viết lách sao cho dễ đọc với quần chúng, và họ cũng thích đóng vai trò người bình luận báo chí — hay nói đúng hơn, là giúp tái định hình vai trò bình luận báo chí. Chỉ riêng về kinh tế học, như tôi đã đề cập, chúng ta có Brad DeLong ở Berkeley và Tyler Cowen ở George Mason — cả hai đều có thể cho ra những phân tích gãy gọn và mới mẻ trên blog của họ với tần suất hợp lý. Tờ *New York Times* đã khám phá ra tài năng của giáo sư Princeton là Paul Krugman trong phong cách báo chí này, tại một ấn phẩm trực tuyến thời kỳ đầu là *Slate*. Rồi sau đó là một số sách bán chạy, các hình thức truyền thông đa phương tiện theo kiểu “kinh tế học hài hước” dẫn đầu bởi Steven D. Levitt tại Đại học Chicago. Chúng ta cũng có các tài năng báo chí nơi các luật sư Tòa án Tối cao, như Tom Goldstein và Amy Howe trên *SCOTUSblog*.

Việc chúng ta muốn các học giả nắm giữ những chủ đề nào trên báo chí phụ thuộc vào từng chuyên ngành hay lĩnh vực cụ thể. Các nhà khoa học và bác sĩ được trao đặc quyền tường thuật về nghiên cứu thuộc lĩnh vực của riêng họ, vì các nghiên cứu đó tạo ra tin tức — ví dụ như nghiên cứu về tương lai của vũ trụ, hay nghiên cứu y khoa về một phương pháp điều trị mới cho một chứng bệnh cũ. Các giáo sư luật viết những bài mang chủ kiến về những luật lệ mới hoặc những vụ án lớn — ví dụ như trang *SCOTUSblog* bình luận sau quyết định về Đạo luật chăm sóc sức khỏe của Tòa án Tối cao. Các giáo sư văn chương thì thường được “trung dụng” để thảo luận về những quyển sách hoặc đời sống trí thức. Tuy nhiên, mối quan tâm của công chúng đối với các lý thuyết văn chương dường như yếu hơn nhiều.

Nhưng khi các học giả thuộc những lĩnh vực có vẻ đụng chạm trực tiếp nhất đến các sự kiện đương thời — các nhà khoa học chính trị, xã hội học, kinh tế học — lẫn sâu sang ngành báo chí, họ thường được mời phát biểu về các sự kiện đang xảy ra đó. Đa phần đây không phải diễn đàn để đến nói về sự thống trị kinh tế đang yếu dần của của nước Anh trong thế kỷ 20 – trừ phi đề tài này kéo theo một bài học liên quan đến sự thống trị kinh tế của nước Mỹ đang yếu dần đi trong thế kỷ 21! Đây cũng chẳng phải là diễn đàn để tranh cãi các vấn đề về phương pháp hoặc kỹ thuật — trừ phi việc áp dụng các phương pháp hoặc kỹ thuật đó có thể ảnh hưởng đến sự thấu hiểu về tình huống của chúng ta ngày nay. Hơn cả sự thấu hiểu thuần túy học thuật trong từng chuyên ngành, chúng ta muốn có được những thấu hiểu về thế giới từ các vị sứ giả trong tháp ngà này.

Và chúng ta đã bắt đầu có được điều đó. Sự xuất hiện của các nhân vật học thuật trong giới làm báo đã mang đến những ý

tưởng lớn hơn, những góc nhìn lâu dài hơn và phân tích sâu sắc hơn. Tóm gọn trong một từ thì điều đó đã làm gia tăng đáng kể nguồn cung trí tuệ cho ngành báo.

Nhưng tất nhiên, trí tuệ như vậy không phải luôn có ở bất cứ ai sở hữu vị trí giáo sư hoặc một tấm bằng tiến sĩ. Nó không nhất thiết phải được chứng nhận bằng một tấm bằng. Thực vậy, ngay cả khi các quy ước về tường thuật tin tức vẫn đòi hỏi phóng viên tại các tổ chức tin tức chính thống phải công khai những nguồn cung cấp tin, các tòa soạn đó vẫn che giấu nhiều nhà báo có chuyên môn cần thiết — không chỉ thành thạo một mảng gì đó mà còn tư duy sâu sắc và độc đáo về lĩnh vực đó.

Steven Pearlstein, phóng viên chuyên mục kinh doanh cho *Washington Post*, đã thắng giải Pulitzer năm 2008 nhờ “những chuyên mục đầy thấu hiểu, khám phá được các căn bệnh kinh tế phức tạp của quốc gia bằng sự rõ ràng, trong sáng đến xuất sắc.”¹⁵ Pearlstein hiện là Giáo sư Robinson về Vấn đề Công và Quốc tế tại Đại học George Mason, nhưng chính sự nghiệp báo chí của ông đã giành được cho ông vị trí giáo sư đó, chứ không phải ngược lại. Thực vậy, tấm bằng duy nhất của Pearlstein là bằng cử nhân về Hoa Kỳ học (American studies). Ông trở thành nhà báo với chuyên môn về kinh doanh và kinh tế theo cách truyền thống: trải qua thời gian dài vừa làm biên tập viên vừa làm phóng viên.

Hai blogger tôi yêu thích, Ezra Klein của *Washington Post* và Matthew Yglesias của *Slate*, còn quá trẻ để có được sự nghiệp dài hoặc phong phú trong ngành báo, hay học hỏi được gì từ ngành báo. Cả hai đều chỉ có bằng cử nhân. Thế nhưng, như tôi ghi nhận ở chương 4, Klein đã đưa ra những thấu hiểu sâu sắc về chính sách công, còn Yglesias làm điều tương tự ở mảng kinh

doanh, kinh tế — cả hai đều viết với sự độc đáo và tần suất cao đáng ngạc nhiên. Họ đọc rất chuyên chú, học hỏi từ tìm tòi, từ những trò chuyện tranh cãi trên mạng — vốn dĩ đây cũng là một phần công việc của họ. Nói cách khác, Klein và Yglesias đều đã trở thành chuyên gia, theo cách tự học, và điều đó cũng rất tốt. Thực vậy, một khám phá đầy hạnh phúc khác từ Internet là thế giới này đầy rẫy những chuyên gia cực kỳ thông minh nhưng không hề có bằng cấp.

Một chương trình học tiến sĩ là cách khá hiệu quả để thu thập chuyên môn, nhưng khó mà nói được rằng đó là cách duy nhất. Cái báo chí cần ở đây không phải là bằng cấp, mà là chuyên môn, chuyên ngành. Các tổ chức báo chí nên tuyển dụng nhiều hơn các cá nhân “thực sự hiểu biết một điều gì đó” trong số những lĩnh vực phong phú thường liên quan tới các sự kiện đương thời.

Các chuyên gia như vậy có thể được tóm lấy thẳng từ các trường đại học hoặc mượn từ ban giảng viên của trường đại học, như cách *New York Times* đã làm với Krugman. Họ có thể được tìm thấy bằng cách theo dõi các blog — như cách *Times* đã tìm thấy Brian Stelter.* Nếu các chương trình báo chí đòi hỏi học viên của mình phải thành thạo được một lĩnh vực nào đó, chứ không chỉ kỹ thuật viết báo — như một số chương trình hiện nay đang làm, kể cả chương trình mà tôi theo học¹⁶ – thì các chương trình báo chí sẽ đủ khả năng cung cấp ứng cử viên cho ngành báo.

* Brian Stelter (sinh năm 1985 ở Damascus, Maryland) là thông tin viên cao cấp cho CNN và là người dẫn chương trình *Reliable Sources*. Trước đó anh là phóng viên về truyền thông cho *The New York Times* và biên tập viên của TVNewser.

Chương trình Neiman Fellowship tại Harvard từ lâu đã giúp các nhà báo đào sâu được hiểu biết. Nhưng tranh luận ở đây là chúng ta không còn có thể trông cậy vào việc những chuyên gia như vậy được huấn luyện, như Pearlstein, bằng cách dần leo lên thông qua hàng loạt vị trí phóng viên, biên tập viên — vì hai lý do: một là, hầu hết những vị trí phóng viên và biên tập phi điều tra, phi chuyên môn này dường như sẽ không tồn tại tiếp nữa; hai là, những chuyên gia đa năng, đa tài mà các vị trí đó thường tạo ra (trừ những ngoại lệ như Steven Pearlstein) thì không đủ.

Thay vì những người đa năng theo định hướng sự việc thực tế (fact-oriented), phụ thuộc vào những nguồn tin chuyên gia, ý tưởng bây giờ sẽ là tuyển dụng những chuyên viên định hướng ý tưởng (idea-oriented), hiểu biết nhiều không kém các nguồn tin chuyên gia. Thay vì so găng với các thị trường và cảnh sát trưởng (ý nói chỉ đơn thuần đưa tin tức tại địa phương – ND), những phóng viên dạng này có thể đem lại nhiều chuyên môn cho chính sách đô thị, hay vài người nữa có thể nói tiếng Hoa hoặc tiếng Nhật, thông thạo về các vấn đề của châu Á.



Bảo đảm cung cấp cho độc giả những bài viết sâu sắc, chứ không chỉ đưa tin đơn giản về những sự kiện đáng đưa tin nhất trong ngày, cũng đòi hỏi những chuyển đổi liên tục về thứ tự ưu tiên và quy trình tại hầu hết các tổ chức báo chí. Các phân tích tin tức về bất cứ điều gì — ngoại trừ những câu chuyện lớn nhất – rất hay được làm một cách hời hợt, và các phóng viên chuyên mục, cộng tác viên chuyên mục tại trang ý kiến bạn

đọc, người viết xã luận v.v... không phải lúc nào cũng được điều phối tốt. Các phân tích của Steven Pearlstein về khủng hoảng tài chính năm 2008 và 2009 được chào đón lên trang bìa của *Washington Post* vào một số ngày trong khoảng thời gian tồi tệ nhất của cuộc khủng hoảng đó. Tuy nhiên, những phân tích của Paul Krugman thì lại bị đẩy ra các trang sau của báo *New York Times*. Trong việc này, có lẽ cách làm của *Times* là thường thấy hơn. Việc diễn giải tin tức tại các tổ chức tin tức truyền thống đôi khi không chỉ nhạt nhẽo mà còn rời rạc và không đáng tin cậy — về sau tôi đã nghĩ đúng như thế.

Ý kiến của tôi ở đây là: việc diễn giải là mục tiêu chính của các tổ chức báo chí – mục tiêu lên trang đầu. “Chủ kiến” (opinion) sẽ không chỉ là một nút bấm trên trang chủ, mà phải là điểm thu hút chính của trang chủ. Bất cứ ai click vào đó nên kỳ vọng được thấy các tin tức của ngày không chỉ được miêu tả mà còn được giải thích — một cách đáng tin cậy, một cách có hệ thống. Nói thẳng ra, điều này sẽ đòi hỏi các phóng viên (trừ những người làm phóng sự điều tra hoặc tin độc quyền) ngày càng được thay thế bằng những ai biết cách diễn giải vấn đề và tin tức.

Liệu những nhà báo trí tuệ này vẫn tường thuật thông tin? Đúng, các dữ kiện, sự việc thực tế (fact) vẫn phải được xác minh và tái xác minh. Một số nhà báo trí tuệ sẽ tiếp tục theo đuổi các tin độc quyền và các điều tra. Tất cả sẽ cần phải quan sát, đánh hơi, đặt câu hỏi — nên là trực tiếp, nên ở những nơi mà ảnh hưởng của chính sách là trực diện nhất. Nhưng chuyên môn của họ cũng sẽ bao gồm các văn phòng học thuật, tạp chí, sách, văn bản chính sách, và càng lúc càng nhiều ở trên web. Và chẳng ai trong số những nhà báo trí tuệ này, không như các đồng nghiệp của họ tại các cơ quan thông tấn, cần làm như các phóng viên

thế kỷ 20: tốc ký. Họ thường không bị yêu cầu phải đứng với cuốn sổ trong tay, len vào đám đông vây quanh cảnh sát trưởng, những người sống sót sau các vụ thảm họa, hay thậm chí các chính khách.

Các phóng viên chuyên mục, chịu trách nhiệm đưa ra chủ kiến về một điều gì đó trong các tin tức vài lần mỗi tuần, dường như bắt đầu có vẻ lỗi thời với sự trỗi dậy của báo chí trí tuệ — trừ phi họ tập trung vào một chuyên môn nào đó như Paul Krugman hay Steven Pearlstein. Một khi các tranh luận chuyên môn của những chuyên gia bắt đầu xuất hiện đầy khắp các trang báo, thì những tranh luận ít chuyên môn hơn còn ích lợi gì khi hiện diện trên một trang được đặt tựa là “Chủ kiến”?

Những nhà báo trí tuệ thời nay sẽ được sắp xếp thế nào đây? Hệ thống đưa tin theo khu vực địa lý (beat system), như được nói trong chương 4, là một thứ tàn dư của thời đại tiền truyền hình — chứ chưa nói là tiền-Internet. Nó có xu hướng sắp xếp thế giới theo vị trí mà thông tin phát ra. Các nhà báo trí tuệ không tìm kiếm thông tin, mà tìm kiếm ý nghĩa và hệ quả của các thông tin đó, sẽ ít tập trung hơn vào một số tòa nhà đặc thù — chẳng hạn như trụ sở cảnh sát — và tập trung hơn vào cách mà các chính sách lan đi, vào các tổ chức khác nhau, địa phương khác nhau — từ những trung tâm nghiên cứu chính sách tới những nhà tù, những đường phố. Điểm mấu chốt ở đây là họ cần được tổ chức theo những chủ đề mà họ sẽ phụ trách, những chủ đề gần với những chuyên môn, chuyên ngành học thuật của họ.¹⁷ Ở mức độ địa phương, các chủ đề đó có thể bao gồm luật hình sự, nhà cửa, giáo dục, giao thông. Nhiều tổ chức tin tức đã đang cân nhắc lại những chuyên mục của họ theo hướng này: thêm chuyên mục về vấn đề giao thông chẳng hạn.

Cách tiếp cận mới này đối với báo chí đem đến một cơ hội để đào sâu hơn quá trình tái định nghĩa báo chí.¹⁸

Các khu vực đưa tin (beat) theo địa lý dứt khoát phải bị cắt đi. Các nhà báo truyền thống thường đi theo những lối mòn, bám sát những địa phương quen thuộc, đi theo những quy luật thời gian đã chứng minh. Các quy trình như vậy cho ra được kết quả tạm ổn cho quá trình xử lý một thứ rối rắm, lộn xộn và không ổn định như tin tức. Nhưng chúng không thể đem lại những góc nhìn độc đáo, tạo ra những ý tưởng độc đáo. Chúng phải được thay đổi.

Làm thế nào để khai thác được các nhà báo trí tuệ ở phạm vi rộng hơn? Từ lâu các biên tập viên và nhà sản xuất luôn nỗ lực bảo đảm mỗi ngày họ đều có một tường thuật về các câu chuyện hay tin tức nổi bật. Các yếu tố như *đúng thời điểm* và *toàn diện* vẫn còn quan trọng tại một tổ chức báo chí, nhưng việc tường thuật các sự kiện mà hầu hết mọi người đã biết rồi thì không còn quan trọng nữa. Do đó các biên tập viên, nhà sản xuất giờ đây cần phải chuyên cần và nhanh chóng tương tự trong việc bảo đảm cung cấp cho khán giả một sự diễn giải hay một tranh luận về từng câu chuyện lớn xảy ra trong ngày. (Thường thì những tranh luận đó có thể sẽ gồm cả một bản tóm lược – in trong một khung riêng – về điều đã xảy ra, khung này dành cho các độc giả không có điều kiện cập nhật tin tức trong ngày.)

Do vậy, mỗi ngày các tổ chức báo chí sẽ chỉ định ít nhất một nhà báo diễn giải, với chuyên môn phù hợp, cho từng sự kiện lớn xảy ra trong ngày — theo cách tương tự như các tổ chức tin tức ngày nay chỉ định một phóng viên cho từng câu chuyện tin tức. Nếu có hai người bị bắn trong thành phố, một chuyên gia về luật hình sự, thay vì xuất hiện hoặc không chỉ xuất hiện tại đó, sẽ

dùng các số liệu thống kê để xác minh liệu khu vực đó có đang trở nên nguy hiểm hơn hoặc bớt nguy hiểm hơn hay không.

Nguyên tắc tương tự đối với các sự kiện, câu chuyện quốc tế. Nếu tổng thống Israel vừa nói điều gì đó quan trọng về quá trình hòa bình, thì một tổ chức báo chí chẳng cần phí nhiều không gian để đăng lại từng lời của ông ấy — những thứ đó đã được cập nhật và lan truyền rộng rãi rồi. Thay vào đó, họ sẽ dành không gian trên tờ báo cho một vị rành rẽ lịch sử các cuộc thảo luận hòa bình ở Trung Đông, đánh giá tuyên bố đó và tình hình của quá trình hòa bình.

Điều này nghĩa là các tổ chức báo chí lớn sẽ cần nhiều hơn một chuyên gia trong mỗi lĩnh vực — những “đội tàu nhỏ” (nguyên văn *flotilla*) đặc trách các vấn đề đô thị hoặc phân tích sự kiện nước ngoài chẳng hạn, nếu họ xem các vấn đề đó nằm trong phạm vi của mình. Như thế, nếu một chuyên gia đang bận làm việc dài hơi về một sự vụ nào đó, người khác luôn luôn sẵn sàng để đưa ra phân tích trên các bản tin giật gân.

Liệu những bài báo diễn giải có thể được sản xuất một cách nhanh chóng như thế — nhanh chóng như việc cho ra đời các tường thuật về những tin giật gân? Chúng ta đã thấy những bằng chứng lặp đi lặp lại trên web rằng điều này là hoàn toàn có thể — qua hai câu chuyện được thảo luận trong chương 4: hội nghị thượng đỉnh G-20 ở London và phán quyết liên quan đến Đạo luật chăm sóc sức khỏe của Tòa án Tối cao Mỹ.

Liệu thứ được xem là *tin tức* (*news*) có thay đổi khi các *bình luận* (*commentary*) nổi lên? Tôi nghi ngờ là có. Các nhà báo phụ trách việc diễn giải sẽ tìm kiếm những phẩm chất khác trong những dữ liệu thô thay vì chỉ thuật lại chúng. Họ sẽ thích các

tin tức có tầm quan trọng và hệ quả, vì chúng sẽ giúp họ hoàn thành được công việc diễn giải, bình luận. Và họ sẽ có khuynh hướng bỏ qua những tin kỳ quặc và lạ lùng, vì những câu chuyện tầm phào thường làm rối công cuộc tìm kiếm ý nghĩa.

Tôi không ngại thơ (về tin tức, ít nhất là vậy): ngành báo chí sẽ không bao giờ hoàn toàn thoát khỏi điều mà trong chương 4 tôi đã gọi là “sự bất thường mê hoặc”: quan tâm của chúng ta đối với những gì dị thường, kỳ lạ, gây sốc là rất sâu sắc. Một câu chuyện vào tháng 10 năm 2012 về một cô vú em ở thành phố New York bị kết tội giết hai đứa trẻ mình trông nom là một ví dụ: tin này thật sự khủng khiếp, đáng sợ, hoang dại đến mức không thể hình dung.¹⁹ Những sự việc bất thường như vậy, theo định nghĩa, gần như là không thể hiểu nổi.²⁰ Chúng không thể trở nên hấp dẫn với các nhà báo tìm kiếm những điều hợp lý và những góc nhìn lớn lao như với các nhà báo chỉ chăm chăm vào việc vỗ vai độc giả mà nói “Này, cậu sẽ không tin nổi điều khủng khiếp mới xảy ra đâu!”

Liệu các nhà báo có mất đi việc làm trong cuộc chuyển đổi thành báo chí trí tuệ này? Đáng buồn là một số người — thiếu các chuyên môn hữu ích, chủ yếu được huấn luyện để thu thập sự việc thực tế — đúng là có thể sẽ mất việc. Nhưng dù sao thì các nhà báo cũng đang mất việc rồi.

Và đâu sẽ là hệ quả của toàn bộ những thay đổi về phạm vi tập trung, về tuyển dụng, về quy trình làm báo này? Độc giả có thể chờ đợi những trang mạng báo chí (journalism site) *diễn giải* thông tin thấu đáo, đáng tin cậy và tinh tế, như cái cách mà những tờ báo như *New York Times* và *Washington Post* đã *tường thuật* tin tức.



Và giờ là một dạng câu hỏi khác, câu hỏi cho khán giả: Liệu sẽ có đủ người muốn ủng hộ ngành báo chí trí tuệ hơn này, ủng hộ những tổ chức mới hoặc những tổ chức cũ đã chuyển mình? Xét cho cùng, một bài tranh luận sâu sắc về một vấn đề, có lẽ còn mang một ít tính học thuật, có thể khó theo dõi (khó đọc) hơn một bài tường thuật đơn giản về sự kiện. Người ta không phải nỗ lực nhiều để nắm bắt được các chi tiết và nổi kinh sợ trong câu chuyện cực “hot” của cô vú em trong đoạn trên đây!

Chắc chắn là báo chí trí tuệ sẽ đem lại không chỉ cho những người làm nghề mà cả độc giả những trách nhiệm lớn hơn. Xét cho cùng, các khán giả của nghệ thuật phải vất vả hơn trong thưởng thức, khi những bức họa chỉ đơn thuần tái tạo hiện thực của Ernest Meissonier và những người theo chủ nghĩa hiện thực khác bị thay thế bởi hàng loạt trường phái hội họa hiện đại như chủ nghĩa ấn tượng, lập thể, biểu hiện, v.v.... Độc giả, thính giả, khán giả cần phải *vật lộn* với những góc nhìn, quan điểm đã thay đổi và đôi khi không được trông đợi trên các bản tin ngày nay. Đôi khi họ sẽ phải tra cứu thứ gì đó. Nếu không nắm bắt kịp, họ có thể phải tìm đến đâu đó để được tóm lược về việc *ai, cái gì, khi nào, ở đâu*, trong khi các nhà báo giờ đây chỉ tập trung vào những vấn đề như *tại sao, cái gì sẽ xảy ra tiếp theo, với hệ quả gì*. Họ sẽ thường xuyên bị thử thách. Đôi khi họ sẽ bất đồng với nhà báo.

Tuy nhiên, các dạng truyền thông khác — phim, chương trình truyền hình, thậm chí video game — đã trở nên ngày càng tinh vi, thậm chí khó nắm bắt trong những thập niên gần đây. Chúng thường xuyên đem lại điều mà Steven Johnson* gọi là “vận động

* Steven Berlin Johnson (sinh năm 1968) là tác giả người Mỹ viết về khoa học đại chúng và là nhà lý luận truyền thông.

nhận thức” (cognitive workout).²¹ Với các video game như *Myst* cùng những trò chơi tiếp theo của nó, trong đó người chơi phải học các quy luật trong lúc chơi, chúng ta đã đi được một chặng đường dài không chỉ từ thời trò *Pong*, mà từ thời của *Monopoly* (cờ triệu phú – ND). Với các chương trình truyền hình mà khán giả phải theo dõi nhiều cốt truyện đa dạng, chồng chéo từ tập này sang tập khác, phần này sang phần khác — như *Sopranos*, *Lost* — chúng ta đã đi được một quãng đường dài không chỉ từ *Perry Mason*, mà từ Edgar Allan Poe.* Và các yêu cầu tương tự cũng được đòi hỏi nơi khán giả của những bộ phim như *Waking Life*, *Memento*, *Inception*, và thậm chí *Groundhog Day*.

Trình độ học vấn là vấn đề nổi lên mạnh mẽ tại Hoa Kỳ kể từ giữa thế kỷ 20 và thời kỳ vàng son của nền báo chí miêu tả, toàn-sự-việc-thật. Giờ đây nó đã là vấn đề của toàn thế giới. Những trình độ chung về nhận thức, học thuật đã tăng cao khi radio, sau đó mạnh mẽ hơn là truyền hình rồi Internet, đã giúp con người hiểu chuyện của đất nước cũng rành rẽ không kém chuyện của khu phố gần nhà mình. Ngày nay, việc học trên laptop đang nhanh chóng trở nên khả thi không kém việc học tại lớp.

Đôi khi các nhà báo viết bài với quan điểm rằng đọc giả, thính giả, khán giả của mình thiếu kiến thức, thiếu học vấn, thiếu tinh tế; từ đó luôn dành quá nhiều công sức để tóm lược câu chuyện, tóm tắt các dữ kiện căn bản. Từ lâu họ đã nghiêng về phía sự đơn giản và dễ hiểu: đặc biệt rõ ràng, ngôn ngữ trong sáng, kết cấu

* Edgar Allan Poe (1809-1849) là nhà văn, nhà viết kịch, nhà phê bình, nhà thơ Mỹ. Poe được xem là ông tổ của thể loại truyện trinh thám và hình sự, ông có ảnh hưởng đến Charles Pierre Baudelaire, Fyodor Mikhailovich Dostoevsky, Arthur Conan Doyle...

kể chuyện đơn giản, các quan điểm chính trị không gây tranh cãi, cùng những sự việc dễ dàng được xác minh. Như thế, họ đã phạm lỗi cao ngạo và quá đi vào tiểu tiết. Các nhà báo đã đặt quá nhiều nỗ lực vào việc không làm bất kỳ ai thất vọng đến mức bây giờ họ khó có thể gây phấn khích cho bất kỳ ai! Họ đã móm cho độc giả của mình ăn sẵn theo quá nhiều cách khác nhau!

Nhưng tại sao các nhà báo lại không học chút gì từ những nhà sản xuất trò chơi điện tử, chương trình truyền hình và điện ảnh, những người đã tìm được thành công trong vài thập niên gần đây bằng việc từ bỏ cách làm phổ biến và chuyển sang thử thách khán giả của mình? Thực vậy, niềm vui sướng mà rất nhiều người sử dụng Internet ngày nay có được từ việc truy ra mẩu thông tin hay bình luận mới nhất về một đề tài mà họ đang quan tâm chính là bằng chứng cho thấy người tiêu dùng báo chí đã được sẵn sàng, thậm chí háo hức, để *làm việc* nhiều hơn. Chẳng ai thích thú và thỏa mãn với việc được đưa thức ăn tới tận miệng cả.

Đây không phải để nói rằng các nhà báo nên nuông chiều và đưa lên báo cả những thứ tầm phào hay không thích hợp. Nhưng trong môi trường mới này, họ buộc phải nhắm vào các mục tiêu cao xa hơn trước rất nhiều. Tất nhiên, thành công về thương mại có thể khác nhau. Báo chí trí tuệ là một kế hoạch cho nghề báo (journalism plan) hơn là một kế hoạch kinh doanh (business plan). Nhưng tôi cho rằng khán giả, những khán giả số đông, đang tìm kiếm những điều kích thích hơn, thử thách hơn nơi báo chí. Một số cách làm báo chí — như một số trò chơi điện tử, chương trình truyền hình, phim ảnh — có thể ngại ngần tránh né những “vận động nhận thức” như vậy. Nhưng những kênh báo chí hay nhất thì không nên như thế.

Một số blog hay nhất ngày càng duy trì những cuộc tranh luận về các vấn đề chính sách công, chẳng hạn như tranh luận về cách giảm chi phí trợ cấp của chính phủ mà ít ảnh hưởng nhất lên người nghèo, hoặc về cách hãm bớt đà tăng trưởng của chi phí chăm sóc sức khỏe tại Mỹ v.v... Báo chí truyền thống từng phải dựa vào những cách hành văn long trọng khi xử lý những chủ đề như vậy. Nhưng những blogger này cho thấy mọi người hoàn toàn có thể bàn bạc những đề tài này không chỉ với số liệu và biểu đồ, mà còn cả với trí tuệ và thậm chí thi thoảng cả một chút phong cách bình dân: họ trích dẫn lẫn nhau, họ trêu cợt lẫn nhau. Trước hết, những cuộc tranh luận kiểu này rất vui. (Hầu hết các blogger được đề cập trong các chương trước là ví dụ minh chứng cho điều này.) Hệ quả là, mặc dù các vấn đề chính sách công có thể không “thời thượng” lắm, nhưng chúng đang được thảo luận — trên Twitter, đương nhiên rồi, trên các blog nhỏ hơn, hay khi trà dư tửu hậu. Báo chí đang khám phá ra, nếu không muốn nói là tạo ra thêm, những độc giả mới. Chúng ta thậm chí có thể hy vọng rằng các chính trị gia sẽ tìm thấy ở đây những cách thức hiệu quả hơn để thảo luận về các vấn đề chính sách này.



Cuốn sách này không dự định trở thành một rao giảng lê thê về những điều không tưởng. Ngành báo chí có thể và phải cải thiện, nhưng nó vẫn đang tiến hóa và vẫn dễ tổn thương trước những vội vã và khát khao ở hiện tại. Ngoài ra, báo chí là một loại hình nghệ thuật quần chúng: ngay cả một cam kết mới hướng về tính trí tuệ và tiêu chuẩn cao của báo chí cũng

không thể ngay lập tức loại trừ hoàn toàn dạng báo chí giật gân, hoặc biến chuyển các trang truyền thông mạng thành những bài hướng dẫn chuẩn như từ Oxford được.

Vẫn luôn luôn có nguy cơ rằng trật tự mới này cho báo chí, trong khi sửa chữa một số điểm yếu của trật tự cũ, lại có thể dẫn tới những điểm yếu mới. Khi gặp sức ép về thời hạn, các nhà báo trí tuệ có thể có xu hướng vờ như đã biết, thay vì nói hay viết ra những điều được xác thực. Khi từ bỏ việc chạy theo như bị ám ảnh đối với các chi tiết, họ có thể cũng dễ đánh mất một cam kết khác với tính chính xác trong nghề báo. Việc được phát biểu chủ kiến có thể làm họ phớt lờ những ý kiến trái ngược. Cuối cùng, nếu những tin tức mới mẻ xảy ra quá chậm, những nhà báo này có thể bị rơi vào hoàn cảnh phải “hoãn binh”, viết hay nói cho qua chuyện.

Nhưng chúng ta — các nhà báo, nhà phê bình báo chí, khán giả/độc giả của báo chí — có thể ngăn ngừa những nguy cơ trên đây bằng việc trở nên cởi mở hơn trong đánh giá về báo chí diễn giải. Chúng ta có thể dành ít thời gian hơn cho việc đơn giản là đồng thuận hoặc bất đồng với một lập luận nào đó. Thay vì thế, hãy dành nhiều thời gian hơn cho việc tìm kiếm bất cứ điểm yếu nào mà lập luận đó thể hiện về mặt cá tính, diễn ngôn, phương pháp, phong cách, bằng cứ và logic. Nhờ vào cơ chế phản hồi nhanh chóng từ đám đông, mạng Internet và các trang web đã khẳng định được khả năng lão luyện trong việc tìm ra các điểm yếu của một lập luận nào đó.

Và lợi ích tiềm tàng sẽ rất lớn nếu các nhà báo của chúng ta — những nhà báo giỏi nhất — ngày càng được giải phóng khỏi công việc mang tính chất đánh thuê và bàn giấy là thu thập tin

tức (news gathering), nếu họ thường xuyên xem trách nhiệm của bản thân là, trích theo lời của Jürgen Habermas, “người nắm giữ và lãnh đạo ý kiến của quần chúng”,²² nếu họ được huấn luyện và giao phó trách nhiệm đem lại những góc nhìn đủ thông tin, thông minh, được diễn giải và mang tính thấu hiểu, khai sáng về những sự kiện đang xảy ra. Đặc biệt, chúng ta có thể hy vọng rằng khi cạnh tranh trong giới báo chí chuyển từ việc ai ghi chép và tóm tắt giỏi nhất thành việc ai đào xới thông tin sâu nhất, sắc sảo nhất, thì khi đó hiểu biết của chúng ta về kết quả công việc của chính phủ và xã hội sẽ được củng cố.

Nói cách khác, tôi cũng có một số hy vọng không hề hão huyền về nền chính trị của chúng ta. Những bài báo diễn giải đầy trí tuệ không ngăn được các chính khách phản đối hay hứa hẹn quá nhiều, nhưng chúng có thể khiến việc phân tích những phản đối và hứa hẹn của họ trở nên dễ dàng hơn. Chắc chắn những bài báo đó không thể giải thoát các tranh luận chính trị ra khỏi sự xuyên tạc và những tuyên bố lập lờ, nhưng ít ra chúng có thể cho ra được một số liều thuốc giải độc.

Các nhà báo trí tuệ sẽ ở vào vị trí tốt hơn để kiểm tra các dữ kiện còn nghi vấn hoặc một bằng chứng dựa trên các kết quả còn nghi vấn. Thực vậy, những điều đó đã bắt đầu xảy ra rồi. Được giải phóng để tập trung vào các vấn đề lớn lao hơn, những nhà báo này sẽ ít nhảy dựng lên trước những sơ suất vụn vặt. Được giải phóng khỏi đôi nặng của tính cân bằng, những nhà báo này sẽ phải đặt câu hỏi thường xuyên hơn về tính cân bằng giữa lên án và phản biện (trong các tranh luận về chính trị – ND). Trong những cuộc đấu tranh gần đây tại Quốc hội Mỹ và kỳ bầu cử năm 2012, người ta có thể thấy các nhà báo nỗ lực làm nhiều hơn khi đưa ra những nghi vấn này.

Chúng ta cũng đã bắt đầu thấy — và điều này thậm chí còn ý nghĩa hơn — những ý tưởng mới lại một lần nữa bắt đầu tuôn trào thường xuyên hơn từ các nhà báo tới công chúng và tới nền chính trị. Chúng ta có thể chưa thấy những thứ có tầm vóc và ảnh hưởng ngang với Rachel Carson về môi trường trong quyển *Silent Spring*, hoặc ngang với phân tích của John Dickinson về Đạo luật Townshend. Nhưng nếu chúng ta cố gắng tập trung vào cách làm báo trí tuệ của những nhà báo trí tuệ nhất trên web — như tôi đã tập trung vào những người trí tuệ nhất trong số những người trí tuệ nhất trong lịch sử báo chí Mỹ — chúng ta có thể thấy sự xuất hiện không chỉ của một số phê bình đầy thách thức mà cả một số ý tưởng đầy thách thức.

Nói cách khác, chúng ta đang chứng kiến ngành báo chí bắt đầu thay đổi. Những chuyển mình như vậy không thể tránh khỏi việc bị hiểu lầm, lộn xộn, thất thường và không làm mọi người hài lòng: có những tiêu chuẩn, những quy trình mới phải mất thời gian mới hoàn thiện. Nhưng các nhà báo sẽ dần giỏi hơn trong vai trò người đánh giá (evaluator) hay người tạo ra ý tưởng (idea generator). Và mặc dù nền báo chí đầy trần trở, suy tư mà họ tạo ra sẽ không ngay lập tức tháo gỡ được mọi nút thắt của nền dân chủ, nó vẫn có thể cải thiện được những cuộc đối thoại, mà trên đó nền dân chủ hình thành.

Một nền báo chí trí tuệ hơn nên tạo ra những công dân trí tuệ hơn, theo đó là nền chính trị trí tuệ hơn. John Dickinson và Rachel Carson đã thay đổi quỹ đạo của các sự kiện bằng cách cung cấp cho khán giả một góc nhìn mới về thế giới. Điều đó phải là tham vọng cao nhất của nền báo chí trí tuệ. Đó phải là tham vọng cao nhất của báo chí.

CHÚ THÍCH

GIỚI THIỆU

- ¹ Bill Keller, “Talk to the Newsroom: Executive Editor,” NYTimes.com, 30 tháng 1 năm 2009, http://www.nytimes.com/2009/01/30/business/media/02askthetimes.html?pagewanted=all&_r=0.
- ² Dự án vì sự xuất sắc trong nghề báo (Project for Excellence in Journalism – PEJ) của Trung tâm nghiên cứu Pew: *The State of the News Media 2013* (Washington, D.C.: Pew Research Center, 2013), <http://stateofthemedias.org/2013/overview-5/>. Các số liệu này dựa trên dữ liệu hoặc ước tính năm 2012. Tôi cũng tham khảo một báo cáo khác của dự án này: *The State of the News Media: An Annual Report on American Journalism* (Washington, D.C.: Pew Research Center, 2011), <http://stateofthemedias.org/2011/>.
- ³ Dự án vì sự xuất sắc trong nghề báo của Trung tâm nghiên cứu Pew: *The State of the News Media 2013*. Nguồn mà Trung tâm Pew sử dụng là từ Hiệp hội Biên tập viên Mỹ (American Society of News Editors), *Newsroom Employment Census* (Columbia, Mo.: American Society of News Editors, 2010), nhưng Trung tâm Pew đã tính toán và thêm vào các ước tính cho những năm gần đây.
- ⁴ Xem Jennifer Dorroh, “Statehouse Exodus”, đăng trên *American*

Journalism Review, tháng 4 và 5 năm 2009, <http://www.ajr.org/article.asp?id=4721>. “Năm 2003, có hơn 1.000 nhà báo nước ngoài tường thuật về cuộc chiến tại Iraq,” ghi chép từ tổng biên tập của *New York Times* là Jill Abramson năm 2010, khi các lực lượng nước ngoài vẫn đang chiến đấu ở đó. “Ngày nay con số đó đã giảm xuống chỉ còn chưa tới 100” (“Sustaining Quality Journalism,” *Daedalus* 139 [Spring 2010]: 39–44). Một báo cáo năm 2013 từ Trung tâm Pew Center phản nân về “nguồn tin tường thuật liên tục giảm xuống” (*The State of the News Media* 2013).

- ⁵ Xem, ví dụ, hội thảo của Đại học California năm 2008, Berkeley về “khủng hoảng tin tức” tại http://fora.tv/2008/04/26/The_Crisis_in_News_Print_Media.
- ⁶ Đây là định nghĩa mà tôi giới thiệu trong *A History of News* năm 1988. Xem Mitchell Stephens, *A History of News*, ấn bản lần 3. (New York: Oxford University Press, 2007), trang 4.
- ⁷ Để hiểu thêm góc nhìn thú vị kiểu Heidegger về việc các phát triển công nghệ đã hình thành các đặc tính “trực tiếp” (live) và “tức thời” (real time) cũng như những biến đổi chúng gây ra đối với “sự kiện hóa” (eventization), xem Bernard Stiegler, *Technics and Time*, vol. 1, bản dịch tiếng Anh của Richard Beardsworth và George Collins (Stanford, Calif.: Stanford University Press, 1998), trang 16 và nhiều đoạn khác.
- ⁸ Để thảo luận về khó khăn này, xem Slavko Splichal và Colin Sparks, *Journalists for the 21st Century* (Norwood, N.J.: Ablex, 1994), trang 1–31.
- ⁹ Xem Clay Calvert, “And You Call Yourself a Journalist? Wrestling with a Definition of ‘Journalist’ in the Law,” *Dickinson Law Review*, số 103 (mùa Đông 1999): trang 411–451.
- ¹⁰ Để biết thêm về bức tường phí (pay wall), xem thảo luận về báo chí tại Dự án vì sự xuất sắc trong nghề báo của Trung tâm nghiên

cứu Pew, *The State of the News Media 2013*, nhất là tại <http://stateofthemedias.org/2013/newspapers-stabilizing-but-still-threatened/>.

- ¹¹ Để thảo luận về các vấn đề của quảng cáo trực tuyến, xem Michael Wolff, “The Facebook Fallacy”, *Technology Review*, 22 tháng 5 năm 2012, <http://www.technologyreview.com/web/40437/?nld=nldly&nld=2012-05-22>.
- ¹² Ross King, *The Judgment of Paris* (New York: Walker, 2006), trang 2–3, 204–205, 331, 344.
- ¹³ Sđd, trang 2.
- ¹⁴ Trích dẫn từ Constance Cain Hungerford, *Ernest Meissonier: Master in His Genre* (Cambridge: Cambridge University Press, 1999), trang 39.
- ¹⁵ Trích dẫn từ Marc J. Gotlieb, *The Plight of Emulation* (Princeton, N.J.: Princeton University Press, 1996), trang 165.
- ¹⁶ Trích dẫn từ Hungerford, *Ernest Meissonier*, trang 162, 173.
- ¹⁷ King, *The Judgment of Paris*, trang 369. Để biết giá bức tranh này, xem Henry James, “The American Purchase of Meissonier’s Friedland”, trong *The Painter’s Eye* (Madison: University of Wisconsin Press, 1989), 108. Tuy nhiên, Constance Cain Hungerford cho biết mức giá là 300.000 franc (*Ernest Meissonier*, trang 174).
- ¹⁸ Trích dẫn từ Hungerford, *Ernest Meissonier*, trang 162.
- ¹⁹ Marc J. Gotlieb giải thích rằng “Thành công của Muybridge dẫn đến sự sụp đổ vào cuối thế kỷ 19 của tiêu chuẩn hiện thực trong nghệ thuật, cái đã chiếm ưu thế trong hội họa khoảng hơn nửa thế kỷ trước đó” (*The Plight of Emulation*, trang 183).
- ²⁰ Trích dẫn từ Hungerford, *Ernest Meissonier*, trang 205.
- ²¹ Sđd, trang 206.
- ²² King, *The Judgment of Paris*, trang 370–371.

- ²³ Keller, “*Talk to the Newsroom.*”
- ²⁴ Honoré de Balzac, lời nói đầu của tác phẩm *The Chouans*, Katharine Prescott dịch, ấn bản điện tử (N.p.: MobileReference, 2009), http://books.google.com/books?id=En7jT7KPJvYC&dq=Balzac+%22author+firmly+believes+that+details+alone%22&source=gbs_navlinks_s.
- ²⁵ Câu chuyện này được Steven Johnson kể rất kỹ trong *The Ghost Map: The Story of London’s Most Terrifying Epidemic—and How It Changed Science, Cities, and the Modern World* (New York: Riverhead Books, 2006). David Mindich đã nhấn mạnh sự biến chuyển từ những lý giải tôn giáo về dịch tả trên báo chí Mỹ sang những lý giải dựa trên sự việc thực tế: “Còn cách nào phù hợp để bắt đầu tiến vào kỷ nguyên ‘hiện thực’ hơn là việc thay thế Chúa bằng ‘mùi hôi thối... của nhà vệ sinh’” (*Just the Facts* [New York: New York University Press, 1998], trang 111, trích từ *New York Tribune*. Trong quyển sách của mình, Mindich kết nối nỗ lực ngăn chặn dịch tả với chủ nghĩa hiện thực nói chung, và với sự trỗi dậy của tính khách quan, đặc biệt trong giới báo chí).
- ²⁶ Trích dẫn từ Stephens, *A History of News*, trang 246.
- ²⁷ Mindich viết: “Thật hết sức ấn tượng khi nhiều năm sau khi ý thức bị Freud làm cho rắc rối lên, sự quan sát bị Einstein biến thành cả một vấn đề, luật phối cảnh bị Picasso thách thức, cách viết bị Derrida giải cấu trúc và ‘tính khách quan’ đã bị từ bỏ bởi gần như mọi người bên ngoài phòng tin, thì ‘tính khách quan’ vẫn là phong cách của ngành báo chí mà từ đó các bài báo và tường thuật truyền thông được tạo ra, hoặc được tạo ra để chống đối lại” (*Just the Facts*, trang 5).
- ²⁸ Trích từ Mitchell Stephens, *The rise of the image and the fall of the word* (New York: Oxford University Press, 1998), trang 75.
- ²⁹ Trích từ Michael Doran, ed., *Conversations with Cézanne* (Berkeley: University of California Press, 2001), trang 124.

- ³⁰ Virginia Woolf, “Modern Fiction” trong *Virginia Woolf Reader* (Orlando, Fla.: Harcourt, 1984), trang 285–286.
- ³¹ Để ví dụ về một nhà phê bình báo chí đã đặt nghi vấn về chủ nghĩa hiện thực, xem Robert Karl Manoff, “Writing the News (by Telling the ‘Story’)”, trong Robert Karl Manoff và Michael Schudson, eds., *Reading the News* (New York: Pantheon, 1986), trang 197–229.
- ³² Phong trào “Báo chí mới” (New Journalism) trong một phần ba cuối cùng của thế kỷ 20 chỉ chủ trương cải tiến về phong cách viết hơn là chống đối sự giáo điều và tôn sùng các chi tiết. Thực vậy, Tom Wolfe, người tích cực nhất trong số họ khi tranh luận với các nhà báo, luôn thể hiện bản thân là người theo chủ nghĩa hiện thực: “Việc đem chủ nghĩa hiện thực vào văn chương bởi những người như Richardson, Fielding và Smollett giống như việc đem điện đến với công nghệ máy móc vậy” (“The New Journalism”, trong tác phẩm của Tom Wolfe và Edward Warren Johnson, *The New Journalism* [New York: Harper Row, 1973], trang 34). Dù sao đi nữa, trong số các quyền tự do được phong trào này tái giới thiệu, có cả tự do về diễn giải.
- ³³ Walter Lippmann, *Public Opinion* (New York: Harcourt, Brace, 1922) 3–32; về Lippmann và quan điểm của ông, xem Mitchell Stephens, “Deconstruction and the Get-Real Press”, *Columbia Journalism Review* 30, no. 3 (1991): trang 38–42.
- ³⁴ Ủy ban Nhà báo dân thân, “Principles of Journalism”, in lại bởi Dự án vì sự xuất sắc trong nghề báo của Trung tâm nghiên cứu Pew tại <http://www.journalism.org/resources/principles>. “Những nguyên lý này là,” trang web nói trên ghi rõ, “cơ sở hình thành *Các Nguyên lý báo chí*, cuốn sách của Giám đốc PEJ là Tom Rosenstiel và Chủ tịch CCJ, Chuyên viên tư vấn của PEJ là Bill Kovach” — một quyển sách đầy ảnh hưởng được viết bởi hai nhà tư tưởng cũng đầy sức ảnh hưởng trong giới làm báo.

- ³⁵ Karl Kraus, *In These Great Times* (1914), bản dịch của Harry Zohn, in trong tập sách của Vassiliki Kolocotroni, ed., *Modernism: An Anthology of Sources and Documents* (Chicago: University of Chicago Press, 1998), trang 204–205.
- ³⁶ Tôi không nói rằng Walter Cronkite ngụ ý câu nói “Và sự việc chính là như thế” như một tuyên bố triết học. Ông ta cũng đã gặp rắc rối với câu nói đó. Bấy giờ, chủ tịch của CBS News là Richard Salant đã phê bình câu nói của Cronkite bởi tính phỏng đoán (presumption) của nó, một phê bình mà Cronkite hiểu được. Nhưng sự phỏng đoán ở đây, theo như Cronkite, là điều mà các chương trình truyền hình sẽ tự chứng minh là họ vô tội — chứ không phải là phỏng đoán rằng quan điểm về thực tế của họ mang tính chủ quan hoặc bị giới hạn, chứ chưa nói tới việc họ đang tạo ra tin tức thông qua việc tường thuật tin tức (“Walter Cronkite trong bài phỏng vấn ‘That’s the Way It Is’ Signoff” năm 1998, Archive of American Television, <http://www.youtube.com/watch?v=NOa4sg2W0EQ>; Jeff Alan, *Anchoring America* [Chicago: Bonus Books, 2003], 129–30; xem thêm Karen S. Johnson-Cartee, *News Narratives and News Framing* [Oxford: Rowman & Littlefield, 2005], trang 114).
- ³⁷ Xem Patrick Collier, *Modernism on Fleet Street* (Hampshire, U.K.: Ashgate, 2006), trang 201. Collier viết: “Báo chí và văn chương Anh đã chung sống hòa thuận suốt 200 năm... Gắn bó với nhau chặt chẽ tới mức sự khác biệt giữa văn chương và báo chí sẽ chẳng nghĩa lý gì đối với các tác giả như Daniel Defoe... như Matthew Arnold... Vào kỷ nguyên hiện đại, một mối quan hệ như thế giữa văn học, báo chí và chính trị dường như là điều không ai hình dung nổi.” Collier viết về nước Anh, nhưng sự gắn bó chặt chẽ đó cũng tồn tại ở Mỹ, và sự chấm dứt của nó, điều mà Collier cho là vì phẩm chất nhiều hơn tư tưởng, có thể còn kịch tính hơn tại Mỹ. Mối quan hệ giữa Henry James và báo *New York Tribune*, đã được thảo luận ở cuối chương 2, thể hiện rất rõ sự gắn bó và tan vỡ nói trên, cũng như cách hiểu của tôi về vấn đề đã xảy ra.

- ³⁸ Stephens, “Deconstruction and the Get-Real Press.”
- ³⁹ Wolfe, “The New Journalism,” trang 31. Xem thêm Tom Wolfe, *The Painted Word* (New York: Picador, 1975), và *From Bauhaus to Our House* (New York, Macmillan, 2009).
- ⁴⁰ Wolfe, “The New Journalism,” trang 28–35.
- ⁴¹ Josh Marshall, “Sounds Right”, *Talking Points Memo*, ngày 2 tháng 1 năm 2012, http://talkingpointsmemo.com/archives/2012/01/sounds_right.php?ref=fpbgl.
- ⁴² Trích bởi King, *The Judgment of Paris*, trang 226.
- ⁴³ Abramson, “Sustaining Quality Journalism,” trang 43.
- ⁴⁴ Trong bài báo này, được viết năm 2010, Abramson có vẻ tự tin về tầm quan trọng của “báo chí chất lượng” — bà dùng từ này tới tám lần. Nhưng đôi khi bà cũng có vẻ gặp rắc rối khi đề cập đến mối quan hệ giữa thông tin và phân tích trong “báo chí chất lượng”: “Người ta không chỉ khao khát thông tin. Họ tìm kiếm những xét đoán từ ai đó mà họ tin tưởng được, ai đó có thể phát giác được thông tin, đào sâu ra phía sau và lý giải được nó. Họ muốn thấy chiều sâu trong phân tích, sự nghi ngờ, ngữ cảnh và một sự thể hiện tương xứng với trí thông minh của họ” (“Sustaining Quality Journalism”, trang 43).
- ⁴⁵ Các nhà phê bình báo chí trước đó hẳn đã thừa nhận giá trị của diễn giải. “Chúng tôi muốn nhiều hơn là những sự thật được sắp xếp cho có vẻ dễ chịu,” năm 1986 James W. Carey đã viết. “Chúng tôi cũng muốn được cảm nhận về các sự kiện và điều nên làm, nếu cần thiết, đối với chúng” (“The Dark Continent of American Journalism”, trong Manoff và Schudson, eds., *Reading the News*, trang 150). Năm 2008, Philip Meyer đã viết: “Mô hình sản xuất báo cũ của báo chí không còn hiệu quả nữa. Giờ khi thông tin đã có rất nhiều, chúng ta không cần thông tin mới bằng việc cần hỗ trợ trong việc xử lý thứ đã có sẵn... Chúng ta cần ai đó đưa chúng

vào bối cảnh, tạo cho chúng một khung lý luận và đề xuất điều nên làm với chúng” (“The Elite Newspaper of the Future”, *American Journalism Review*, tháng 10-11 năm 2008, <http://www.ajr.org/article.asp?id=4605>).

- ⁴⁶ Bài nói của Baron được in lại bởi Jim Romanesko, “*Boston Globe* Editor: Newspapers Are Badly Bruised, but Not Beaten”, Jim Romanesko.com, ngày 17 tháng 9 năm 2012, <http://jimromanesko.com/2012/09/17/boston-globe-editor-newspapers-are-badly-bruised-but-we-are-not-beaten/#more-24850>.
- ⁴⁷ Robert Weisman, “Martin Baron, Editor of *The Boston Globe*, to Become Editor of *The Washington Post*”, *Boston Globe*, ngày 13 tháng 11 năm 2012, <http://www.boston.com/businessupdates/2012/11/13/martin-baron-editor-the-boston-globe-become-editor-the-washington-post/ycJWyd1XOsupvQAQ3LMStI/story.html>.
- ⁴⁸ Trong bài thảo luận đầy tư duy về hậu quả dân sự của cuộc khủng hoảng ngành báo chí thế kỷ 21, Alex S. Jones đã phân biệt giữa “tin tức khẳng định” (news of assertion) và “tin tức dựa trên sự việc thật” (fact-based news) hay còn gọi là “tin tức xác minh” (news of verification), và cho rằng “các nhà báo truyền thống từ lâu đã tin tưởng rằng dạng tin tức dựa trên dữ kiện thế này là nguồn thực phẩm thiết yếu cho nền dân chủ” (*Losing the News: The Future of the News That Feeds Democracy* [New York: Oxford University Press, 2011], trang 3). Tôi ủng hộ phần nào cho “tin tức khẳng định.”

1. “NGUYÊN TẮC, Ý KIẾN, CẢM XÚC VÀ LÒNG YÊU MẾN”

- ¹ Bill Keller, “Talk to the Newsroom: Executive Editor”, NYTimes.com, 30 tháng 1 năm 2009, http://www.nytimes.com/2009/01/30/business/media/02askthetimes.html?pagewanted=all&_r=0.
- ² Thư của Thomas Jefferson gửi Edward Carrington, 16 tháng 1 năm 1787, trích trong *Jefferson: Political Writings*, Joyce Appleby và Terence Ball biên tập (Cambridge: Cambridge University Press, 1999), trang 153.
- ³ Keller, “Talk to the Newsroom”.
- ⁴ Xem Mitchell Stephens, *A History of News*, ấn bản lần 3. (New York: Oxford University Press, 2007), trang 205–213.
- ⁵ Sđd, trang 131–143.
- ⁶ “The new tydings out of Italie are not yet com” (dòng đầu dùng làm tựa sách), chép lại trong Stephens, *A History of News*, trang 140.
- ⁷ Carlota S. Smith, *Modes of Discourse* (Cambridge: Cambridge University Press, 2003).
- ⁸ Bức thư lấy trong *Boston News-Letter*, từ 17 tháng 4 – 24 tháng 4 năm 1704, đăng lại trong William W. Wheildon, *Curiosities of History: Boston, 1630–1880* (Boston: Lee and Shepard, 1880), trang 87, <http://archive.org/details/curiositiesofhis1880whei>.
- ⁹ Jürgen Habermas, “The Public Sphere: An Encyclopedia Article”, trong Douglas M. Kellner và Meenakshi Gigi Durham (biên tập), *Media and Cultural Studies: Key Works* (Malden, Mass.: Blackwell, 2006), trang 76.
- ¹⁰ Frank Luther Mott, *American Journalism* (New York: Macmillan, 1941), trang 15–17.
- ¹¹ *New England Courant*, số đầu tiên, 7 tháng 8 năm 1721, <http://www.ushistory.org/franklin/courant/issue1.htm>.

- ¹² “Silence Dogood, No. 4”, *New-England Courant*, 14 tháng 5 năm 1722, trong *Benjamin Franklin: Writings*, J. A. Leo Lemay (New York: Library of America, 1987), trang 10–13.
- ¹³ Smith, *Modes of Discourse*, trang 13, trang 155–183.
- ¹⁴ Walter Isaacson, *A Benjamin Franklin Reader* (New York: Simon & Schuster, 2005), trang 9–10.
- ¹⁵ Benjamin Franklin, *The Autobiography and Other Writings* (New York: Signet Classic, 1961), trang 29.
- ¹⁶ “The Printer to the Reader”, *Pennsylvania Gazette*, 23 tháng 1 năm 1729, [http:// franklinpapers.org/franklin/framedVolumes.jsp](http://franklinpapers.org/franklin/framedVolumes.jsp).
- ¹⁷ Benjamin Franklin, “A Thunderstorm”, *Pennsylvania Gazette*, 25 tháng 9 năm 1734, trong *Benjamin Franklin*, Lemay, trang 233.
- ¹⁸ Walter Isaacson, *Benjamin Franklin: An American Life* (New York: Simon & Schuster, 2003), trang 132–133.
- ¹⁹ Stephens, *A History of News*, trang 7–15.
- ²⁰ Benjamin Franklin, “Apology for Printers”, *Pennsylvania Gazette*, 10 tháng 6 năm 1731, trong *Benjamin Franklin*, Lemay, trang 171–177.
- ²¹ Benjamin Franklin, “Rattle-Snakes for Felons”, *Pennsylvania Gazette*, 9 tháng 5 năm 1751, trong Sđd., trang 359–361.
- ²² Benjamin Franklin, “Proposals and Queries to Be Asked the Junto”, 1732, trong Sđd., trang 208–212.
- ²³ Benjamin Franklin, “On Literary Style”, *Pennsylvania Gazette*, 2 tháng 8 năm 1733, <http://franklinpapers.org/franklin/framedVolumes.jsp>.
- ²⁴ Benjamin Franklin, “The Printer to the Reader”, *Pennsylvania Gazette*, 2 tháng 10 năm 1729, trong *Benjamin Franklin*, Lemay, trang 136–137.
- ²⁵ *New-England Courant*, số đầu tiên, 7 tháng 8 năm 1721, <http://www.ushistory.org/franklin/courant/issue1.htm>.

- ²⁶ “Báo chí trí tuệ” cũng có thể gợi nhớ tới những nỗ lực của một vài chính phủ, tôn giáo và những người ủng hộ để báo chí tràn ngập những lời thuyết giảng. Tôi lại xem báo chí trí tuệ — không ngại ngùng, thâm nhập, thấu hiểu — là sự thách thức trước những tuyên truyền như thế, hoặc trước những vô về kêu gọi “đạo đức”. Horst Pöttker đặc biệt quan ngại tính chất “cao ngạo, khoa trương” của thuật ngữ này (“A Reservoir of Understanding”, *Journalism Practice* 5, số. 5 [2011]: trang 520–547).
- ²⁷ Merrill Jensen (biên tập), *Tracts of the American Revolution, 1763–1776* (Indianapolis: Hackett, 2003), trang 127.
- ²⁸ John Dickinson, “Letters from a Farmer in Pennsylvania to the Inhabitants of the British Colonies in America”, bức thư số 2, Thư viện trực tuyến Liberty, http://oll.libertyfund.org/?option=com_staticxt&staticfile=show.php%3Ftitle=690&chapter=102299&layout=html&Itemid=27.
- ²⁹ Charles Janeway Stillé, *The Life and Times of John Dickinson 1732–1808* (Philadelphia: Lippincott, 1891), trang 81.
- ³⁰ Jay Rosen, “I’m There, You’re Not, Let Me Tell You About It: A Brief Essay on the Origins of Authority in Journalism”, *PressThink*, 27 tháng 3 năm 2012, <http://pressthink.org/2012/03/im-there-youre-not-let-me-tell-you-about-it/>.
- ³¹ Isaiah Thomas, bài báo không có tiêu đề, *Massachusetts Spy*, 3 tháng 5 năm 1775, <http://www.teachushistory.org/node/333>.
- ³² Xem George A. Kennedy, *A New History of Classical Rhetoric* (Princeton, N.J.: Princeton University Press, 1994).
- ³³ Website của Andrew R. Cline mang tên Rhetorica Network (<http://rhetorica.net/meter.htm>), nhận nhiệm vụ áp dụng lý thuyết hùng biện vào báo chí và các diễn ngôn công chúng đương đại.
- ³⁴ Aristotle, *On Rhetoric*, bản dịch của George A. Kennedy (New York: Oxford University Press, 1991), trang 37–38 (1.2.2, 1.2.4).

- ³⁵ *New-England Courant*, số 18, 27 tháng 11 - 4 tháng 12 năm 1721, <http://www.ushistory.org/franklin/courant/issue18.htm>.
- ³⁶ Xem Mott, *American Journalism*, trang 15–21.
- ³⁷ Aristotle, *On Rhetoric*, trang 38 (1.2.4).
- ³⁸ Sdd., trang 121 (2.1.5).
- ³⁹ Dickinson, “Letters from a Farmer in Pennsylvania to the Inhabitants of the British Colonies in America,” bức thư số 2.
- ⁴⁰ Jay Rosen viết, “Nghiên cứu về nó càng lâu, tôi càng thấy rằng tính khách quan mà báo chí Mỹ đang thực hành là một dạng của thuyết phục. Nó cố gắng thuyết phục tất cả những người sử dụng rằng câu chuyện trên báo có thể tin cậy được vì nó hoàn toàn tự nhiên” (“Objectivity as a Form of Persuasion,” *PressThink*, 7 tháng 7 năm 2010, http://archive.pressthink.org/2010/07/07/obj_persuasion.html).
- ⁴¹ Max Hamburger, *Morals and the Law: Aristotle’s Legal Theory* (New York: Biblo và Tannen, 1965), trang 90.
- ⁴² Tôi mượn Thomas Patterson quan điểm này; tôi sẽ còn trở lại ý này trong chương 5.
- ⁴³ Ortwin Renn và Thomas Webler, *Fairness and Competence in Citizen Participation* (Dordrecht, Netherlands: Kluwer, 1995), xviii, http://books.google.com/books?id=i6osqwfcy3wC&dq=habermas+fairness&source=gb_s_navlinks_s.
- ⁴⁴ Stephen Edelston Toulmin, *The Uses of Argument* (Cambridge: Cambridge University Press, 1999), 60.
- ⁴⁵ Về một nỗ lực trước đó để suy nghĩ về điều mà chúng ta muốn nói khi dùng cụm từ “phương pháp báo chí”, xem Stephens, *A History of News*, trang 216–217.
- ⁴⁶ Stillé, *The Life and Times of John Dickinson*, trang 21–30.
- ⁴⁷ Aristotle, *On Rhetoric*, trang 30, 38 (1.1.5, 1.2.5).

- ⁴⁸ Trung tâm Đạo đức báo chí tại Đại học Wisconsin đưa ra lời khuyên này, ví dụ như: “Các bài báo mang nhiều cảm xúc không nên chiếm đa số trong các bản tin và che mờ các bài phân tích phê bình. Các câu vấn về những người mắc thảm họa sẽ đưa câu chuyện về nhà của độc giả. Nhưng khi được sử dụng thái quá chúng sẽ dẫn tới hội chứng trở lị cảm xúc hoặc làm lệch các nguồn xã luận ra khỏi bức tranh toàn cảnh” (Steven J. A. Ward, “Emotion in Reporting: Use and Abuse,” Trung tâm Đạo đức báo chí, Trường Báo chí và Truyền thông, Đại học Wisconsin, Madison, 23 tháng 8 năm 2010, <https://ethics.journalism.wisc.edu/2010/08/23/emotion-in-reporting/>).
- ⁴⁹ Dickinson, “Letters from a Farmer in Pennsylvania to the Inhabitants of the British Colonies in America”, bức thư 1–3.
- ⁵⁰ Aristotle, *On Rhetoric*, trang 235 (3.7.1).
- ⁵¹ Xem Stephens, *A History of News*, trang 100–104.
- ⁵² Toulmin, *The Uses of Argument*, trang 30–35.
- ⁵³ Thomas, *Massachusetts Spy*, 3 tháng 5 năm 1775.
- ⁵⁴ Dickinson, “Letters from a Farmer in Pennsylvania to the Inhabitants of the British Colonies in America”, bức thư số 2.
- ⁵⁵ John B. Blake, “The Inoculation Controversy in Boston: 1721–1722”, *New England Quarterly* 25, số 4 (1952): trang 489–506.
- ⁵⁶ John R. Searle, *Mind, Language, and Society* (New York: Basic Books, 1999), trang 148–150.
- ⁵⁷ Thomas, *Massachusetts Spy*, 3 tháng 5 năm 1775.
- ⁵⁸ Searle, *Mind, Language, and Society*, trang 142.
- ⁵⁹ Aristotle, *On Rhetoric*, trang 187 (2.22.4).
- ⁶⁰ Thomas, *Massachusetts Spy*, 3 tháng 5 năm 1775.
- ⁶¹ City of New York kiện Grosfeld Realty Co., 570 NYS2d 61, 62 (2nd Dep’t 1991). Vụ kiện này là từ bang New York, chỉ đề cập cụ thể đến

việc bác bỏ “yêu cầu có một phán quyết ngay”, nhưng các nguyên tắc pháp lý liên quan được chấp nhận đủ để xem như một phần của những luật lệ được thừa nhận rộng rãi (black-letter law).

⁶² Các Nguyên tắc Liên bang về Bằng chứng, Nguyên tắc 801 (c), 802.

⁶³ Trợ lý nghiên cứu của tôi, Darcy Boynton, giúp phát triển các phân loại này.

⁶⁴ Thomas, *Massachusetts Spy*, 3 tháng 5 năm 1775.

⁶⁵ Sđd.

⁶⁶ “Một bằng chứng là hợp lệ và có liên quan,” theo giải thích tại Các Nguyên tắc Liên bang về Bằng chứng “nếu (a) có bất kỳ khuynh hướng nào làm cho sự kiện có khả năng xảy ra nhiều hơn hay ít hơn so với khi không có bằng chứng đó; và (b) sự thật thuộc về hậu quả khi xác định hành động” (Nguyên tắc 401).

⁶⁷ Trích trong Dickinson, “Letters from a Farmer in Pennsylvania to the Inhabitants of the British Colonies in America”, bức thư số 2.

⁶⁸ Aristotle, *On Rhetoric*, trang 190–204 (2.23).

⁶⁹ Sđd, trang 196–197 (2.23.12).

⁷⁰ Dickinson, “Letters from a Farmer in Pennsylvania to the Inhabitants of the British Colonies in America”, bức thư 1 và 2.

⁷¹ Aristotle, *On Rhetoric*, trang 40–41 (1.2.8–10).

⁷² Sđd, trang 40–41 (1.2.8–10), trang 44 (1.2.19); xem thêm trang 181 (2.20.9).

⁷³ Bài báo không có tiêu đề, *New-England Courant* số 1, 7 tháng 8 năm 1721, <http://www.ushistory.org/franklin/courant/issue1.htm>. Tác giả đưa ra một ví dụ thứ hai về một trường hợp bị sốt do tiêm chủng: đó là con trai của người bác sĩ ủng hộ việc tiêm chủng.

⁷⁴ Điều này không có trong danh sách các loại ngộ bệnh của Aristotle, và ở đây cũng không rõ ràng là ông ta đang tấn công vào loại tranh

luận hay tấn công vào những giáo viên dạy thuật hùng biện đến mức độ nào (*On Rhetoric*, trang 30 [1.1.3]).

⁷⁵ Sđd, trang 204–210 (2.24).

⁷⁶ Sđd, trang 207 (2.24.4).

⁷⁷ “Absinthium”, *New-England Courant*, 11–18 tháng 12 năm 1721, http://www.masshist.org/online/silence_dogood/img-viewer.php?item_id=632&img_step=1&tpc=&pid=&mode=transcript&tpc=&pid=.

⁷⁸ Sđd.

⁷⁹ Aristotle, *On Rhetoric*, trang 209 (2.24.10).

⁸⁰ Về một nỗ lực tương đối gần đây để kiểm tra các loại nguy biện trong báo chí dựa trên công trình của Frans H. van Eemeren và Rob Grootendorst, xem John Wilson, Ahmed Sahlane và Ian Somerville, “Argumentation and Fallacy in Newspaper Op/Ed Coverage of the Prelude to the Invasion of Iraq”, *Journal of Language and Politics* 11, số 1 (2012): trang 1–31. Các tác giả trình bày bảy loại nguy biện và áp dụng vào các tác phẩm báo chí: (1) nguy biện bù nhìn rơm - straw man fallacy, (2) lập luận tấn công cá nhân - argumentum ad hominem, (3) lập luận lợi dụng hậu quả - argumentum ad consequentiam, (4) lập luận bằng ví dụ bất xứng - argumentation by (faulty) analogy, (5) bất xứng - inappropriate “relations of concomitance,” và (6) giả định trước. Tuy nhiên, các ví dụ trong báo chí mà tác giả chọn lựa không phải lúc nào cũng có tính thuyết phục

⁸¹ Thomas Paine, *Common Sense* (1776; tái bản, Mineola, N.Y.: Dover, 1997), trang 33.

⁸² Trích trong Mott, *American Journalism*, trang 128.

⁸³ Stephens, *A History of News*, trang 179.

⁸⁴ Thư của Thomas Jefferson gửi John Norvell, 14 tháng 6 năm 1807, trong *The Letters of Thomas Jefferson: 1743–1826*, <http://www.let.rug.nl/usa/P/tj3/writings/brf/jefl179.htm>.

- ⁸⁵ Thư của Thomas Jefferson gửi Hầu tước La Fayette, 4 tháng 11 năm 1823, trong *Memoirs, Correspondence, and Private Papers*, Thomas Jefferson Randolph biên tập, quyển 3 (London: Henry Colburn and Richard Bentley, 1829), 393, cũng có trên thư viện trực tuyến Liberty, http://oll.libertyfund.org/?option=com_staticxt&staticfile=show.php%3Ftitle=808&chapter=88459&layout=html&Itemid=27.
- ⁸⁶ James Madison, “Public Opinion”, *National Gazette*, 19 tháng 12 năm 1791, trong *The Writings of James Madison*, Gaillard Hunt biên tập, quyển 6 (New York: Putnam, 1906), trang 70, cũng có trên thư viện trực tuyến Liberty, http://oll.libertyfund.org/?option=com_staticxt&staticfile=show.php%3Ftitle=1941&chapter=124390&layout=html&Itemid=27.
- ⁸⁷ Ủy ban Nhà báo dẫn thân, “Principles of Journalism”, 2006–2013, in lại bởi Dự án vì sự xuất sắc trong báo chí của Trung tâm nghiên cứu Pew, tại <http://www.journalism.org/resources/principles>.
- ⁸⁸ Thư của John Adams gửi H. Niles, 13 tháng 2 năm 1818, <http://teachingamericanhistory.org/library/index.asp?document=968>.

2. “NHỮNG BIẾN CỐ XẢY RA HÔM QUUA TRÊN MỌI LỤC ĐỊA”

- ¹ Xem *A History of News*, Mitchell Stephens, ấn bản lần ba. (New York: Oxford University Press, 2007.)
- ² Từ *journalist*, theo *Oxford English Dictionary*, đã biến đổi ý nghĩa còn sớm hơn nữa. Ví dụ Voltaire đã dùng nó vào năm 1737 với nghĩa “sử gia đương đại” (“On History: Advice to a Journalist”, Fritz Stern biên tập, trong quyển *The Varieties of History: From Voltaire to the Present* [New York: Meridians Books, 1956], trang 36–45). Nhưng nó vẫn được dùng rộng rãi để mô tả một người ghi chép sự kiện hàng ngày; xem *Spectator* số 323, trong Joseph Addison, *The Works of Joseph Addison*, quyển 2 (New York: Harper Brothers, 1864), trang 16.

- ³ “Journalism”, *Westminster Review* 18, (số tháng 1-4, 1833): trang 195-208 là bản dịch từ bài “Du Journalism”, *Revue Encyclopédique*, tháng 9 năm 1832. Phân biệt của Horst Pöttker giữa “chức năng định hướng” và “chức năng thông tin” ở một khía cạnh nào đó là tương đương với sự phân biệt giữa “bình luận, ý kiến” và “thông tin” (“A Reservoir of Understanding”, *Journalism Practice* 5, số 5 [2011]: trang 520-537).
- ⁴ Trong một đoạn video YouTube do Kelly Kettering tường thuật và biên tập, được ghi tại Hội nghị Khoa học Schuneman 2010, http://www.youtube.com/watch?v=G_kAhw96-cM
- ⁵ Frank Luther Mott, *American Journalism: A History of Newspapers in the United States* (New York: Macmillan, 1941), trang 115–116.
- ⁶ *The Dispatches and Letters of Vice Admiral Lord Viscount Nelson*, quyển 2: 1795 to 1797 (London: Henry Colburn, 1845), trang 251.
- ⁷ T. W. M. Marshall, *Christian Missions: Their Agents and Their Results*, quyển 2, tái bản lần 2 (London: Longman, Green, Longman, Roberts và Green, 1863), trang 313.
- ⁸ *Notes and Queries*, series thứ 9, 5 (tháng 1-6 năm 1900), trang 517. Trích dẫn này nằm trong *Century Dictionary*.
- ⁹ *Biên bản hội nghị của Quốc hội Mỹ. Quốc hội khóa 5. Ngày 15/5/1797 đến 3/3/1799* (Washington, D.C.: NXB Gales and Seaton, 1851), trang 1289–1290 (tháng 3 năm 1798). Sách của Isaac Pitman về tốc ký có tựa đề là *The Reporter: Or, Phonography Adapted to Verbatim Reporting* (Bath, U.K.: Isaac Pitman: 1846).
- ¹⁰ Để biết về lịch sử tường thuật tin tức, xem *A History of News*, trang 205–239 của M.Stephens.
- ¹¹ Whitelaw Reid, “The Practical Issues in a Newspaper Office” (1879), trong *American and English Studies*, quyển 2 (New York: Charles Scribner’s Sons, 1913), <http://www.ebooksread.com/authors-eng/whitelaw-reid/american-and-english-studies-volume-2-die/page-14-american-and-english-studies-volume-2-die.shtml>.

- ¹² Sđd.
- ¹³ Stephens, *A History of News*, trang 215.
- ¹⁴ Trích trong Mott, *American Journalism*, trang 403.
- ¹⁵ Horace Greeley, “The Prayer of the Twenty Millions”, *New York Tribune*, 19 tháng 8 năm 1862,
<http://www.civilwarhome.com/lincolngreeley.htm>
- ¹⁶ Stephens, *A History of News*, trang 225, 234.
- ¹⁷ Richard Grant White, “The Morals and Manners of Journalism”, *The Galaxy* 8, số 6 (1869), trang 840, American Periodical Series. Cảm ơn Brooke Kroeger đã giới thiệu cho tác giả về bài viết.
- ¹⁸ John Adams gửi H. Niles, ngày 13 tháng 2 năm 1818, <http://teachingamericanhistory.org/library/index.asp?document=968>.
- ¹⁹ Xem Mitchell Stephens, *The rise of the image the fall of the word* (New York: Oxford University Press, 1998), trang 26–39.
- ²⁰ Charles Dickens, *American Notes for General Circulation*, quyển 2 (London: Chapman and Hall, 1842), trang 296.
- ²¹ “Editor’s Study”, Henry Mills Alden, Frederick Lewis Allen, Lee Foster Hartman, Thomas Bucklin Well biên tập, *Harper’s New Monthly Magazine* số 77 (tháng 6–11 năm 1888): trang 314–315.
- ²² White, “The Morals and Manners of Journalism”, trang 6.
- ²³ Sđd. Horst Pöttker, có lẽ phản ánh một truyền thống văn hóa khác, phản bác ý kiến cho rằng phóng viên là “các nhà giáo dục.” Ông đưa ra hai lý do: “tôn trọng sự trưởng thành của công chúng” và chán ghét việc “giải thích thế giới theo cách chỉ trỏ ngón tay của một giáo viên” (“A Reservoir of Understanding”, trang 520–537). Tuy nhiên, Dallas Liddle ghi nhận rằng quan điểm “báo chí thời kỳ Victoria có vai trò là người hướng dẫn công chúng” này là một quan điểm phổ biến thời bấy giờ (“Who Invented the ‘Leading Article’? Reconstructing the History and Prehistory of a Victorian

- Newspaper Genre”, *Media History* 5, số 1 [1999]: trang 5–18).
- ²⁴ White, “The Morals and Manners of Journalism”, trang 6.
- ²⁵ Jürgen Habermas, “The Public Sphere: An Encyclopedia Article”, Douglas M. Kellner và Meenakshi Gigi Durham biên tập, *Media and Cultural Studies: Key Works* (Malden, Mass.: Blackwell, 2006), trang 73–78.
- ²⁶ Leslie Stephen, “The Duties of Authors”, trong *Social Rights and Duties*, quyển 2 (London: Sonnenschein, 1896), trang 154–56.
- ²⁷ Whitelaw Reid, “Journalism as a Career” (1872), trong *American and English Studies*, quyển 2.
- ²⁸ Điều này không có nghĩa là bản thân *New York Tribune* của Reid luôn luôn thận trọng trong việc tránh chủ nghĩa đảng phái, ít nhất là theo quan điểm của một người quan sát vào thế kỷ 21. Những cải cách như vậy cần phải có thời gian.
- ²⁹ Phỏng vấn Whitelaw Reid, trong *Views and Interviews on Journalism*, Charles Frederick Wingate (New York: F. B. Patterson, 1875), trang 25.
- ³⁰ Habermas, “The Public Sphere”, trang 76, trích Karl Bücher ở trích dẫn đầu tiên.
- ³¹ Reid, “Journalism as a Career”. Trong thảo luận của mình, tôi đã rút ra được nhiều điều khi đọc “Benjamin Franklin and Journalism” của David Paul Nord trong *A Companion to Benjamin Franklin* của David Waldstreicher (biên tập) (New York: Wiley, 2011), trang 290–307.
- ³² Habermas, “The Public Sphere”, trang 76.
- ³³ Reid, “The Practical Issues in a Newspaper Office”.
- ³⁴ Stephens, *A History of News*, trang 184, 188.
- ³⁵ Mott, *American Journalism*, trang 303; “News Paper Spires”, Skyscraper Museum, <http://www.skyscraper.org/EXHIBITIONS/SPIRES/spires.htm>. Công bằng mà nói, phần lớn chiều cao của tòa nhà *Tribune* là nhờ tháp đồng hồ của nó.

- ³⁶ “News Paper Spires”; Mott, *American Journalism*, trang 546.
- ³⁷ Reid, “The Practical Issues in a Newspaper Office”.
- ³⁸ Reid, “Journalism as a Career”.
- ³⁹ Về sự phát triển của ngành báo chí “độc lập” tại Mỹ và những thành tựu của nó, xem Matthew Gentzkow, Edward L. Glaeser và Claudia Goldin, *The Rise of the Fourth Estate: How Newspapers Became Informative and Why It Mattered*, Cục Nghiên cứu Kinh tế Quốc gia Hoa Kỳ (NBER), tài liệu số 10791 (Cambridge, Mass.: NBER, 2004), <http://www.nber.org/papers/w10791> hoặc <http://faculty.chicagobooth.edu/matthew.gentzkow/research/fourthestate.pdf>.
- ⁴⁰ Phỏng vấn Whitelaw Reid, *Views and Interviews on Journalism*, Wingate, trang 38.
- ⁴¹ Sđd, trang 39.
- ⁴² William Johnston, “England as It Is, Political, Social, and Industrial in the Middle of the Nineteenth Century”, George Boyce, James Curran, và Pauline Wingate biên tập, *Newspaper History: From the Seventeenth Century to the Present Day* (London: Constable, 1978), trang 184.
- ⁴³ Trích trong Stephen J. A. Ward, *The Invention of Journalism Ethics* (Quebec: McGillQueen’s University Press, 2004), trang 188.
- ⁴⁴ James W. Carey rất quan tâm đến đề tài này (như hầu hết mọi đề tài), ông viết: “Như thế nào – How và Tại sao – Why là những khía cạnh có vấn đề nhất của ngành báo chí Mỹ: một lục địa đen tối và vùng đất vô hình. *Như thế nào* và *tại sao* là những điều mà chúng ta muốn biết nhất, nhưng lại ít nhận được nhất từ một bài báo, hoặc trong hầu hết trường hợp chúng ta phải tự tìm hiểu lấy”, (“The Dark Continent of American Journalism”, Robert Karl Manoff và Michael Schudson biên tập, *Reading the News* [New York: Pantheon, 1986], trang 149).

- ⁴⁵ Trích trong David T. Z. Mindich, *Just the Facts: How “Objectivity” Came to Define American Journalism* (New York: New York University Press, 1998), trang 118.
- ⁴⁶ Như trên, trang 5, 8, 13, 118. Khi dùng cụm từ “chủ nghĩa kinh nghiệm ấu trĩ”, Mindich đã trích Michael Schudson, *Discovering the News* (New York: Basic Books, 1978), trang 7.
- ⁴⁷ Trích trong Daniel W. Pfaff, *Joseph Pulitzer II and the “Post-Dispatch”: A Newspaperman’s Life* (University Park: Pennsylvania State University Press, 1991), trang 62.
- ⁴⁸ Reid, “Journalism as a Career”.
- ⁴⁹ Như trên.
- ⁵⁰ Xem Mindich, *Just the Facts*, I.
- ⁵¹ Xem Stephens, *A History of News*, trang 246–251, để biết về những giải thích và các vấn đề khác liên quan đến việc chuyển hướng sang sự việc thực tế (facts) và tính khách quan. Matthew Yglesias cũng có bài luận về giá trị kinh tế của tính khách quan (“Objectivity as a Business Strategy”, *ThinkProgress*, ngày 29 tháng 6 năm 2010, <http://thinkprogress.org/media/2010/06/29/184603/objectivity-as-a-business-strategy/>; “Partisan Media: An Economic Analysis”, *Slate*, ngày 7 tháng 2 năm 2012, http://www.slate.com/blogs/moneybox/2012/02/07/partisan_media_an_economic_analysis.html).
- ⁵² Lincoln Steffens, *The Autobiography of Lincoln Steffens* (New York: Harcourt, 1931), trang 285–91.
- ⁵³ Xem Edward Jay Epstein, *News from Nowhere: Television and the News* (Chicago: Ivan R. Dee, 2000).
- ⁵⁴ Xem John Hersey, “Hiroshima”, *New Yorker*, ngày 31 tháng 8 năm 1946, và *Hiroshima* (New York: Knopf, 1946).
- ⁵⁵ Trường thuật về chiến tranh đã tạo những dấu ấn đáng kể ngay từ đầu thế kỷ 19, với các phóng viên táo bạo và hăng hái như William

Howard Russell, Richard Harding Davis và Stephen Crane. Tuy nhiên, họ nổi tiếng bởi ngôn từ, khả năng diễn đạt và bởi lòng dũng cảm của họ, chứ không phải bởi sự lão luyện, thành thực của họ về các sự kiện.

- ⁵⁶ Xem Schudson, *Discovering the News*, trang 145–55.
- ⁵⁷ Jonathan Dee, “John Hersey”, George Plimpton biên tập, *Writers at Work: The Paris Review Interviews*, quyển 8, số 92 (New York: Penguin, 1988), trang 99–136, <http://www.theparisreview.org/interviews/2756/the-art-of-fiction-no-92-john-hersey>.
- ⁵⁸ Về cuộc thảo luận quan trọng về việc sử dụng báo chí của Theodore Roosevelt, xem David Greenberg, “Theodore Roosevelt and the Image of Presidential Activism”, *Social Research: An International Quarterly* 78, số 4 (2011): trang 1057–1088.
- ⁵⁹ Harold B. Hinton, “M’CARTHY LAIBUỘCTỘIKEYSERLING”, *New York Times*, ngày 22 tháng 4 năm 1952, <http://query.nytimes.com/mem/archive/pdf?res=9D0CE7DD133BE23BBC4A51DFB2668389649EDE>.
Mary Dublin Keyserling được minh oan trước những cáo buộc này và tiếp tục phục vụ trong Bộ Lao động dưới thời Tổng thống Lyndon B. Johnson. Thảo luận các sự kiện liên quan, xem Landon R. Y. Storrs, “Red Scare Politics and the Suppression of Popular Front Feminism: The Loyalty Investigation of Mary Dublin Keyserling”, *Journal of American History* 90, số 2 (2003): trang 491–524.
- ⁶⁰ “Infiltration Figures Given”, *New York Times*, ngày 10 tháng 6 năm 1966, <http://query.nytimes.com/mem/archive/pdf?res=9904EEDF133DE43BBC4852DFB066838D679EDE>.
- ⁶¹ Fyodor Dostoevsky, *The Brothers Karamazov*, bản dịch của Constance Garnett (New York: Macmillan, 1922), trang 256.
- ⁶² In lại một vài năm sau đó trong Henry James, *Portraits of Place* (Boston: Houghton Mifflin, 1883), trang 142–43.

- ⁶³ Royal Cortissoz, *The Life of Whitelaw Reid*, quyển 1 (New York: Scribner, 1921), trang 306–9.

3. “CỔ MÁY TRUYỀN TIN ĐƠN THUẦN”

- ¹ Một cách khác, có thể xem khởi điểm của kỷ nguyên này là những dấu hiệu thay đổi đáng kể đầu tiên hồi thập niên 1830, với sự ra đời của máy in cải tiến bởi Richard Mac Hoe, việc tường thuật tin bắt đầu được thực hiện, và báo chí giá rẻ bắt đầu phát hành với số lượng lớn. Kết thúc của nó là giai đoạn cuối những năm 1990, với sự xuất hiện của hai dấu hiệu trở ngại lớn cho vị thế độc quyền về tin tức của các phóng viên chuyên nghiệp: sự xuất hiện của World Wide Web và loạt phóng sự online của trang web *Drudge Report* khi phơi bày vụ scandal Monica Lewinsky và Tổng thống Clinton. Horst Pöttker cho rằng kỷ nguyên này kéo dài cả thế kỷ, bắt đầu từ những năm 1880 khi có sự xuất hiện của “kim tự tháp đảo ngược” (“A Reservoir of Understanding”, *Journalism Practice* 5, số 5 [2011]: trang 520–37).
- ² Frank Luther Mott, *American Journalism: A History of Newspapers in the United States* (New York: Macmillan, 1941), trang 405.
- ³ Robert L. Bishop, Katherine Sharma và Richard J. Brazee, “Determinants of Newspaper Circulation: A Pooled Cross-Sectional Time-Series Study in the United States, 1850–1970”, *Communication Research* 7, số 1 (1980): trang 3–22, http://deepblue.lib.umich.edu/bitstream/2027.42/67057/2/10.1177_009365028000700101.pdf.
- ⁴ Với câu hỏi ai là người đầu tiên truyền âm thanh trọn vẹn, không phải ở dạng Morse, xem James E. O’Neal, “Fessenden: World’s First Broadcaster?” *Radio World*, ngày 25 tháng 10 năm 2006, <http://www.rwonline.com/article/fessenden-world39s-first-broadcaster/15157>.

- ⁵ Các phát thanh của Davis được mô tả trong James E. Brittain, “Scanning the Past”, *Proceedings of the IEEE* 80, số 12 (1992), http://ieeescinnati.fuse.net/reiman/02_2002.html; Câu nói của Davis được trích trong Mitchell Stephens, “Radio: From Dots and Dashes to Rock and Larry King”, *New York Times*, ngày 20 tháng 11 năm 1995, <http://www.nyu.edu/classes/stephens/Radio%20history%20page.htm>, và Mitchell Stephens, *A History of News*, ấn bản lần 3 (New York: Oxford University Press, 2007), trang 268–69.
- ⁶ Edwin Emery và Michael Emery, *The Press and America*, ấn bản lần 5 (Englewood Cliffs, N.J.: Prentice-Hall, 1984), trang 448–449.
- ⁷ Alexander J. Field, “Communications”, trong *Historical Statistics of the United States: Millennial Edition Online*, <http://hsus.cambridge.org/HSUSWeb/indexes/indexEssayPath.do?id=Dg.ESS.01>; Alfred McClung Lee, *The Daily Newspaper in America*, quyển 1 (London: Routledge and Thoemmes, 2001), trang 72–74; Jameson Otto, Sara Metz và Nathan Ensmeiger, “Sports Fans and Their Information-Gathering Habits: How Media Technologies Have Brought Fans Closer to Their Teams Over Time”, William H. Aspray và Barbara M. Hayes biên tập, *Everyday Information: The Evolution of Information Seeking in America* (Cambridge, Mass.: MIT Press, 2011), trang 191; William H. Young và Nancy K. Young, *The 1930s* (Westport, Conn.: Greenwood Press, 2002), trang 163.
- ⁸ “Daily and Sunday Newspaper Circulation as % of Households, 1940–2010” trong “Sixty Years of Daily Newspaper Circulation Trends”, bài viết mang tính trao đổi, Communications Management, Inc., ngày 6 tháng 5 năm 2011, http://media-cmi.com/downloads/Sixty_Years_Daily_Newspaper_Circulation_Trends_050611.pdf; Robert D. Putnam, *Bowling Alone: The Collapse and Revival of American Community* (New York: Simon & Schuster, 2000), trang 218; Hiệp hội Báo chí Hoa Kỳ, “Newspaper Circulation Volume”, cập nhật lần cuối ngày 4 tháng 9 năm 2012, <http://www.naa>.

org/en/Trends-and-Numbers/Circulation-Volume/Newspaper-Circulation-Volume.asp.

- ⁹ “Báo chí hiện đại..., ở hầu như mọi khía cạnh, vượt trội hơn nhiều so với báo chí thời thập niên 1960: viết hay hơn, trình bày đẹp mắt hơn, tổ chức tốt hơn, có trách nhiệm hơn, ít cảm tính hơn, ít phân biệt giới tính và chủng tộc hơn, và chứa đựng nhiều thông tin cũng như mang hơi hướng cộng đồng hơn so với những gì mà người ta vẫn hay gán ghép cho chúng” (Carl Sessions Stepp, “State of the American Newspaper, Then and Now”, *American Journalism Review*, tháng 9 năm 1999, <http://www.ajr.org/Article.asp?id=3192>).
- ¹⁰ Sự tôn trọng dành cho báo chí ngày càng tăng một phần là do lượng độc giả còn lại của báo chí — sau khi đã bị mất bởi truyền hình — thường là lớn tuổi hơn và có học thức hơn.
- ¹¹ Hiệp hội Báo chí Hoa Kỳ, “Newspaper Circulation Volume”.
- ¹² “Daily and Sunday Newspaper Circulation as % of Households, 1940–2010”; Putnam, *Bowling Alone*, trang 218; Hiệp hội Báo chí Hoa Kỳ, “Newspaper Circulation Volume”.
- ¹³ Tôi đã bắt đầu thực hiện một nghiên cứu như thế cho các bài viết của tôi: Mitchell Stephens, “Beyond the News”, *Columbia Journalism Review* 45, số 5 (2007), http://www.cjr.org/feature/beyond_the_news.php, sau đó là Mitchell Stephens, “Beyond News: the Case for Wisdom Journalism”, Trung tâm Joan Shorenstein về Báo chí, Chính trị và Chính sách công, loạt bài nghiên cứu trao đổi, tháng 6 năm 2009, http://shorensteincenter.org/wp-content/uploads/2012/03/d53_stephens.pdf.
- ¹⁴ David T. Z. Mindich đã cảnh báo tôi về vai trò phương tiện truyền tin của *Wikipedia*.
- ¹⁵ Vào ngày hôm đó, người nghiên cứu của tôi, Angela Flores, và tôi bắt đầu quan sát một phạm vi đưa tin rộng lớn.

- ¹⁶ Tôi lấy thông tin này từ blog Technorati, <http://technorati.com>, nhưng trang này giờ không còn hoạt động nữa.
- ¹⁷ Mark Landler và David E. Sanger, “World Leaders Pledge \$1.1 Trillion to Tackle Crisis”, *New York Times*, ngày 3 tháng 4 năm 2009, <http://www.nytimes.com/2009/04/03/world/europe/03summit.html>.
- ¹⁸ Field, “Communications”.
- ¹⁹ Xem Brian Stelter, “Copyright Challenge for Sites That Excerpt”, *New York Times*, ngày 1 tháng 3 năm 2009, <http://www.nytimes.com/2009/03/02/business/media/02scrape.html>; Jonathan Bailey, “Excerpts, Scraping, and Fair Use”, *Plagiarism Today*, ngày 3 tháng 3 năm 2009, <http://www.plagiarismtoday.com/2009/03/03/excerpts-scraping-and-fair-use/>.
- ²⁰ Về sự phức tạp của mối quan hệ này, xem Greg Beato, “Bizarre Love Triangle: Breitbart, Reuters, and the Drudge Report”, *Gawker*, ngày 5 tháng 11 năm 2009, <http://gawker.com/5398176/bizarre-love-triangle-breitbart-reuters-and-the-drudge-report>.
- ²¹ Trung tâm nghiên cứu Pew, *State of the News Media 2012* (Washington, D.C.: Trung tâm nghiên cứu Pew, 2012), <http://stateofthemedias.org/2012/mobile-devices-and-news-consumption-some-good-signs-for-journalism/?src=prc-section>.
- ²² Felix Salmon, blogger tài chính của Reuters, kể một câu chuyện về một blogger từ Úc, người này tiết lộ trên Blogspot của anh ta một thông tin bất lợi liên quan tới về một công ty du lịch Trung Quốc hoạt động trên sàn chứng khoán New York. Thông tin này mau chóng phát tán khắp nơi và khiến cho cổ phiếu của công ty tụt giá 20% chỉ trong vòng một ngày (“Blogonomics: Moving Markets”, Reuters, ngày 15 tháng 9 năm 2010, <http://blogs.reuters.com/felix-salmon/2010/09/15/blogonomics-moving-markets/>; “Teaching Journalists to Read”, Reuters, ngày 17 tháng

9 năm 2010, <http://blogs.reuters.com/felix-salmon/2010/09/17/teaching-journalists-to-read/>). (Lưu ý: tay blogger này đã bán không – shortsell – chứng khoán trước khi cho đăng blog thông tin này, điều dĩ nhiên là vi phạm về mặt đạo đức đối với hầu hết các cơ quan đưa tin.) Về bài blog tài chính bị phát tán khắp nơi, xem Bronte Capital, “Traveling Through China...”, ngày 15 tháng 9 năm 2010, <http://brontecapital.blogspot.com/2010/09/travelling-through-china-with-universal.html>.

- ²³ John Herrman, “How 18-Year-Old Morgan Jones Told the World About the Aurora Shooting”, *BuzzFeed*, ngày 20 tháng 7 năm 2012, <http://www.buzzfeed.com/jwherrman/how-18-year-old-morgan-jones-told-the-world-about>.

- ²⁴ Jill Abramson, “Sustaining Quality Journalism”, *Daedalus* 139, số 2 (2010): trang 42.

- ²⁵ Một ví dụ ưa thích về dạng phản hồi nhanh nhạy này: Sau khi David Carr viết bài báo trên *New York Times* chỉ trích kiểu kinh doanh của *Washington Post*, Rick Edmonds trên trang web Poynter đã than phiền rằng Carr đã không đưa vào bài phân tích của mình khoản thu nhập thực mà *Washington Post* nhận được từ “các đơn vị truyền tin qua cáp và phát thanh” của nó. Sau đó, David Carr đã nhanh chóng và hết sức kiêu hãnh tweet một liên kết đến nhận xét của Edmonds: “@rickedmonds nói tôi đã bỏ qua tiềm lực ngầm của WashPo” (Rick Edmonds, “Pot Calls Kettle Black in *New York Times* Piece on *Washington Post* Business Troubles”, Poynter.org, ngày 20 thán 11 năm 2012, <http://www.poynter.org/latest-news/business-news/the-biz-blog/196028/pot-calls-kettle-black-in-new-york-times-piece-on-washington-post-business-troubles/#.UKubrTlR.twitter>;

David Carr, “*Washington Post*’s Chief Falters Anew”, *New York Times*, ngày 18 tháng 11 năm 2012, <http://www.nytimes.com/2012/11/19/business/media/at-washington-post-katharine-weymouth-struggles-for-surer-footing.html>).

- ²⁶ Whitelaw Reid, “Journalism as a Career” (1872), trong *American and English Studies*, quyển 2 (New York: Scribner’s, 1913), <http://www.ebooksread.com/authors-eng/whitelaw-reid/american-and-english-studies-volume-2-die/page-14-american-and-english-studies-volume-2-die.shtml>.
- ²⁷ Jürgen Habermas, “The Public Sphere: An Encyclopedia Article”, Douglas M. Kellner và Meenakshi Gigi Durham biên tập, *Media and Cultural Studies: Key Works* (Malden, Mass.: Blackwell, 2006), trang 73–78.
- ²⁸ Horst Pöttker đưa ra quan điểm về một sân chơi mới như sau: “Mối ràng buộc giữa ngành báo và chức năng thông tin đã trở nên lỏng lẻo khi những người truyền thông và các tổ chức truyền thông phi báo chí bắt đầu vươn lên và tận dụng được các kỹ năng làm việc / các hình thức trình bày từng được phát triển bởi ngành báo chí đưa tin” (“A Reservoir of Understanding”, *Journalism Practice* 5, số 5 [2011]: trang 522).
- ²⁹ David Taintor, “Ana Marie Cox: ‘GOP Doesn’t ‘Hate’ Women, but Gender Gap Is Real’”, *Talking Points Memo (TPM)*, ngày 22 tháng 6 năm 2012, <http://2012.talkingpointsmemo.com/2012/06/ana-marie-cox-interview.php>.
- ³⁰ Trích trong Abramson, “Sustaining Quality Journalism”, trang 41.
- ³¹ Phát biểu cho rằng nhà báo “an ủi những người đau khổ và làm khổ những người sung sướng” thường được cho là của H. L. Mencken, nhưng theo Ralph Keyes nó đã được sử dụng từ rất sớm bởi Finley Peter Dunne (Ralph Keyes, *The Quote Verifier* [New York: St. Martin’s, Press 2006], trang 34).
- ³² Trong vụ này, số lượng rò rỉ sau đó về quy trình thảo luận thực sự là một con số đáng ngạc nhiên. Ví dụ, xem Jan Crawford, “Discord at Supreme Court Is Deep and Personal”, CBSnews.com, ngày 8 tháng 7 năm 2012, http://www.cbsnews.com/8301-3460_162-57468202/discord-at-supreme-court-is-deep-and-personal/.

- ³³ Trích trong Sarah Kliff, “How Will You Know if Obamacare Still Stands Tomorrow? Probably from Lyle”, *Wonkblog* (*Washington Post*), ngày 27 tháng 6 năm 2012, <http://www.washingtonpost.com/blogs/ezra-klein/wp/2012/06/27/how-will-you-know-if-obamacare-still-stands-tomorrow-probably-from-lyle/>; Melissa Block, “Blog Sees Success in Supreme Court Focus”, NPR, ngày 26 tháng 6 năm 2012, <http://www.npr.org/2012/06/26/155792586/blog-sees-success-in-supreme-court-focus>; Staci D. Kramer, “*SCOTUSblog*: After a Decade, an Overnight Sensation”, paidContent, ngày 29/6/2012, http://paidcontent.org/2012/06/29/scotusblog-after-a-decade-an-overnight-sensation/?utm_source=feedburner&utm_medium=feed&utm_campaign=Feed%3A+pco%28paidContent%29&utm_content=Google+Reader.
- ³⁴ Thời gian phát sóng và trích dẫn là từ “The Supreme Court’s Obamacare Ruling — Bản tin CNN & Fox”, *The Daily Show*, Comedy Central, ngày 28 tháng 6 năm 2012, <http://www.thedailyshow.com/watch/thu-june-28-2012/cnn-fox-news-report-supreme-court-decision>. Các trích dẫn khác là của David Taintor, “CNN, Fox News Bungle Supreme Court Coverage”, *Talking Points Memo* (TPM), ngày 28 tháng 6 năm 2012, <http://tpmdc.talkingpointsmemo.com/2012/06/cnn-fox-news-supreme-court-coverage.php>; và Aaron Blake, “CNN, Fox Jump the Gun on Supreme Court Health Care Decision”, *Washington Post*, ngày 28 tháng 6 năm 2012, http://www.washingtonpost.com/blogs/the-fix/post/networks-jump-the-gun-mistakenly-report-that-supreme-court-struck-down-mandate/2012/06/28/gJQAmsa98V_blog.html. NPR, tạp chí *Time* và *Huffington Post* cũng đã gửi các tweet không đúng về quyết định của tòa, như được tường thuật trong Adam Peck, “In a Rush to Be First, CNN, FOX, *Huffington Post*, and *TIME* Get Supreme Court Story Exactly Wrong”, *ThinkProgress*, ngày 28 tháng 6 năm

2012, <http://thinkprogress.org/media/2012/06/28/508072/in-a-rush-to-be-first-cnn-fox-huffington-post-and-time-get-supreme-court-story-exactly-wrong/?mobile=nc>.

- ³⁵ Đến giờ, bài viết đầy đủ nhất về các sự kiện này là do chính Tom Goldstein viết: “We’re Getting Wildly Differing Assessments”, *SCOTUSblog*, ngày 7 tháng 7 năm 2012, <http://www.scotusblog.com/2012/07/were-getting-wildly-differing-assessments>. Bản thân tôi cũng có viết một bài về sự phân phối tin tức này trước khi đọc được bài của Goldstein và mắc kẹt với đồng thời gian trình tự của sự kiện, nhưng tôi đã dùng bài của Goldstein để kiểm tra và chỉnh sửa các sự kiện. Goldstein đã đăng một cảnh báo trên *Bloomberg* vào 10 giờ 07 sáng hôm đó — “TÒA ÁN TỐI CAO ĐỒNG Ý RÀ SOÁT TOÀN BỘ ĐẠO LUẬT CHĂM SÓC SỨC KHỎE CỦA OBAMA” — đánh bại *SCOTUSblog* bằng một bài viết chính xác về sự kiện này. Chi tiết này rất có ích và quan trọng đối với giới kinh doanh chứng khoán; thế nhưng, chẳng còn gì phải nghi ngờ khi mà bài tường thuật đầu tiên của *SCOTUSblog* xuất hiện sau đó 58 giây mới là bài báo lan truyền khắp giới chính trị và báo chí.

- ³⁶ Trích trong Kat Stoeffer, “Supreme Court Health Care Decision Really Confusing, CNN and Fox News Discover”, *New York Observer*, ngày 6 tháng 6 năm 2012, <http://observer.com/2012/06/supreme-court-health-care-decision-really-confusing-cnn-and-fox-news-discover/>.

- ³⁷ John H. Cushman Jr., “Supreme Court Allows Health Care Law Largely to Stand”, *New York Times*, 10 giờ 26 phút sáng ngày 29 tháng 6 năm 2012, <http://elections.nytimes.com/2012/live-coverage/scotus-healthcare>. Bản đầy đủ trước đó của bài viết này không còn trên trang web của *Times* nữa.

- ³⁸ Như được tường thuật trong Kliff, “How Will You Know If Obamacare Still Stands Tomorrow?”; Block, “Blog Sees Success

in Supreme Court Focus”; Kramer, “*SCOTUSblog*”; “The Supreme Court’s Obamacare Ruling”.

- ³⁹ Goldstein, “We’re Getting Wildly Differing Assessments”.
- ⁴⁰ Nate Silver, “*FiveThirtyEight* to Partner with *New York Times*”, *FiveThirtyEight*, ngày 3 tháng 6 năm 2010, <http://www.fivethirtyeight.com/2010/06/fivethirtyeight-to-partner-with-new.html>.
- ⁴¹ Julie Bosman, “The Kid with All the News About the TV News”, *New York Times*, ngày 20 tháng 11 năm 2006, <http://www.nytimes.com/2006/11/20/business/media/20newser.html?pagewanted=all>; “Meet Brian Stelter”, Towson University, <http://www.towson.edu/main/discovertowson/brianstelter.asp>, truy cập ngày 17 tháng 8 năm 2013; Michael Calderone, “New York Times Hires TVNewser Blogger Stelter”, *New York Observer*, ngày 12 tháng 6 năm 2007, <http://observer.com/2007/06/inew-york-timesi-hires-tvnewser-blogger-stelter/>.
- ⁴² Trích trong Menahem Blondheim, *News Over the Wires* (Cambridge, Mass.: Harvard University Press, 1994), trang 37.
- ⁴³ Với những tiêu đề báo chí này, xem “Supreme Court Health Care Ruling: Newspaper Front Pages Report Affordable Care Act Decision”, *Huffington Post*, 29 tháng 6 năm 2012, http://www.huffingtonpost.com/2012/06/29/supreme-court-health-care-ruling-newspaper-front-pages_n_1637175.html#slide=1163613.
- ⁴⁴ Pöttker, “A Reservoir of Understanding”, trang 522.
- ⁴⁵ Abramson, “Sustaining Quality Journalism”, trang 39.
- ⁴⁶ David Carr, “A Vanishing Journalistic Divide”, *New York Times*, ngày 10 tháng 10 năm 2010, <http://www.nytimes.com/2010/10/11/business/media/11carr.html?pagewanted=all>.
- ⁴⁷ Paul Krugman, “Scoop Dupes”, *NYtimes.com*, ngày 30 tháng 10 năm 2012, <http://krugman.blogs.nytimes.com/2012/10/30/scoop-dupes/?smid=tw-NYtimesKrugman&seid=auto>.

- ⁴⁸ Nina Bernstein, “Immigrant Detainee Dies, and a Life Is Buried, Too”, *New York Times*, ngày 3 tháng 4 năm 2009.
- ⁴⁹ Felix Salmon có sự do dự sau đây về nỗi hoài cổ đã trở thành thói quen của các nhà báo về thời kỳ vàng son của việc điều tra: “Ngay cả trong những ngày tháng thanh bình khi các phóng viên điều tra có thể dành hàng năm trời để điều tra, thì số lượng độc giả quan tâm đến cuộc điều tra đó vẫn là nhỏ bé: bạn phải tình cờ là độc giả của đúng tờ báo đó vào đúng ngày mà bài viết đó xuất hiện, và bạn cũng cần phải có sự quan tâm đến đề tài đó nữa. Ngày nay, các cuộc điều tra có thể nhảm tới lượng độc giả rộng khắp và có sự ảnh hưởng hơn nhiều, bởi vì chúng dễ dàng có ở khắp nơi, luôn luôn là vậy, cho dù bạn ở bất kỳ nơi nào trên thế giới” (“Teaching Journalists to Read”, Reuters, ngày 17 tháng 9 năm 2010, <http://blogs.reuters.com/felix-salmon/2010/09/17/teaching-journalists-to-read/>).
- ⁵⁰ Trích trong Stephens, “Beyond the News”.
- ⁵¹ Xem Brendan Watson, “Bloggers’ Reliance on Newspaper, Online, and Original Sources in Reporting on Local Subjects Ignored by the Press”, tài liệu được trình bày tại cuộc họp của Hiệp hội Giáo dục ngành Báo chí & Truyền thông đại chúng, St. Louis, tháng 8 năm 2011. “Nghiên cứu về 100 blog này cho thấy, trái ngược với những khẳng định về phương tiện truyền thông và nghiên cứu trước đó, các blogger viết về các vấn đề chung tại địa phương không dựa vào báo chí để làm tư liệu. Các blogger trong nghiên cứu này thường dùng các nguồn tin gốc (original sources) và báo cáo gốc (original reporting) hơn là dựa vào các phương tiện truyền thông, nhất là khi viết về các chủ đề tại địa phương (ví dụ bảo tồn lịch sử) mà các kênh tin tức thường bỏ qua.” Về một thảo luận tóm tắt về tài liệu của Watson, xem Jack Shafer, “Bloggers Not Parasites”, *Slate*, ngày 10 tháng 8 năm 2011, http://www.slate.com/articles/news_and_politics/press_box/2011/08/bloggers_not_parasites.html.

⁵² Salmon, “Teaching Journalists to Read”.

⁵³ Trích trong Blondheim, *News Over the Wires*, trang 37.

4. TẠM BIỆT CÔNG THỨC KINH ĐIỂN “AI-CÁI GÌ-KHI NÀO-Ở ĐÂU”

¹ Jonathan Cohn, “Supreme Court Rules, Obamacare Can Go Forward,” *New Republic*, ngày 28 tháng 6 năm 2012, <http://www.tnr.com/blog/plank/104445/the-supreme-court-has-ruled-health-care-reform-constitutional>. Tôi sử dụng phiên bản chỉnh sửa của bài đăng lúc 10 giờ 26 phút sáng này và chỉ có thể xác nhận rằng câu đầu tiên được trích ở đây chắc chắn là một phần của bài đăng đó.

² Ezra Klein, “In 5–4 Decision, Supreme Court Rules for the Uninsured,” *Washington Post*, ngày 28 tháng 6 năm 2012, <http://www.washingtonpost.com/blogs/ezra-klein/wp/2012/06/28/in-5-4-decision-supreme-court-rules-for-the-uninsured/>.

³ Jonathan Chait, “John Roberts Saves Us All,” tạp chí *New York*, ngày 28 tháng 6 năm 2012, <http://nymag.com/daily/intel/2012/06/john-roberts-saves-us-all.html>. Bài đăng này cũng đã được chỉnh sửa; những câu từ tôi trích dẫn có thể đã bị thay đổi so với “bản đăng gốc” lúc 11 giờ 33 phút sáng.

⁴ Andrew Sullivan, “Live-Blogging SCOTUS’s ACA Ruling: Broccoli Wins!” *DailyBeast*, ngày 28 tháng 6 năm 2012, <http://andrewsullivan.thedailybeast.com/2012/06/live-blogging-scotus-healthcare-ruling.html>.

⁵ Megan McArdle, “ObamaCare Is Constitutional, Sun Still Shining. News at 11,” *Daily Beast*, ngày 28 tháng 6 năm 2012, <http://www.thedailybeast.com/articles/2012/06/28/obamacare-stays-for-now.html>.

- ⁶ Laurence Tribe, “Chief Justice Roberts Comes Into His Own and Saves the Court While Preventing a Constitutional Debacle,” *SCOTUSblog*, ngày 28 tháng 6 năm 2012, <http://www.scotusblog.com/2012/06/chief-justice-roberts-comes-into-his-own-and-saves-the-court-while-preventing-a-constitutional-debacle/>.
- ⁷ Jonathan Adler, “Lose the Battle, Win the War?” *SCOTUSblog*, ngày 28 tháng 6 năm 2012, <http://www.scotusblog.com/2012/06/lose-the-battle-win-the-war/>.
- ⁸ “Special Feature: Post-decision Health Care Symposium,” *SCOTUSblog*, ngày 29 tháng 6 năm 2012, <http://www.scotusblog.com/category/special-features/post-decision-health-care-symposium/page/2/>.
- ⁹ “A Report on Senator Joseph R. McCarthy,” *See it Now*, CBS-TV, ngày 9 tháng 3 năm 1954, lưu trữ trực tuyến của Media Resources Center, Thư viện Moffitt, Đại học California, Berkeley, <http://www.lib.berkeley.edu/MRC/murrowmccarthy.html>.
- ¹⁰ Carlota S. Smith, *Modes of Discourse* (Cambridge: Cambridge University Press, 2003), trang 155–183.
- ¹¹ A. M. Sperber, *Murrow: His Life and Times* (New York: Fordham University Press, 1998), trang 431.
- ¹² D. D. Guttenplan, *American Radical: The Life and Times of I. F. Stone* (Evanston, Ill.: Northwestern University Press, 2012), trang 285.
- ¹³ David Brooks, “Pessimism Without Panic,” *New York Times*, ngày 18 tháng 6 năm 2006, http://www.nytimes.com/2006/06/18/opinion/18brooks.html?_r=1; bài phỏng vấn Charlie Rose của Burns được trích từ bài báo này.
- ¹⁴ Email từ John Burns ở Baghdad gửi cho Mitchell Stephens, ngày 6 tháng 10 năm 2006.
- ¹⁵ Thomas E. Ricks, *Fiasco: The American Military Adventure in Iraq* (New York: Penguin, 2007).

- ¹⁶ Farnaz Fassihi, “From Baghdad: A *Wall Street Journal* Reporter’s E-mail to Friends,” *Common Dreams*, ngày 30 tháng 9 năm 2004, <http://www.commondreams.org/views04/0930-15.htm>.
- ¹⁷ Tham khảo bằng chứng của Katherine Fink và Michael Schudson về sự gia tăng của “báo chí mang tính ngữ cảnh” trên các tờ báo trong bài viết “The Rise of Contextual Journalism, 1950s–2000s,” *Journalism*, ngày 17 tháng 2 năm 2013, <http://lb1.jrn.columbia.edu:1234/system/documents/703/original/Fink-Schudson-ContextualJournalism.pdf>.
- ¹⁸ “G-Force,” *Economist.com*, ngày 2 tháng 4 năm 2009, <http://www.economist.com/node/13415746>; Dean Baker, “G20: Why Support the IMF,” *Guardian.co.uk*, ngày 2 tháng 4 năm 2009, <http://www.guardian.co.uk/commentisfree/cifamerica/2009/apr/02/g20-agreement-imf-tax-havens>; Ezra Klein, “IMF FTW,” *Prospect.org*, ngày 02/04/2009, <http://prospect.org/article/imf-ftw>; Steven Pearlstein, “A Rare Triumph of Substance at the Summit,” *Washington Post*, ngày 3 tháng 4 năm 2009.
- ¹⁹ Harry Jaffe, “Flash: Front Page of Washington Newspaper Contains No News,” *Capital Comment Blog*, *Washingtonian.com*, ngày 6 tháng 3 năm 2009, <http://www.washingtonian.com/blogs/capitalcomment/post-watch/flash-front-page-of-washington-newspaper-contains-no-news.php>. Nói cho công bằng thì Jaffe có những góc nhìn thú vị và sinh động về tình huống của tờ *Post*. Cảm ơn Maralee Schwartz vì đã chỉ cho tôi câu chuyện này.
- ²⁰ Sheryl Gay Stolberg, “After Recess, Health Talk Steps Lively”, *New York Times*, ngày 9 tháng 9 năm 2009. Tiêu đề vui nhộn của bài này không phản ánh nội dung của nó. Tất nhiên là tiêu đề của các bài viết trên mạng rất khác với thông thường.
- ²¹ Helene Cooper, “On Big Stage, an Overture”, *New York Times*, ngày 3 tháng 4 năm 2009.

- ²² Một nghiên cứu khác để tham khảo về các thông điệp của tổng thống trước Quốc hội là của Michael Schudson, “The Politics of Narrative Form: The Emergence of News Conventions in Print and Television”, *Daedalus* 111, no. 4 (1982): trang 97–112.
- ²³ Thomas E. Patterson đã tìm thấy điều tương tự trong một phân tích nội dung của *New York Times*: “Từ 1960 tới 1992, lượng bài diễn giải xuất hiện trên trang bìa của họ tăng cả chục lần, từ 8% lên 80%” (“Bad News, Bad Governance,” *Annals of the Academy of Political and Social Science* 546 [7/1996]: trang 102).
- ²⁴ “Tính khách quan truyền thống đòi hỏi bài báo tường thuật chỉ được chứa sự việc thực tế và loại trừ mọi quan điểm, diễn giải của phóng viên” (Stephen J. A. Ward, *Invention of Journalism Ethics: The Path to Objectivity and Beyond* [Quebec: McGill-Queen’s University Press, 2004], trang 20).
- ²⁵ Trích từ “Brauchli Responds to Jaffe ‘No News’ Claim”, *FishbowlDC*, mediabistro.com, ngày 6 tháng 3 năm 2009, http://www.mediabistro.com/fishbowldc/brauchli-responds-to-jaffe-no-news-claim_b15221.
- ²⁶ Mạng lưới các tổng biên tập toàn cầu, phần “Global Editors Network”, “About Us”, và “Manifesto”, <http://www.globaleditorsnetwork.org/manifesto/>, truy cập vào ngày 8 tháng 8 năm 2013. Một số cách thức mà tổ chức này tự miêu tả về mình trên website đã thay đổi kể từ lúc tôi viết nội dung sách này vào năm 2012. Tuy nhiên, danh sách các “khía cạnh” của “báo chí chất lượng” mà họ đưa ra trong bản tuyên ngôn của mình — trọng tâm trong những phê bình của tôi — vẫn không thay đổi kể từ ngày 8 tháng 8 năm 2013.
- ²⁷ Theo một video trên YouTube được dẫn và biên tập bởi Kelly Kettering, thu tại 2010 Schuneman Symposium, http://www.youtube.com/watch?v=G_Ahw96-cM.
- ²⁸ Tham khảo Mitchell Stephens, *A History of News*, ấn bản lần 3. (New York: Oxford University Press, 2007), trang 205–217.

- ²⁹ Debby Woodin, “Joplin City Council to Hear Comments on Grant Proposals”, *Joplin Globe*, ngày 19 tháng 8 năm 2012, <http://www.joplinglobe.com/local/x257410972/Joplin-City-Council-to-hear-comments-on-grant-proposals>.
- ³⁰ Tham khảo John R. Searle, *Mind, Language, and Society* (New York: Basic Books, 1999), trang 148–150; Mitchell Stephens & Beth M. Olson, *Broadcast News*, ấn bản lần 4. (Belmont, Calif.: Thomson Wadsworth, 2005); Jerry Lanson & Mitchell Stephens, *Writing and Reporting the News*, ấn bản lần 3. (New York: Oxford University Press, 2008).
- ³¹ Trích trong Cooper, “On Big Stage, an Overture.”
- ³² Trích trong Sridhar Pappu, “Washington’s New Brat Pack Masters Media,” *New York Times*, ngày 25 tháng 3 năm 2011, http://www.nytimes.com/2011/03/27/fashion/27YOUNGPUNDITS.html?_r=1&pagewanted=all.
- ³³ Mark Landler và David E. Sanger, “World Leaders Pledge \$1.1 Trillion to Tackle Crisis”, *New York Times*, ngày 3 tháng 4 năm 2009.
- ³⁴ Trích trong Howard Kurtz, “Huffington Snags N.Y. Times Star,” *Washington Post* ngày 21 tháng 9 năm 2010, http://voices.washingtonpost.com/howard-kurtz/2010/09/huffington_snags_ny_times_star.html.
- ³⁵ Rem Rieder, “A Matter of Interpretation”, *American Journalism Review*, tháng 12 năm 2010–tháng 1 năm 2011, <http://ajr.org/Article.asp?id=4975>.
- ³⁶ Stolberg, “After Recess, Health Talk Steps Lively.”
- ³⁷ Susan Rasky và Brad DeLong, “Twelve Things Journalists Need to Remember to Be Good Economic Reporters,” *Nieman Watchdog*, ngày 13 tháng 6 năm 2006, <http://www.niemanwatchdog.org/index.cfm?fuseaction=background.view&backgroundid=0093>.

- ³⁸ CNN Wire Staff, “Walmart Shooting Followed Fight at Party, Police Say,” ngày 20 tháng 8 năm 2012, http://www.cnn.com/2012/08/20/us/texas-walmart-shooting/index.html?hpt=hp_t2.
- ³⁹ Dalia Sussman, “Times/CBS News Poll: The Recession’s Profound Impact,” *The Caucus*, NYtimes.com, ngày 14 tháng 12 năm 2009, <http://thecaucus.blogs.nytimes.com/2009/12/14/timescbs-news-poll-the-recessions-profound-impact/>. Phần đầu ít nhiều đã được chỉnh sửa, ít nhất là ở câu thứ hai, sáng hôm sau khi nó xuất hiện ở trên cùng trang bìa tờ báo như sau: “Hơn phân nửa số lao động thất nghiệp của quốc gia có vay tiền từ bạn bè hoặc người thân kể từ thời điểm mất việc. Cũng một lượng tương đương đã giảm số lần đi bác sĩ hoặc điều trị y tế vì lý do thất nghiệp” (Michael Luo và Megan Thee-Brenan, “Poll Reveals Trauma of Joblessness in U.S.,” *New York Times*, ngày 14 tháng 12 năm 2009, <http://www.nytimes.com/2009/12/15/us/15poll.html>).
- ⁴⁰ Xem Stephens, *A History of News*, trang 116–128.
- ⁴¹ Kevin Vaughan và Burt Hubbard, “Analysis: Most Gun Deaths in Colorado Are Suicides,” *Steamboat Today*, ngày 10 tháng 3 năm 2013, <http://www.steamboattoday.com/news/2013/mar/10/analysis-most-gun-deaths-colorado-are-suicides/>.
- ⁴² Ezra Klein, “Do the News Media Spend Too Much Time on News?” *Washington Post*, ngày 22 tháng 6 năm 2010, http://voices.washingtonpost.com/ezra-klein/2010/06/does_the_news_media_spend_too.html.
- ⁴³ Pappu, “Washington’s New Brat Pack Masters Media.”
- ⁴⁴ Matthew Yglesias, “Nancy Pelosi Calls for Constitutional Abrogation of the Debt Ceiling,” *Slate*, ngày 20 tháng 6 năm 2012, http://www.slate.com/blogs/moneybox/2012/06/20/pelosi_says_14th_amendment_makes_the_debt_ceiling_unconstitutional.html; tweet của Yglesias đăng tại <https://twitter.com/mattyglesias/status/215520251033554944>.

- ⁴⁵ Trích trong Pappu, “Washington’s New Brat Pack Masters Media.”
- ⁴⁶ Felix Salmon, “Teaching Journalists to Read,” Reuters, ngày 17 tháng 9 năm 2010, <http://blogs.reuters.com/felix-salmon/2010/09/17/teaching-journalists-to-read/>.
- ⁴⁷ Nate Silver, “Swing Voters and Elastic States”, *New York Times*, ngày 21 tháng 5 năm 2012, <http://fivethirtyeight.blogs.nytimes.com/2012/05/21/swing-voters-and-elastic-states/>.
- ⁴⁸ Nate Silver, “Journalism Day Henry Pringle Lecture”, Columbia University, ngày 17 tháng 5 năm 2011, http://www.journalism.columbia.edu/system/documents/478/original/nate_silver.pdf.
- ⁴⁹ Trích Joshua Benton, “Q & A with Ana Marie Cox”, Nieman Journalism Lab, ngày 27 tháng 10 năm 2008, <http://www.niemanlab.org/2008/10/ana-marie-cox-asking-the-audience-to-pay-for-journalism/>.
- ⁵⁰ Trích từ “Independent Goes Red as Bono Edits”, *BBC News*, ngày 16 tháng 5 năm 2006, http://news.bbc.co.uk/2/hi/uk_news/4984864.stm.
- ⁵¹ Simon Kelner, trích từ bài phỏng vấn của tác giả, tháng 10 năm 2006; Mitchell Stephens, “Beyond the News”, *Columbia Journalism Review* 45, no. 5 (2007), http://www.cjr.org/feature/beyond_the_news.php; Roy Greenslade, “The Kelner Years—How the Viewspaperman Survived Despite Falling Sales”, *Guardian*, ngày 1 tháng 7 năm 2011, <http://www.guardian.co.uk/media/greenslade/2011/jul/01/simon-kelner-theindependent>.
- ⁵² Nhật báo *Libération* của Pháp có thể là một hình mẫu khác về sự thẳng thắn và tập trung không khác gì tạp chí như thế.
- ⁵³ “The Foxification of News”, *The Economist*, ngày 7 tháng 7 năm 2011, http://www.economist.com/node/18904112?fsrc=rss&story_id=18904112.
- ⁵⁴ Horst Pöttker viết về thành công cho mô hình báo chí có tính diễn giải hơn tại Đức: “Trái ngược với xu hướng chung của sự sụt giảm

liên tục trong lượng ấn hành nhật báo, ít nhất là tại Đức các tuần báo như *Die Zeit* và *Frankfurter Allgemeine Sonntagszeitung*, với những điều tra tinh vi, thấu đáo cùng chất lượng viết đã giành được sự gia tăng đáng kể về số lượng phát hành” (“A Reservoir of Understanding”, *Journalism Practice* 5, no. 5 [2011]: trang 523).

- ⁵⁵ Trích trong Stephens, “Beyond the News.”
- ⁵⁶ Như trên; Tim Logan và John Doherty, “The Promised Land,” *Times Herald-Record*, ngày 29 tháng 1 năm 2006.
- ⁵⁷ Christine Young, “Mike Levine, Record Editor, Dead”, *Times Herald-Record*, ngày 14 tháng 1 năm 2007, <http://www.recordonline.com/apps/pbcs.dll/article?AID=/20070114/NEWS/70114010>.

5. “DÙ BẠN CÓ NỖ LỰC THOÁT RA KHỎI TÁC PHẨM BAO NHIÊU ĐI NỮA”

- ¹ Email từ John Burns tại Baghdad tới Mitchell Stephens, ngày 6 tháng 10 năm 2006.
- ² Brian Stelter, “Two Takes at NPR and Fox on Juan Williams”, *New York Times*, ngày 21 tháng 10 năm 2010, http://www.nytimes.com/2010/10/22/business/media/22williams.html?_r=2.

Do NPR gần như là một tổ chức công, việc này ít nhiều góp phần làm tăng sự nhạy cảm của các tổ chức khác về các vấn đề tương tự, nhưng NPR không là trường hợp độc nhất với sự nhạy cảm đó.

- ³ Thomas Bowles, “Clap, Clap Goodbye,” *Frontstretch*, ngày 28 tháng 2 năm 2011, <http://www.frontstretch.com/tbowles/32940/>; người đại diện được trích lời trong “Sports Illustrated Responds to Freelancer Fired After Daytona 500,” *Inside Line*, ngày 2 tháng 3 năm 2011, <http://www.insideline.com/car-news/sports-illustrated-responds-to-freelancer-fired-after-daytona-500.html>. *Sports Illustrated* không xác nhận rằng sự cố vỡ tay này là lý do

duy nhất khiến Thomas Bowles bị sa thải. Nhưng “một quản lý cấp cao” của SI đã nói rằng đó “là giọt nước làm tràn ly,” theo như *Inside Line*. Đây là một vài ví dụ khác: Joe Williams, phóng viên tại Nhà Trắng của tờ *Politico*, bị đuổi việc năm 2012 vì những bình luận trên MSNBC kết tội ứng viên tổng thống của đảng Cộng hòa bấy giờ là Mitt Romney vì đã “dễ chịu” hơn với “dân da trắng” (Erik Wemple, “*Politico* Suspends Reporter”, *Washington Post*, ngày 22 tháng 6 năm 2012, http://www.washingtonpost.com/blogs/erik-wemple/post/politico-suspends-reporter/2012/06/22/gJQAvvf8uV_blog.html); và blogger của *Washington Post* là Dave Weigel, người viết về phong trào bảo thủ, đã phải từ chức sau các email mình viết đả kích những người bảo thủ bị rò rỉ ra ngoài (Andy Alexander, “Blogger Loses Job; Post Loses Standing Among Conservatives”, *Washington Post*, ngày 25 tháng 6 năm 2010, http://voices.washingtonpost.com/ombudsman-blog/2010/06/blogger_loses_job_post_loses_s.html).

- ⁴ Stephen Ward, “Pragmatic News Objectivity: Objectivity with a Human Face,” Tài liệu thảo luận D-37, tháng 5 năm 1999, Trung tâm Joan Shorenstein về Báo chí, Chính trị và Chính sách công, Đại học Harvard.
- ⁵ Jonathan Dee, “*John Hersey*”, trích trong George Plimpton, ed., *Writers at Work: Paris Review Interviews* 8, no. 92 (New York: Penguin, 1984), 130, <http://www.theparisreview.org/interviews/2756/the-art-of-fiction-no-92-john-hersey>.
- ⁶ Carlota S. Smith, *Modes of Discourse* (Cambridge: Cambridge University Press, 2003), trang 155–183.
- ⁷ Stephen Ward xác định thay đổi này nằm ở nửa sau thế kỷ 20 nhiều hơn (“Pragmatic News Objectivity”), nhưng tôi tin rằng xác định này đã xem nhẹ tính đột phá của chủ nghĩa hiện đại và vật lý trong nửa đầu thế kỷ đó.

- ⁸ Thomas Nagel, *The View from Nowhere* (Oxford: Oxford University Press, 1986), trang 26.
- ⁹ “Interview: Len Downie”, *Frontline*, ngày 19 tháng 4 năm 2006, <http://www.pbs.org/wgbh/pages/frontline/newswar/interviews/downie.html>. Hãy nhớ lại sự tung hô của Aristotle về tính công tâm (epieikeia) đã nêu trong chương 1.
- ¹⁰ Jay Rosen đã thêm vào những từ khác mà ngày nay các nhà báo truyền thống dùng thay cho *tính khách quan* đã bị mất uy lực: “Họ có thể nói về ‘truyền thống của việc đưa tin không mang tính đảng phái,’ hoặc đặt sự trung dung (neutrality) thay cho tính khách quan (objectivity). ‘Không cần đấu đá.’ ‘Không thiên vị lợi ích nào.’ ‘Tuồng thuật thẳng thắn.’ Những ngôn từ khác nhau, ý nghĩa vẫn như nhau” (“Objectivity as a Form of Persuasion: A Few Notes for Marcus Brauchli”, *PressThink*, ngày 7 tháng 7 năm 2010, http://archive.pressthink.org/2010/07/07/obj_persuasion.html).
- ¹¹ Ezra Klein, “A Not-Very-Truthful Speech in a Not-Very-Truthful Campaign”, *Washington Post*, ngày 30 tháng 8 năm 2012, <http://www.washingtonpost.com/blogs/ezra-klein/wp/2012/08/30/a-not-very-truthful-speech-in-a-not-very-truthful-campaign/>.
- ¹² Nỗ lực tránh né tính đảng phái quá nhiều này là rất đáng trân trọng. Một trong các nguyên lý căn bản của Cicero về sử học là tác giả “phải được giải phóng khỏi mọi thành kiến từ bất cứ thù hằn nào” (*De Oratore*, bản dịch của William Guthrie [Boston: R. P. and C. Williams, 1822], II, 15, trang 126).
- ¹³ David Mindich đã xem xét từ *vô tư* – *detachment* (*Just the Facts* [New York: New York University Press, 1998], trang 15–39).
- ¹⁴ “Post Newsroom Leader to Retire”, *Washington Post*, 25 tháng 6 năm 2008, biên bản cuộc đối thoại với độc giả, <http://www.washingtonpost.com/wp-dyn/content/discussion/2008/06/24/DI2008062401047.html>.

- ¹⁵ Matthew Yglesias, “What Is Hidden and What Is Revealed”, *ThinkProgress*, ngày 26 tháng 6 năm 2010, <http://thinkprogress.org/yglesias/2010/06/26/197694/what-is-hidden-and-what-is-revealed/>.
- ¹⁶ Russell Baker, “Now Even Rockets Have Spokespersons,” *Eugene Register-Guard*, ngày 14 tháng 10 năm 1986, <http://news.google.com/newspapers?nid=1310&dat=19861014&id=otwzAAAAIBAJ&sjid=hOEDAAAAIBAJ&pg=3982,3433596>.
- ¹⁷ Andrew Sullivan, “How Objectivity Breeds Extremism”, *Daily Dish*, ngày 8 tháng 6 năm 2010, <http://www.theatlantic.com/daily-dish/archive/2010/06/how-objectivity-breeds-extremism/186122/>.
- ¹⁸ Baker, “Now Even Rockets Have Spokespersons.”
- ¹⁹ “M’CARTHY BENTON EXCHANGE CHARGES”, *New York Times*, ngày 4 tháng 7 năm 1952, <http://query.nytimes.com/mem/archive/pdf?res=9F06EEDF153AE23BBC4C53DFB1668389649EDE>.
- ²⁰ Brad DeLong, “Journalism Education: Finding New Leaders for Changing Times”, ngày 17 tháng 11 năm 2011, <http://delong.typepad.com/sdj/2011/11/what-should-the-next-berkeley-journalism-dean-do-who-should-the-next-berkeley-journalism-school-dean-be.html>.
- ²¹ “CNN Leaves It There”, *The Daily Show*, Comedy Central, ngày 12 tháng 10 năm 2009, <http://www.thedailyshow.com/watch/mon-october-12-2009/cnn-leaves-it-there>.
- ²² Jay Rosen, “He Said, She Said Journalism: Lame Formula in the Land of the Active User,” *PressThink*, ngày 12 tháng 4 năm 2009, http://archive.pressthink.org/2009/04/12/hesaid_shesaid.html.
- ²³ “Arpaio: Obama Birth Record ‘Definitely Fraudulent’”, Associated Press, ngày 17 tháng 7 năm 2012, <http://news.yahoo.com/arpaio-obama-birth-record-definitely-fraudulent-010211250.html>.

- ²⁴ Molly Ivins, *Molly Ivins Can't Say That, Can She?* (New York: Vintage Books, 1992), trang 231. Ivins ngụ ý nói tới ví dụ trong bài của Baker: "Now Even Rockets Have Spokespersons."
- ²⁵ Jay Rosen, "We Know What Our Journalists Believe About the Debt Crisis", *Quote and Comment*, ngày 31 tháng 7 năm 2011, <http://jayrosen.tumblr.com/post/8317838361/we-know-what-our-journalists-believe-about-the>.
- ²⁶ Joan Didion, "The Deferential Spirit", *New York Review of Books*, ngày 19 tháng 9 năm 1996, <http://www.nybooks.com/articles/archives/1996/sep/19/the-deferential-spirit/?pagination=false>.
- ²⁷ "Why the Supercommittee Is About to Fail", *Washington Post*, hồi đáp trực tuyến, người dẫn chương trình: Paul Kane, ngày 21 tháng 11 năm 2011, <http://live.washingtonpost.com/why-the-super-committee-is-about-to-fail-111121.html>.
- ²⁸ Stephen Edelston Toulmin, *The Uses of Argument* (Cambridge: Cambridge University Press, 1999), trang 60.
- ²⁹ Dianna Parker, "Wash. Post Again Reported GOP Criticism of Reconciliation, but Not That GOP Repeatedly Used Process", *Media Matters*, ngày 09/04/2009, <http://mediamatters.org/research/2009/04/09/wash-post-again-reported-gop-criticism-of-recon/149030>.
- ³⁰ "Post Politics: Cap-and-Trade Delays, Appointee Confirmations, More," *Post Politics Hour with Paul Kane*, *Washington Post*, ngày 9 tháng 4 năm 2009, bản ghi lại tại <http://www.washingtonpost.com/wp-dyn/content/discussion/2009/04/08/DI2009040802992.html?hpid=discussions>.
- ³¹ Matthew Yglesias, "Post Reporter Says It's Not His Job to Check the Accuracy of People He's Quoting", *ThinkProgress*, ngày 9 tháng 4 năm 2009, http://thinkprogress.org/media/2009/04/09/184375/post_reporter_says_its_not_his_job_to_check_the_accuracy_of_people_hes_quoting/?mobile=nc.

- ³² Alec MacGillis, “It’s All Fair Game”, *New Republic*, ngày 26 tháng 7 năm 2012, <http://www.tnr.com/blog/plank/105429/its-all-fair-game>.
- ³³ *Meet the Press*, NBC, ngày 22 tháng 10 năm 2006, bản ghi lại, http://www.msnbc.msn.com/id/15304689/ns/meet_the_press/t/mtp-transcript-oct/#.UFtOvtDhe_A. Xem thêm Matthew Yglesias, “Journalism as Sadism”, *Atlantic*, ngày 11 tháng 11 năm 2007, <http://www.theatlantic.com/politics/archive/2007/11/journalism-as-sadism/46981/>.
- ³⁴ Để đọc giải thích về loạt bài liên quan tới câu nói hớ của Tổng thống Obama và những ngụ ý của chúng, xem Ezra Klein, “Politicians Don’t Take Questions: Can You Blame Them?” *Washington Post*, ngày 22 tháng 6 năm 2012, <http://www.washingtonpost.com/blogs/ezra-klein/wp/2012/06/22/politicians-dont-take-questions-can-you-blame-them/>.
- ³⁵ Jay Rosen, “The View from Nowhere: Questions and Answers”, *PressThink*, tháng 11 năm 2010, <http://pressthink.org/2010/11/the-view-from-nowhere-questions-and-answers/>.
- ³⁶ Jeff Zeleny và Jim Rutenberg, “Romney Adopts Harder Message for Last Stretch”, *New York Times*, ngày 25 tháng 8 năm 2012, <http://www.nytimes.com/2012/08/26/us/politics/mitt-romneys-campaign-adopts-a-harder-message.html>; David Lauter, “Rick Santorum Repeats Inaccurate Welfare Attack on Obama”, *Los Angeles Times*, ngày 28 tháng 8 năm 2012, <http://articles.latimes.com/2012/aug/28/news/la-pn-santorum-welfare-obama-20120828>. Xem thêm James Fallows, “False-Equivalence Watch: A Positive Sign”, *Atlantic*, tháng 8 năm 2012, <http://www.theatlantic.com/politics/print/2012/08/false-equivalence-watch-a-positive-sign/261581>, và “Bit by Bit It Takes Shape: Media Evolution for the ‘Post-Truth’ Age”, *Atlantic*, tháng 8 năm 2012, <http://www.theatlantic.com/politics/print/2012/08/bit-by-bit-it-takes-shape-media-evolution-for-the-post-truth-age/261741/>.

- ³⁷ “Nicholas Lehman: Can Journalists Be Objective?” *Big Think*, ngày 6 tháng 2 năm 2008, bản ghi chép lại cuộc phỏng vấn, <http://bigthink.com/ideas/2883>.
- ³⁸ Jay Rosen đã xuất bản một quyển sách tựa đề *What Are Journalists For?* (New Haven, Conn.: Yale University Press, 2001). Câu trả lời của ông, về cơ bản, mang tính chính trị: thúc đẩy nền dân chủ — một mục tiêu xứng đáng. Nhưng tôi xem xét vấn đề này về mặt thúc đẩy sự đa dạng của kiến thức.
- ³⁹ Carl Bernstein, “How to Be a Great Journalist”, *Big Think*, ngày 10 tháng 8 năm 2010, bản ghi chép lại cuộc phỏng vấn, <http://bigthink.com/ideas/21732>.
- ⁴⁰ John R. Searle, *Mind, Language, and Society* (New York: Basic Books, 1999), trang 142.
- ⁴¹ Aristotle, *On Rhetoric*, bản dịch của George A. Kennedy (New York: Oxford University Press, 1991), trang 187 (2.22.4).
- ⁴² Carl Bernstein và Bob Woodward, “Woodward and Bernstein: 40 Years After Watergate: Nixon Was Far Worse Than We Thought”, *Washington Post*, ngày 8 tháng 6 năm 2012, http://www.washingtonpost.com/opinions/woodward-and-bernstein-40-years-after-watergate-nixon-was-far-worse-than-we-thought/2012/06/08/gJQAlsi0NV_story.html.
- ⁴³ Bob Woodward và Carl Bernstein, “GOP Security Aide Among Five Arrested in Bugging Affair”, *Washington Post*, ngày 19 tháng 6 năm 1972, http://www.washingtonpost.com/politics/gop-security-aide-among-five-arrested-in-bugging-affair/2012/06/07/gJQAYTdZKV_story.html.
- ⁴⁴ Howard Kurtz, “Huffington Snags New York Times Star,” *Washington Post*, ngày 21 tháng 9 năm 2010, http://voices.washingtonpost.com/howard-kurtz/2010/09/huffington_snags_ny_times_star.html. Chính Howard Kurtz, như Rem Rieder ghi nhận, sau đó đã

- nhanh chóng có động thái tương tự là rời khỏi *Washington Post* để chuyển sang *Daily Beast* (Rem Rieder, “A Matter of Interpretation”, *American Journalism Review*, tháng 12 năm 2010, tháng 1 năm 2011, <http://www.ajr.org/Article.asp?id=4975>).
- ⁴⁵ Peter S. Goodman, “Goldman’s Victory: Don’t Blame Prosecutors”, *Huffington Post*, ngày 10 tháng 8 năm 2012, http://www.huffingtonpost.com/peter-s-goodman/goldman-sachs-regulation_b_1764295.html.
- ⁴⁶ Felix Salmon, “Teaching Journalists to Read”, Reuters, ngày 17 tháng 9 năm 2010, <http://blogs.reuters.com/felix-salmon/2010/09/17/teaching-journalists-to-read/>.
- ⁴⁷ Thomas Paine, “The Crisis”, ngày 23 tháng 12 năm 1776, in lại ở <http://www.ushistory.org/paine/crisis/c-01.htm>; Émile Zola, “J’Accuse!” *L’Aurore*, ngày 13 tháng 1 năm 1898, in lại ở *Wikipedia*, http://en.wikipedia.org/wiki/File:J_accuse.jpg.
- ⁴⁸ David Bornstein đi đầu trong những nỗ lực tìm kiếm và xây dựng “báo chí giải pháp.” Ví dụ, xem bài viết của ông, “Why ‘Solutions Journalism’ Matters, Too”, *New York Times*, ngày 20 tháng 12 năm 2011, <http://opinionator.blogs.nytimes.com/2011/12/20/why-solutions-journalism-matters-too/>.
- ⁴⁹ Peter S. Goodman, “On Education, Strive Partnership Offers Useful Template”, *Huffington Post*, ngày 11 tháng 11 năm 2012, http://www.huffingtonpost.com/peter-s-goodman/strive-partnership_b_1582573.html.
- ⁵⁰ Lincoln Steffens, *The Shame of the Cities* (New York: Hill and Wang, 1967), trang 12.
- ⁵¹ Sdd, trang 2.
- ⁵² Trích từ Jim Romenesko, “AP Warns Staff About Expressing Opinions on Social Networks”, *Poynter*, ngày 7 tháng 7 năm 2011, <http://www.poynter.org/latest-news/mediawire/138288/ap-warns-staff-about-expressing-opinions-on-social-networks/>.

- ⁵³ Jim Naureckas, “Leaked Reuters Memo Suggests Reporters Should Keep Ideas to Themselves”, *FAIR*, ngày 6 tháng 7 năm 2010, <http://www.fair.org/blog/2010/07/26/leaked-reuters-memo-suggests-reporters-should-keep-their-ideas-to-themselves/>.
- ⁵⁴ Trích từ Margaret Sullivan, “After an Outburst on Twitter, The Times Reinforces Its Social Media Guidelines”, *New York Times*, ngày 17 tháng 10 năm 2012, <http://publiceditor.blogs.nytimes.com/2012/10/17/after-an-outburst-on-twitter-the-times-reinforces-its-social-media-guidelines/>.
- ⁵⁵ Trích từ Lời nói đầu trong tác phẩm của Karl E. Meyer: *Pundits, Poets, and Wits: An Omnibus of American Newspaper Columns* (New York: Oxford University Press, 1990), trang xxxvii.
- ⁵⁶ Tom Wolfe, “The New Journalism”, trong Tom Wolfe và Edward Warren Johnson, *The New Journalism* (New York: Harper and Row, 1973), trang 17–18.
- ⁵⁷ Minha Kim, “News Objectivity and Political Conversation: An Experimental Study of Mad Cow Disease and Candlelight Protest,” *Development and Society* 41, số 1 (2012): 56. Kim trích từ William E. Jackson Jr., “Save Democracy from Civic Journalism: North Carolina’s Odd Experiment”, *Harvard International Journal of Press/Politics* 2, số 3 (1997): trang 102–17, và Louise Woodstock, “Public Journalism’s Talking Cure: An Analysis of the Movement’s ‘Problem’ and ‘Solution’ Narratives”, *Journalism* 3, số 1 (2002): trang 37–55. Xem thêm Dylan Byers, “Against Objectivity, Toward Opinion”, *Politico*, ngày 25 tháng 7 năm 2012, <http://www.politico.com/blogs/media/2012/07/against-objectivity-toward-opinion-130087.html>.
- ⁵⁸ Tôi lấy quan điểm này từ Thomas Patterson.
- ⁵⁹ Rosen, “The View from Nowhere.”

6. “VÔ SỐ NHỮNG CÂU CHUYỆN ỒN ÀO TRÊN ĐỜI”

- ¹ Walter Lippmann, “Force and Ideas”, *New Republic*, ngày 7 tháng 11 năm 1914, in lại trong *The Early Writings* (New Brunswick, N.J: Transaction, 1970), trang 3. Tôi sẽ phân tích về “nhạc điệu” cực kỳ cao của hai câu này trong Mitchell Stephens, *Journalism Unbound* (New York: Oxford University Press, sắp xuất bản).
- ² Trích từ Lời nói đầu trong tác phẩm của Karl E. Meyer: *Pundits, Poets, and Wits: An Omnibus of American Newspaper Columns* (New York: Oxford University Press, 1990), trang xxxvii.
- ³ Chris Matthews, *Hardball*, MSNBC, ngày 14 tháng 9 năm 2012, http://hardballblog.msnbc.com/_news/2012/09/14/13868379-matthews-american-leadership-is-holding-together-getting-stronger?lite.
- ⁴ Aristotle, *On Rhetoric*, bản dịch của George A. Kennedy (New York: Oxford University Press, 1991), trang 209 (2.24.9).
- ⁵ Sđd, trang 207 (2.24.4).
- ⁶ “One Year Ago: Barack Obama Declared Peace in Our Time at the United Nations”, *Rush Limbaugh Show*, biên bản ghi lại, ngày 14 tháng 9 năm 2012, http://www6.rushlimbaugh.com/daily/2012/09/14/one_year_ago_barack_obama_declared_peace_in_our_time_at_the_united_nations.
- ⁷ Aristotle, *On Rhetoric*, trang 207 (2.24.4). Limbaugh hẳn cũng “khuyến đại” tầm quan trọng của làn sóng tấn công bởi những người Hồi giáo cấp tiến vào tháng 9 năm 2012.
- ⁸ Bài báo của Judith Miller ngày 30 tháng 4 năm 2012 trên FoxNews.com, dù có hơi rối rắm, nhưng có chứa bằng chứng rằng chính quyền Obama thực sự đã khiển trách một quan chức Bộ Ngoại giao vì nói câu “cuộc chiến chống khủng bố đã kết thúc” (“Is the War

- on Terror Over?" FoxNews.com, ngày 30 tháng 4 năm 2012, <http://www.foxnews.com/opinion/2012/04/30/is-war-on-terror-over/>.
- ⁹ Aristotle, *On Rhetoric*, trang 207 (2.24.4).
- ¹⁰ Xem thêm "Bernanke Sees the Coming Collapse", *Rush Limbaugh Show*, biên bản ghi lại, ngày 14 tháng 9 năm 2012, http://www.rushlimbaugh.com/daily/2012/09/14/bernanke_sees_the_coming_collapse. Về lập luận rằng đảng Dân chủ cũng dùng từ *chế độ* để miêu tả chính quyền Bush, xem Mark Whittington, "Chris Matthews, Rush Limbaugh, and 'the Regime'", Yahoo, ngày 4 tháng 4 năm 2010, <http://voices.yahoo.com/chris-matthews-rush-limbaugh-regime-5773566.html>.
- ¹¹ "14-Year-Old Radio Host: Obama and Biden Are 'Making Kids Gay'", *Think-Progress*, ngày 6 tháng 6 năm 2012, <http://thinkprogress.org/lgbt/2012/06/06/495860/14-year-old-radio-host-obama-and-biden-are-making-kids-gay/?mobile=nc>; "Caiden Cowger, Conservative Teen Radio Host, Slams President Obama for 'Making Kids Gay'", *Huffington Post*, ngày 6 tháng 6 năm 2012, http://www.huffingtonpost.com/2012/06/06/caiden-cowger-teen-radio-host-gay-obama_n_1574524.html; "Bill Maher Slams GOP: 'You Act Exactly Like 14-Year-Old Boys'", *HuffingtonPost*, ngày 23 tháng 6 năm 2012, http://www.huffingtonpost.com/2012/06/23/bill-maher-slams-gop-you-act-like-14-year-old-boys_n_1621182.htm. Cũng xem thêm *Caiden Cowger Show*, <http://www.caidencowgerprogram.com/stations.html>.
- ¹² Aristotle, *On Rhetoric*, trang 30 (1.1.5).
- ¹³ Stephen Edelston Toulmin, *The Uses of Argument* (Cambridge: Cambridge University Press, 1999), trang 60.
- ¹⁴ "Bill O'Reilly: Mitt Romney, the Truth, and the Folks", *O'Reilly Factor*, Fox News Channel, ngày 18 tháng 9 năm 2012, biên bản ghi lại, <http://www.foxnews.com/on-air/oreilly/2012/09/19/bill-oreilly-mitt-romney-truth-and-folks#ixzz271rJWjH6>.

- ¹⁵ Xem Floyd Norris, “As the U.S. Borrows, Who Lends?” *New York Times*, ngày 21 tháng 9 năm 2012, <http://www.nytimes.com/2012/09/22/business/economy/as-the-us-borrows-who-lends.html>.
- ¹⁶ “Bernanke Sees the Coming Collapse”, *Rush Limbaugh Show*, bản ghi lại, ngày 14 tháng 9 năm 2012, http://www.rushlimbaugh.com/daily/2012/09/14/bernanke_sees_the_coming_collapse.
- ¹⁷ I. F. Stone, “There Should Have Been a Court Martial, Not a Reprisal”. *I. F. Stone’s Weekly*, ngày 15 tháng 2 năm 1965, <http://www.ifstone.org/weekly/IFStonesWeekly-1965feb15.pdf>.
- ¹⁸ Toulmin, *The Uses of Argument*, trang 60.
- ¹⁹ Xem Binyamin Appelbaum, “Cautious on Growth, Bernanke Offers No Hint of New Action”, *New York Times*, ngày 17 tháng 7 năm 2012, http://www.nytimes.com/2012/07/18/business/economy/bernanke-testifies-before-senate-panel.html?_r=0.
- ²⁰ Niall Ferguson, “Hit the Road, Barack: Why We Need a New President”, *Newsweek* và *Daily Beast*, ngày 19 tháng 8 năm 2012, <http://www.thedailybeast.com/newsweek/2012/08/19/niall-ferguson-on-why-barack-obama-needs-to-go.html>.
- ²¹ Jay Rosen, “The View from Nowhere: Questions and Answers”, *PressThink*, tháng 11 năm 2010, <http://pressthink.org/2010/11/the-view-from-nowhere-questions-and-answers/>.
- ²² Ở đây tôi chủ yếu dựa vào các bài phê bình sau về bài viết của Ferguson: James Fallows, “As a Harvard Alum, I Apologize”, *Atlantic*, ngày 20 tháng 8 năm 2012, <http://www.theatlantic.com/politics/archive/2012/08/as-a-harvard-alum-i-apologize/261308/>; Ezra Klein, “The Worst Case Against the Obama Administration”, *Washington Post*, ngày 20 tháng 8 năm 2012, <http://www.washingtonpost.com/blogs/ezra-klein/wp/2012/08/20/the-worst-case-against-the-obama-administration/>; và Paul Krugman, “Unethical Commentary, *Newsweek* Edition”, *New York Times*,

- ngày 19 tháng 8 năm 2012, <http://krugman.blogs.nytimes.com/2012/08/19/unethical-commentary-newsweek-edition/>. Về phản hồi của Neill Ferguson trước các phê bình, xem “Niall Ferguson Defends Newsweek Cover: Correct This, Bloggers”, *Daily Beast*, ngày 21 tháng 8 năm 2012, <http://www.thedailybeast.com/articles/2012/08/21/niall-ferguson-defends-newsweek-cover-correct-this-bloggers.html>, và “Ferguson’s *Newsweek* Cover Rebuttal: Paul Krugman Is Wrong”, *Daily Beast*, ngày 20 tháng 8 năm 2012, <http://www.thedailybeast.com/articles/2012/08/20/newsweek-cover-rebuttal-paul-krugman-is-wrong.html>.
- ²³ Sarah Kliff, “Health Reform at 2: Why American Health Care Will Never Be the Same”, *Washington Post*, ngày 24 tháng 3 năm 2012, http://www.washingtonpost.com/blogs/ezra-klein/post/health-reform-at-2-why-american-health-care-will-never-be-the-same/2012/03/22/gIQA7ssUVS_blog.html.
- ²⁴ Aristotle, *On Rhetoric*, trang 187 (2.22.4). Tham khảo thêm Paul Krugman, “Kinds of Wrong”, *New York Times*, ngày 21 tháng 8 năm 2012, <http://krugman.blogs.nytimes.com/2012/08/21/kinds-of-wrong/>.
- ²⁵ John R. Searle, *Mind, Language, and Society* (New York: Basic Books, 1999), trang 142 và 148–150.
- ²⁶ Trích từ Michael O’Brien, “GOP: Fed Action a Sign of Weak Economy Under Obama”, *NBCnews.com*, ngày 13 tháng 9 năm 2012, http://nbcpolitics.nbcnews.com/_news/2012/09/13/13847770-gop-fed-action-a-sign-of-weak-economy-under-obama?lite.
- ²⁷ “QE3: Bernanke’s Obama Bailout”, *Rush Limbaugh Show*, bản ghi chép lại, ngày 13 tháng 9 năm 2012, http://www.rushlimbaugh.com/daily/2012/09/13/qe3_bernanke_s_obama_bailout.
- ²⁸ Liệu I. F. Stone có bằng chứng rằng vào năm 1965 thì “chế độ miền Nam Việt Nam là điều chúng ta cố gắng áp đặt, trái với nguyện

vọng của người dân ở đó”? Báo chí Mỹ thời đó đã tường thuật một loạt tranh chấp giữa người Mỹ và các đồng minh ở miền Nam Việt Nam, dẫn tới ít nhất một tình huống mà một vị lãnh đạo quân sự Nam Việt Nam khẳng khái nói rằng ông ta sẽ không “thực hiện chính sách của bất kỳ lực lượng nước ngoài nào nữa” (trích từ bài của Peter Grose, “He Defies Taylor”, *New York Times*, ngày 23 tháng 12 năm 1964, <http://select.nytimes.com/gst/abstract.html?res=FA0B1EFB355F147A93C1AB1789D95F408685F9>). Stone đã không trích lại tuyên bố này, nhưng đó chắc chắn là một phần quan trọng trong bài viết của ông ta ít tháng sau đó. Trong những số báo trước đó của *I. F. Stone’s Weekly*, ông đưa ra một số trích dẫn từ một nhà phê bình nước ngoài về cuộc chiến và từ một số thượng nghị sĩ phản chiến ủng hộ quan điểm của ông — những nguồn tin chẳng hề vô tư, nhưng rất quan trọng ở thời điểm mà chẳng mấy quan chức dám nói lên quan điểm chống đối cuộc chiến. Stone cũng đưa vào một số bằng chứng mang tính giai thoại: lá thư do một lính Mỹ gửi về nhà vào ngay trước ngày mà anh ta bị giết, nó được trích trên tờ *Washington Evening Star*, rằng, “Những người này thậm chí chẳng muốn bọn con có mặt ở đây,” cùng với một báo cáo, cũng trên tờ *Star*, về một sự kiện mà tại đó người Việt được trả tiền về những trẻ em hoặc thú vật bị giết trong các chiến dịch của người Mỹ — một sự kiện mà, theo bài viết đó, “gần như mọi gương mặt [của người nhận bồi thường] đều hằn nét căm hận” (bài của I. F. Stone, “The Truth About the Vietnamese War in a Dead U.S. Soldier’s Pathetic Last Letter Home” và “The War’s No End of Fun in Saigon, but Not So Jolly in the Villages”, *I. F. Stone’s Weekly*, ngày 8 tháng 2 năm 1965, <http://www.ifstone.org/weekly/IFStonesWeekly-1965feb08.pdf>). Những ví dụ này là quá mẫu mực — không phải bằng chứng, nhưng lại được ghi nhận như bằng chứng.

²⁹ Mike Levine, tác giả phỏng vấn, ngày 25 tháng 9 năm 2006.

- ³⁰ Michael Slackman, “Voices of Peace Muffled by Rising Mideast Strife”, *New York Times*, ngày 14 tháng 7 năm 2006, <http://www.nytimes.com/2006/07/14/world/middleeast/14assess.html>; Matthai Chakko Kuruvila, “Papal Gaffe Was Setback for Religious Dialogue”, *San Francisco Chronicle*, ngày 24 tháng 9 năm 2006, <http://www.sfgate.com/news/article/NEWS-ANALYSIS-Papal-gaffe-was-setback-for-2487772.php>; Duke Helfand, “For Mayor, Opportunity and Daunting Challenges”, *Los Angeles Times*, ngày 31 tháng 8 năm 2006, <http://articles.latimes.com/2006/aug/31/local/me-mayor31>.
- ³¹ Mobutu Sese Seko, “Barack Obama Is Libya’s Al-Qaida Chief for Hawaii”, *Gawker*, ngày 14 tháng 9 năm 2012, <http://gawker.com/5943334/barack-obama-is-libyas-al+qaida-chief-for-hawaii?tag=america.s-screaming-conscience>.
- ³² Richard Hofstadter, *The Paranoid Style in American Politics, and Other Essays* (Cambridge, Mass.: Harvard University Press, 1965).
- ³³ Trích từ Andrew Kirell, “Rush Limbaugh: Al-Qaeda ‘Gave Up Osama Bin Laden’ to Make ‘Obama Look Good’”, *Mediaite*, ngày 13 tháng 9 năm 2012, <http://www.mediaite.com/tv/limbaughs-new-theory-al-qaeda-gave-up-osama-bin-laden-to-make-obama-look-good/>.
- ³⁴ A. J. Liebling, *The Press* (New York: Ballantine Books, 1964), trang 30.
- ³⁵ Aristotle, *On Rhetoric*, trang 182 (2.21.1).
- ³⁶ Đề xuất Liebling là báo chí, như các trường đại học, nên có các nguồn tài trợ từ bên ngoài (*The Press*, 23–24).
- ³⁷ Louis Menand, phần Lời nói đầu trong tác phẩm của Edmund Wilson, *To the Finland Station* (New York: New York Review of Books, 2003), trang xi.
- ³⁸ Lincoln Steffens, *The Shame of the Cities* (New York: Hill and Wang, 1967), trang 2.

- ³⁹ James Baldwin, phần “Autobiographical Notes”, trong tác phẩm *Notes of a Native Son* (Boston: Beacon Press, 1984), trang 5–6.
- ⁴⁰ James Baldwin, phần “Nobody Knows My Name” trong tác phẩm *The Price of the Ticket: Collected Nonfiction, 1948–1985* (New York: Macmillan, 1985), trang 189.
- ⁴¹ Katherine Boo, *Behind the Beautiful Forevers* (New York: Random House, 2012), trang ix.
- ⁴² Tom Wolfe, “Radical Chic: That Party at Lenny’s”, *New York* magazine, ngày 8 tháng 6 năm 1970, <http://nymag.com/news/features/46170/>.
- ⁴³ I. F. Stone, “It’s Been a Faked Class B Movie from the Beginning”, *I. F. Stone’s Weekly*, ngày 25 tháng 1 năm 1965, <http://www.ifstone.org/weekly/IFStonesWeekly-1965jan25.pdf>.
- ⁴⁴ Xem Norman Mailer, *The Time of Our Time* (New York: Random House, 1998), trang 880. Leslie Savan đã chỉ cho tôi phần trích này.
- ⁴⁵ Xem Norman Mailer, *Armies of the Night* (New York: New American Library, 1968), và *The Executioner’s Song* (1979; New York: Grand Central, 2012).
- ⁴⁶ Rachel Carson, *Silent Spring* (1962; New York: Houghton Mifflin Harcourt, 2002), trang 5.
- ⁴⁷ Các dòng tweet của Nate Silver đăng ở <https://twitter.com/fivethirtyeight/status/249118414663188481>, <https://twitter.com/fivethirtyeight/status/249118835528048641>, và <https://twitter.com/fivethirtyeight/status/249119160381091840>.
- ⁴⁸ Trích từ John Maxwell Hamilton, *Journalism’s Roving Eye: A History of American Foreign Reporting* (Baton Rouge: Louisiana State University Press, 2009), trang 269–270.
- ⁴⁹ Baldwin, “Nobody Knows My Name”, trang 185.
- ⁵⁰ Joan Didion, *Salvador* (New York: Vintage, 1994), trang 17.

- ⁵¹ Joan Didion, “Some Dreamers of the Golden Dream”, trong tác phẩm *Slouching Toward Bethlehem* (New York: Macmillan, 1968), trang 4.
- ⁵² Trích từ Dallas Liddle, “Who Invented the ‘Leading Article’? Reconstructing the History and Prehistory of a Victorian Newspaper Genre”, *Media History* 5, no. 1 (1999): 11.
- ⁵³ Bức biếm họa này đăng ở <http://www.theatlantic.com/daily-dish/archive/2008/11/toles-flawless-response/208985/>.
- ⁵⁴ Liddle, “Who Invented the ‘Leading Article’?” trang 14.
- ⁵⁵ “A Report on Senator Joseph R. McCarthy”, *See It Now*, CBS-TV, ngày 9 tháng 3 năm 1954, bản lưu trữ trực tuyến của Media Resources Center, Moffitt Library, University of California, Berkeley, <http://www.lib.berkeley.edu/MRC/murrowmccarthy.html>.
- ⁵⁶ Trích từ Liddle, “Who Invented the ‘Leading Article’?” trang 13.

7. “NHỮNG KHỐI TRÍ TUỆ LẤP LÁNH”

- ¹ David Carr, “Journalists Dancing on the Edge of Truth”, *New York Times*, ngày 20 tháng 8 năm 2012, http://www.nytimes.com/2012/08/20/business/media/journalists-plagiarism-jonah-lehrer-fareed-zakaria.html?_r=0.
- ² Whitelaw Reid có nói rằng báo chí nên bao gồm các ý tưởng, ngay cả khi ông cho rằng báo chí nên nhấn mạnh vào sự việc trong các bài tường thuật, mặc dù ví dụ ông dùng đã được chứng minh là gây ra tranh cãi: “Xét về khía cạnh tin tức, các ý tưởng vĩ đại của Herbert Spencer cũng quan trọng không kém, bởi vì chúng có thể ảnh hưởng đến triết học trong tương lai, hay kế hoạch của George H. Pendleton về việc trả nợ quốc gia bằng tiền có thể ảnh hưởng đến hành động của đảng Dân chủ” (cuộc phỏng vấn Whitelaw Reid, trích trong tác phẩm của Charles Frederick Wingate, *Views and Interviews on Journalism* [New York: F. B. Patterson, 1875],

trang 26). Cá nhân tôi cũng đã nỗ lực tường thuật các ý tưởng. Ví dụ, hãy xem các bài viết của tôi sau đây: “Jacques Derrida”, *New York Times Magazine*, ngày 23 tháng 1 năm 1994, <http://www.nyu.edu/classes/stephens/Jacques%20Derrida%20-%20NYT%20-%20page.htm>; “The Theologian of Talk: Jurgen Habermas”, *Los Angeles Times Magazine*, ngày 23 tháng 10 năm 1994, <http://www.nyu.edu/classes/stephens/Habermas%20page.htm>; “To Thine Own Selves Be True (Postmodern Psychology)”, *Los Angeles Times Magazine*, ngày 23 tháng 8 năm 1992, <http://www.nyu.edu/classes/stephens/Postmodern%20psych%20page.htm>; và “The Professor of Disenchantment (Stephen Greenblatt and the New Historicism)”, *West*, ngày 1 tháng 3 năm 1992, <http://www.nyu.edu/classes/stephens/Greenblatt%20page.htm>.

- ³ Jeff Zeleny và Jim Rutenberg, “Obama and Romney, in First Debate, Spar Over Fixing the Economy”, *New York Times*, ngày 4 tháng 10 năm 2012, <http://www.nytimes.com/2012/10/04/us/politics/obama-and-romney-hold-first-debate.html?pagewanted=all>.
- ⁴ William Kristol, “A Terrific Debate”, *Weekly Standard*, ngày 3 tháng 10 năm 2012, http://www.weeklystandard.com/blogs/terrific-debate_653528.html.
- ⁵ “The *Daily Dish* by Andrew Sullivan”, trong “25 Blog tốt nhất của năm 2009”, *Time*, ngày 17 tháng 2 năm 2009, <http://www.time.com/time/specials/packages/completelist/0,29569,1879276,00.html>.
- ⁶ Katherine Boo, “Swamp Nurse”, *New Yorker*, ngày 6 tháng 2 năm 2006, http://www.newyorker.com/archive/2006/02/06/060206fa_fact_boo?mobify=0, và “The Churn: Creative Destruction in a Border Town”, *New Yorker*, ngày 29 tháng 3 năm 2004, http://www.newyorker.com/archive/2004/03/29/040329fa_fact?currentPage=all.
- ⁷ Dave Barry, “Ok, Who Stole the Universe?” *Chicago Tribune*, ngày 29 tháng 1 năm 1995, <http://articles.chicagotribune.com/1995->

01-29/features/9501290129_1_astronomers-distant-galaxy-dormitory-environment.

- ⁸ Leslie Stephen, “The Duties of Authors”, trong tác phẩm *Social Rights and Duties*, tập 2 (London: Sonnenschein, 1896), trang 156.
- ⁹ Benjamin Franklin, “The Printer to the Reader”, *Pennsylvania Gazette*, ngày 2 tháng 10 năm 1729, trích trong tác phẩm *Benjamin Franklin: Writings*, biên tập bởi J. A. Leo Lemay (New York: Library of America, 1987), trang 136–137.
- ¹⁰ Stephen Edelston Toulmin, *The Uses of Argument* (Cambridge: Cambridge University Press), trang 60.
- ¹¹ Stephen, “The Duties of Authors”, trang 156.
- ¹² Jay Rosen, Twitter feed, ngày 27 tháng 2 năm 2012, @JayRosen_NYU, https://twitter.com/jayrosen_nyu/status/174281714112270337.
- ¹³ Paul Krugman, “Europe’s Austerity Madness”, *New York Times*, ngày 27 tháng 9 năm 2012, <http://www.nytimes.com/2012/09/28/opinion/krugman-europes-austerity-madness.html?partner=rssnyt&emc=rss>.
- ¹⁴ Xem Mitchell Stephens, “Deconstruction and the Get-Real Press”, *Columbia Journalism Review* 30, số 3 (1991): trang 38–42.
- ¹⁵ “Commentary”, *The Pulitzer Prizes*, <http://www.pulitzer.org/bycat/Commentary>.
- ¹⁶ Ví dụ, trường mà tôi theo học, Học viện Báo chí Arthur L. Carter thuộc Đại học New York, hiện đang cung cấp các nhiều chương trình thạc sĩ chuyên ngành, với các môn học đại cương bao gồm báo chí khoa học, sức khỏe và môi trường, tường thuật về văn hóa, thế giới, kinh doanh và kinh tế. Tất cả các chuyên ngành về báo chí dưới cấp thạc sĩ đều đòi hỏi người học phải hoàn thành một chuyên ngành khác về các môn học đại cương.
- ¹⁷ Về một cách thay thế khác cho việc chia phóng viên đưa tin theo khu vực địa lý, xem Gideon Lichfield, “On Elephants, Obsessions,

and Wicked Problems: A New Phenomenology of News: Goodbye to the Beat”, *News Thing*, ngày 16 tháng 9 năm 2012, <http://newsthing.net/2012/09/16/quartz-obsessions-phenomenology-of-news/>.

- ¹⁸ Để có ví dụ về một tổ chức báo chí tập trung vào việc chia phóng viên theo từng chủ đề phụ trách thay vì khu vực địa lý, xem “Our Current Obsessions”, *Quartz*, n.d., <http://qz.com/about/our-current-obsessions-2/>.
- ¹⁹ Wendy Ruderman và Marc Santora, “2 Siblings Killed in New York City; Nanny Arrested”, *New York Times*, ngày 25 tháng 10 năm 2012, <http://www.nytimes.com/2012/10/26/nyregion/fatal-stabbings-on-upper-west-side-nanny-is-arrested.html?pagewanted=all>.
- ²⁰ Về sự hấp dẫn và giới hạn của những điều bất thường như thế, tham khảo Mitchell Stephens, *A History of News*, ấn bản lần 3 (New York: Oxford University Press, 2007), trang 116–128.
- ²¹ Steven Johnson, *Everything Bad Is Good for You* (New York: Penguin, 2006), trang 14.
- ²² Jürgen Habermas, “The Public Sphere: An Encyclopedia Article”, trong tuyển tập được biên tập bởi Douglas M. Kellner và Meenakshi Gigi Durham: *Media and Cultural Studies: Key Works* (Malden, Mass.: Blackwell, 2002), trang 76, trích lại lời của Karl Bücher.

LỜI CẢM ƠN

Cuốn sách này — một lời kêu gọi về nền báo chí mang tính diễn giải hơn — tự thân nó cũng là một tác phẩm mang tính diễn giải. Tôi may mắn có cơ hội trình bày nhiều lập luận trong sách trước những học giả về báo chí, những nhà phê bình, những người làm nghề báo thành công và sâu sắc — nhất là khi tôi là nghiên cứu sinh tại Trung tâm Joan Shorenstein về Báo chí, Chính trị và Chính sách công tại Trường Kennedy thuộc Đại học Harvard vào mùa xuân 2009. Phần lớn những nghiên cứu trong cuốn sách này được thực hiện ở đó, và tôi hưởng lợi rất nhiều từ nguồn dữ liệu khổng lồ tại Trung tâm Shorenstein, từ những bình luận, hỗ trợ của các đồng nghiệp tại đó, trong đó có thể kể tên Alex S. Jones, Thomas E. Patterson, James O'Shea, Maralee Schwartz, Michael Traugott, Nancy Parker, Edith Holway.

Ngoài ra, tôi cũng đã trình bày những ý tưởng này và nhận được vô số gợi ý, phê bình giá trị tại các hội thảo của Hiệp hội Giáo dục ngành báo chí năm 2009 và 2010, tại Hội thảo Liên hợp các sử gia báo chí tại New York năm 2011, và tại hội thảo “Công nghệ, Truyền thông và Báo chí” ở Saarbrücken, Đức, năm 2013.

Các học trò và đồng nghiệp của tôi tại Học viện Báo chí Arthur L. Carter ở Đại học New York đã không ngừng kiểm nghiệm và củng cố các ý tưởng của tôi về ngành báo chí cùng tương lai của nó. Tôi cũng gửi lời cảm ơn đến Jerry Lanson tại Cao đẳng Emerson vì đã cho phép tôi cố gắng thuyết phục ông (về việc này tôi đã đạt được đôi chút thành công) và vì những gợi ý quan trọng về cách để tôi thuyết phục những người khác nữa! Tôi cảm ơn David Mindich tại Cao đẳng St. Michael về vô số cuộc giao lưu, trò chuyện đầy kích thích — riêng về trò chuyện thì đôi khi diễn ra khi cùng nhau đi xe đạp! Bruce Weaver, hiện đang công tác tại Cao đẳng Albion, đã xem qua và giúp cải thiện cuộc “phiêu lưu” của tôi vào lĩnh vực của ông, thuật hùng biện. Những hiểu biết về lý thuyết của tôi cũng đã được mở rộng nhờ những thảo luận với Jeannette McVicker tại Đại học bang New York, Fredonia.

Hai nhà bình luận ẩn danh đã giúp tôi cải thiện cả bản thảo lẫn tư duy. Tôi cũng rất được lợi khi có một biên tập viên từ Columbia University Press là Philip Leventhal, người có tài năng lớn khi vào vai đại diện của phe ác: các luận điểm trong sách đã được mài sắc, logic được củng cố thêm nhờ các truy vấn của ông.

Tôi may mắn được làm việc với một số nhà nghiên cứu sinh viên tài năng trong dự án này, đầu tiên là John Sillings rất ham học hỏi, chu đáo và luôn luôn tò mò, người mà nói theo tinh thần của cuốn sách là đã đóng góp cả những ý tưởng lẫn dữ kiện quan trọng. Luisa Rollenhagen và Darcy Boynton cũng góp phần nâng tầm những cuộc thảo luận liên quan. Kristin Kelleher giúp tôi trong phần ghi chú, còn Katie Ryder tham gia vào công đoạn cuối để cứu tác giả tránh những sai sót. Những

sai sót còn lại, những điểm yếu trong lập luận, nếu có, hoàn toàn thuộc về tác giả.

Trước đây tôi đã từng viết về tin tức, cùng với lịch sử, tầm quan trọng cũng như những hạn chế của tin tức. Cuốn sách này đã vay mượn một số luận điểm và ví dụ từ cuốn *A History of News* (tạm dịch: *Lịch sử tin tức*, ấn bản lần thứ ba, Oxford University Press xuất bản năm 2007), nhưng lập luận chính của nó thì hoàn toàn khác biệt. Trong cuốn sách này, tôi không nghi ngờ gì về vai trò trung tâm và sự hiện diện khắp nơi của tin tức, nhưng tôi khẳng định rằng nền báo chí tốt nhất trong thế kỷ 21, giống như những gì đã diễn ra với báo chí hồi trước thế kỷ 19, phải xác định được cho bản thân một vai trò lớn hơn, tham vọng hơn, thay vì chỉ đơn thuần tường thuật lại tin tức.

Trong quá trình viết cuốn sách này, tôi cũng đã hoàn thành một hướng dẫn cho các hình thức báo chí mới, một cuốn sách với tựa đề *Journalism Unbound* (sắp xuất bản bởi Oxford University Press). Độc giả của cả hai cuốn sách sẽ thấy rằng chúng có chung một vài luận điểm và nhiều ví dụ. Tuy nhiên, *Journalism Unbound* là một cẩm nang hướng dẫn với phạm vi rộng hơn về các hình thức báo chí mới trong thế kỷ 21, nó được viết ra cho các nhà báo và những ai muốn trở thành nhà báo. Còn cuốn sách mà các bạn đang cầm trên tay lại là một cuộc tranh luận tập trung hơn về ngành báo chí thế kỷ 21, được nhắm tới cả những ai quan tâm đến báo chí và những người đang làm nghề báo.

Vì cuốn sách này suy đoán đôi điều về tương lai, tôi luôn nghĩ tới các con mình, Lauren, Seth và Noah Stephens-Davidowitz, một trong số chúng hiện thời đang viết về báo chí, và tất cả

đều đã từng làm nghề báo và từng được nghe các ý tưởng này, sau đó tham gia đóng góp. Tuy vậy, lòng cảm kích lớn nhất của tôi là dành cho hai nhà báo mà tôi đã cùng chung sống: vợ tôi Esther Davidowitz, và người cha quá cố của tôi Bernard Stephens, một biên tập viên báo, người biên tập đầu tiên và tuyệt vời nhất của tôi.

HƠN CẢ TIN TỨC - TƯƠNG LAI CỦA BÁO CHÍ

Mitchell Stephens

Dương Hiếu - Kim Phụng - Hiếu Trung dịch

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập NGUYỄN MINH NHỰT

Chịu trách nhiệm bản thảo: HUỖN TÔN NỮ KIM TUYẾN

Biên tập và sửa bản in: NGUYỄN THỊ MỘNG XUÂN

Xử lý bìa: BÙI NAM

Trình bày: ĐỖ VẠN HẠNH

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

161B Lý Chính Thắng - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: 39316289 - 39316211 - 38465595 - 38465596 - 39350973

Fax: 84.8.8437450 - E-mail: hopthubandoc@nxbtre.com.vn

Website: <http://www.nxbtre.com.vn>

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, p. Bạch Đằng,

q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: (04)37734544 - Fax: (04)35123395

E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

Công ty TNHH Sách điện tử Trẻ (YBOOK)

161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Tp. HCM

ĐT: 08 35261001 - Fax: 08 38437450

Email: info@ybook.vn

Website: www.ybook.vn

Quyển sách cuốn hút này nói cho chúng ta biết báo chí phải thay đổi như thế nào nhằm phục vụ thời đại và công chúng tốt hơn. Stephens kêu gọi sự diễn giải và sâu sắc, thông minh, và sự soi sáng. ***Hơn cả tin tức*** cung cấp tất cả những điều đó và hơn thế. Kích thích suy nghĩ và là một cuốn sách thú vị để đọc.

— **Geneva Overholser, nghiên cứu sinh cao cấp,
University of Southern California, Annenberg**

Hơn cả tin tức xuất sắc trong việc quay lại quá khứ để tìm ra những mô hình cho tương lai của báo chí.

— **Evan Cornog, đồng biên tập, *Columbia Journalism Review Press*,
và Trưởng khoa Truyền thông, Đại học Hofstra**

Được viết một cách thuyết phục và đầy ắp những ví dụ gây ấn tượng mạnh, ***Hơn cả tin tức*** làm rõ lý do của việc chuyển từ công thức truyền thống 5W như là kim chỉ nam cho nhà báo sang 5I của một ngành báo chí mà Stephens gọi là báo chí trí tuệ: am hiểu, thông minh, có tính diễn giải, sâu sắc, và soi sáng.

— **Loren Ghiglione, Đại học Northwestern**

Với sự sôi nổi và thông minh, Mitchell Stephens lập luận cho một nền báo chí giá trị hơn và tham vọng hơn. Stephens đưa vào những điểm xuất sắc của Benjamin Franklin – người mà ông ngưỡng mộ, viết di dóm một cách sâu cay và thấu suốt sắc sảo. Ông đã khai thác lịch sử Hoa Kỳ lấy ra những giai thoại ấn tượng cho thấy việc đưa tin theo quy ước là không hiệu quả. Ông làm rõ lý do cho thấy việc diễn giải tin tức có thể giải cứu ngành báo chí lẫn các nhà báo chuyên nghiệp; ngoài ra, vì báo chí trí tuệ vừa sản sinh ra vừa đòi hỏi kiến thức, tầm nhìn của ông định hình tiến trình cho việc đào tạo nghề báo.

— **Linda Steiner, Philip Merrill College of Journalism, University of Maryland**



www.ybook.vn/ebook

nxbtre.com.vn